GREEN CLIMATE FUND

DCC
Department of Climate change

UNDP

BÁO CÁO TỔNG QUAN
LỒNG GHÉP GIỚI VÀO KẾ HOẠCH QUỐC GIA THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (NAP)

DỰ ÁN HỖ TRỢ XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH QUỐC GIA VỀ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CỦA VIỆT NAM

Lời cảm ơn và Trích dẫn

Hai chuyên gia tư vấn: Morgane Rivoal (UNDP Việt Nam) và TS. Nguyễn Thanh Thủy đã soạn thảo Báo cáo tổng quan về **Lồng ghép giới vào Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu** cùng với sự hỗ trợ của TS. Đào Minh Khuê (Cục Biến đổi khí hậu, Bộ TN&MT).

Các gợi ý, đề xuất và đóng góp ý kiến của TS. Nguyễn Tuấn Quang, TS. Trần Thị Thanh Nga (Cục Biến đổi khí hậu, Bộ TN&MT), Bùi Việt Hiền (UNDP Việt Nam), Koos Neefjes (Climate Sense), Atty-Roos Ijsendijk (UNDP Viet Nam), , TS. Nguyễn Sỹ Linh (Viện Chiến lược, Chính sách Tài nguyên và Môi trường, Bộ TN&MT), TS. Đỗ Mạnh Cường (Cục Quản lý môi trường y tế, Bộ Y Tế), Nguyễn Thị Yến (CARE quốc tế), Tshering Choden, Jasmin Blessing và Verania Chao (UNDP).

Báo cáo do Rebecca Tsamny (UNDP Việt Nam) biên tập và Nguyễn Thị Kim Anh thiết kế.

Trích dẫn: *Mainstreaming Gender into the National Adaptation Plan (NAP) Process* – Background Report. Rivoal, M., and Nguyen, T.T. (Lead Authors). UNDP Viet Nam 2022.

Thông tin liên hệ:

TS. Trần Thanh Nga trthanhnga@gmail.com và Morgane Rivoal morgane.rivoal@undp.org

Tuyên bố từ chối trách nhiệm

Các quan điểm được trình bày trong báo cáo này là quan điểm của (các) tác giả và không nhất thiết đại diện cho quan điểm của Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP), Bộ Tài nguyên và Môi trường (TN&MT) Việt Nam. Các ký hiệu được sử dụng và việc trình bày tài liệu trên bản đồ trong báo cáo không ngụ ý thể hiện bất kỳ ý kiến nào của Ban thư ký Liên hợp quốc hoặc UNDP liên quan đến tình trạng pháp lý của bất kỳ quốc gia, vùng lãnh thổ, thành phố hoặc khu vực nào, hoặc các cơ quan quản lý, hoặc liên quan đến việc phân định biên giới hoặc ranh giới của các quốc gia, vùng lãnh thổ, thành phố hoặc khu vực đó.

Giới không đồng nghĩa với phụ nữ; mà, giới đề cập đến mối quan hệ giữa phụ nữ và nam giới (tức là những gì đang xảy ra với phụ nữ và với nam giới trong cùng một hoàn cảnh).

Các tác giả công nhận rằng giới là một phổ (spectrum). Tuy nhiên, phần lớn các tài liệu mà báo cáo tham khảo đều sử dụng định nghĩa nhị phân về giới, đề cập đến "nam" và "nữ". Do đó, báo cáo này chủ yếu thảo luận về sự khác biệt giữa phụ nữ và nam giới.

Lời nói đầu

“”...biến đổi khí hậu là mối quan tâm chung của nhân loại, các Bên khi hành động để ứng phó biến đổi khí hậu, cần tôn trọng, thúc đẩy và cân nhắc các nghĩa vụ của mình đối với quyền con người, quyền sức khỏe, quyền của người dân bản địa, cộng đồng địa phương, người di cư, trẻ em, người khuyết tật và người có hoàn cảnh dễ bị tổn thương và quyền được phát triển, cũng như bình đẳng giới, trao quyền cho phụ nữ và bình đẳng giữa các thế hệ.” – theo Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu (2015).

Ngay phần mở đầu Thỏa thuân Paris về biến đổi khí hậu đã đề cập vấn đề bình đẳng giới, qua đó nhấn mạnh bình đẳng giới là một phần không thể thiếu trong ứng phó với biến đổi khí hậu. Thông điệp này lại tiếp tục được khẳng định thông qua Chương trình làm việc Lima 5 năm nâng cao về bình đẳng giới và Kế hoạch hành động về giới vào năm 2019 *“yêu cầu tất cả các bên tham gia tiếp tục đưa thông tin **về tiến độ lồng ghép giới** vào các quy trình trong báo cáo thường kì”.*

Ở phương diện quốc gia, Việt Nam đã có những chính sách, cải cách quan trọng thúc đẩy bình đẳng giới và ứng phó với biến đổi khí hậu. Việt Nam coi thúc đẩy bình đẳng giới là ưu tiên cao nhất trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của đất nước, đồng thời Việt Nam cũng là thành viên tích cực của các thoả thuận quốc tế nhằm thúc đẩy các mục tiêu liên kết này. Quyết định 1055/QĐ-TTg ngày 20/07/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch quốc gia về thích ứng với biến đổi khí hậu 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã nhấn mạnh sự cần thiết phải tăng cường bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ: *“Nâng cao nhận thức, kiến thức về biến đổi khí hậu và thiên tai của các cấp [...], tăng cường năng lực, phát triển nguồn nhân lực nữ, thúc đẩy bình đẳng giới trong thích ứng với biến đổi khí hậu.”*

Theo một số nghiên cứu, biến đổi khí hậu gây ra những ảnh hưởng tiêu cực hơn đối với một số nhóm phụ nữ do những khác biệt về giáo dục, y tế, việc làm, khả năng tiếp cận và làm chủ các nguồn tài nguyên và tài chính, cơ hội tham gia vào quá trình hoạch định chính sách và ra quyết định, phân công lao động... Biến đổi khí hậu có nguy cơ làm giảm cơ hội việc làm được trả lương của phụ nữ và gia tăng những khác biệt này. Bên cạnh đó, vai trò của phụ nữ cũng chưa được nhìn nhận đúng mức. Theo truyền thống, phụ nữ thường được coi là *“nạn nhân”* của các tác động khí hậu và ít được coi là *“đối tượng chủ động trong thích ứng với biến đổi khí hậu”.* Tuy nhiên, phụ nữ đã và đang có những đóng góp tích cực và quan trọng trong việc triển khai các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu. Thực tế cho thấy phụ nữ có khả năng thích ứng và phục hồi sau thiên tai và các hiện tượng thời tiết cực đoan do biến đổi khí hậu gây ra. Tuy nhiên, khả năng thích ứng của phụ nữ cũng phụ thuộc nhiều vào năng lực và điều kiện kinh tế, xã hội và sự hỗ trợ của các cấp quản lý.

Trong bối cảnh đó, Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) và Bộ Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp thực hiện nghiên cứu và xin trân trọng giới thiệu với độc giả ***Báo cáo tổng quan về Lồng ghép giới vào Kế hoạch Quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu (NAP)***, được thực hiện trong khuôn khổ Dự án Hỗ trợ Xây dựng và Thực hiện Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu.

Báo cáo tập trung xem xét các tác động khác biệt về giới của biến đổi khí hậu đối với năm lĩnh vực ưu tiên của Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu: tài nguyên thiên nhiên và môi trường, nông nghiệp, y tế, kế hoạch và đầu tư, và giao thông vận tải. Báo cáo đề xuất “lộ trình lồng ghép giới trong thích ứng với biến đổi khí hậu” với các hoạt động cụ thể nhằm đạt được các mục tiêu đặt ra trong Quyết định 1055/QĐ-TTg ngày 20/07/2020 của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn các Bộ, ngành lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong các quy hoạch ngành. Các đề xuất này góp phần hiệu quả vào việc nâng cao nhận thức về tình trạng dễ bị tổn thương và nhu cầu của phụ nữ, thúc đẩy trao quyền và nâng cao vị thế của phụ nữ trong thích ứng với biến đổi khí hậu. Báo cáo cung cấp thông tin cho quá trình hoạch định, thực hiện, lập ngân sách, giám sát và đánh giá chính sách của quốc gia và các lĩnh vực, cũng như đầu vào cho Báo cáo quốc gia về thích ứng biến đổi khí hậu (Báo cáo NAP).

Bất bình đẳng giới không phải là vấn đề của phụ nữ mà là vấn đề của toàn xã hội. Chúng tôi hy vọng rằng báo cáo này sẽ cung cấp thông tin hữu ích cho các Bộ, ngành trung ương và địa phương, các đối tác phát triển, tổ chức phi chính phủ, các cơ quan trong quá trình xây dựng và triển khai các chính sách, chương trình ghi nhận vài trò của của phụ nữ, góp phần làm giảm tính dễ bị tổn thương và tăng cường khả năng chống chịu cũng như tham gia của phụ nữ vào các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu nói chung và thích ứng với biến đổi khí hậu nói riêng.

Ramla Khalidi
Đại diện thường trú
Chương trình Phát triển Liên hợp quốc

*“Tình trạng dễ bị tổn thương và các rủi ro khí hậu thường được giảm nhẹ thông qua việc xây dựng và thực hiện các luật, chính sách, quy trình và giải pháp một cách cẩn thận nhằm giải quyết các **bất bình đẳng trong những bối cảnh cụ thể như dựa trên giới**, dân tộc, khuyết tật, tuổi tác, vị trí và thu nhập.”*

Theo Báo cáo đánh giá lần thứ sáu (AR6) của WGII, IPCC (2022)

Nguồn ảnh

Lời nói đầu: CreateTravel, Unsplash
Trang dẫn: Pat Whelen, Unsplash
Trang 1: Fre Sonneveld, Unsplash
Trang 4: digitalarbyter, Unsplash
Trang 10: Jean Wimmerlin, Unsplash
Trang 17: Pete Walls, Unsplash
Trang 23: Hoang Vu Tuyen, Unsplash
Trang 25: Jordan Opel, Unsplash
Trang 28, 38, 81, 97: Quang Nguyen Vinh, Pexels
Trang 39: Phan Hoang Phe, Unsplash
Trang 45, 46: Digital Sennin, Unsplash
Trang 54: Abbas Jamie, Unsplash
Trang 66: Kate Ferguson, Unsplash
Trang 70: Doan Tuan, Unsplash
Trang 80: Hitesh Choudhary, Unsplash
Trang 87: Dikaseva, Unsplash
Trang 94: Nikhita Singhal, Unsplash
Trang 103: Anne Lin, Unsplash
Trang 106: Hung Nguyen Viet, Unsplash
Trang 112: Minh Bach Truong, Unsplash

MỤC LỤC

TÓM TẮT 1

A. GIỚI THIỆU CHUNG VÀ CÁC KHÁI NIỆM 11
1. Mục tiêu, phương pháp và hướng dẫn 12
2. Các khái niệm và thuật ngữ chính 14

B.MỐI LIÊN HỆ GIỮA THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ GIỚI 17
1. Tác động của biến đổi khí hậu và dự báo ở Việt Nam 18
2. Bình đẳng giới ở Việt Nam 19
3. Tác động của biến đổi khí hậu lên phụ nữ 21
4. Tác động của biến đổi khí hậu lên dân tộc thiểu số 23
5. Tại sao giới cần lồng ghép giới vào thích ứng với biến đổi khí hậu? 25

C. PHÂN TÍCH LỒNG GHÉP GIỚI TRONG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU Ở VIỆT NAM 28
1. Cam kết của Chính phủ Việt Nam về lồng ghép giới trong các chính sách khí hậu 29
2. Khoảng trống và những tiến bộ trong lồng ghép biến đổi khí hậu và bình đẳng giới 31
a) Những thành tựu và khoảng trống trong chính sách 31
b) Những thành tựu và khoảng trống trong hệ thống quản trị thích ứng với biến đổi khí hậu và bình đẳng giới hiện tại 31
c) Những thành tựu và khoảng trống trong xây dựng và thực hiện chính sách 37

D. PHÂN TÍCH GIỚI CHO CÁC LĨNH VỰC ƯU TIÊN TRONG NAP 38
1. Tài nguyên và môi trường 40
a) Vì sao các cân nhắc về giới cần được xem xét trong thích ứng biến đổi khí hậu của ngành tài nguyên và môi trường? 40
b) Dữ liệu nền và các đánh giá về tình trạng dễ bị tổn thương 40
c) Lồng ghép giới trong các chính sách về khí hậu của Bộ TN&MT 42
d) Khoảng trống về giới, các thách thức và kết quả khảo sát 45
e) Nghiên cứu điển hình về sự đóng góp của phụ nữ trong thích ứng với biến đổi khí hậu trong các lĩnh vực môi trường và tài nguyên nhiên nhiên 46
2. Nông nghiệp và phát triển nông thôn 47
a) Tại sao các cân nhắc giới lại quan trọng với thích ứng với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực nông nghiệp? 47
b) Dữ liệu nền và đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương 48
c) Hiện trạng lồng ghép giới trong Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu – lĩnh vực Nông nghiệp (NAP-Ag) 50
d) Khoảng trống về giới, các thách thức và kết quả khảo sát 53
e) Nghiên cứu điển hình – đóng góp của phụ nữ vào biến đổi khí hậu trong lĩnh vực nông nghiệp 54
3. Y tế 55
a) Tại sao các cân nhắc về sức khỏe lại quan trọng đối với việc thích ứng với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực y tế? 55
b) Dữ liệu nền và đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương 56
c) Hiện trạng lồng ghép giới trong các chính sách khí hậu của Bộ Y tế 59
d) Khoảng trống, thách thức và kết quả khảo sát 62
e) Rà soát kinh nghiệm quốc tế để cung cấp thông tin đầu vào cho kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu của ngành y tế 63
4. Giao thông vận tải 64
a) Tại sao cân nhắc về giới lại quan trọng với thích ứng với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực giao thông vận tải? 64
b) Dữ liệu nền và đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương 65
c) Hiện trạng lồng ghép giới trong các chính sách của Bộ GTVT 68
d) Khoảng trống, thách thức, kết quả khảo sát 69
e) Nghiên cứu điển hình ở Việt Nam – Đóng góp của phụ nữ vào thích ứng với biến đổi khí hậu 70
5. Kế hoạch và đầu tư 71
a) Tại sao lồng ghép giới quan trọng trong thích ứng biến đổi khí hậu trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư? 71
b) Dữ liệu nền, đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương 72
c) Phân tích giới trong các chính sách kế hoạch và đầu tư 73
d) Khoảng trống, thách thức, kết quả khảo sát 77
6. Giáo dục 79

E. KHUYẾN NGHỊ LỒNG GHÉP GIỚI VÀO NAP GIAI ĐOẠN 2021-2030 81
1. Khuyến nghị cho quy trình xây dựng và sửa đổi NAP 82
2. Khuyến nghị chung để thúc đẩy "Lộ trình lồng ghép giới trong NAP" 83
Lĩnh vực ưu tiên A: Nâng cao năng lực, quản lý tri thức và truyền thông 84
Lĩnh vực ưu tiên B: Cân bằng giới, sự tham gia và lãnh đạo của phụ nữ 84
Lĩnh vực ưu tiên C: Phối kết hợp (Coherence) 85
Lĩnh vực ưu tiên D: Thực hiện có đáp ứng giới và biện pháp thực hiện 88
Lĩnh vực ưu tiên E: Giám sát và Báo cáo 89
3. Các biện pháp thích ứng của các ngành nhằm giải quyết các nhu cầu cụ thể của phụ nữ 90
Môi trường và Tài nguyên (Bộ TN&MT) 90
Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Bộ NN&PTNT) 92
Y tế (BYT) 95
Giao thông – vận tải (Bộ GTVT) 97
Kế hoạch và đầu tư (Bộ KHĐT) 100
Giáo dục và truyền thông 101

TÀI LIỆU THAM KHẢO 106

PHỤ LỤC 112

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Các thuật ngữ chính liên nquan đến rủi ro và thích ứng với BĐKH. 14

Bảng 2. Chức năng của các bên liên quan chủ chốt về giới và TƯBĐKH ở Việt Nam 33

Bảng 3. Tóm tắt các chính sách đã rà soát 39

Bảng 4. Danh sách các văn bản chính sách quan trọng liên quan đến biến đổi khí hậu và bình đẳng giới ở Việt Nam 43

Bảng 5. Các chỉ số được đề xuất để theo dõi bình đẳng giới trong quá trình NAP-Ag (2018) 50

Bảng 6. Các mục tiêu xuyên suốt trong các chính sách bình đẳng giới và khí hậu trong lĩnh vực nông nghiệp 51

Bảng 7. Các mục tiêu xuyên suốt trong chính sách y tế và khí hậu 60

Bảng 8. Tỷ lệ (%) phụ nữ làm việc trong các phân ngành giao thông vận tải trong giai đoạn 2010-2019 66

Bảng 9. Các mục tiêu xuyên suốt trong chính sách giao thông và khí hậu 68

Bảng 10. Các mục tiêu xuyên suốt trong các chính sách kế hoạch và đầu tư và khí hậu 75

Bảng 11. Danh sách các Chỉ số Giám sát & Đánh giá được đề xuất (tính đến tháng 6 năm 2022) 92

Bảng 12. Dự thảo Danh sách đề xuất các Chỉ số Giám sát & Đánh giá (tính đến tháng 6 năm 2022) 97

Bảng 13. Danh sách các Chỉ số Giám sát & Đánh giá được đề xuất (tính đến tháng 6 năm 2022) 99

Bảng 14. Nguyên nhân của những khác biệt về giới và các luật liên quan 104

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Minh họa khái niệm rủi ro 15

Hình 2. Các bên liên quan tham gia công tác biến đổi khí hậu ở Việt Nam 32

Hình 3. Các bên liên quan tham gia công tác bình đẳng giới ở Việt Nam 32

Hình 4. Phụ nữ trên đường đi lấy nước xa nhà 68

Hình 5. Các cơ chế quản trị và sắp xếp thể chế đề xuất, ngoài NAP ở Việt Nam 86

Hình 6. Phân nhóm các đối tượng tham gia khảo sát 125

Hình 7. Nhận thức của người tham gia khảo sát về những khác biệt theo giới liên quan tới sinh kế, tác động của BĐKH và năng lực thích ứng của phụ nữ và nam giới 126

Hình 8. Những thách thức đối với việc lồng ghép giới trong thích ứng với BĐKH 127

Hình 9. Cơ chế thể chế và hợp tác 127

Danh mục từ viết tắt

AAC	Liên minh hành động thích ứng toàn cầu
ADB	Ngân hàng Phát triển châu Á
AR6	Báo cáo đánh giá lần thứ sáu
BCA	Bộ Công an
BCT	Bộ Công thương
BĐKH	Biến đổi khí hậu
BGDĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
BLG	Bạo lực giới, Bạo lực trên cơ sở giới
BNG	Bộ Ngoại giao
BNV	Bộ Nội vụ
BTC	Bộ Tài chính
BTP	Bộ Tư pháp
BXD	Bộ Xây dựng
BYT	Bộ Y tế
CARE	Tổ chức CARE
CCWG	Nhóm làm việc về Biến đổi khí hậu
CEDAW	Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ
COP	Hội nghị các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu
DAC	Ban Hỗ trợ phát triển
DCC	Cục Biến đổi khí hậu
DTTS	Dân tộc thiểu số
FAO	Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên Hợp Quốc
GAP	Kế hoạch hành động về Giới
GCF	Quỹ Khí hậu Xanh
GCN QSDĐ	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất
GIZ	Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức
GNRRTT	Giảm nhẹ rủi ro thiên tai
GOL	Phỏng vấn giới (Gender Out Loud)
GoV	Chính phủ Việt Nam
GS&ĐG	Giám sát & Đánh giá
GTVT	Giao thông Vận tải
HPN	Hội Phụ nữ
IPCC	Ủy ban Liên chính phủ về Biến đổi Khí hậu
KH&CN	Khoa học & Công nghệ
KHĐT	Kế hoạch và Đầu tư
KHPT KTXH	Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội
KSMSDC	Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam
KT-XH	Kinh tế - xã hội
LĐTBXH	Lao động, Thương binh và Xã hội

LHQ	Liên hợp Quốc
LRAMP	Dự án Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương
MTPTBV	Mục tiêu phát triển bền vững
MoU	Bản ghi nhớ hợp tác
NAP	Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu
NAP-Ag	Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu- lĩnh vực nông nghiệp
NAP-Sup	Chương trình hỗ trợ Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu
NbS	Các giải pháp thuận tự nhiên
NCCC	Ủy ban quốc gia về biến đổi khí hậu
NCCS	Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu
NDA	Cơ quan được chỉ định quốc gia
NDC	Đóng góp do quốc gia tự quyết định
NHCSXH	Ngân hàng Chính sách – xã hội
NN&PTNT	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
NSGE	Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới
NTP	Chương trình mục tiêu quốc gia
NTP-EMA	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế – xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
NTP-NRD	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới
NTP-RCC	Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu
NTP-SPR	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững
ODA	Viện trợ phát triển chính thức
OECD	Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế
NGO	Phi chính phủ
SKSS/SKTD	Sức khỏe sinh sản/sức khỏe tình dục
TCTK	Tổng cục Thống kê
TEP-A	Quá trình kiểm tra kỹ thuật về thích ứng
TN&MT	Tài nguyên và Môi trường
TƯBĐKH	Thích ứng với biến đổi khí hậu
UBDT	Ủy ban Dân tộc
UBQG VSTBPN	Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ
UNDP	Chương trình Phát triển Liên hợp quốc
UNFCCC	Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu
UNFPA	Quỹ Dân số Liên hợp quốc
UNICEF	Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc
VHTTDL	Văn hóa, Thể thao & Du lịch
WEAVE	Dự án Nâng cao vị thế kinh tế của phụ nữ thông qua thúc đẩy chuỗi giá trị nông nghiệp
WGII	Nhóm làm việc số II
WHO	Tổ chức Y tế Thế giới

TÓM TẮT

Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia dễ bị tổn thương nhất trước tác động của biến đổi khí hậu do có bờ biển dài, đồng bằng trũng thấp và khả năng xảy ra thiên tai ngày càng tăng. Với địa hình phức tạp kết hợp với các điều kiện kinh tế - xã hội không đồng nhất, biến đổi khí hậu tác động tới các vùng khác nhau trên cả nước là không giống nhau. Đồng bằng sông Cửu Long và các vùng đất thấp ven biển khác dễ bị ảnh hưởng bởi mực nước biển dâng và lũ sông nghiêm trọng, trong khi hạn hán đang là mối đe dọa ngày càng tăng ở một số vùng. Hơn nữa, các hiện tượng khí hậu cực đoan đã gia tăng cả về tần suất và mức độ nghiêm trọng.

Việt Nam quan tâm đến vấn đề bình đẳng giới và thực hiện các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu là chương trình nghị sự cao nhất của đất nước và là thành viên tích cực của các thỏa thuận quốc tế nhằm thúc đẩy các mục tiêu này. Các cam kết về khí hậu mà Việt Nam đưa ra tại COP26 đã đánh dấu một bước ngoặt trong chiến lược của Việt Nam nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và có tiềm năng thúc đẩy đất nước hướng tới mô hình phát triển của "*một nền kinh tế xanh [...] bền vững, bao trùm và nhân văn.*"[1] Những nỗ lực liên tục để lồng ghép bình đẳng giới đang từng bước thu được những kết quả đáng kể , được minh chứng bằng chính sách gần đây nhất, Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050 (Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/07/2022 của Thủ tướng Chính phủ), trong đó có nhiệm vụ "*đảm bảo an sinh xã hội và bình đẳng giới*". Nhiệm vụ này tập trung vào nâng cao nhận thức, kiến thức và khả năng tiếp cận vốn cho cán bộ, người dân, hội viên phụ nữ. Bộ Lao động, Thương Binh và Xã hội (Bộ LĐTBXH) chủ trì các nhiệm vụ thích ứng với biến đổi khí hậu liên quan đến bình đẳng giới trong Kế hoạch quốc gia thích ứng với Biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20/07/2020 của Thủ tướng Chính phủ).

Ở Việt Nam, một số nhóm phụ nữ bị ảnh hưởng nhiều nhất trước các tác động của biến đổi khí hậu, do hạn chế trong khả năng tiếp cận giáo dục, y tế, việc làm, tiếp cận và sử dụng và quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên và tài chính, phân công lao động và gánh nặng công việc không được trả lương chưa đồng đều. Biến đổi khí hậu có thể làm những chênh lệch này trở nên sâu sắc hơn và làm giảm cơ hội sinh kế của phụ nữ. Báo cáo hướng tới mục tiêu xác định các khía cạnh khác nhau về giới, cũng như xem xét vai trò, khả năng của phụ nữ, cung cấp thông tin cho việc lập kế hoạch thích ứng với nhạy cảm giới và giảm tình trạng dễ bị tổn thương của phụ nữ trước biến đổi khí hậu. Việc xem xét một cách đa chiều sẽ giúp các nhà hoạch định chính sách tập trung các nỗ lực cho nhóm phụ nữ dễ bị tổn thương nhất trước các tác động của biến đổi khí hậu ở Việt Nam.

Lồng ghép giới trong thích ứng với khí hậu dựa trên sự thừa nhận **rằng hiểu biết về các tác động khác nhau của biến đổi khí hậu đối với nam giới và phụ nữ không chỉ mang lại lợi ích cho phụ nữ mà còn cho toàn xã hội.** Từ đó, hiểu được sự đa dạng của các yếu tố dễ bị tổn thương và rủi ro thông qua việc thu thập dữ liệu phân tách theo giới sẽ tăng cường hiểu biết về các thách thức chính về bình đẳng giới và cung cấp thông tin cho việc xây dựng và thực hiện các giải pháp đem lại hiệu quả về giới và biến đổi khí hậu.

Báo cáo về **Lồng ghép giới vào Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu (NAP)** nhằm góp phần cung cấp những thông tin cần thiết để các chính sáchnhư NAP và Các đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC), được thực hiện và cập nhật đảm bảo đáp ứng nhu cầu của phụ nữ. **Phân tích được thực hiện nhằm xem xét các khoản đầu tư thích ứng có đang xây dựng khả năng phục hồi của phụ nữ, đặc biệt là những phụ nữ ở các cộng đồng dễ bị tổn thương với khí hậu nhất và nghèo nhất hay không.** Do đó, báo cáo này nhằm mục đích đóng góp vào cơ sở tài liệu hiện có bằng cách làm rõ và hoàn thiện hiểu biết về tính dễ bị tổn thương của phụ nữ trong năm lĩnh vực ưu tiên.

Báo cáo đã xác định được một số thách thức và khó khăn. Thứ nhất, số liệu cơ bản về giới còn hạn chế đặt ra những thách thức đáng kể trong việc xác định tình trạng dễ bị tổn thương và mức độ phơi bày cụ thể của phụ nữ. Giới, rủi ro và tính dễ bị tổn thương theo giới thường chỉ được phân tích đánh giá trong lĩnh vực nông nghiệp. Các nghiên cứu về mối quan hệ giữa các hiểm họa khí hậu, tính dễ bị tổn thương và khả năng thích ứng được phân tách theo giới vẫn còn hạn

1 https://en.baochinhphu.vn/full-remarks-by-pm-pham-minh-chinh-at-cop26-11142627.htm

chế. Bên cạnh đó, tồn tại khoảng cách giữa các bộ, các tỉnh thành trong nhận thức, hiểu biết và năng lực (phối hợp) thực hiện các nỗ lực và dự án thích ứng với biến đổi khí hậu và bình đẳng giới.

Những chênh lệch giữa phụ nữ và nam giới, đặc biệt là trong quyền sở hữu đất đai và khả năng tiếp cận tín dụng, cùng với các yếu tố dễ bị tổn thương về môi trường và trình độ học vấn làm giảm khả năng đóng góp hiệu quả của phụ nữ vào thích ứng với biến đổi khí hậu. Do đó, cần có nhiều hơn các chương trình biến đổi khí hậu và phát triển bền vững nhạy cảm giới để giải quyết những vấn đề này.

Thiên tai ảnh hưởng nghiêm trọng đến phụ nữ (đặc biệt là nữ nông dân và phụ nữ ở khu vực nông thôn). Tuy nhiên, phụ nữ, giống như bất kỳ cá nhân nào, không phải lúc nào cũng là 'nạn nhân'. Phụ nữ có khả năng thích ứng và phục hồi sau thiên tai và các hiện tượng thời tiết cực đoan, và mức độ phục hồi của họ cũng sẽ phụ thuộc vào điều kiện kinh tế xã hội, cơ sở hạ tầng và quản lý ở các cấp khác nhau.

Việt Nam đã có những chính sách và cải cách quan trọng để thúc đẩy thích ứng với biến đổi khí hậu và bình đẳng giới. Báo cáo này đã chỉ ra một số điểm giúp Việt Nam tăng cường lồng ghép giới và thúc đẩy các cơ hội bình đẳng giới trong các chính sách khí hậu như sau:

- **Xây dựng mối liên hệ và kết nối giới với khí hậu.** Hiện chưa có cơ chế phối hợp chính thức nào được xây dựng để thúc đẩy hợp tác giữa Bộ LĐTBXH và các bộ ngành khác về biến đổi khí hậu. Bộ LĐTBXH và Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (VWU) không phải là thành viên của Ủy ban quốc gia về Biến đổi Khí hậu, trong khi Bộ TN&MT không phải là thành viên của Ủy ban quốc gia về sự tiến bộ của phụ nữ (UBQGVSTBPN).

- **Xây dựng "Lộ trình quốc gia lồng ghép Giới vào Hành động vì khí hậu" - đưa các nguyên tắc chung về giới vào thực thi chính sách**, phối hợp quản lý, hướng dẫn thực hành, các công cụ nâng cao năng lực, cơ chế tài chính đổi mới, các dự án thí điểm, và cơ chế giám sát và đánh giá.

- **Xây dựng các hướng dẫn lồng ghép giới cho các Bộ ngành và các địa phương trong việc thúc đẩy bình đẳng giới trong thích ứng với biến đổi khí hậu.** Trong khi bình đẳng giới và 'phụ nữ' đôi khi được đề cập đến trong 'các nguyên tắc' hoặc 'tầm nhìn' của các chính sách, tuy nhiên chưa có các văn bản dưới luật và các hướng dẫn thực hành để thực hiện các nguyên tắc này nhằm lồng ghép giới trong các chính sách khí hậu từ trung ương đến địa phương. Các chỉ số để đánh giá tác động khác biệt của biến đổi khí hậu (BĐKH) đối với nam giới và phụ nữ cũng chưa được xây dựng. Ví dụ, các dự án cơ sở hạ tầng cần có các hướng dẫn thực hiện có tính nhạy cảm giới và giúp mở ra các cơ hội để tăng cường bình đẳng trong thiết kế và thực hiện. Hướng dẫn này có thể được xây dựng với sự hỗ trợ kỹ thuật của cả Bộ LĐTBXH và Bộ TN&MT.

- **Tăng cường hợp tác giữa các Bộ để lồng ghép bình đẳng giới trong thích ứng với khí hậu, chia sẻ và thu thập dữ liệu.** Ví dụ, Tổng cục Thống kê (TCTK) thu thập một lượng lớn dữ liệu phân tách giới. Mặt khác, các Bộ có thể được hưởng lợi từ việc phối hợp theo dõi và thu thập các chỉ số giám sát và đánh giá liên quan đến trao quyền cho phụ nữ.

- **Phân bổ các nguồn lực tài chính / kỹ thuật để thu thập dữ liệu phân tách theo giới** và giám sát việc thực hiện các hoạt động, bắt đầu từ các lĩnh vực dễ bị tổn thương nhất, trong và sau khi các dự án, chương trình kết thúc. Thông thường, các hoạt động thu thập và giám sát này bị hạn chế hoặc hoàn toàn không có.

- **Thúc đẩy tăng tỷ lệ nữ lãnh đạo liên quan đến khí hậu ở cấp quốc gia, cấp tỉnh và địa phương** (hiện vẫn thấp hơn nhiều so với nam giới). Hiện nay, không có Sở Tài nguyên và Môi trường (DONRE) hay Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (DARD) của Việt Nam có giám đốc Sở là nữ.

Đây mới chỉ là những phân tích ban đầu về mối quan hệ giữa khí hậu và giới trong lập kế hoạch quốc gia về thích ứng biến đổi khí hậu. Do đó cần tăng cường tài chính về khí hậu và lấy bình đẳng giới làm mục tiêu chính, đặc biệt giải quyết các nhu cầu của phụ nữ.

Ngoài ra, cần phải nâng cao năng lực của các tổ chức phụ nữ cấp cơ sở và tăng cường khả năng tiếp cận tài chính khí hậu của họ. Hiện tại, hầu hết các công cụ và quỹ mới chỉ cung cấp cho số ít phụ nữ. Cần lập báo cáo về kết quả thực hiện và các trường hợp kinh doanh mà bình đẳng giới góp phần vào việc thích ứng với biến đổi khí hậu (TƯBĐKH) hiệu quả hơn. Các kỹ năng về giới cho các cơ quan ra quyết định về biến đổi khí hậu và thiên tai cần được tăng cường.

Ngoài ra, lồng ghép giới vào TƯBĐKH không nên được xem xét một cách riêng biệt mà cần đáp ứng các mục tiêu chính sách tương tự về lồng ghép giới vào các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và/ hoặc lồng ghép TƯBĐKH vào các kế hoạch phát triển của địa phương. Có thể cho rằng một trong những điểm còn tồn tại trong khung chính sách hiện nay là các chính sách còn nhiều và phân tán. Vì vậy, những nỗ lực đạt được trong hai thập kỷ qua trong việc lồng ghép giới, ví dụ như trong các Chương trình mục tiêu quốc gia về dân tộc thiểu số, giảm nghèo và chương trình nông thôn mới cần được ghi nhận và phát huy.

Trong tương lai, Chính phủ Việt Nam có khả năng chỉ tài trợ một phần ba tổng nhu cầu tài chính cho các hoạt động TƯBĐKH được xác định trong NDC, trong khi hai phần ba còn lại sẽ cần được huy động từ các đối tác khác, như các đối tác phát triển quốc tế và khu vực tư nhân (cả công ty quốc gia và công ty đa quốc gia). Do đó, bất kỳ ngân sách nào được phân bổ cho thích ứng đều phải phục vụ các mục tiêu kép là thúc đẩy bình đẳng giới và hành động vì khí hậu.

Báo cáo này là lời kêu gọi hành động của các bộ chủ quản, các đối tác phát triển và tổ chức xã hội cùng hợp lực để đảm bảo rằng không ai bị bỏ lại phía sau trong cuộc chiến hành động vì khí hậu.

Bảng dưới đây bao gồm một số đề xuất hướng tới một lượng lớn các đối tượng, bắt đầu từ các đề xuất ngắn hạn sẽ được sử dụng trong quá trình xây dựng NAP và các Khuyến nghị chung cho **"Lộ trình lồng ghép giới trong hành động vì khí hậu"** dựa vào Kế hoạch hành động về Giới (theo UNFCCC), tiếp theo là các khuyến nghị cho năm lĩnh vực được ưu tiên trong NAP: tài nguyên và môi trường, nông nghiệp và phát triển nông thôn, y tế, giao thông vận tải và kế hoạch và đầu tư. Cuối cùng, báo cáo đưa ra một số đề xuất mang tính chiến lược liên quan tới giáo dục và truyền thông để giải quyết những nguyên nhân cơ bản của những khác biệt về giới. Các khuyến nghị này được giải thích chi tiết trong Phần E.

Đề xuất về lồng ghép giới trong thực hiện NAP

Các khuyến nghị sau đây được đưa ra với mục đích chính là cung cấp thông tin cho việc rà soát, cập nhật Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu (Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20/07/2020), đồng thời thúc đẩy lồng ghép giới trong tất cả các chính sách khí hậu.

Nhóm giải pháp	Các khuyến nghị	Bộ chủ quản được đề xuất
Xây dựng, tham vấn và thực hiện NAP (2022)	Đưa chỉ số 8.2 (% số người và phụ nữ trong các vùng chịu rủi ro do biến đổi khí hậu tham gia các khóa đào tạo nghề và chuyển đổi sinh kế) (Quyết định 148/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ) vào khung hệ thống giám sát và đánh giá của 5 lĩnh vực ưu tiên trong dự án NAP-Sup	Bộ TN&MT
	Thừa nhận tính liên tầng định kiến và bắt đầu phân 'nhóm phụ nữ' để xác định 'các nhóm phụ nữ dễ bị tổn thương nhất' nhằm nắm bắt được các nhu cầu và ưu tiên của phụ nữ	Bộ TN&MT và Bộ LĐTBXH
	Tăng số lượng các quy trình tham vấn chính thức với sự tham gia của Hội LHPNVN và các tổ chức xã hội.	Bộ TN&MT và các bộ chủ quản
	Trình bày các kết quả phân tích giới trong báo cáo này với các bộ chủ quản để lấy ý kiến và chỉnh sửa các khuyến nghị và bắt đầu thảo luận về việc thực hiện	Bộ TN&MT
Những khuyến nghị chung "Lộ trình lồng ghép giới trong hành động khí hậu"	**Lĩnh vực ưu tiên A: Nâng cao năng lực, quản lý tri thức và truyền thông**	
	Mở rộng và tiến hành tập huấn về giới cho tất cả các nhà hoạch định chính sách trong các bộ ngoài các cán bộ đầu mối về giới/khí hậu và các cấp địa phương nhằm tăng cường hiểu biết, nhận thức và các cân nhắc về giới của các bộ	Bộ LĐTBXH
	Lựa chọn mô-đun thông tin về tác động của biến đổi khí hậu đối với giới đưa lên Cổng thông tin thích ứng do Bộ TN&MT thiết lập nhằm nâng cao nhận thức, xây dựng năng lực và nâng cao hiểu biết của các nhà hoạch định chính sách về mối liên hệ giữa giới và biến đổi khí hậu	Bộ TN&MT

Những khuyến nghị chung "Lộ trình lồng ghép giới trong hành động khí hậu" **** Theo Kế hoạch hành động vì giới của UNFCCC**	**Lĩnh vực ưu tiên B: Cân bằng giới, sự tham gia và lãnh đạo của phụ nữ**	
	Áp dụng định mức (ví dụ 15 phần trăm) phụ nữ giữ các chức vụ Giám đốc và Phó Giám đốc Sở TN&MT, Sở NN&PTNT và trong các sở ở cấp tỉnh đối với các bộ cụ thể.	Bộ TN&MT Bộ NN&PTNT
	Tổ chức khác khóa tập huấn cho phụ nữ nông thôn về các kỹ năng mềm với sự tham gia của các Hội liên hiệp phụ nữ và lãnh đạo cộng đồng để tăng cường khả năng chống chịu thiên tai, tăng cường khả năng thích ứng và trao quyền cho phụ nữ	Bộ LĐTBXH Bộ TN&MT Bộ NN&PTNT
	Lĩnh vực ưu tiên C: Phối kết hợp	
	Tăng cường các cơ chế quản trị và tổ chức thể chế để lồng ghép bình đẳng giới vào thích ứng với biến đổi khí hậu	Bộ TN&MT Tất cả các bộ chủ quản
	Thành lập Nhóm công tác kỹ thuật về giới và biến đổi khí hậu (do Bộ TN&MT và Bộ LĐTBXH đồng chủ trì) để chia sẻ kiến thức, điều chỉnh các chương trình và tối đa hóa các nguồn lực kỹ thuật và tài chính.	Bộ TN&MT và Bộ LĐTBXH
	Đưa các khuyến nghị về giới vào Hướng dẫn lồng ghép biến đổi khí hậu trong các chiến lược và quy hoạch hiện đang được cục Biến đổi khí hậu, Bộ Tài nguyên và Môi trường (Điều 93-Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi) xây dựng.	Bộ TN&MT
	Xây dựng các hướng dẫn về giới có liên quan hướng tới các bộ quản lý ngành và các tỉnh trong việc thúc đẩy bình đẳng giới trong các dự án cơ sở hạ tầng để tạo cơ hội tăng bình đẳng giới trong thiết kế và thực hiện	Bộ TN&MT
	Xây dựng các hướng dẫn về giới cho các bộ chủ quản và các tỉnh nhằm thúc đẩy bình đẳng giới trong các dự án cơ sở hạ tầng	Tất cả các bộ chủ quản
	Lĩnh vực ưu tiên D: Thực hiện và biện pháp thực hiện có tính đáp ứng giới	
	Tiến hành Đánh giá rủi ro và tính dễ bị tổn thương với các số liệu phân tách theo giới cho từng lĩnh vực của mỗi ngành.	Tất cả các bộ chủ quản
	Quy định tỷ lệ (%) tối thiểu với các biện pháp thích ứng cần phải tiến hành phân tích giới trong mỗi ngành và yêu cầu bắt buộc tiến hành phân tích giới đối với các dự án ODA về TƯBĐKH	Bộ KHĐT
	Thí điểm lập ngân sách có lồng ghép giới trong các kế hoạch ngành do các Bộ xây dựng và trình Bộ KHĐT và/ hoặc Bộ Tài chính	Bộ KHĐT Bộ TN&MT

Những khuyến nghị chung **"Lộ trình lồng ghép giới trong hành động khí hậu"**	**Lĩnh vực ưu tiên E: Giám sát và báo cáo**	
	Xây dựng kế hoạch chung để hỗ trợ Bộ LĐTBXH xác định Chỉ số GS&ĐG 8.2 và 8.3 nhằm tăng cường thu thập dữ liệu phân tách theo giới một cách hệ thống phục vụ theo dõi và đánh giá tiến bộ trong xây dựng năng lực thích ứng của phụ nữ	Bộ LĐTBXH
	Tăng cường hợp tác giữa các viện nghiên cứu trực thuộc các bộ và TCTK để tăng cường thu thập các dữ liệu phân tách theo giới.	Tất cả các bộ chủ quản
Các khuyến nghị cho từng ngành	**Tài nguyên và môi trường**	**Bộ TN&MT**
	Chia sẻ các nỗ lực của Việt Nam với UNFCCC trong Chương trình làm việc Lima 5 năm nâng cao về bình đẳng giới thuộc UNFCCC, đóng góp và giải quyết các mục tiêu và hoạt động được đưa ra trong LWPG và kế hoạch Hành động về giới được thông qua năm 2019 tại COP25 thông qua thực hiện thích ứng với tính đáp ứng giới ở cấp quốc gia	Bộ TN&MT
	Trao quyền cho thanh niên nâng cao vai trò trong hành động khí hậu ở các cấp quốc gia và cấp tỉnh bằng cách tăng cường hợp tác với Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh để xây dựng năng lực cho nữ Đoàn viên	Bộ TN&MT điều phối tất cả các bộ
	Tăng cường kinh phí nghiên cứu và tìm hiểu mối liên hệ giữa biến đổi khí hậu và giới để nắm bắt, hiểu và giám sát tính dễ bị tổn thương và vai trò của phụ nữ trong đa dạng sinh học và tài nguyên thiên nhiên	Bộ TN&MT điều phối tất cả các bô
	Nông nghiệp và phát triển nông thôn	**Bộ NN&PTNT**
	Điều chỉnh/tăng cường hệ thống GS&ĐG nhạy cảm giới và thu thập các dữ liệu phân tách giới để đánh giá tác động của TƯBĐKH đến phụ nữ	
	Triển khai các Dịch vụ Thông tin Khí hậu mà phụ nữ có thể tiếp cận để tăng cường năng lực thích ứng của phụ nữ	
	Mở rộng quy mô các dự án/Giải pháp dựa vào tự nhiên do phụ nữ lãnh đạo bằng cách củng cố mạng lưới cộng đồng để cải thiện sinh kế của phụ nữ và giảm mức độ phơi bày với các tác động của khí hậu.	
	Bảo tồn tri thức dân tộc thiểu số và phát huy vai trò của phụ nữ với tư cách là người quản lý rừng để góp phần giảm nhẹ tính dễ bị tổn thương của họ.	

Các khuyến nghị cho từng ngành	**Y tế**	**Bộ Y tế**
	Tăng cường hợp tác với các đơn vị nghiên cứu để tăng cường nghiên cứu mối liên hệ giữa sức khỏe và TƯBĐKH, tập trung vào sức khỏe phụ nữ để cung cấp thông tin cho quá trình ra quyết định.	
	Đáp ứng các nhu cầu của phụ nữ mang thai và nuôi con bằng sữa mẹ trong các biện pháp thích ứng với BĐKH nhằm nâng cao sức khỏe bà mẹ - trẻ sơ sinh, tăng cường các biện pháp sức khỏe sinh sản.	
	Thiết kế và thực hiện các chiến dịch có tính nhạy cảm giới để tăng cường nhận thức cộng đồng về các tác động của biến đổi khí hậu đến sức khỏe (tương tự với chiến dịch 5K trong phòng chống COVID-19) để tạo ra những thay đổi trong hành vi, từ đó tăng cường khả năng chống chịu và khả năng thích ứng.	
	Yêu cầu phối hợp liên ngành (giữa Bộ LĐTBXH, Bộ TN&MT và Bộ YT) để thúc đẩy việc áp dụng các thực hành tốt và sổ tay/ bộ công cụ nâng cao năng lực về bình đẳng giới và hỗ trợ ưu tiên các biện pháp và chiến lược xuyên suốt nhằm đảm bảo kết quả sức khỏe tốt hơn cho phụ nữ.	
	Nghiên cứu, đầu tư, quảng bá và phát triển "ngành chăm sóc" thông qua các sáng kiến điển hình trong cộng đồng.	
	Sửa đổi/tăng cường hệ thống GS&ĐG của ngành y tế để có tính nhạy cảm giới.	
	Giao thông vận tải	**Bộ GTVT**
	Tiến hành khảo sát các nhóm phụ nữ để cung cấp thông tin đầu vào cho quy hoạch của ngành giao thông vận tải để đảm bảo các nhu cầu và ưu tiên của phụ nữ được xem xét và các sáng kiến trong lĩnh vực giao thông vận tải có hiệu quả hơn.	
	Mở rộng nghiên cứu và đẩy mạnh truyền thông về giao thông vận tải có nhạy cảm giới để tăng cường hiểu biết của các nhà hoạch định chính sách về mối liên hệ giữa giới, biến đổi khí hậu và giao thông vận tải.	
	Sửa đổi/tăng cường hệ thống GS&ĐG của lĩnh vực giao thông vận tải để có tính nhạy cảm về giới.	
	Kế hoạch và đầu tư	**Bộ KHĐT**
	Xây dựng báo cáo tình hình ngân sách có đáp ứng giới và phân bổ ngân sách cụ thể để lồng ghép giới cho Bộ LĐTBXH và công bố cùng với báo cáo NAP xác định và theo dõi số lượng các hành động thích ứng góp phần làm tăng khả năng chống chịu của phụ nữ.	

	Kế hoạch và đầu tư	**Bộ KHĐT**
Các khuyến nghị cho từng ngành	Xây dựng báo cáo tình hình ngân sách có đáp ứng giới và phân bổ ngân sách cụ thể để lồng ghép giới cho Bộ LĐTBXH và công bố cùng với báo cáo NAP xác định và theo dõi số lượng các hành động thích ứng góp phần làm tăng khả năng chống chịu của phụ nữ.	
	Nâng cao năng lực, vai trò của Cán bộ đầu mối về giới để lập kế hoạch và lập ngân sách thích ứng trong bộ KHĐT để tăng cường năng lực của Bộ về lồng ghép giới.	
	Thí điểm lập ngân sách giới trong các chính sách khí hậu với sự hỗ trợ của bộ KHĐT (đầu tư) và bộ TC (chi thường xuyên) để đánh giá ngân sách đầu tư và chi thường xuyên cho thích ứng và thí điểm theo dõi quỹ cho các tổ chức của phụ nữ và phụ nữ dễ bị tổn thương.	
	Phân bổ ngân sách TƯBĐKH cho Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam để thực hiện các nhiệm vụ/hoạt động tại các tỉnh dễ bị tổn thương nhất với BĐKH để tạo kênh tài trợ thích ứng cho các cộng đồng chịu tác động khí hậu.	
	Sửa đổi/ tăng cường các chỉ số GS&ĐG và thu thập dữ liệu phân tách theo giới liên quan đến tiếp cận, nhu cầu, ra quyết định và lợi ích tài chính.	
	Giáo dục và truyền thông	
Các khuyến nghị dài hạn	Xây dựng và thực hiện các chương trình giáo dục về khí hậu/ giới ở các vùng nông thôn nhằm nâng cao năng lực của phụ nữ trong việc tham gia vào các quá trình ra quyết định ở cấp địa phương và quốc gia.	Tất cả các bộ chủ quản
	Tích cực khuyến khích các nữ sinh theo học đại học các ngành liên quan đến giao thông, kỹ thuật để tăng tỷ lệ nữ làm việc trong các ngành này.	Bộ GDĐT
	Thúc đẩy ý tưởng lồng ghép giới là một "vấn đề xã hội", không phải "vấn đề của phụ nữ" và tìm kiếm các can thiệp thay đổi hành vi xã hội nhằm vào cả nam và nữ.	Bộ LĐTBXH và tất cả các bộ chủ quản
	Hỗ trợ và tạo không gian để tăng cường tầm nhìn của phụ nữ ứng phó với biến đổi khí hậu và dẫn đầu các sáng kiến trong cộng đồng để đóng góp vào các nỗ lực vận động chính sách bằng cách đưa ra các mô hình và câu chuyện mô tả phụ nữ không phải là người 'dễ bị tổn thương' mà là các nhà lãnh đạo khí hậu. Phổ biến rộng dãi chuỗi chương trình "Hậu duệ của Hai Bà Trưng" do UNDP sản xuất.	Tất cả các bộ chủ quản
	Giải quyết các khác biệt về giới có tính hệ thống ví dụ như thông qua sửa đổi Luật lao động để giải quyết các nguyên nhân gốc rễ của tính dễ bị tổn thương.	Tất cả các bộ chủ quản

A. GIỚI THIỆU CHUNG VÀ CÁC KHÁI NIỆM

1. Mục tiêu, phương pháp và hướng dẫn

Mục tiêu của báo cáo

Phân tích giới được thực hiện nhằm cung cấp thông tin cho Báo cáo Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí quốc gia (NAP) và rà soát, cập nhật NAP. Báo cáo nhằm **mục đích hoàn thiện và bổ sung cơ sở dữ liệu hiện có về đánh giá tác động khác biệt về giới của biến đổi khí hậu bằng cách trình bày kiến thức cập nhật theo năm lĩnh vực ưu tiên của NAP: tài nguyên thiên nhiên và môi trường, nông nghiệp, y tế, kế hoạch và đầu tư, và giao thông vận tải.** Báo cáo nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà hoạch định chính sách và những người thực hành lồng ghép bình đẳng giới trong hoạch định và thực hiện chính sách thích ứng với biến đổi khí hậu (TƯBĐKH). Báo cáo cũng thúc đẩy các cuộc thảo luận và khuyến khích các nghiên cứu sâu hơn về lồng ghép giới trong các chính sách khí hậu.

Phương pháp

Báo cáo này được soạn thảo từ tháng 1 đến tháng 9 năm 2022 trong khuôn khổ Dự án hỗ trợ Thực hiện và xây dựng Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu (NAP) (NAP-Sup) do Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) thực hiện và được tài trợ bởi Quỹ Khí hậu Xanh (GCF). Báo cáo bao gồm tổng quan các nghiên cứu và chính sách, phỏng vấn bán cấu trúc, phiếu khảo sát và tham vấn với các bên liên quan. Báo cáo đánh giá những nỗ lực hiện tại nhằm thúc đẩy bình đẳng giới trong TƯBĐKH ở Việt Nam.

Với việc ghi nhận rằng việc xây dựng Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu (NAP) chính là một quá trình chứ không phải một kết quả, là một phần của dự án NAP-Sup, UNDP và Bộ TN&MT đã tổ chức các buổi tập huấn về giới và BĐKH cho cán bộ đầu mối của các Bộ và các địa phương, và các sự kiện truyền thông/tiếp cận đã diễn ra trực tuyến và trực tiếp.

Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC) hướng dẫn lồng ghép giới vào quá trình NAP đã đưa ra ba khía cạnh như sau:

"Một quá trình NAP có đáp ứng giới sẽ tạo ra 3 kết quả: (i) công nhận sự khác biệt giữa nam và nữ trong nhu cầu, cơ hội và năng lực thích ứng; (ii) đảm bảo sự tham gia và ảnh hưởng công bằng của phụ nữ và nam giới trong các quá trình ra quyết định về thích ứng; và (iii) đảm bảo quyền tiếp cận công bằng của phụ nữ và nam giới với các nguồn lực tài chính và các lợi ích khác từ thích ứng". (NAP & UNFCCC, 2019)

Do đó, để lồng ghép giới trong NAP, chúng tôi đã tiến hành đồng thời các bước sau:

Thu thập và phân tích dữ liệu sẵn có: Bước đầu tiên bao gồm nghiên cứu tại chỗ và phân tích các tài liệu để xây dựng hiểu biết về thực trạng kiến thức liên quan đến (thích ứng với) BĐKH và bình đẳng giới. Điều này được thực hiện bằng cách (i) đưa ra các báo cáo tóm tắt nêu mối liên hệ giữa giới và TƯBĐKH trong 5 lĩnh vực: tài nguyên và môi trường, nông nghiệp và phát triển nông thôn, y tế, giao thông vận tải, kế hoạch và đầu tư; (ii) thu thập dữ liệu quốc gia và dữ liệu cơ sở cho từng lĩnh vực về BĐKH và giới. Việc này gồm tiến hành phân tích chi tiết mối liên hệ giữa các chính sách về khí hậu và giới của từng lĩnh vực trong 5 lĩnh vực, cũng như thu thập các nghiên cứu điển hình và thực hành tốt nhất của các dự án/chương trình góp phần nâng quyền của phụ nữ ở Việt Nam; và (iii) xem xét kinh nghiệm thực hiện lồng ghép các cân nhắc về giới vào quá trình lập kế hoạch thích ứng với BĐKH của các nước trên thế giới, đúc kết và lựa chọn các thực hành phù hợp nhất cho Việt Nam.

Quá trình tham vấn: Bước này gồm một danh sách các hoạt động thứ hai: (i) Phỏng vấn các bộ ngành để xác định mức độ Kiến thức, Thái độ và Hành vi (KAP) của cán bộ về giới trong thích ứng với BĐKH để nắm bắt các rào cản, khó khăn hiện tại và các cơ hội; (ii) gửi phiếu khảo sát cho 42 cán bộ ở các tỉnh để tìm hiểu chi tiết hơn về tình hình thực hiện các nhiệm vụ/hoạt động hiện tại và tương lai nhắm đến phụ nữ; và (iii) tổ chức một loạt các cuộc tham vấn với các tỉnh, tổ chức của phụ nữ, cộng đồng do phụ nữ lãnh đạo.

Hai bước đầu tiên này đã giúp nhóm hoàn thiện dự thảo báo cáo đầu tiên, sau đó báo cáo này được chia sẻ rộng rãi để các chuyên gia và các bộ ngành góp ý.

Cuối cùng, UNDP và Bộ TN&MT đã tổ chức một cuộc Đối thoại vào tháng 12 năm 2022 với sự tham gia của các đầu mối của 5 Bộ đại diện cho 5 lĩnh vực nêu trên và Bộ Lao động,Thương bình và Xã hội (bộ LĐTBXH), các tổ chức phi chính phủ (NGO) và tổ chức xã hội do phụ nữ lãnh đạo để thảo luận, đánh giá, xác định thứ tự ưu tiên và thống nhất về các biện pháp ưu tiên tổng thể, cũng như các biện pháp ưu tiên nói chung và cho từng ngành. Hội thảo là khởi đầu cho sự phối hợp giữa các bên nhằm hướng tới một lộ trình chung để thực hiện lồng ghép giới trong triển khai thực hiện các chính sách khí hậu theo các khuyến nghị được đưa ra trong báo cáo này.

Hướng dẫn

Phần B giới thiệu bối cảnh của quốc gia về các tác động của biến đổi khí hậu (quá khứ và tương lai) và nêu bật những nỗ lực của Chính phủ Việt Nam nhằm tăng cường bình đẳng giới và thúc đẩy hành động vì khí hậu. Đồng thời, phần này cũng chỉ ra các tác động khác nhau của biến đổi khí hậu đối với phụ nữ và nam giới và giải thích tại sao cần lồng ghép giới vào thích ứng với biến đổi khí hậu.

Phần C cung cấp một cái nhìn tổng quan cập nhật và toàn diện về những nỗ lực của Việt Nam nhằm thúc đẩy bình đẳng giới và lồng ghép giới trong ứng phó với biến đổi khí hậu, cũng như giới thiệu cơ cấu quản lý hiện tại về khí hậu và bình đẳng giới trong nước, phân tích các khoảng trống và khó khăn.

Phần D đi sâu vào năm lĩnh vực ưu tiên trong chương trình NAP-Sup. Trước hết, phần D nêu rõ mối quan hệ giữa TƯBĐKH và giới trong từng lĩnh vực trước khi giới thiệu kết quả của cuộc đánh giá được thực hiện như một phần của dữ liệu cơ sở và đánh giá tính dễ bị tổn thương, phân tích thực trạng lồng ghép giới vào các chính sách của ngành, sau đó mô tả các nghiên cứu điển hình về phụ nữ tham gia hành động vì khí hậu. Ngành giáo dục cũng được phân tích vì giáo dục đóng một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy bình đẳng giới và môi trường (mặc dù không phải là một trong những lĩnh vực ưu tiên). Mặc dù các phân tích được thực hiện cho sáu lĩnh vực nhưng cần lưu ý rằng các phát hiện và khuyến nghị có thể được áp dụng cho các lĩnh vực khác. Với suy nghĩ này, các tác giả mong đợi những nỗ lực tương tự trong các lĩnh vực khác sẽ được thực hiện tương tự để tiếp tục cung cấp kiến thức và thúc đẩy lồng ghép giới ở Việt Nam.

Phần E đưa ra các khuyến nghị hướng đến các nhà hoạch định chính sách, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức xã hội và các đối tác phát triển, bắt đầu với các khuyến nghị sẽ được sử dụng trong quá trình xây dựng NAP và các khuyến nghị chung cho "Lộ trình lồng ghép giới trong hành động vì khí hậu" sử dụng Kế hoạch Hành động về Giới (GAP) củaUNFCCC), tiếp theo là các khuyến nghị cho từng lĩnh vực trong số năm lĩnh vực.

Nghiên cứu được tiến hành ở Việt Nam từ tháng 1 đến tháng 9 năm 2022 và đã gặp phải một số hạn chế. Đầu tiên, quá trình thu thập dữ liệu sơ cấp cũng như tổ chức điều tra phỏng vấn và hội thảo tập huấn gặp nhiều khó khăn do các hạn chế đi lại liên quan đến COVID-19. Thứ hai, các nghiên cứu xem xét tác động khác biệt về giới của các rủi ro khí hậu ở Việt Nam vẫn còn rất ít. Cuối cùng, theo hiểu biết tốt nhất của tác giả, báo cáo này là báo cáo đầu tiên áp dụng phương pháp tiếp cận hệ thống bằng cách tiến hành phân tích giới cho năm lĩnh vực ưu tiên thích ứng với biến đổi khí hậu. Vì vậy, báo cáo không tránh khỏi thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được các góp ý và khuyến nghị từ độc giả để hoàn thiện báo cáo và tiến hành các nghiên cứu tiếp theo.

2. Các khái niệm và thuật ngữ chính

Các khái niệm liên quan tới thích ứng với biến đổi khí hậu

Một trong những mục tiêu cơ bản của lập kế hoạch thích ứng là giảm nhẹ tính dễ bị tổn thương và rủi ro trước các tác động của biến đổi khí hậu. Trong bối cảnh Việt Nam, đây có thể được hiểu là những cách để bảo vệ và nâng cao sinh kế của những người dễ bị tổn thương nhất. Mối liên hệ giữa các bất bình đẳng và rủi ro khí hậu đã được khẳng định trong tuyên bố của IPCC: "*sự khác biệt về tính dễ bị tổn thương và mức độ phơi bày nảy sinh từ các yếu tố phi khí hậu và từ* ***các bất bình đẳng đa chiều*** *thường được tạo ra bởi các quá trình phát triển không đồng đều. Những khác biệt* ***này hình thành nên các rủi ro khác biệt*** *do biến đổi khí hậu*" (IPCC, 2014).

Các tài liệu khoa học từ lâu đã công nhận giới, cùng với các yếu tố khác, là các nhân tố định hình tính dễ bị tổn thương. Với quan điểm này, báo cáo xem xét các yếu tố thúc đẩy tính dễ bị tổn thương của phụ nữ trước các tác động của biến đổi khí hậu, đặc biệt đối với các lĩnh vực ưu tiên khác nhau của NAP ở Việt Nam (phần D).

Rủi ro được xác định bởi 'hiểm họa', 'mức độ phơi bày' và 'tính dễ bị tổn thương' như được minh họa trong **Hình 1**. Lập kế hoạch thích ứng đòi hỏi phải đánh giá kỹ lưỡng ba khía cạnh này. Do đó, phần này trình bày ngắn gọn các yếu tố quyết định rủi ro liên quan đến giới, đề cập đến thuật ngữ dựa trên các báo cáo của IPCC (**Bảng 1**).

Bảng 1. Các thuật ngữ chính liên quan đến rủi ro và thích ứng với BĐKH

Thuật ngữ	Định nghĩa [2]
Tính dễ bị tổn thương	Xu hướng hoặc khuynh hướng bị ảnh hưởng bất lợi. Tính dễ bị tổn thương bao gồm nhiều khái niệm, cụ thể là tính nhạy cảm hoặc tính dễ bị tổn hại và thiếu khả năng ứng phó và thích ứng.
Mức độ phơi bày	Sự hiện diện của con người, sinh kế, loài sinh vật hoặc hệ sinh thái, chức năng môi trường, dịch vụ và tài nguyên, cơ sở hạ tầng hoặc tài sản kinh tế, xã hội hoặc văn hóa ở những nơi có thể bị ảnh hưởng bất lợi.
Hiểm họa	Khả năng xảy ra một sự kiện hay xu thế tự nhiên hay do con người gây ra hoặc tác động vật lý có thể gây ra thiệt hại về tính mạng, thương tật hoặc các tác động sức khỏe khác, cũng như thiệt hại và tổn thất về tài sản, cơ sở hạ tầng, sinh kế, cung cấp dịch vụ, hệ sinh thái và tài nguyên môi trường.
Tác động	Ảnh hưởng đến hệ thống tự nhiên và con người của các hiện tượng thời tiết và khí hậu cực đoan và biến đổi khí hậu. Đề cập đến các tác động đối với cuộc sống, sinh kế, sức khỏe, hệ sinh thái, nền kinh tế, xã hội, văn hóa, dịch vụ và cơ sở hạ tầng do sự tương tác của BĐKH hoặc các hiện tượng khí hậu nguy hiểm xảy ra trong một khoảng thời gian cụ thể và tính dễ bị tổn thương của một xã hội hoặc hệ thống bị phơi bày. Các tác động của BĐKH đối với các hệ thống địa vật lý, bao gồm lũ lụt, hạn hán và nước biển dâng, là một tập hợp con của các tác động được gọi là tác động vật lý.
Khả năng chống chịu	Năng lực của các hệ thống xã hội, kinh tế và môi trường để đối phó với một sự kiện hoặc xu thế nguy hiểm hoặc xáo trộn, phản ứng hoặc tổ chức lại theo những cách duy trì chức năng, bản sắc và cấu trúc thiết yếu của chúng, đồng thời duy trì khả năng thích ứng, học hỏi và chuyển đổi.
Thích ứng	Quá trình điều chỉnh theo khí hậu thực tế hoặc dự kiến và ảnh hưởng của khí hậu. Trong các hệ thống của con người, sự thích ứng tìm cách tiết chế hoặc tránh gây hại hoặc khai thác các cơ hội có lợi.

2 Nguồn: IPCC, 2014: Biến đổi khí hậu 2014: Tác động, thích ứng và tính dễ bị tổn thương. Phần A: Các khía cạnh toàn cầu và theo ngành. Đóng góp của Nhóm công tác số II vào Báo cáo đánh giá lần thứ năm của Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu.

Các nhóm xã hội khác nhau sẽ bị tác động khác nhau bởi khí hậu, tùy thuộc vào ba thành phần được minh họa trong **Hình 1** dưới đây – tính dễ bị tổn thương, hiểm họa và mức độ phơi bày. Do đó, giảm thiểu tính dễ bị tổn thương là yếu tố chính của quản lý rủi ro thiên tai (QLRRTT) và lập kế hoạch thích ứng.

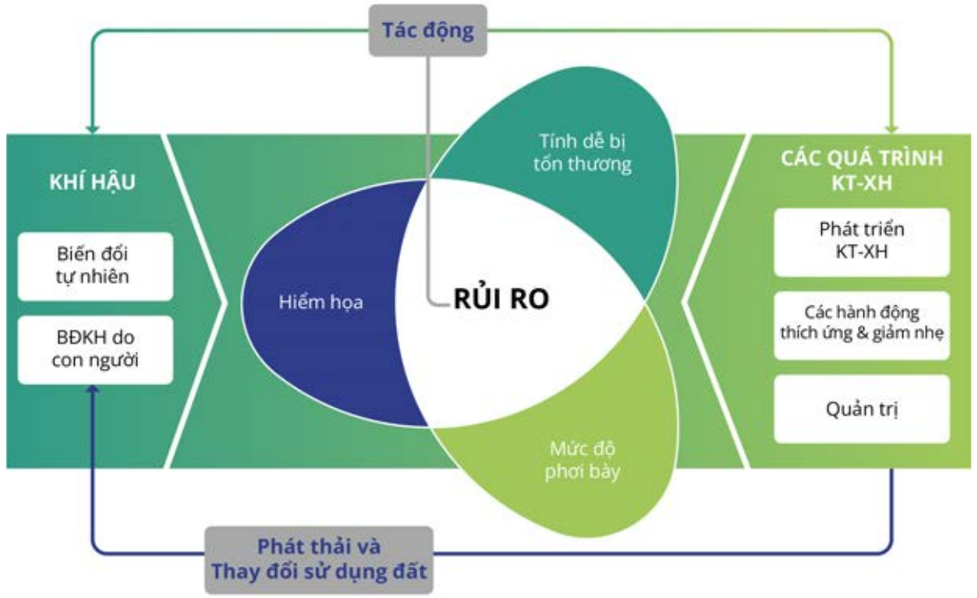

Nguồn: IPCC, 2014

Hình 1. Minh họa khái niệm rủi ro

Cuối cùng, thích ứng không phù hợp (maladaptation) là một khái niệm đã được thảo luận để minh họa các cách thức mà các biện pháp thích ứng tiềm năng có thể thống nhất ảnh hưởng đến các hệ sinh thái tự nhiên khác và các nhóm dễ bị tổn thương nhất.[3] Atteridge (2017) đã tóm tắt các bài báo gần đây cho thấy sự phân bổ lại tính dễ bị tổn thương trong các hệ thống tự nhiên và chính trị phức tạp. Cho rằng thích ứng vốn dĩ sẽ bao hàm sự đánh đổi (trade-off) và tính động (dynamics) của tình trạng dễ bị tổn thương là vô cùng phức tạp, các tác giả khác đã đề cao quan điểm rằng thích ứng không thể tách rời khỏi kinh tế chính trị của việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên (Adger & ccs, 2003). Do các hoạt động thích ứng trong một số trường hợp có thể dẫn đến việc phân bổ lại các rủi ro và / hoặc tính dễ bị tổn thương. Do đó, tính dễ bị tổn thương có thể sẽ tích lũy trong những người và cộng đồng có khả năng thích ứng thấp hơn/ hạn chế. Những đối tượng dễ bị tổn thương nhất bao gồm một số phụ phụ nữ do những bất bình đẳng cơ bản được trình bày chi tiết ở Phần B.

3 Được định nghĩa là "hành động được thực hiện một cách 'hình thức' để tránh hoặc giảm tính dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu có tác động tiêu cực đến hoặc làm tăng tính dễ bị tổn thương của các hệ thống, lĩnh vực hoặc nhóm xã hội khác"

Khái niệm về thích ứng có đáp ứng giới

Thích ứng đáp ứng giới là một quá trình xác định đối tượng sẽ được hưởng lợi từ việc đầu tư vào các nỗ lực khắc phục hậu quả thiên tai và xây dựng khả năng phục hồi (các biện pháp thích ứng được ưu tiên), và các bên tham gia; xem xét các rủi ro khí hậu hiện tại và tương lai ảnh hưởng khác nhau đến phụ nữ và nam giới và lý do của những khác biệt; *'xem xét các mối quan hệ giữa phụ nữ và nam giới, so sánh khả năng tiếp cận và kiểm soát các nguồn tài nguyên của phụ nữ và nam giới cũng như những hạn chế mà họ gặp phải.'*

Các chính sách thích ứng trung lập về giới nhìn chung sẽ không mang lại kết quả trung lập về giới do sự khác biệt giữa nam và nữ, ví dụ như về thời gian, sinh kế, quyền sở hữu đất đai và tài sản, tiếp cận thông tin và công nghệ, giáo dục và các chuẩn mực văn hóa xã hội khác (SNV, 2021). Các ứng phó với biến đổi khí hậu

(bao gồm cả các chính sách về khí hậu) có thể biến thành cơ hội để tăng cường bình đẳng (ít nhất là đảm bảo rằng những khác biệt hiện có không bị trầm trọng thêm). Mặt khác, không có nhạy cảm giới hay xét đến những khác biệt giữa phụ nữ và nam giới thì tác động lên phụ nữ và nam giới có thể là tích cực hay tiêu cực.

Trong bối cảnh đó, phân tích giới trong báo cáo này được thực hiện cho năm lĩnh vực ưu tiên trong quy trình NAP nhằm đảm bảo rằng bất bình đẳng giới ***"không bị trầm trọng thêm bởi các biện pháp can thiệp và thúc đẩy bình đẳng và công bằng hơn trong quan hệ giới bất cứ khi nào có thể"*** (CARE, 2018).

Hướng dẫn kỹ thuật do UNFCCC xây dựng năm 2019 xác định các thuật ngữ chính như sau:

- **Lồng ghép giới được định nghĩa là một quá trình có hệ thống nhằm thực hiện các hành động về giới bằng cách xây dựng cơ sở về giới, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình thiết kế có sự tham gia, xác định các mục tiêu và hoạt động cũng như phát triển hệ thống Giám sát & Đánh giá có tính đáp ứng giới** (Mạng lưới Toàn cầu của NAP & UNFCCC, 2019). Vì phụ nữ và nam giới có những nhu cầu khác nhau và thể hiện những năng lực khác nhau để thực hiện các hành động thích ứng, nên việc hiểu và giải quyết những sự khác biệt này sẽ tạo thành cơ sở cho việc xây dựng NAP có tính đáp ứng giới. Bản thân các quy trình lập kế hoạch và hoạch định chính sách là vô cùng quan trọng và cần phải cho phép tất cả các bên liên quan, bao gồm cả các tổ chức xã hội, có tiếng nói trong quá trình tham vấn (thông qua quy trình ra quyết định có sự tham gia) để đảm bảo sự tham gia và ảnh hưởng bình đẳng giới.

- **Các cách tiếp cận nhạy cảm giới xem xét các chuẩn mực, vai trò và quan hệ giới; tuy nhiên, các cách tiếp cận này không tích cực giải quyết những bất bình đẳng.** Do đó, cách tiếp cận nhạy cảm giới là về nhận thức về sự khác biệt giới, trong khi đáp ứng giới là về hành động để giải quyết bất bình đẳng. Nhạy cảm giới có thể được coi là một bước hướng tới đáp ứng giới.

- **Các phương pháp tiếp cận đáp ứng giới xem xét và tích cực giải quyết các định kiến, vai trò và bất bình đẳng giới.** Các phương pháp này vượt xa các phương pháp tiếp cận nhạy cảm với sự khác biệt về giới, tích cực tìm cách thúc đẩy bình đẳng giới, thường bao gồm các hành động cụ thể để trao quyền cho phụ nữ trong gia đình và cộng đồng của họ cũng như các quy trình lập kế hoạch và chính sách rộng lớn hơn (UNFCCC, 2019).

B. MỐI LIÊN HỆ GIỮA THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ GIỚI

1. Tác động của biến đổi khí hậu và dự báo ở Việt Nam

Việt Nam là một trong những quốc gia dễ bị tổn thương nhất trước biến đổi khí hậu (BĐKH) do có bờ biển dài, đồng bằng trũng thấp làm tăng mức độ phơi bày với hiểm họa. Địa hình vô cùng đa dạng kết hợp với điều kiện kinh tế - xã hội không đồng đều làm cho tác động của BĐKH ở các khu vực trên cả nước là không giống nhau. Đồng bằng sông Cửu Long và các vùng đất thấp ven biển khác dễ bị ảnh hưởng do nước biển dâng và lũ lụt nghiêm trọng, trong khi hạn hán cũng đang là mối đe dọa gia tăng ở một số vùng.

Các hiện tượng thời tiết cực đoan đã gia tăng về cả tần suất và độ nghiêm trọng trong những năm vừa qua. Số cơn bão mạnh đổ bộ vào Việt Nam có xu hướng tăng trong thời gian qua. Nhiệt độ cao nhất và thấp nhất tăng ở hầu hết các khu vực của Việt Nam với số ngày nóng tăng phổ biến từ 3 đến 5 ngày trong 1 thập kỉ. Mưa cực trị giảm mạnh ở đồng bằng Bắc Bộ và tăng đáng kể ở khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Từ năm 1961 đến năm 2018, mực nước biển tăng trung bình 2,7 mm/năm (Bộ TN&MT, 2020). Đồng bằng sông Cửu Long, nơi sinh sống của hơn 17 triệu người và sản xuất hơn một nửa sản lượng gạo của cả nước, bị xâm nhập mặn nghiêm trọng.

Trong giai đoạn 1958-2018, nhiệt độ trung bình hàng năm đã tăng 0,890C, với khu vực Tây Nguyên có mức tăng nhiệt độ cao nhất. Sự thay đổi lượng mưa hàng năm khác biệt lớn giữa các khu vực và các vùng sinh thái nông nghiệp. Miền Bắc có xu hướng giảm lượng mưa (1 – 7%) trong khi miền Nam tăng (6 – 21%), dẫn đến tình trạng hạn hán không đồng nhất giữa các vùng.

Việt Nam phải đối mặt với các tác động của BĐKH trong tương lai vượt quá khả năng thích ứng của mình, và một số ngành, nhóm kinh tế - xã hội, và khu vực có mức độ phơi bày và tính dễ bị tổn thương cao. So sánh với giai đoạn nền (1986-2005), theo kịch bản phát thải RCP 4.5 thì tới năm 2050 nhiệt độ trung bình hàng năm trên cả nước tăng từ 1,2 đến 1,7oC và từ 1,6 đến 2,4 tới năm 2100; số ngày nắng nóng sẽ tăng trên cả nước và chủ yếu ở khu vực duyên hải Bắc Trung Bộ, đồng bằng Bắc Bộ và Nam Bộ, trong khi hạn hán sẽ gia tăng ở khu vực Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên và giảm ở khu vực phía Nam. Theo kịch bản RCP 4.5 thì mực nước biển sẽ tăng trung bình 55 cm (từ 34 đến 81 cm) tới năm 2100 (Bộ TN&MT, 2020).

Lượng mưa năm có xu hướng tăng trên cả nước với mức tăng từ 10 đến 15% đến năm 2050[4]**.** Mưa 1 ngày lớn nhất sẽ tăng từ 20 đến 30% và ở khu vực phía Bắc, mưa 1 ngày lớn nhất có thể tăng từ 30 đến 40% tới năm 2100. BĐKH sẽ làm thay đổi tần suất, độ nghiêm trọng và hình thái của các hiện tượng thời tiết cực đoan. Điều này dẫn tới sự gia tăng của các trận bão mạnh và tập trung vào cuối mùa bão. Nhìn chung, thời gian xảy ra hạn hán có xu hướng tăng ở phần lớn các khu vực của Việt Nam.

Trong 16 năm qua (2006-2021), thiên tai liên quan đến khí hậu ở Việt Nam đã làm hơn 5.000 người chết và mất tích, thiệt hại về tài sản trên 14 tỷ đô la Mỹ (VNDMA, 2022). Đặc biệt, tổng số người chết và mất tích lên tới 436 người và ước tính thiệt hại về kinh tế là hơn 2,6 tỷ đô la Mỹ trong năm 2017. Theo dự báo của Ngân hàng Thế giới (2022), tác động của biến đổi khí hậu có thể khiến Việt Nam thiệt hại tổng cộng 400-523 tỷ đô la Mỹ Vào năm 2050. Chi phí do tác động của BĐKH ở Việt Nam dự kiến sẽ tăng từ khoảng 6% tổng sản phẩm quốc nội (GDP) vào năm 2022 lên 9,8 (RCP2.6) hoặc 12,3% GDP (RCP4.5) vào năm 2050 (World Bank, 2022). Nói cách khác, chi phí do các thảm họa khí hậu có thể tăng khoảng hai phần trăm mỗi năm.

Biến đổi khí hậu đã và đang ảnh hưởng đến hàng triệu người dân Việt Nam, với những tác động tiêu cực đến cuộc sống của họ cả về mặt kinh tế và xã hội. Ví dụ, các đợt rét đậm và nắng nóng có ảnh hưởng trực tiếp đến tỷ lệ tử vong (GEMMES, 2021). **Biến đổi khí hậu làm trầm trọng thêm tình trạng bất bình đẳng và củng cố tình trạng các nhóm dễ bị tổn thương nhất trong xã hội bị gạt ra bên lề; nói cách khác, nó có vai trò như một hệ số nhân của các mối đe dọa và bất bình đẳng** (IPCC, 2022). Tình trạng dễ bị tổn thương của con người và hệ sinh thái chịu sự ảnh hưởng của một loạt các yếu tố như bất bình đẳng, điều kiện kinh tế-xã hội và tình trạng yếu thế, trong đó bất bình đẳng giới là

4 Các tác động được xác định theo kịch bản RCP 4.5 và so sánh với giai đoạn nền 1986-2005.

nguyên nhân quan trọng gây ra tình trạng dễ bị tổn thương (IPCC, 2022).

Tác động của biến đổi khí hậu đến năm lĩnh vực ưu tiên trong Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu (NAP) ở Việt Nam được phân tích và nhấn mạnh dưới lăng kính giới trong phần D.

2. Bình đẳng giới ở Việt Nam

Việt Nam được xếp hạng tương đối cao về Chỉ số Phát triển Giới (dựa trên tỷ lệ phân tách theo giới của Chỉ số Phát triển Con người – HDI).[5] Với giá trị của chỉ số HDI là 0,703 tính cho phụ nữ và 0,705 tính cho nam giới, Việt Nam nằm trong Nhóm 1 những quốc gia có mức độ bình đẳng cao trong kết quả HDI giữa phụ nữ và nam giới (HDR, 2020). Việt Nam đứng thứ 65 trong số 162 quốc gia được tính Chỉ số Bất bình đẳng Giới (0,296), là chỉ số đo lường 3 loại chỉ tiêu: sức khỏe, trao quyền, và hoạt động kinh tế.[6]

Phụ nữ tham gia lãnh đạo

Tỷ lệ phụ nữ lãnh đạo rất quan trọng. Tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội tại các nhiệm kỳ Quốc hội đã tăng nhẹ từ 26,2% trong nhiệm kỳ 1997-2002 lên 30,3% trong nhiệm kỳ 2021-2026 (TCTK, 2021). Đến năm 2020, 40% các bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan chính phủ có lãnh đạo chủ chốt là nữ (TCTK, 2021). Tuy nhiên, chỉ có 3 phụ nữ trong tổng số 27 thành viên chính phủ đang giữ vị trí Bộ trưởng và tương đương (cụ thể là Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam).

Tỷ lệ phụ nữ lãnh đạo ở cấp tỉnh thường thấp hơn nam giới rất nhiều. Tính đến tháng 6 năm 2022, không Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (DARD) hay Sở Tài nguyên và Môi trường (DONRE) ở bất kỳ tỉnh nào trong số 63 tỉnh của Việt Nam có giám đốc Sở là nữ. Ở địa phương, tỷ lệ nữ đại biểu Hội đồng nhân dân cũng tăng từ 20% trong nhiệm kỳ 1999-2004 lên mức bình quân cấp xã, huyện và tỉnh là 29% trong nhiệm kỳ 2021-2026 (TCTK, 2021). Mặc dù tỷ lệ phụ nữ được bầu tại Quốc hội và Hội đồng nhân dân tăng, kết quả của Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công của Việt Nam (PAPI) cho thấy sự thiên vị vẫn còn ở cấp thôn bản, nơi việc bỏ phiếu cho phụ nữ vẫn chưa phổ biến (PAPI, 2021). Các ứng cử viên nam có cơ hội được bầu làm trưởng thôn cao hơn 2-3% so với phụ nữ.

Mặc dù, Việt Nam đã đã được nhiều thành tựu trong bình đẳng giới, việc phụ nữ ít tham gia đã hạn chế việc xây dựng và thực hiện các chính sách nhạy cảm về giới và các kế hoạch thích ứng tại địa phương do phụ nữ lãnh đạo.

Phụ nữ trong nền kinh tế Việt Nam

71,8% phụ nữ và 81,9% nam giới tham gia lực lượng lao động trong năm 2019 (TCTK, 2021). Tỷ lệ phụ nữ đảm nhiệm các vị trí quản lý trong các ngành kinh tế thấp hơn nhiều so với nam giới, đặc biệt là ở khu vực tư nhân trong nước, nơi mà năm 2019, phụ nữ chỉ chiếm 20,2% trong số các nhà quản lý (UN Women, 2021).

Nhìn chung, phụ nữ có nhiều khả năng làm việc trong khu vực kinh tế phi chính thức và các điều kiện bấp bênh, chẳng hạn như có 5 triệu phụ nữ là 'lao động gia đình' vào năm 2019 (so với 2,7 triệu nam giới) (TCTK, 2021). Kết quả khảo sát từ PAPI cũng chỉ ra rằng phụ nữ quan tâm về công việc/ việc làm của họ hơn nam giới, thể hiện tình hình kinh tế còn hạn chế của phụ nữ, trong khi nam giới quan tâm hơn đến tăng trưởng kinh tế của đất nước (PAPI, 2021).

Về tiền lương, vẫn còn chênh lệch đáng kể, mặc dù khoảng cách giới giảm từ 33,5% năm 2017 xuống 29,5% năm 2019 (TCTK, 2021).

Theo báo cáo trong Khảo sát mức sống dân cư (KSMSDC) năm 2014**, tỷ lệ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đứng tên chung cả vợ lẫn chồng đã tăng đáng kể từ năm 2004 đến năm 2014** (Buchhave, 2020). Trong đó, tỷ lệ đất trồng trọt đứng tên chung cả 2 vợ chồng tăng từ 11,6 lên 38,3% trong khi tỷ lệ đất ở đứng tên chung cả 2 vợ chồng tăng từ 15,7 lên 55,6% (Buchhave, 2020).[7]

Trung bình, số giờ làm các việc nhà của phụ nữ nhiều gấp đôi nam giới. Cụ thể, phụ nữ trong độ tuổi lao động dành 20,2 giờ/tuần để làm các việc nhà không lương (ví dụ: dọn dẹp nhà cửa, giặt giũ, nấu nướng và đi chợ/mua sắm, chăm sóc gia đình, và chăm sóc con cái) trong khi nam giới trong độ tuổi lao động chỉ dành 10,7 giờ/tuần để làm các việc này trong năm 2019 (ILO, 2021). Sự khác biệt đáng kể này ảnh hưởng đến năng lực của phụ nữ về quản lý thời gian, phát triển kỹ năng và cơ hội việc làm, đồng thời chỉ ra sự tồn tại của các định kiến về giới.

Trung bình, chỉ có 12% trẻ em dưới 3 tuổi được đi học tại các cơ sở mẫu giáo và nhà trẻ, tỷ lệ này cao hơn ở khu vực thành thị (TCTK, 2021). Điều này đồng nghĩa với việc phụ nữ nói chung và phụ nữ nông thôn nói riêng phải dành thời gian chăm sóc trẻ nhỏ và có ít thời gian hơn để làm các công việc tạo thu nhập.

Giáo dục

Nhìn chung, Việt Nam đã đạt được thành tựu trong phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở với tỷ lệ dân số biết chữ đạt 95,7% vào năm 2019 (TCTK, 2021). Tuy nhiên, 66,4% phụ nữ trưởng thành có trình độ học vấn từ trung học cơ sở trở lên, tỷ lệ này thấp hơn nhiều so với nam giới (78,2%) (TCTK, 2021). Lưu ý rằng trình độ học vấn là động lực chính của năng lực thích ứng, đây là điều cực kỳ quan trọng đối với việc lập kế hoạch thích ứng. Tuy nhiên, một số nhóm đang bị tụt lại phía sau, ví dụ như với các dân tộc thiểu số, chỉ có 76,2% phụ nữ biết đọc so với tỷ lệ này ở nam giới là 87,6% vào năm 2018. Ngoài ra, tỷ lệ biết chữ của phụ nữ trên 60 tuổi thấp hơn tỷ lệ biết chữ của nam giới trong cùng độ tuổi (tương ứng 87,6% và 95,4%), trong khi tỷ lệ này ở những người từ 15 đến 59 tuổi khá tương đồng (tức là, 96% so với 97%) (TCTK, 2021).

Tất cả các yếu tố bao gồm vị trí địa lý, dân tộc, tuổi tác và tình trạng khuyết tật kết hợp với các bất bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới làm tăng tính dễ bị tổn thương của phụ nữ và có thể hạn chế phụ nữ tiếp cận các dịch vụ thông tin khí hậu hoặc học các kỹ năng mới giúp tăng cường khả năng thích ứng của họ.

Sức khỏe và vai trò của phụ nữ trong gia đình

Trong khi tỷ lệ thai phụ tử vong ở Việt Nam (43/100.000) thấp hơn của khu vực Đông Á và Thái Bình Dương (73,1/100.000), tỷ suất sinh trong độ tuổi vị thành niên (10-17 tuổi) của Việt Nam lại cao hơn ở khu vực Đông Á và Thái Bình Dương (30,9 so với 22,1) (HRD, 2020). Sức khỏe bà mẹ đã được nâng cao với tỷ lệ tử vong mẹ giảm từ 69 xuống còn 46 ca tử vong trên 100.000 ca sinh sống trong giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2019 (TCTK, 2021). Sức khỏe sinh sản được cải thiện cùng với việc giảm tỷ lệ tử vong mẹ nhưng tỷ lệ tử vong ở khu vực miền núi có điều kiện kinh tế thấp và hạn chế tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe có chất lượng vẫn ở mức cao là 100-150 ca tử vong trên 100.000 ca sinh sống vào năm 2019 (UNFPA, 2021).

Bạo lực giới

Mặc dù Việt Nam đã đạt được một số kết quả quan trọng trong thực hiện bình đẳng giới với các chỉ số được trình bày ở trên, bạo lực giới (BLG) vẫn còn tồn tại. Tính đến năm 2019, 62,9% phụ nữ Việt Nam đã từng bị bạo lực về tình dục, tình cảm, kinh tế và thể chất trong đời và 31,6% đã từng bị bạo lực trong 12 tháng qua (UNFPA, 2019). BLG cũng bao gồm bạo lực thể chất dẫn đến *'một trong 10 vụ thương tích cần được điều trị y tế do bạo lực thể chất và / hoặc tình dục gây ra'* (UN Women, 2021).

Khoa học và công nghệ

Nam giới có bằng cấp về khoa học, công nghệ, kỹ thuật, và toán học (STEM) nhiều hơn phụ nữ. Kết quả phỏng vấn 236 nam sinh và 226 nữ sinh ở Việt Nam được thực hiện bởi ILO năm 2016 cho thấy tỷ lệ nam sinh theo học các ngành kỹ thuật, xây dựng, khoa học, toán, thống kê và công nghệ truyền thông thông tin chiếm khoảng 40% tổng số nam sinh được điều tra trong khi tỷ lệ này ở nữ là 14% (ILO, 2016). **Trung bình, nam giới sử dụng Internet nhiều hơn nữ giới (56,3% so với 46%) trong năm 2016 và 2018** (Nguyễn, 2021).

5 Chỉ số phát triển giới (GDI) đo lường bất bình đẳng giới trong kết quả của 3 chiều cạnh phát triển con người cơ bản: sức khỏe (đo bằng tuổi thọ kỳ vọng khi sinh của nữ và nam), giáo dục (đo bằng số năm đi học kỳ vọng của trẻ em gái và trẻ em trai, và số năm đi học trung bình của phụ nữ và nam giới trưởng thành từ 25 tuổi trở lên) và việc kiểm soát các nguồn lực kinh tế (đo bằng Tổng thu nhập quốc dân ước tính trên đầu người của nữ và nam).

6 Chỉ số Bất bình đẳng Giới cho thấy mức giảm về tiềm năng phát triển con người của do sự bất bình đẳng giữa các kết quả của nữ và nam trong 3 chiều cạnh này. 0 là phụ nữ và nam giới bình đẳng, và 1 là bất bình đẳng.

7 GCNQSDĐ được phân loại thành đất trồng cây, đất nông nghiệp khác (đất rừng và đất cho mục đích sử dụng khác như nuôi trồng thủy sản) và đất ở. GCNQSDĐ có tên cả vợ và chồng được gọi là GCN đứng tên chung cả 2 vợ chồng.

Nghiên cứu gần đây phát hiện rằng phụ nữ có xu hướng sử dụng điện thoại thông minh ít hơn nam giới (nam là 67,5% so với nữ là 60,6%) và họ có xu hướng sử dụng "dịch vụ công nghệ tài chính (fintech)" nhiều hơn (Morgan, 2020).

Việc gia tăng sử dụng internet và điện thoại thông minh thúc đẩy khả năng tiếp cận nguồn tài nguyên miễn phí và sẵn có về biến đổi khí hậu và TƯBĐKH. Sự phát triển của khoa học và công nghệ chỉ có thể làm giảm khoảng cách giới nếu cả phụ nữ và nam giới đều có quyền truy cập và năng lực (hiểu biết về kỹ thuật số) ngang nhau để sử dụng các công cụ kỹ thuật số đó.

Những thay đổi sâu sắc do Cách mạng công nghiệp 4.0 mang lại, như việc phát triển công nghệ với sự hiện diện của máy móc, rô bốt và công nghệ thông tin tại nơi làm việc đòi hỏi lao động có kiến thức và kỹ năng cao hơn để vận hành máy móc và thực hiện công việc. Trong khi đó, các chuẩn mực/định kiến xã hội lại hạn chế phụ nữ theo học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học. Do đó, những chênh lệch giữa phụ nữ và nam giới trong lao động, đặc biệt là những công việc có lương cao, sẽ ngày càng lớn.

Việt Nam là một trong những quốc gia có tốc độ già hóa nhanh trên thế giới, được dự báo đến năm 2035 sẽ trở thành một "xã hội già" (Glinskaya, 2021). Kể từ năm 2009, dân số trên 60 tuổi ngày càng gia tăng đáng kể cả về số tuyệt đối và tương đối; từ 7,45 triệu người vào năm 2009 (8,69% dân số) lên 12 triệu người vào năm 2019 (12,34% dân số) (TCTK, 2021). Các dự báo chỉ ra rằng dân sẽ nhóm dân số này sẽ đạt 30 triệu vào năm 2055 và duy trì ở giá trị này đến cuối năm 2069 (GSO, 2020a). Tuy nhiên, chỉ có 35% nhóm dân số này sẽ vẫn làm việc, trong đó phần lớn họ được xem như là "những lao động dễ bị tổn thương' và họ tham gia lao động gia đình hay tự kinh doanh.

Quá trình chuyển đổi nhân khẩu học này có ý nghĩa sâu sắc đối với phụ nữ, và việc áp dụng cách tiếp cận nhạy cảm giới trong các chính sách là điều tất yếu. Thứ nhất, độ tuổi là một yếu tố quyết định của tình trạng dễ bị tổn thương, do đó việc tăng số phụ nữ cao tuổi đòi hỏi các hành động thích ứng có mục tiêu và nhạy cảm giới. Thứ hai, đến năm 2050, tỷ lệ người cao tuổi trên 65 tuổi trong dân số sẽ đạt 23% ở khu vực nông thôn, và 15% ở khu vực thành thị (Glinskaya, 2021). Hầu hết họ sống với con cái, 70% ở thành thị và 62% ở nông thôn sống với con cái trong năm 2016 (Glinskaya, 2021). Điều này có thể làm tăng gánh nặng/áp lực đối với phụ nữ trong việc thực hiện "dịch vụ chăm sóc không lương", và sẽ làm giảm thời gian của phụ nữ để làm các công việc được trả lương (Glinskaya, 2021). Trên thực tế, tất cả phụ nữ từ 20 đến 49 tuổi đều nói rằng "trách nhiệm nội trợ" là lý do chính khiến họ không đi làm (trong khi lý do nam giới nêu là tình trạng tàn tật và không có khả năng tìm việc làm). Cuối cùng, việc các cặp vợ chồng trẻ di cư để tìm kiếm các cơ hội kinh tế tốt hơn thường dẫn đến gia tăng gánh nặng công việc chăm sóc lên vai của ông bà (và đặc biệt là phụ nữ (các bà)), điều này một lần nữa hạn chế họ tiếp cận "các cơ hội làm việc phi nông nghiệp", làm giảm khả năng họ được tham gia các hoạt động xã hội, bao gồm cả tập huấn, ngoài thôn/bản (Glinskaya, 2021).

3. Tác động của biến đổi khí hậu lên phụ nữ

Các tác động của biến đổi khí hậu không trung lập về giới. Biến đổi khí hậu tác động lên các nhóm dễ bị tổn thương không giống nhau (IPCC, 2022; UNFCCC, 2022). Do sự bất bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới về giáo dục, y tế, việc làm, tiếp cận và kiểm soát các nguồn tài nguyên và tài chính, cũng như sự tham gia các quá trình ra quyết định và chính sách, các tác động hiện tại và tương lai của biến đổi khí hậu đến phụ nữ sẽ nghiêm trọng hơn. Hơn nữa, tính dễ bị tổn thương tương đối của các cá nhân sẽ được xác định bởi khả năng phục hồi sinh kế, khả năng 'tự bảo vệ', mức độ bảo trợ xã hội mà phụ nữ được hưởng và quản trị tổng thể như quan hệ quyền lực và môi trường thể chế (UN & Oxfam, 2009).

Phần 2 đã chỉ ra những khác biệt vẫn tồn tại giữa nam và nữ ở Việt Nam trong tất cả các thành phần cấu thành 'tài sản vốn' ((chính trị xã hội, vốn con người, tài chính, gia đình, v.v.). Số phụ nữ trong nhóm dân số nghèo cao hơn nam giới đồng nghĩa với việc phụ nữ có nhiều khả năng bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu hơn nam giới. Phụ nữ, giống như bất kỳ cá nhân nào, không thể chỉ được coi là 'nạn nhân'; họ có khả

năng hành động và phục hồi sau thiên tai, và mức độ phục hồi của họ cũng sẽ phụ thuộc vào điều kiện kinh tế, xã hội và quản trị ở các cấp khác nhau (UN & Oxfam, 2009).

Ở các vùng nông thôn của Việt Nam, tỷ lệ phụ nữ tham gia sản xuất nông nghiệp ngày càng lớn, nơi có nhiều nguy cơ gia tăng hạn hán và thay đổi lượng mưa. Hơn nữa, số phụ nữ được chứng nhận quyền sử dụng đất ít hơn nam giới trong khi Sinh kế của nữ nông dân phụ thuộc nhiều vào các tài nguyên thiên nhiên nhạy cảm với khí hậu. **Biến đổi khí hậu tác động tiêu cực đến tiến trình thực hiện bình đẳng giới và đặc biệt là chênh lệch tiền lương theo giới được dự báo sẽ tăng 0,6%** theo kịch bản RCP 2.6 và lên 1,9% theo kịch bản RCP 8.5 vào năm 2100 (so với giai đoạn nền 1986-2005) (GEMMES, 2021). Nghiên cứu này cũng cho thấy nhóm người cao tuổi làm việc trong ngành nông, lâm, ngư nghiệp với số giờ lao động ít hơn do nhiệt độ hoặc lượng mưa tăng và lương theo giờ giảm 20%. Khi nhiệt độ tăng lên, phụ nữ được cho là làm việc nhiều hơn nhưng họ cũng kiếm được ít hơn (GEMMES, 2021). Phần lớn các hộ do phụ nữ làm chủ hộ có khả năng thích ứng với BĐKH kém hơn, vì họ thường tụt hậu so với nam giới trong tiếp cận các dịch vụ thông tin, công nghệ và tín dụng (GEMMES, 2021).

Thiên tai có khả năng làm gia tăng sự dịch chuyển của phụ nữ sang khu vực phi chính thức, điều này sẽ làm trầm trọng thêm điều kiện kinh tế và tình trạng dễ bị tổn thương của họ (UNDP, 2013). Mặc dù đã đóng góp đáng kể vào các nỗ lực ứng phó với thiên tai, nhưng vai trò của phụ nữ thường không được công nhận. Điều này là do thiếu sự tham gia của phụ nữ với vai trò lãnh đạo trong các Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cũng như thực tế là các tổ chức này do nam giới chiếm đa số và thường được tiếp cận với thông tin chính xác và phù hợp hơn (UNDP, 2009).

Theo truyền thống, phụ nữ và trẻ em gái chịu trách nhiệm về các công việc gia đình liên quan đến nước cho gia đình họ (ví dụ: giặt giũ, nấu nướng và chăm sóc tất cả các thành viên trong gia đình), thường phải đi những quãng đường dài để lấy nước sạch. Khi nguồn nước trở nên khan hiếm hơn, khối lượng công việc cung cấp nước cho hộ gia đình của phụ nữ tăng lên. Dành nhiều thời gian để lấy nước đã hạn chế các cơ hội xã hội và giáo dục của phụ nữ. Năm 2019, chỉ có 12,33% lao động nữ nông thôn được đào tạo nghề, so với 17,04% của nam giới (TCTK, 2021). Sức khỏe của phụ nữ cũng nhạy cảm hơn với tình trạng thiếu nước so với nam giới do nhu cầu về nước sạch của họ mang thai (UN Women, 2021).

Nhìn chung, phụ nữ sở hữu ít tài sản tài chính hơn nên phương tiện và khả năng thích ứng để ứng phó với BĐKH của phụ nữ thấp hơn nam giới. Do thiếu kiểm soát đối với tài sản thế chấp (chẳng hạn như đất đai), phụ nữ gặp khó khăn trong việc tiếp cận các khoản vay (UN Women, 2021). Do gánh nặng của công việc nhà làm giảm cơ hội sinh kế của phụ nữ và đồng nghĩa với việc phụ nữ không phải lúc nào cũng được tiếp cận thông tin như nam giới. Bên cạnh đó, số lượng phụ nữ nắm giữ các vị trí quản lý ở tất cả các cấp chính sách ít nên TƯBĐKH và giảm nhẹ rủi ro thiên tai (GNRRTT) có thể vô tình làm gia tăng bất bình đẳng kinh tế xã hội do không tính đến các nhu cầu và vấn đề của phụ nữ.

Kể từ năm 2009, một số báo cáo đã xem xét mối quan hệ giữa giới và biến đổi khí hậu, và cách thức mà biến đổi khí hậu ảnh hưởng tới nam giới và phụ nữ (UN & Oxfam, 2009; UN Women, 2021; GIZ, 2022) và báo cáo của Tổ chức Bình đẳng giới và Trao quyền cho Phụ nữ của Liên hợp quốc (UN Women) cung cấp một danh sách cụ thể các vấn đề và kiến nghị về bình đẳng giới và biến đổi khí hậu ở Việt Nam. Tuy nhiên, vẫn còn thiếu các nghiên cứu khoa học xem xét các tác động khác nhau của biến đổi khí hậu đối với nam giới và phụ nữ. Hầu hết các báo cáo và tài liệu được xem xét là các nghiên cứu định tính, thu thập các cuộc điều tra quy mô nhỏ (dự án) và kinh nghiệm của các nước.

Ngoài ra, vẫn tồn tại sự chênh lệch lớn theo dân tộc, độ tuổi, địa bàn, và trình độ học vấn của các hộ gia đình; trên thực tế, mức độ phơi bày và tính dễ bị tổn thương được tạo thành từ các đặc điểm khác ngoài giới, và cần phải ghi nhận các đặc điểm này khi xây dựng, hình thành một phân tích đa chiều và chính xác hơn (Kuran, 2020).

4. Tác động của biến đổi khí hậu lên dân tộc thiểu số

IPCC đã chỉ ra 'liên tầng định kiến'của các yếu tố kinh tế xã hội góp phần thúc đẩy các yếu tố dễ bị tổn thương, tăng cường mức độ phơi bày và năng lực thích ứng của các cá nhân ngay từ năm 2012 (IPCC, 2012). Nhận định này đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc giải quyết sự khác biệt về giới, sự khác biệt trong các nhóm và sự khác biệt liên quan đến các yếu tố khác. Do đó, phần dưới đây sẽ nhấn mạnh các rào cản cụ thể mà phụ nữ các dân tộc thiểu số phải đối mặt và ảnh hưởng tới tình trạng dễ bị tổn thương của phụ nữ.

Việt Nam là nơi sinh sống của 54 dân tộc với dân tộc Kinh chiếm phần lớn dân số của quốc gia. Năm 2019, 53 dân tộc thiểu số, chiếm 14,1 triệu người tương ứng với 14,7% tổng dân số Việt Nam (TCTK, 2020c). Phần lớn những người sống trong tình trạng nghèo cùng cực ở Việt Nam thuộc các nhóm dân tộc thiểu số (DTTS). Mặc dù chỉ 2,8% người Kinh được coi là nghèo đa chiều vào năm 2020, nhưng sự khác biệt lớn vẫn tồn tại giữa các nhóm DTTS (ví dụ: 1,6% người Tày và 45,1% người H'mông vào năm 2020) (UNDP, 2021).

Phần lớn các nhóm DTTS sống ở các tỉnh bị ảnh hưởng bởi khí hậu nhiều nhất và ở các vùng sâu vùng xa, ít được tiếp cận với cơ sở hạ tầng cơ bản. Thiên tai và các hiện tượng thời tiết cực đoan, chẳng hạn như lũ quét, bão, hạn hán, xâm nhập mặn và thời tiết thất thường, đe dọa an ninh lương thực, đặc biệt là đối với nông dân sản xuất nhỏ. Phụ nữ DTTS thường phải chịu gánh nặng phục hồi sau thiên tai. BĐKH đang đẩy nhanh chu kỳ tiêu cực này, vốn được xác định là một trong những nguyên nhân cơ bản chính gây ra đói nghèo cho các nhóm DTTS (World Bank, 2009). Khả năng thích ứng của các nhóm DTTS để khắc phục tình trạng mất sinh kế do thiên tai chưa cao khiến họ có nguy cơ rơi vào tình trạng nghèo cùng cực và tiếp tục cản trở phát triển kinh tế ở các nhóm DTTS. Họ cũng bị hạn chế tiếp cận thị trường và dịch vụ tài chính, cản trở khả năng phục hồi nhanh chóng và hạn chế các lựa chọn chiến lược thích ứng.

Chương trình mục tiêu quốc gia về Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020[8] **và 2012-2015**[9], (trong đó Chương trình 135 nhắm đến các xã nghèo nhất ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi), **đã xem việc ưu tiên phụ nữ như một nguyên tắc cơ bản.** Điều này được thể hiện trong thiết kế của chương trình, theo đó nội dung đề cập đến phụ nữ là 'đối tượng được ưu tiên', cụ thể như sau: ***'ưu tiên cho các hộ nghèo dân tộc thiểu số và phụ nữ thuộc hộ nghèo.'*** Trong khi các chương trình mục tiêu quốc gia này được coi là 'nhạy cảm giới', mặc dù thiếu cơ chế lồng ghép giới, Chương trình Mục tiêu Quốc gia về các vấn đề dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2030[10] đã tạo nên một bước tiến lớn khi là một trong mười dự án của chương trình nhằm ***'Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết các vấn đề cấp bách của phụ nữ và trẻ em'*** (CARE, 2020).

Các yếu tố văn hóa, kinh tế, xã hội và thể chế văn hóa và sự chênh lệch giữa phụ nữ và nam giới đồng nghĩa với việc **việc phụ nữ DTTS dễ bị tổn thương do BĐKH và thiên tai hơn nam giới DTTS và người Kinh.** Phụ nữ dân tộc thiểu số có trình độ đọc viết và hiểu biết tiếng Việt thấp hơn phụ nữ Kinh (World Bank, 2017). Chủ yếu sống ở các vùng nông thôn và vùng sâu vùng xa, phụ nữ dân tộc thiểu số đặc biệt bị ảnh hưởng bởi sự khan hiếm tài nguyên thiên nhiên, điều này càng tạo thêm gánh nặng cho họ, vì họ thường là những người chịu trách nhiệm lấy nước và củi trong các nhóm nghèo. Trình độ học vấn hoặc trình độ ngôn ngữ có thể cản trở phụ nữ DTTS tham gia các khóa tập huấn do các tổ chức đoàn thể và tổ chức phi chính phủ (NGO) thường được giảng dạy bằng tiếng Kinh.

Tình trạng tảo hôn và trình độ học vấn thấp vẫn phổ biến trong các nhóm dân tộc thiểu số. 12,6% phụ nữ ở nông thôn trong độ tuổi từ 20 đến 24 đã kết hôn hoặc chung sống với bạn tình trước 18 tuổi trong khi tỉ lệ này là 3,7% ở thành thị (TCTK, 2019). Tỷ lệ tảo hôn rất phổ biến trong các DTTS với tỉ lệ trên 40% như là dân tộc Hrê, Lô Lô và Xinh Mun. Đặc biệt tỉ lệ tảo hôn đạt giá trị lớn nhất,, lên tới 48,5% với dân tộc H'Mông (TCTK, 2019). Kết hôn sớm được các DTTS coi là một giải pháp để giải quyết với các vấn đề tài chính (UNICEF & UNFPA, 2018). Do đó, nguy cơ tảo hôn ngày càng gia tăng trong bối cảnh biến đổi khí hậu. 31/53 DTTS có tình trạng 100% số người tảo hôn không có trình độ chuyên môn kỹ thuật (UBDT, 2019). Điều này có thể cản trở họ tiếp cận các nguồn thông tin về BĐKH và các dịch vụ khí hậu cũng như nhận thức được về rủi ro BĐKH. Kiến thức hạn chế của chủ hộ đồng nghĩa với việc khả năng ứng phó của họ để hỗ trợ bản thân và các thành viên trong gia đình trước những thay đổi khí hậu và thiên tai còn thấp, cũng như việc lan tỏa thông tin về khí hậu từ chủ hộ đến các thành viên trong gia đình họ. Điều này làm cho toàn bộ hộ gia đình dễ bị tổn thương hơn trước tác động của các hiện tượng thời tiết cực đoan do BĐKH gây ra.

8 https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Quyet-dinh-1722-QD-TTg-Chuong-trinh-muc-tieu-quoc-gia-Giam-ngheo-ben-vung-giai-doan-2016-2020-321229.aspx

9 https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Quyet-dinh-1489-QD-TTg-nam-2012-phe-duyet-Chuong-trinh-muc-tieu-quoc-gia-149216.aspx

10 https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Dau-tu/Quyet-dinh-1719-QD-TTg-2021-Chuong-trinh-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-vung-dan-toc-thieu-so-491217.aspx?anchor=muc_2

5. Tại sao giới cần lồng ghép giới vào thích ứng với biến đổi khí hậu?

Trên phạm vi quốc tế, các Bên tham gia UNFCCC đã công nhận tầm quan trọng của việc tham gia bình đẳng giới trong các quá trình của UNFCCC và trong việc xây dựng và thực hiện các chính sách khí hậu quốc gia có trách nhiệm với giới, bằng cách thiết lập một mục chương trình chuyên biệt theo Công ước giải quyết các vấn đề về giới và biến đổi khí hậu.[11] Thỏa thuận Paris (2021) đề cập cách tiếp cận mà các Bên nên thực hiện để tôn trọng quyền của các nhóm dễ bị tổn thương trong **tất cả các chính sách hành động vì khí hậu:**

*"Thừa nhận rằng biến đổi khí hậu là **mối quan tâm chung của nhân loại**, các Bên khi hành động để giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu, cần tôn trọng, thúc đẩy và cân nhắc các nghĩa vụ của mình đối với quyền con người, quyền sức khỏe, quyền của người dân bản địa, cộng đồng địa phương, người di cư, trẻ em, người khuyết tật và người có hoàn cảnh dễ bị tổn thương và **quyền được phát triển, cũng như bình đẳng giới, trao quyền cho phụ nữ và bình đẳng giữa các thế hệ**."*

Mối quan hệ giữa bình đẳng giới và biến đổi khí hậu đang trở thành chủ đề trọng tâm trong trong các khung và đối thoại chính sách BĐKH. **Hơn 97% NAP do các quốc gia đệ trình lên UNFCCC đề cập ít nhất một lần đến 'phụ nữ'.**

IPCC khẳng định rằng những khác biệt trong khả năng thích ứng của nam giới và phụ nữ là hệ quả của các bất bình đẳng về xã hội, môi trường, kinh tế và văn hóa. Phân tích những khác biệt này sẽ giúp hiểu, giải thích và nắm bắt được mức độ phơi bày khác nhau đối với rủi ro, tình trạng dễ bị tổn thương. Do đó các hoạt động được thực hiện để ứng phó với các tác động khí hậu được định nghĩa là 'các hành động vì khí hậu'ở cấp chính sách hay trong cộng đồng phải có đáp ứng giới. Nếu các hoạt động này không xem xét các vấn đề về giới, chúng sẽ có nguy cơ không đạt hiệu quả. Sự phân công lao động không đồng đều và các chuẩn mực văn hóa và tín ngưỡng khiến phụ nữ dễ bị tổn thương với BĐKH hơn nam giới và làm suy giảm khả năng thích ứng của họ.

Việc phân biệt tác động của khí hậu đối với nam giới và phụ nữ không chỉ mang lại lợi ích cho phụ nữ, mà còn hữu ích cho toàn xã hội, gồm cả nam giới. Việc hiểu được tính đa dạng của tình trạng dễ bị tổn thương và rủi ro, ví dụ qua việc thu thập dữ liệu phân tách giới, sẽ cải thiện hiệu quả của các chính sách và hoạt động. Ví dụ, một nghiên cứu gần đây tìm hiểu về mối liên hệ giữa các ca nhập viện vì rối loạn tâm thần và sóng nhiệt đã phát hiện ra rằng tỷ lệ nhập viện vì rối loạn tâm thần ở nam giới cao hơn phụ nữ 3 lần trong các đợt sóng nhiệt (tỷ lệ này cũng cao hơn đối với người dân ở khu vực nông thôn và người cao tuổi). Sự chênh lệch đáng kể về giới này bắt nguồn từ một số yếu tố như: nam giới dành nhiều thời gian ở ngoài trời hơn nữ giới, ngoài ra, nam giới có tỷ lệ cao hơn về tiêu thụ rượu bia, và tai nạn giao thông dẫn đến tổn thương não ở nam giới Việt Nam (Trang, 2016).

Một số chiến lược và kế hoạch của các ngành có thể được thiết kế mà không xem xét đến nhu cầu của phụ nữ - trung lập về giới. Tuy nhiên, tiêu chuẩn hiện tại là 'nam giới', vì vậy trung lập có nghĩa là không có tính nhạy cảm về giới, điều này có nguy cơ làm trầm trọng thêm tình trạng bất bình đẳng giới (Perez, 2019). Các chính sách nông nghiệp hoặc giao thông được định hình bởi các thể chế và quy trình không bình đẳng về giới (tức là tỷ lệ phụ nữ ở các vị trí lãnh đạo thấp hơn nam giới) và chúng được xây dựng dựa trên cơ sở các tài liệu khoa học chủ yếu là các nhà nghiên cứu nam giới.

Biến đổi khí hậu có khả năng làm chậm quá trình phát triển kinh tế - xã hội và có tác động sâu sắc đến tất cả các MTPTBV, trong đó có MTPTBV 5 về Bình đẳng giới. Trong bối cảnh này, các hành động thích ứng có tiềm năng mang lại một số đồng lợi ích về việc làm, sức khỏe, bình đẳng giới và phục hồi đa dạng sinh học.

Ở Việt Nam, ngay từ năm 2008, Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu (NTP-RCC) đã nhấn mạnh:

"Ứng phó với biến đổi khí hậu được thực hiện trên nguyên tắc phát triển bền vững, bảo đảm tính hệ thống, tổng hợp, liên ngành, vùng, liên vùng, bình đẳng giới, xóa đói, giảm nghèo."

Ở Việt Nam, vẫn còn khoảng cách giới đáng kể giữa nam và nữ trong tiếp cận giáo dục, khả năng biết đọc biết viết, và cơ hội tạo thu nhập. Những khoảng cách về giới này đã tạo thành một tập hợp các rào cản, bên cạnh các định kiến và tín ngưỡng, làm tăng tính dễ bị tổn

11 Tổng quan các cân nhắc về giới trong các chính sách khí hậu quốc tế được trình bày ở Phụ lục 1. Toàn văn Công ước khung của LHQ về BĐKH được xem tại đây.

thương của phụ nữ trước tác động của BĐKH. **Sự chênh lệch giữa nam và nữ trong quyền sở hữu đất đai và tiếp cận tín dụng kết hợp với tình trạng dễ bị tổn thương về môi trường và trình độ học vấn thấp** thì sẽ làm giảm khả năng phụ nữ đóng góp hiệu quả vào công tác TƯBĐKH. Điều này đặc biệt đúng đối với phụ nữ nông thôn có sinh kế phụ thuộc nhiều vào tài nguyên thiên nhiên, và các hộ do phụ nữ làm chủ hộ - khi mà phụ nữ vừa phải đảm nhận các nhiệm vụ trong gia đình, vừa phải tham gia các hoạt động sinh kế và tạo thu nhập (UNDP 2019). Vì vậy, cần xóa bỏ khoảng cách giới, giúp phụ nữ và trẻ em gái nhận ra vai trò của mình trong TƯBĐKH.

Phần lớn các nhà hoạch định chính sách từ các sở chủ quản tham gia hai cuộc điều tra diễn ra trong hội thảo NAP (vào 24 tháng 5 năm 2022 và 1 tháng 6 năm 2022) đều cho rằng ***"Tính dễ bị tổn thương và rủi ro khí hậu thường được giảm thiểu thông qua việc xây dựng và thực hiện các luật, chính sách, quy trình và can thiệp nhằm giải quyết sự chênh lệch trong xã hội về giới, dân tộc, khuyết tật, tuổi tác, vị trí và thu nhập"*** (**Phụ lục 6**). Tuy nhiên, không phải tất cả những người trả lời phỏng vấn nắm rõ về tình trạng bình đẳng giới và các tác động khác nhau của biến đổi khí hậu lên giới. Do đó, việc lồng lồng ghép giới vào NAP ở địa phương có thể sẽ gặp nhiều thách thức.

Ở Việt Nam, kinh phí dành cho thích ứng còn hạn chế. Theo ước tính, ngân sách nhà nước sẽ chỉ trang trải khoảng 30% nguồn lực tài chính cần thiết triển khai các biện pháp thích ứng hiệu quả. Nhu cầu tài chính để xây dựng và nâng cấp các công trình phòng chống và thích ứng thiên tai là lớn và có xu hướng tăng lên. Đến năm 2030, chi phí cho thích ứng sẽ chiếm khoảng 3-5% GDP của quốc gia. Theo *Báo cáo kỹ thuật Đóng góp quốc gia tự quyết định của Việt Nam (NDC)*, nếu Việt Nam chi 1,5% GDP cho TƯBĐKH trong giai đoạn 2021-2030, thì Việt Nam sẽ cần huy động khoảng 3,5 tỷ đô la Mỹ mỗi năm (trung bình), ngoài nguồn lực của nhà nước. Do nhu cầu ngày càng tăng về kinh phí thích ứng và những hạn chế về ngân sách của Chính phủ, việc phân bổ và sử dụng ngân sách không nên 'thiếu tính nhạy cảm giới' và bỏ qua việc xem xét các đặc điểm cụ thể của 50% dân số. Các quá trình phân bổ ngân sách có sự tham gia sẽ mang lại các chính sách toàn diện hơn và do đó hiệu quả hơn. Do đó, việc lập ngân sách toàn diện là rất quan trọng trong việc đảm bảo rằng phụ nữ phải được tham gia và có tiếng nói tương xứng với tác động của các vấn đề đối với cuộc sống của phụ nữ. Ngoài ra, cần tìm hiểu kỹ hơn các cơ hội để kích thích các thành phần kinh tế khác nhau, bao gồm cả khu vực doanh nghiệp, đầu tư vào các hoạt động TƯBĐKH nhằm bổ sung nguồn lực của Nhà nước.

C. PHÂN TÍCH LỒNG GHÉP GIỚI TRONG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU Ở VIỆT NAM

Bình đẳng giới được đưa vào các thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Năm 1992, Việt Nam tham gia Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW), trong đó khẳng định bình đẳng giới là một quyền con người. Việt Nam cũng đã thông qua 17 Mục tiêu Phát triển Bền vững (MTPTBV) vào năm 2015, cam kết ***"Đạt được bình đẳng giới và trao quyền cho tất cả phụ nữ và trẻ em gái"*** như một phần của MTPTBV5 (Bình đẳng giới). Luật Hôn nhân và Gia đình (2000), Luật Bình đẳng giới (2006) và Luật Phòng chống Bạo lực Gia đình (2008) đánh dấu những cột mốc quan trọng đối với Việt Nam. Hiến pháp cập nhật của Việt Nam (2013) cũng đề cập đến việc nghiêm cấm phân biệt đối xử giữa nam và nữ.

Tuyên bố Bắc Kinh và Cương lĩnh hành động (1995) được 189 quốc gia trong đó có Việt Nam thông qua năm 1995 và được coi là văn kiện toàn diện nhất về quyền của phụ nữ, có tầm quan trọng hàng đầu trong việc thu hút sự chú ý của toàn cầu đối với vai trò của phụ nữ là tác nhân thay đổi, người nắm giữ kiến thức, quản lý bảo vệ môi trường và cam kết tạo cơ hội cho phụ nữ tham gia vào quá trình ra quyết định.

1. Cam kết của Chính phủ Việt Nam về lồng ghép giới trong các chính sách khí hậu

Chính phủ Việt Nam đã ghi nhận vấn đề bất bình đẳng giới trong quá trình giải quyết thách thức về biến đổi khí hậu từ năm 2008 trong NTP-RCC. Bình đẳng giới là một trong những nguyên tắc chỉ đạo của các chính sách, và các mục tiêu. Trong một số trường hợp, tình trạng dễ bị tổn thương của phụ nữ và các tác động khác biệt về giới được nhấn mạnh. Tuy nhiên, hiện các nỗ lực để khắc phục tình trạng dễ bị tổn thương của phụ nữ còn ít (UN & OXFAM, 2009).

Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu 2011-2020 do Thủ tướng Chính phủ ban hành vào tháng 12 năm 2011 đã hỗ trợ việc phát triển và thực hiện tất cả các sáng kiến lớn liên quan đến BĐKH trong cả nước.[12] Bình đẳng giới được coi là một trong các mục tiêu: *"Đảm bảo an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, xóa đói giảm nghèo,* ***bình đẳng giới,*** *an sinh xã hội, sức khỏe cộng đồng, nâng cao đời sống, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên trong bối cảnh biến đổi khí hậu".*

Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến 2050 do Thủ tướng Chính phủ ban hành vào tháng 7 năm 2022 đã đưa ra các giải pháp ứng với các nhiệm vụ cụ thể trong đó có *'****đảm bảo an sinh xã hội và bình đẳng giới****'*, tập trung vào nâng cao nhận thức, kiến thức và năng lực về thiên tai về quản lý rủi ro thiên tai và TƯBĐKH cho phụ nữ, bên cạnh việc xây dựng các chính sách về huy động và quản lý các nguồn lực tài chính nhằm khuyến khích và tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp và người dân, đặc biệt là phụ nữ.[13]

Luật Phòng chống thiên tai (2013)[14] được Quốc hội thông qua quy định các hoạt động phòng chống thiên tai, quyền và nghĩa vụ của các đơn vị, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân, các tổ chức quốc tế trong phòng chống thiên tai. Bình đẳng giới được xem xét như là một trong những nguyên tắc cơ bản của phòng chống thiên tai *"Phòng, chống thiên tai phải đảm bảo tính nhân đạo, công bằng, minh bạch và bình đẳng giới".*

Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi (2020)[15] đề cập *"Bảo vệ môi trường gắn kết hài hòa với* ***an sinh xã hội, quyền trẻ em, bình đẳng giới, bảo đảm quyền mọi người*** *được sống trong môi trường trong lành" tại điều 4.*

Bản cập nhật NDC (2020) đề cập nhiều lần đến tác động của BĐKH đối với phụ nữ *"Biến đổi khí hậu, gia tăng thiên tai và khí hậu cực đoan có tác động khác nhau đối với phụ nữ và nam giới*." Tài liệu mang tính bước ngoặt này dành riêng một phần về giới và nhấn mạnh hiểu biết đa chiều về tác động đối với phụ nữ. Đặc biệt là về mối quan hệ với sức khỏe cộng đồng khi nhiệt độ tăng, các đợt nắng nóng và sóng nhiệt kéo dài, ô nhiễm không khí, cũng như các hiện tượng khí hậu cực đoan khác ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe con người, qua đó làm tăng tính dễ bị tổn thương, đặc biệt là ở người cao tuổi và phụ nữ.

Trong Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu (NAP) giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (2020), đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20/07/2020 của Thủ tướng Chính phủ gọi tắt là Quyết định 1055)[16]**, giới được xem xét thông qua nâng cao năng lực của phụ nữ, phát triển nguồn nhân lực nữ để tham gia vào quá trình thích ứng với biến đổi khí hậu, và phục vụ mục tiêu thứ hai của NAP**. Cụ thể, NAP hướng đến *"Nâng cao nhận thức, kiến thức về biến đổi khí hậu và thiên tai của các cấp chính quyền, tổ chức xã hội và cộng đồng; tăng cường năng lực,* ***phát triển nguồn nhân lực nữ****, thúc đẩy* ***bình đẳng giới*** *trong thích ứng với biến đổi khí hậu"* nhằm thực hiện mục tiêu: *"Tăng cường khả năng chống chịu và nâng cao năng lực thích ứng của cộng đồng, các thành phần kinh tế và hệ sinh thái thông qua việc đầu tư cho các hành động thích ứng, khoa học và công nghệ, nâng cao nhận thức để sẵn sàng điều chỉnh trước những thay đổi của khí hậu."* Bình đẳng giới cũng được đề cập trong các giai đoạn II và III của NAP từ sau năm 2030 đến năm 2050, thúc đẩy các kết quả đạt được trong giai đoạn 2021-2030 để giải quyết nhiều vấn đề, trong đó có bất bình đẳng giới.

Một điều quan trọng là trong NAP, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (Bộ LĐTBXH) đã được giao 3 nhiệm vụ để nâng cao năng lực của phụ nữ, gồm:

1. ***Xây dựng các chính sách*** *đặc thù hỗ trợ cho các đối tượng dễ bị tổn thương,* ***lồng ghép giới*** *trong triển khai các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu*

2. ***Xây dựng Đề án truyền thông*** *nhằm thúc đẩy tăng trưởng xanh gồm* ***Giới và biến đổi khí hậu, Bình đẳng giới với biến đổi khí hậu****;*

3. ***Đào tạo kỹ năng mềm*** *cho* ***lao động nữ*** *tham gia các ngành kinh tế mới theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu.*

Hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động TƯBĐKH cấp quốc gia (Quyết định số 148/QĐ-TTg) (2022) được Thủ tướng Chính phủ thông qua vào tháng 1 năm 2022[17] đã đưa ra 2 chỉ số giới để đánh giá hiệu quả của các hoạt động TƯBĐKH như sau:

a. Tỷ lệ (%) người dân, **nữ giới** ở các vùng dễ bị tổn thương do tác động của biến đổi khí hậu được đào tạo nghề và chuyển đổi sinh kế (chỉ số 8.2).

b. Tỷ lệ (%) người dân, **nữ giới** ở các vùng dễ bị tổn thương do tác động của biến đổi khí hậu được dạy kỹ năng mềm về thích ứng với BĐKH, phòng chống thiên tai (chỉ số 8.3).

Hiện tại, Cục Biến đổi khí hậu (DCC) - Bộ TN&MT có trách nhiệm hướng dẫn, giám sát việc thực hiện NAP (Quyết định 1266/2017/QĐ-BTNMT ngày 25/10/2022 của Bộ TN&MT) và các hoạt động TƯBĐKH trong Bộ TN&MT theo Quyết định 148/QĐ-TTg.

Sau Hội nghị lần thứ 26 các Bên tham gia Công ước khung Liên hợp quốc về BĐKH năm 2021 (COP26), tại đây, Việt Nam đã cam kết đạt mục tiêu phát thải ròng bằng '0' vào năm 2050 thông qua *'chuyển đổi mô hình phát triển kinh tế theo hướng xanh, tuần hoàn, bền vững,* ***bao trùm và nhân văn'***, vấn đề chuyển đổi năng lượng đã được thảo luận nhằm triển khai các cam kết. Các cam kết này đặt ra yêu cầu phảicập nhật lại một số chính sách, chiến lược khí hậu quan trọng (bao gồm Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến 2050 (NCCS) và NAP) với các cam kết được đưa ra tại COP26. Đây là một quá trình chuyển đổi có ý nghĩa rất "quan trọng với bình đẳng giới trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế các-bon thấp vì chỉ các chính sách chuyển đổi mới có thể hỗ trợ hành động vì khí hậu nhạy cảm giới (ILO, 2022).

12 https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=152841

13 https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Quyet-dinh-896-QD-TTg-2022-phe-duyet-Chien-luoc-quoc-gia-bien-doi-khi-hau-den-2050-523527.aspx

14 https://data.vietnam.opendevelopmentmekong.net/laws_record/lu-t-s-33-2013-qh13-c-a-qu-c-h-i-lu-t-phong-ch-ng-thien-tai

15 https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Luat-bao-ve-moi-truong-2014-238636.aspx

16 https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Quyet-dinh-1055-QD-TTg-2020-Ke-hoach-quoc-gia-thich-ung-voi-bien-doi-khi-hau-2021-2030-447740.aspx

17 https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=205280

2. Khoảng trống và những tiến bộ trong lồng ghép biến đổi khí hậu và bình đẳng giới

a) Những thành tựu và khoảng trống trong chính sách

Các chính sách gần đây đã có những bước tiến quyết định trong lồng ghép biến đổi khí hậu và bình đẳng giới. Được ban hành vào tháng 1 năm 2022, Quyết định 148/QĐ-TTg[18] đánh dấu một cột mốc quan trọng trong quá trình lồng ghép. Hệ thống GS&ĐG hoạt động TƯBĐKH cấp quốc gia đã giao Bộ LĐTBXH thực hiện các hoạt động cụ thể và giao cho Bộ này thu thập dữ liệu cho 2 chỉ số. Ngoài ra, Quyết định về việc triển khai thực hiện cam kết tại COP 26 của Việt Nam đặt ra nhiệm vụ *"Phát triển các mô hình **an sinh xã hội và chuyển đổi công bằng** phù hợp với điều kiện tự nhiên, sinh thái và xã hội của các vùng khác nhau"* (Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25/07/2022 của Thủ tướng Chính phủ); trong khi Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến 2050 cũng đưa ra nhiệm vụ *"Đảm bảo an sinh xã hội và **bình đẳng giới** gồm cả tập huấn cho phụ nữ, nâng cao nhận thức, thúc đẩy sự tham gia vào GNRRTT, v.v"* (Quyết định 896/QĐ-TTg ngày 26/07/2022 của Thủ tướng Chính phủ).

Các chính sách khí hậu của Việt Nam thường xuyên đề cập đến bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ. Tuy nhiên, việc hiện thực hóa các mục tiêu và lộ trình thực hiện các hành động thích ứng góp phần giải quyết bất bình đẳng và nâng cao năng lực thích ứng của phụ nữ cho đến nay vẫn chưa thật rõ ràng.

Thể chế vẫn còn những khoảng trống trong lồng ghép các cân nhắc về biến đổi khí hậu trong khung bình đẳng giới và ngược lại. Bộ TN&MT không phải là thành viên của Ủy ban quốc gia Vì sự tiến bộ của phụ nữ (UBQGVSTBPN) (Quyết định 114/QĐ-TTg ngày 22/08/2008 của Thủ tướng Chính phủ).[19] Ngoài ra, Bộ LĐTBXH và Hội Phụ nữ không là thành viên của NCCC (Bộ KHĐT & UNDP, 2022). Điều này sẽ tạo ra khó khăn đối với việc lồng ghép giới vào TƯBĐKH một cách hiệu quả. Sự phối hợp giữa bộ LĐTBXH với các bộ trong trong lĩnh vực biến đổi khí hậu như việc tham gia ban chỉ đạo COP26 của bộ LĐTBXH được xem là một bước tiến trong cơ chế quản lý.

b) Những thành tựu và khoảng trống trong hệ thống quản trị thích ứng với biến đổi khí hậu và bình đẳng giới hiện tại

Chính phủ Việt Nam đã có nhiều nỗ lực để thiết lập các hệ thống quản trị biến đổi khí hậu kể từ khi NTP-RCC được ban hành vào năm 2008 (Quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 02/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ). Tương tự, Việt Nam đã có bước tiến trong thực hiện bình đẳng giới với việc thành lập Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ (Ban VSTBPN) ở tất cả các cấp từ trung ương đến địa phương kể từ năm 2008. Tại Việt Nam, có 3 hình thức chủ thể tham gia quản trị khí hậu và bình đẳng giới, bao gồm: các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và các tổ chức văn hóa-xã hội như là Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam (Hội LHPNVN) và các NGO (**Hình 2** và **Hình 3**). Các hệ thống quản lý này được thiết lập từ cấp quốc gia đến cấp địa phương. Vai trò và trách nhiệm của các bên liên quan được trình bày tại **Bảng 2**.

Bộ TN&MT là nơi đặt Văn phòng Thường trực của Ủy ban quốc gia về biến đổi khí hậu (NCCC) (Quyết định số 43/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ) và là cơ quan chủ trì được giao nhiệm vụ điều phối việc xây dựng các chính sách về biến đổi khí hậu. Bộ TN&MT là cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo quốc gia triển khai thực hiện cam kết của Việt Nam tại hội nghị COP26 (Quyết định số 2157/QĐ-TTg ngày 21/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ). Trong khi đó, Bộ LĐTBXH là Bộ chủ quản chịu trách nhiệm xây dựng và thực hiện bình đẳng giới với sự phối hợp của các Bộ khác. Bộ LĐTBXH đã xây dựng Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới (NSGE) giai đoạn 2021-2030 đã được thông qua tại Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ. Chiến lược đề ra các mục tiêu, chỉ tiêu, và trách nhiệm thực hiện của các cơ quan Chính phủ. Điều này đã được quy định trong Luật Bình đẳng giới và đây là cơ sở nền tảng để các Bộ thực hiện bình đẳng giới.

18 https://baotintuc.vn/chinh-tri/thanh-hoa-truy-tang-148-me-danh-hieu-ba-me-viet-nam-anh-hung-20190111120812871.htm

19 https://vbpl.vn/bolaodong/Pages/vbpq-toanvan.aspx?ItemID=23956

Hình 2. Các bên liên quan tham gia công tác biến đổi khí hậu ở Việt Nam

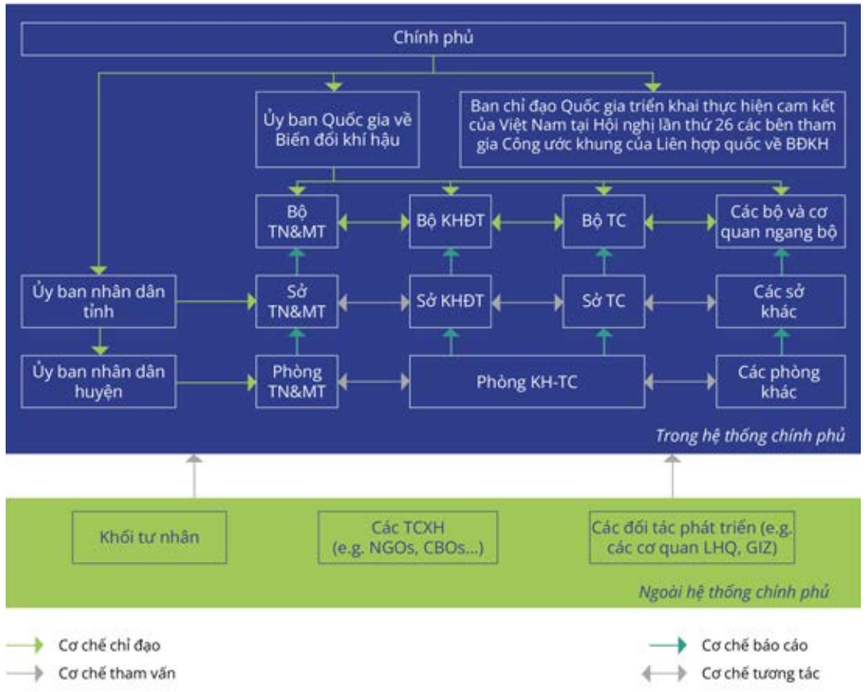

Hình 3. Các bên liên quan tham gia công tác bình đẳng giới ở Việt Nam

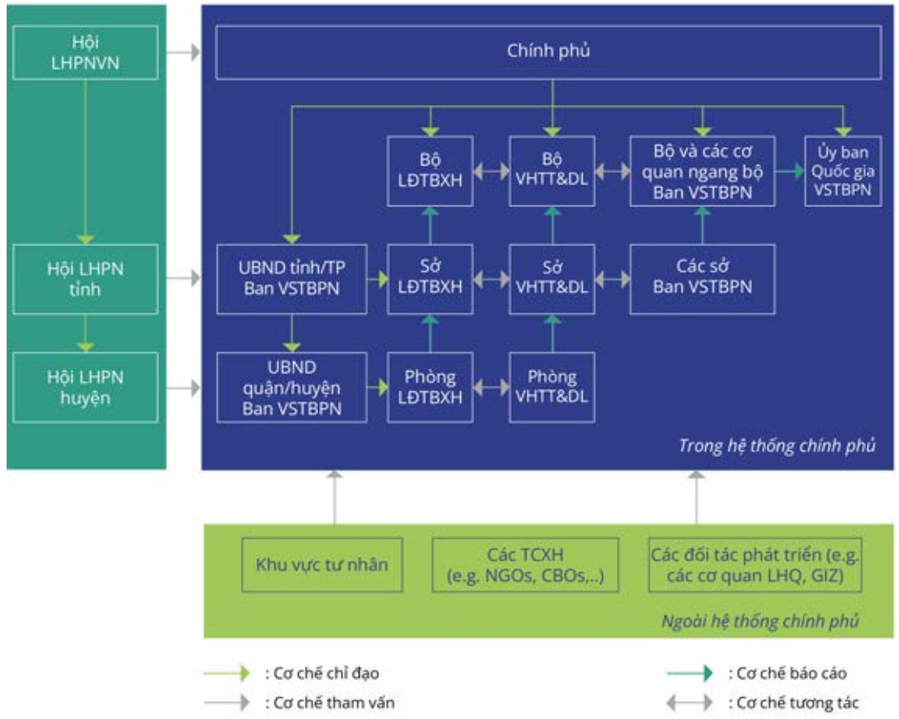

Bảng 2. Chức năng của các bên liên quan chủ chốt về giới và TƯBĐKH ở Việt Nam

Cơ quan	Vai trò và trách nhiệm trong TƯBĐKH của NAP	Vai trò và trách nhiệm trong Bình đẳng giới
Ủy ban Quốc gia về biến đổi khí hậu (NCCC)	- Tư vấn, giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ nghiên cứu, đề xuất, chỉ đạo, điều hành, phối hợp, đôn đốc giải quyết các lĩnh vực, chương trình, chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu - Chỉ đạo và tổ chức thực hiện hợp tác quốc tế về biến đổi khí hậu. *Văn phòng thường trực của NCCC đặt tại Bộ TN&MT.*	
Ban chỉ đạo quốc gia triển khai thực hiện cam kết của Việt Nam tại COP26	- Nghiên cứu, chỉ đạo, phối hợp giải quyết các công việc quan trọng, liên ngành liên quan đến việc thực hiện các cam kết của Việt Nam tại COP26 - Phối hợp các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu giữa các bộ, ngành, địa phương, tạo thuận lợi cho hợp tác giữa Việt Nam với các tổ chức quốc tế, các đối tác phát triển và các quốc gia - Chỉ đạo rà soát, hoàn thiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, pháp luật, chiến lược, quy hoạch - Chỉ đạo thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ ưu tiên ứng phó với biến đổi khí hậu và năng lượng	
Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam (UBQG VSTBPN)		- Hỗ trợ Thủ tướng chính phụ trong nghiên cứu và điều phối trong giải quyết các vấn đề liên ngành liên quan tới sự tiến bộ của phụ nữ trong cả nước. - Nghiên cứu, đề xuất với Thủ tướng Chính phủ phương hướng, giải pháp để giải quyết những vấn đề liên ngành liên quan đến sự tiến bộ của phụ nữ. - Phối hợp, đôn đốc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp và các đoàn thể trong việc tuyên truyền, phổ biến và vận động nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước liên quan đến sự tiến bộ của phụ nữ. *Văn phòng đại diện của UBQGVSTBPN đặt tại bộ LĐTBXH*

Cơ quan	Vai trò và trách nhiệm trong TƯBĐKH của NAP	Vai trò và trách nhiệm trong Bình đẳng giới
Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT)	- Theo dõi và đánh giá thường xuyên việc thực hiện NAP để đảm bảo hiệu quả của nó thông qua hệ thống M&E trực tuyến; xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về M&E (tiến độ và kết quả thực hiện); báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, điều chỉnh phù hợp với yêu cầu thực tế - Hỗ trợ Bộ KHĐT xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, thu hút đầu tư cho các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu; củng cố hệ thống bảo hiểm, chia sẻ rủi ro khí hậu và thiên tai - Thực hiện các nhiệm vụ được giao trong NAP	- Phối hợp, lồng ghép các hoạt động liên quan, góp phần thực hiện có hiệu quả các mục tiêu của Chương trình "Tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách giai đoạn 2021 -2030". - Căn cứ vào điều kiện, tình hình thực tế của mình, xây dựng kế hoạch thực hiện hoặc lồng ghép các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ của đơn vị để thực hiện công tác bình đẳng giới, trong đó có biến đổi khí hậu.
Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KHĐT)	- Rà soát, tổng hợp các dự án đầu tư vào kế hoạch đầu tư công trung hạn do các Bộ, tỉnh đề xuất trình cấp có thẩm quyền - Rà soát các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội bảo đảm sự lồng ghép, thống nhất giữa các quy hoạch, kế hoạch - Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, thu hút đầu tư cho các hoạt động TƯB-KĐKH	- Phối hợp, lồng ghép các hoạt động liên quan, góp phần thực hiện có hiệu quả các mục tiêu của Chương trình "Tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách giai đoạn 2021 -2030".
Bộ Tài chính (Bộ TC)	- Cân đối và phân bổ vốn từ nguồn ngân sách trung ương để thực hiện NAP - Thực hiện các nhiệm vụ được giao trong NAP	- Bảo đảm kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện các chương trình, dự án về bình đẳng giới sau khi được phê duyệt - Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc sử dụng kinh phí thực hiện các chương trình, dự án về bình đẳng giới đã được phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các luật liên quan
Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công thương, Bộ Khoa học và công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo (bộ GDĐT), bộ Y tế	- Thực hiện các nhiệm vụ được giao trong NAP; huy động, bố trí các nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ, đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ yêu cầu - Rà soát các quy hoạch phát triển ngành, vùng và địa phương, có kế hoạch lồng ghép các quy hoạch này với các hoạt động của NAP, đảm bảo tính liên kết giữa các quy hoạch - Thu hút sự tham gia của các bên liên quan để đầu tư và hỗ trợ thực hiện NAP - Nâng cao nhận thức về TƯBĐKH - Định kỳ báo cáo Bộ TN&MT tình hình thực hiện kế hoạch - Tổ chức giám sát, đánh giá các hoạt động TƯBĐKH trong phạm vi quản lý - Bộ GDĐT được đề cập tới nhưng không được nêu rõ trong NAP	- Điều phối, lồng ghép các hoạt động liên quan, góp phần thực hiện có hiệu quả các mục tiêu của Chương trình "Tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách giai đoạn 2021 -2030".

Cơ quan	Vai trò và trách nhiệm trong TƯBĐKH của NAP	Vai trò và trách nhiệm trong Bình đẳng giới
Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội (Bộ LĐT-BXH)	- Thực hiện các nhiệm vụ được phân công trong NAP; bố trí sắp xếp các nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ, đảm bảo chất lượng và đúng thời hạn yêu cầu - Rà soát các Quy hoạch phát triển ngành, vùng và địa phương để lồng ghép các quy hoạch cùng với các hoạt động của NAP, đảm bảo liên kết giữa các kế hoạch - Thu hút sự tham gia của các bên liên quan để đầu tư và hỗ trợ thực hiện NAP - Nâng cao nhận thức về TƯBĐKH - Báo cáo định kì về thực hiện kế hoạch cho bộ TN&MT - Tổ chức giám sát và đánh giá các hoạt động TƯBĐKH trong phạm vi quản lý	- Là cơ quan Nhà nước chủ trì, có chức năng quản lý nhà nước đối với công tác bình đẳng giới kể từ năm 2008 - Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành chiến lược, chính sách, chương trình, kế hoạch, mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới, các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới - Hướng dẫn hoạt động bình đẳng giới, kỹ năng lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong tổ chức hoạt động của các cơ quan, tổ chức; tham gia đánh giá việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm - pháp luật - Chủ trì triển khai Cương lĩnh Hành động Bắc Kinh, Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) - Điều phối và tổng hợp các hoạt động liên quan, đóng góp vào việc thực hiện hiệu quả các mục tiêu của chương trình "Tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách giai đoạn 2021 -2030"
Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Bộ VHTTDL)	- Thực hiện các nhiệm vụ được phân công trong NAP; bố trí sắp xếp các nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ, đảm bảo chất lượng và đúng thời hạn yêu cầu - Rà soát các Quy hoạch phát triển ngành, vùng và địa phương để lồng ghép các quy hoạch cùng với các hoạt động của NAP, đảm bảo liên kết giữa các kế hoạch - Thu hút sự tham gia của các bên liên quan để đầu tư và hỗ trợ thực hiện NAP - Nâng cao nhận thức về TƯBĐKH - Báo cáo định kì về thực hiện kế hoạch cho bộ TN&MT - Tổ chức giám sát và đánh giá các hoạt động TƯBĐKH trong phạm vi quản lý	- Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch về phòng, chống bạo lực gia đình. - Hướng dẫn công tác tổng hợp, phân tích về tình hình phòng, chống bạo lực gia đình; chỉ đạo thực hiện chế độ báo cáo thống kê về phòng, chống bạo lực gia đình; chỉ đạo tổng kết kinh nghiệm thực tiễn, nhân rộng các mô hình phòng, chống bạo lực gia đình
Ủy ban nhân dân tỉnh	- Phân bổ ngân sách thực hiện các hoạt động và nhiệm vụ của NAP được giao cho tỉnh để thực hiện từ ngân sách địa phương như đã được quy định	

Cơ quan	Vai trò và trách nhiệm trong TƯBĐKH của NAP	Vai trò và trách nhiệm trong Bình đẳng giới
DONRE	- Thực hiện theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân trong thực hiện của nhiệm vụ NAP của tỉnh	
Sở Lao động, Thương binh & Xã hội		- Dưới sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thực hiện các nhiệm vụ về giới của tỉnh - Hướng dẫn và lồng ghép các vấn đề bình đẳng giới trong quá trình xây dựng và thực hiện các chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương - Tư vấn các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội địa phương
Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		- Triển khai Luật Phòng chống bạo lực gia đình (2007) ở cấp tỉnh. - Xây dựng chương trình, kế hoạch về phòng, chống bạo lực gia đình, cung cấp dịch vụ tư vấn cho gia đình về vấn đề bạo lực gia đình và tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ, nhân viên công tác xã hội cấp tỉnh
Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp quốc gia, tỉnh, huyện và xã	- Đại diện, chăm lo và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và chính đáng của các tầng lớp phụ nữ, tham gia góp ý Đảng, tham gia quản lý Nhà nước về TƯBĐKH	- Đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp phụ nữ, tham gia góp ý Đảng, tham gia quản lý Nhà nước về bình đẳng giới - Đoàn kết, vận động phụ nữ thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; vận động xã hội thực hiện bình đẳng giới
UNDP, UN Women, và các tổ chức chính phủ nước ngoài	- Hỗ trợ kỹ thuật và tài chính, thực hiện nghiên cứu, đóng góp các nghiên cứu, khuyến nghị về TƯBĐKH	- Hỗ trợ kỹ thuật và tài chính, thực hiện nghiên cứu, đóng góp các nghiên cứu, khuyến nghị về bình đẳng giới
Các tổ chức phi chính phủ quốc tế/ địa phương và Nhóm làm việc về BĐKH	- Thực hiện nghiên cứu, đóng góp các nghiên cứu, khuyến nghị về TƯBĐKH, thúc đẩy lồng ghép giới trong các chính sách khí hậu	- Thực hiện nghiên cứu, đóng góp các nghiên cứu, khuyến nghị về bình đẳng giới
Khu vực tư nhân	- Hỗ trợ tài chính để thực hiện các dự án TƯBĐKH - Tham gia và hỗ trợ xây dựng chính sách, thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP về TƯBĐKH	- Hỗ trợ tài chính để thực hiện các dự án bình đẳng giới - Đầu tư vào chuỗi giá trị để có khả năng chống chịu hơn - Có thể được chính phủ yêu cầu thực hiện một số khoản đầu tư TƯBĐKH có lợi cho cả cộng đồng (ví dụ như thực hiện các giải pháp bảo vệ bờ biển gần các khu du lịch nghỉ dưỡng).

Nguồn: (UN Women, 2021), (Strauch, 2018) & (UN/CCWG, 2017)

c) Những thành tựu và khoảng trống trong xây dựng và thực hiện chính sách

Nhìn chung, có thể thấy rằng chính quyền địa phương tuân thủ yêu cầu xây dựng các kế hoạch khí hậu dựa trên kế hoạch cấp quốc gia. Tuy nhiên, vẫn tồn tại những khoảng trống khi lồng ghép và triển khai các kế hoạch phát triển kinh tế xã hội. Đây cũng là cơ hội để đưa các yêu cầu vào NAP cấp quốc gia, điều này sẽ thúc đẩy bình đẳng giới (ví dụ: thông qua các chỉ số, nhiệm vụ, hành động) vì địa phương có mức độ tuân thủ rất cao. Ngược lại, do Bộ KHĐT là cơ quan nhà nước được giao nhiệm vụ phân bổ tài chính khí hậu, nên cần tăng cường phối hợp giữa Vụ Bình đẳng giới (thuộc Bộ LĐTBXH) và Bộ KHĐT để đảm bảo rằng phụ nữ cũng sẽ được hưởng lợi từ đầu tư vào TƯBĐKH (xem **Phần D**).

Cơ chế phối hợp giữa các sở ngành với các tổ chức do phụ nữ lãnh đạo trong xây dựng và thực hiện các chính sách khí hậu vẫn chưa thực sự chặt chẽ, cụ thể là chưa tới 21% người tham gia điều tra của nhóm nghiên cứu vào tháng 5 và tháng 6 năm 2022 xác nhận có phối hợp với các tổ chức do phụ nữ lãnh đạo. Nguyên nhân của điều này là do thiếu các văn bản hướng dẫn lồng ghép giới từ cấp quốc gia và nhận thức chưa cao về lồng ghép giới cũng như sự cần thiết của việc phối hợp trong thực hiện các chính sách BĐKH của các nhà hoạch định chính sách ở cấp tỉnh. Và khoảng trống này nên được giải quyết trong thực hiện NAP.

Ngoài ra, các đối tác phát triển và các tổ chức phi chính phủ đã và đang nỗ lực hướng tới sự hội nhập, đặc biệt là với việc thành lập Nhóm công tác về biến đổi khí hậu (CCWG), tập hợp các tổ chức phi chính phủ và các đối tác phát triển trong nước và quốc tế trong việc thu thập, phổ biến kiến thức và nguồn lực, cùng nhau soạn thảo chính sách hoặc / và đóng góp vào việc xây dựng chính sách và thực hiện các dự án và hoạt động khác nhau tại Việt Nam. Làm việc trực tiếp với Cục Biến đổi khí hậu (Bộ TN&MT), Bộ LĐTBXH và HLHPN, CCWG xem lồng ghép giới là trọng tâm trong công tác vận động chính sách của mình.

Thêm vào đó, **sự hiện diện của phụ nữ trong các vị trí ra quyết định vẫn còn chưa cao.** Việc thực hiện các chiến lược và kế hoạch hành động về Giới vẫn còn yếu do thiếu hướng dẫn và thiếu dữ liệu phân tách theo giới để cung cấp thêm phân tích và bằng chứng về các khía cạnh khác nhau của bình đẳng giới (UN Women, 2021).

Năng lực kỹ thuật, ngân sách và các khuyến khích tài chính để lồng ghép giới trong các chính sách khí hậu vẫn đang còn thiếu. Cần lưu ý rằng mặc dù các cơ quan chính phủ phải đối mặt với các loại rào cản giống nhau nhưng mức độ hiểu biết và năng lực trong thực hiện TƯBĐKH và bình đẳng giới ở mỗi bộ là không giống nhau. Ví dụ, Bộ NN&PTNT đã nhận được sự hỗ trợ đáng kể từ UNDP thông qua dự án NAP-Ag và từ các đối tác phát triển và các tổ chức xã hội khác để thúc đẩy TƯBĐKH và thực hiện lồng ghép bình đẳng giới. Các bộ khác mới chỉ bắt đầu làm việc về BĐKH, chẳng hạn như Bộ Y tế (BYT) hoặc Bộ TN&MT. Bộ Giao thông vận tải (GTVT) mặc dù nhận được nguồn vốn nhà nước lớn hơn để thực hiện các hoạt động thích ứng nhưng gần như chưa thực hiện các hoạt động lồng ghép bình đẳng giới trong các chính sách GTVT hay các hoạt động TƯBĐKH của GTVT.

D. PHÂN TÍCH GIỚI CHO CÁC LĨNH VỰC ƯU TIÊN TRONG NAP

Dự án NAP-Sup tập trung vào 5 lĩnh vực chính: tài nguyên và môi trường thuộc Bộ TN&MT, nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc Bộ NN&PTNT, y tế thuộc BYT, giao thông vận tải thuộc Bộ GTVT và kế hoạch và đầu tư thuộc Bộ KHĐT. Do đó, các phần sau trình bày phân tích giới cho năm lĩnh vực ưu tiên này. Mặc dù các lĩnh vực này đại diện cho các điểm khởi đầu quan trọng cho phân tích, nhưng cần lưu ý rằng các phát hiện và khuyến nghị có thể áp dụng cho các lĩnh vực khác. Với suy nghĩ này, các tác giả hy vọng những người thực hiện nỗ lực tương tự trong các lĩnh vực khác sẽ tiếp tục hoàn thiện và thúc đẩy quá trình lồng ghép giới ở Việt Nam.

Bảng 3. Tóm tắt các chính sách đã rà soát

Bộ chủ trì thực hiện chính sách	Số chính sách BĐKH đã rà soát	Số chính sách BĐKH có các cân nhắc về giới	
		Gián tiếp thông qua việc đề cập tới 'các nhóm xã hội'*	Trực tiếp
Bộ TN&MT	17	2	7
Bộ NN&PTNT	8	2	4
Bộ Y tế	1	0	1
Bộ GTVT	6	0	0
Bộ KHĐT	4	1	3

* 'Các nhóm xã hội' (social groups) được định nghĩa là "những đối tượng dễ bị tổn thương", "tính dễ bị tổn thương của con người", "bình đẳng", "tổ chức và cá nhân" hay "đối tượng có nguy cơ rủi ro".

Điều 3 Luật Phòng, chống thiên tai ban hành (2013) và sửa đổi năm 2020 đã định nghĩa những đối tượng dễ bị tổn thương là "*... nhóm người có đặc điểm và hoàn cảnh khiến họ có khả năng phải chịu nhiều tác động bất lợi hơn từ thiên tai so với những nhóm người khác trong cộng đồng. Đối tượng dễ bị tổn thương bao gồm* ***trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ đang mang thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi, người khuyết tật, người bị bệnh hiểm nghèo và người nghèo.***"[20]

20 Trích dẫn gốc: "Đối tượng dễ bị tổn thương là nhóm người có đặc điểm và hoàn cảnh khiến họ có khả năng phải chịu nhiều tác động bất lợi hơn từ thiên tai so với những nhóm người khác trong cộng đồng. Đối tượng dễ bị tổn thương bao gồm trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ đang mang thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi, người khuyết tật, người bị bệnh hiểm nghèo và người nghèo."

1. Tài nguyên và môi trường

Bộ Tài nguyên và Môi trường (TN&MT) là cơ quan nhà nước được giao nhiệm vụ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản và địa chất, môi trường gồm cả đa dạng sinh học, kiểm soát ô nhiễm chất thải và bảo vệ môi trường, biển và hải đảo.

a) Vì sao các cân nhắc về giới cần được xem xét trong thích ứng biến đổi khí hậu của ngành tài nguyên và môi trường?

Phụ nữ và nam giới tương tác với tài nguyên thiên nhiên theo những cách không giống nhau, cả về việc làm và các hoạt động tạo thu nhập của họ (ví dụ, quyền sở hữu đất và cơ cấu việc làm chính thức và phi chính thức), cũng như liên quan đến các hoạt động hộ gia đình và không được trả lương như đã đề cập trong **Phần B** (ví dụ, sử dụng nước, rừng và quản lý rác thải sinh hoạt). Ở khu vực nông thôn, gánh nặng của công việc chăm sóc không được trả lương và các vai trò truyền thống khiến phụ nữ nhạy cảm hơn với sự sẵn có và chất lượng của các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Theo truyền thống, phụ nữ và nam giới thực hiện các hoạt động khác nhau trong quản lý rừng và đa dạng sinh học, tuy nhiên, do phụ nữ có ít quyền kiểm soát đất hơn nên họ có thể ít tham gia vào các kế hoạch trồng cây hơn là một ví dụ.

Người dân nông thôn ngày càng phải đối mặt với những hiểm họa như thoái hóa đất, cháy rừng và suy giảm chất lượng môi trường cục bộ và tính dễ bị tổn thươngsẽ phụ thuộc vào vào mức độ phơi bày và khả năng thích ứng. Nhìn chung phụ nữ có thu nhập ít hơn nam giới, nên cần đặc biệt chú ý để đảm bảo rằng hệ sinh thái tự nhiên tiếp tục cung cấp dịch vụ cho các hộ gia đình phụ thuộc nhiều vào hệ sinh thái tự nhiên, vốn thường do phụ nữ làm chủ hộ.

Hơn nữa, vẫn còn có sự chênh lệch đáng kể trong quá trình ra quyết định ví dụ như quyền đối với nước và các quyết định trong trang trại và đồng ruộng (Cục Thống kê, 2012). Phụ nữ ít có khả năng tham gia vào các cuộc họp cộng đồng và các quá trình ra quyết định, dẫn đến thiếu quan điểm về giới trong các kế hoạch TƯBĐKH ở địa phương. Tuy nhiên, do nhiều phụ nữ làm việc với các nguồn tài nguyên thiên nhiên hàng ngày, nên điều cần thiết là họ phải có ảnh hưởng đến việc sử dụng và quản lý.

Phụ nữ đóng vai trò nòng cốt trong quản lý tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt dưới tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu, vì họ đóng góp tích cực vào việc thực hiện các chiến lược sinh kế thích ứng và đã tích cực huy động cộng đồng trong các giai đoạn khác nhau của chu trình quản lý rủi ro. Cơ sở lý luận của việc lồng ghép giới vào lĩnh vực tài nguyên và môi trường cũng dựa trên thực tế rằng mọi người đều xứng đáng được bảo vệ ngắn hạn và dài hạn và nâng cao khả năng phục hồi thông qua giảm nhẹ rủi ro thiên tai và TƯBĐKH (UN Women, 2021).

b) Dữ liệu nền và các đánh giá về tình trạng dễ bị tổn thương

Tiếp cận nguồn nước

Việt Nam phải đối mặt với nhiều vấn đề liên quan đến nước nghiêm trọng như chất lượng nước giảm, thiếu nước, lũ lụt và lũ quét, mất an ninh nguồn nước, tất cả các yếu tố này đều gia tăng về phạm vi và độ nghiêm trọng trong những thập kỷ qua do tác động của BĐKH.

Tại Việt Nam, 96% hộ gia đình được tiếp cận nguồn nước hợp vệ sinh vào năm 2021 (TCTK, 2021), 89% dân số thành thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung (TCTK, 2019), đến năm 2020, tỷ lệ tiếp cận nước sạch ở nông thôn là 51% (World Bank, 2020). Tuy nhiên, tỷ lệ hộ tiếp cận nước máy chỉ chiếm khoảng 52% (Hưng, 2022). Ngoài ra, tỷ lệ tiếp cận nước sạch ở Việt Nam có sự khác biệt lớn giữa các tỉnh. Ở các thành phố lớn, tỷ lệ tiếp cận nước sạch của hộ là trên 80% (Thành phố Hồ Chí Minh, Huế, Hải Phòng, v.v.) nhưng lại chưa đến 50% ở một số tỉnh khác như Lâm Đồng, Nghệ An, Thanh Hóa. An ninh nguồn nước bị đe doạ do BĐKH làm gia tăng khối lượng công việc cho phụ nữ.

Suy giảm đa dạng sinh học

Việt Nam là một trong 12 trung tâm đa dạng sinh học của thế giới, với tiềm năng đa dạng sinh học phong phú, hệ sinh thái đa dạng, các loài và nguồn gen quý hiếm. Tuy nhiên, theo Báo cáo kỹ thuật NDC của Việt Nam (2020), đa dạng sinh học là một trong những lĩnh vực có mức độ rủi ro cao do BĐKH.

Sự suy thoái đa dạng sinh học nhanh hơn và nghiêm trọng hơn đã xảy ra do BĐKH với những hậu quả của lũ lụt, hạn hán, cháy rừng, xói mòn và sạt lở đất. Biến đổi khí hậu và các hiện tượng thời tiết cực đoan diễn ra thường xuyên, bất thường sẽ tác động tiêu cực đến các loại rừng, làm thu hẹp diện tích rừng, giảm số lượng nhiều loại động, thực vật, giảm diện tích rừng ngập mặn. Biến đổi khí hậu cũng làm giảm đa dạng sinh học vùng ven biển, thay đổi sinh thái vùng trũng ven sông, ảnh hưởng đến đa dạng sinh học vùng núi trên diện rộng, làm cho nông dân nghèo và người dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng. Các mối đe dọa từ mất đa dạng sinh học và hệ sinh thái có thể làm giảm sinh kế của cộng đồng dân cư ven biển và miền núi, ảnh hưởng đến phụ nữ, gây gánh nặng và bất bình đẳng cho họ. Ước tính thiệt hại và tổn thất do tác động của biến đổi khí hậu đến năm 2030 (tính theo % GDP) đối với lĩnh vực đa dạng sinh học là 0,1% (Báo cáo kỹ thuật NDC của Việt Nam, 2020).

Quản lý rác thải

Trong lĩnh vực rác thải, phụ nữ chiếm phần lớn lực lượng lao động phi chính thức, lên tới 95% số người thu gom đồng nát ở Thành phố Hồ Chí Minh. Vì họ thường không có hộ khẩu nên họ không được tiếp cận với an sinh xã hội, do đó không được tiếp cận với các dịch vụ cơ bản như chăm sóc sức khỏe, cho thuê nhà ở (UNDP, 2022a).

Lao động nữ trong lĩnh vực quản lý rác thải chiếm phần lớn lực lượng lao động tái chế và tái chế phi chính thức (43,5% trong tổng số 18 triệu người) trong lĩnh vực tái chế và quản lý chất thải nhựa. 90% những người thu gom và nhặt rác đường phố là phụ nữ, thực hiện phân loại, dọn dẹp và phân loại rác với mức lương thấp, không được tiếp cận với bảo hiểm xã hội và y tế, và có ít thông tin về quyền lao động, các quy định về vệ sinh và an toàn tại nơi làm việc hoặc đăng ký những bảo hiểm này.

Phụ nữ làm việc trong chuỗi giá trị chất thải nhựa tiếp xúc với với khí độc, vi khuẩn, ký sinh trùng và bụi cao gấp 3-7 lần so với giới hạn luật định. 52% người thu gom chất thải mắc các bệnh như sốt xuất huyết, cúm và các vấn đề về da liễu, và 28,6% dễ mắc bệnh viêm phế quản và phổi (UN Women, 2021).

Khoáng sản và địa chất

Việt Nam được coi là quốc gia có nguồn tài nguyên khoáng sản đa dạng với hơn 5000 điểm mỏ thuộc 60 loại khoáng sản. Trong đó, một số loại khoáng sản gồm dầu khí, bô xít, titan, than, đất hiếm có trữ lượng đáng kể và có tiềm năng phát triển thành công nghiệp (Resource Hub, 2022). Mực nước biển dâng cao và bão sẽ gây khó khăn cho ngành khai thác mỏ và có thể làm gia tăng sạt lở đất, ảnh hưởng đến việc xác định kết cấu xây dựng, địa tầng đất, độ ổn định và khả năng của nền đất bao gồm khả năng tích trữ, hấp thụ và tiêu thoát nước trong khu vực, chống sạt lở và xâm nhập mặn (Bộ TN&MT, 2022a). Hiện nay, Bộ TN&MT vừa ban hành Thông tư 01/2022/ BTNMT-TT (2022) quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường, trong đó có một chương hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương đánh giá tác động của biến đổi khí hậu trong lĩnh vực của mình. Tuy nhiên, cần có thời gian nhất định để thực hiện các đánh giá. Do đó, cho đến nay vẫn chưa có nghiên cứu đánh giá toàn diện nào đánh giá các giải pháp TƯBĐKH trong lĩnh vực khai thác, sử dụng khoáng sản và địa chất, đa dạng sinh học, biển, tài nguyên nước và tài nguyên đất, bao gồm cả các vấn đề về giới và các khoảng trống cần được giải quyết.

Biển và hải đảo

Việt Nam có đường bờ biển dài khoảng 3.260 km. Có 28 tỉnh trong số 63 tỉnh là tỉnh ven biển với 125 huyện ven biển và 12 huyện đảo. Dưới tác động của BĐKH, các thành phố ven biển và hải đảo, đặc biệt là vùng đồng bằng Nam Bộ có độ cao cực thấp so với mực nước biển, dễ bị thủy triều nhấn chìm gây mất đất và nhiễm mặn. Ví dụ, ở Thành phố Hồ Chí Minh, 40-50% đất có độ cao từ 0-1 m so với mực nước biển, và 13-20% nằm trong khoảng 1-2 m so với mực nước biển.

Dự báo, nhiều người dân ven biển, đặc biệt là phụ nữ, phải đối mặt với với lựa chọn khó khăn giữa học cách sống chung với lũ và chịu rủi ro mất kế sinh nhai hay di cư đến những nơi ít chịu rủi ro thiên tai hơn.

c) Lồng ghép giới trong các chính sách về khí hậu của Bộ TN&MT

Chính phủ Việt Nam đã xây dựng nhiều chính sách và chương trình khác nhau về TƯBĐKH có giải quyết vấn đề bình đẳng giới trong TƯBĐKH một cách gián tiếp và trực tiếp như sau.

Luật Tài nguyên nước (2012) chỉ gián tiếp quy định sự tham gia của phụ nữ trong quản lý tài nguyên nước tại Điều 6 về "*Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan trên địa bàn bị ảnh hưởng về những nội dung liên quan đến phương án khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước*". Theo đó, đại diện cộng đồng và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong khu vực bị ảnh hưởng, trong đó có phụ nữ, cần được tham gia đóng góp ý kiến cho các dự án xây dựng để khai thác, sử dụng tài nguyên nước thiên nhiên hoặc xả nước thải vào nguồn nước, ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống của người dân trên địa bàn. Người dân sẽ cho ý kiến về phương án khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước của dự án. Trên cơ sở đó, chủ đầu tư dự án phải tổng hợp, tiếp thu, giải trình và đính kèm vào hồ sơ của dự án khi trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định đầu tư.

Điều 53 về **các dự án xây dựng hồ chứa nước trên sông suối** của Luật này (2012) quy định "Trong quá trình lập quy hoạch phải tổ chức lấy ý kiến các đối tượng hưởng lợi và đối tượng có nguy cơ rủi ro trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước do việc xây dựng hồ chứa đề xuất trong quy hoạch gây ra. Mọi ý kiến góp ý phải được giải trình, tiếp thu trong báo cáo gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định quy hoạch."

Điều 25 về **trách nhiệm bảo vệ tài nguyên nước** của luật này (2012) quy định "*TTổ chức, cá nhân có trách nhiệm thường xuyên bảo vệ nguồn nước do mình khai thác, sử dụng, đồng thời có quyền giám sát những hành vi, hiện tượng gây ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước của tổ chức, cá nhân khác.*" Tuy nhiên, các điều luật này không đề cập trực tiếp đến sự tham gia của phụ nữ và các tổ chức do phụ nữ lãnh đạo. Do đó, quá trình quy hoạch có thể không xét tới các nhu cầu khác nhau giữa phụ nữ và nam giới và giới hạn đóng góp của phụ nữ vào sử dụng, giám sát và bảo vệ tài nguyên nước.

Mặc dù Luật Đất đai 2013 quy định quyền của phụ nữ trong đăng ký hợp pháp giấy chứng nhận sử dụng đất với chồng, phần lớn các trường hợp chỉ xuất hiện tên của người chồng trên giấy chứng nhận (UN Women, 2021). Quyền sử dụng đất hạn chế, thiếu khả năng tiếp cận các công cụ cần thiết, nguồn lực tài chính và vật chất, thiếu thông tin liên quan đến thủ tục pháp lý tiếp cận quyền sử dụng đất, hạn chế hơn nữa khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu của họ (Bộ TN&MT, 2016).

Luật Đa dạng sinh học (2018) của Quốc hội đã đề cập đến sự tham gia của người dân, bao gồm cả việc gián tiếp đề cập đến phụ nữ trong các khu bảo tồn hoặc gần các khu bảo tồn trong quá trình lập và thẩm định dự án thành lập khu bảo tồn cấp quốc gia (Điều 22) và cấp tỉnh (Điều 24). Tuy nhiên, các khu vực với đa dạng sinh học được bảo vệ có thể có tác động không mong muốn đến phụ nữ: *"... các biện pháp bảo vệ và bảo tồn rừng khiến phụ nữ nghèo khó khăn hơn trong việc thu gom củi và các lâm sản khác để sinh hoạt hàng ngày. Ví dụ, phụ nữ ở Cà Mau đã đề cập rằng ngày nay việc bắt cua hoặc cá kèo (Cá bống) khó khăn hơn nhiều vì hiện tại hoạt động này bị cấm"* (CBD, 2021).

Các chính sách liên quan đến tài nguyên thiên nhiên và môi trường và khí hậu được tóm tắt trong **Bảng 4**.

Bảng 4. Danh sách các văn bản chính sách quan trọng liên quan đến biến đổi khí hậu và bình đẳng giới ở Việt Nam

Chính sách	Nội dung về bình đẳng giới	Nội dung về BĐKH
Bình đẳng giới		
Quyết định số 1491/QĐ-BTNMT ngày 28/07/2021 của Bộ TN&MT về việc ban hành Kế hoạch hành động của Nghị quyết số 28/NQ-CP của Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 – 2030 (2021)	Tất cả các bộ phận trực thuộc Bộ TN&MT, căn cứ vào điều kiện và tình hình thực tế, xây dựng kế hoạch thực hiện hoặc lồng ghép các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ của đơn vị mình để thực hiện công tác bình đẳng giới.	Tất cả các bộ phận trực thuộc Bộ TN&MT, căn cứ vào điều kiện và tình hình thực tế, xây dựng kế hoạch thực hiện hoặc lồng ghép các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ của đơn vị mình để thực hiện công tác bình đẳng giới, bao gồm cả biến đổi khí hậu
Văn bản số 1722/BTNMT-TCCB ngày 06/04/2022 của Bộ TN&MT về việc thực hiện bình đẳng giới năm 2022 và các năm tiếp theo	Tất cả các bộ phận của Bộ TN&MT tích cực lồng ghép truyền thông về bình đẳng giới trong các chương trình, đề án, kế hoạch, dự án, v.v. liên quan đến các phòng ban của bộ, bao gồm Cả Cục Biến đổi khí hậu	BĐKH bao gồm trong chức năng của Cục Biến đổi khí hậu
Biến đổi khí hậu		
Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/06/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảngvề việc chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường (2013)	Không có	Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường
Luật số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 được Quốc hội thông qua về Bảo vệ môi trường (2020)	Điều 4. Nguyên tắc bảo vệ môi trường của Luật đề cập đến "Bảo vệ môi trường cần được kết hợp với phúc lợi xã hội, quyền trẻ em, thúc đẩy bình đẳng giới, đảm bảo quyền được sống trong môi trường sống an toàn, lành mạnh của người dân"	Điều 90 đến Điều 96, Chương VII về Ứng phó với biến đổi khí hậu đề cập đến các yêu cầu về ứng phó với biến đổi khí hậu, bổ sung các quy định về thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ôzôn, trong đó xác định nội dung và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước về thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; bổ sung quy định về lồng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu vào hệ thống chiến lược, quy hoạch, thực hiện các cam kết quốc tế về biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn.
Quyết định số 1746/QĐ- TTg ngày 04/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 (2019)	Điều 6, Phần III về phần tổ chức thực hiện đề cập đến Hội Liên hiệp Phụ nữ cùng với các tổ chức chính trị - xã hội khác cần tiếp tục nỗ lực vận động và truyền thông nói không với rác thải nhựa và phổ biến các chính sách cho toàn xã hội	Không có
Quyết định số 1055/TTg ngày 20/07/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu (NAP) giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (2020)	Bộ LĐTBXH được giao ba nhiệm vụ, tập trung vào việc nâng cao năng lực của phụ nữ bao gồm (I) "Sửa đổi, hoàn thiện các chính sách và nâng cao năng lực cho các đối tượng dễ bị tổn thương hơn bởi biến đổi khí hậu nhằm giảm tác động của biến đổi khí hậu đối với cơ hội việc làm của người dân và tình trạng bình đẳng giới"; (ii) Xây dựng đề án truyền thông thúc đẩy tăng trưởng xanh, bao gồm "Giới và biến đổi khí hậu", "Bình đẳng giới và biến đổi khí hậu; (iii) "Đào tạo kỹ năng mềm cho phụ nữ tham gia vào các lĩnh vực kinh tế mới hướng tới thích ứng với biến đổi khí hậu".	NAP xác định 03 nhóm nhiệm vụ và giải pháp, tập trung vào 07 nhóm và lĩnh vực ưu tiên thực hiện các cam kết NDC của Việt Nam về TƯBĐKH và góp phần đạt được các mục tiêu phát triển bền vững.
Quyết định số 672/QĐ-BTNMT ngày 31/03/2017 về Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của Bộ Tài nguyên và Môi trường giai đoạn 2016-2020 (2017)	Không có	Nâng cao năng lực của dự báo trước, cảnh báo thiên tai, quản lý và giám sát biến đổi khí hậu, nâng cao năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu cho tất cả các lĩnh vực thuộc Bộ TNMT giai đoạn 2016-2020, góp phần thực hiện Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu.

Tất cả 63 tỉnh, bộ ngành đã hoàn thành và bắt đầu thực hiện Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu, nhưng không phải tất cả các tỉnh đều xem xét vấn đề bình đẳng giới trong thích ứng một cách toàn diện. Các tỉnh đã tập trung phát triển và đa dạng hóa sinh kế thông qua các hoạt động như tái cơ cấu cây trồng, vật nuôi, thay đổi phạm vi và quy mô sản xuất, áp dụng chuyển giao công nghệ. Nhiều mô hình sinh kế cộng đồng với sự tham gia của phụ nữ đã được thí điểm tại các địa phương trên khắp miền Bắc, Trung, Nam (AFD, 2020).

Việc xem xét các văn bản chính sách về biến đổi khí hậu lớn đã phát hiện ra ba thách thức cho lồng ghép giới trong TƯBĐKH. Thứ nhất, "bình đẳng giới" và "phụ nữ" đôi khi được đề cập trong (các) nguyên tắc, nhưng thường chưa có chỉ số để đánh giá tác động khác biệt đối với nam giới và phụ nữ. Thứ hai, còn thiếu các hướng dẫn cụ thể để thực hiện các giải pháp TƯBĐKH đáp ứng giới trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. Cuối cùng, nguồn lực tài chính có hạn hoặc không đủ để thu thập dữ liệu phân tách theo giới và giám sát việc thực hiện các hoạt động trong và sau khi các dự án / chương trình / nỗ lực kết thúc. Cho đến nay, những hạn chế trong lồng ghép giới trong các chính sách thuộc lĩnh vực tài nguyên nước có thể dẫn đến nguy cơ không đáp ứng được các nhu cầu cụ thể, giảm nhẹ mức độ nhạy cảm và mức độ phơi bày của phụ nữ.

d) Khoảng trống về giới, các thách thức và kết quả khảo sát

Những thách thức lớn vẫn còn tồn tại trong việc đảm bảo bình đẳng giới trong vai trò lãnh đạo và trong quá trình ra quyết định đối với biến đổi khí hậu. Các Sở Tài nguyên và Môi trường (Sở TN&MT) điều phối hành động với biến đổi khí hậu ở cấp tỉnh và là cơ quan đầu mối của địa phương trong việc thúc đẩy các chính sách quốc gia về biến đổi khí hậu ở các tỉnh. Tuy nhiên, nghiên cứu của chúng tôi cho thấy tính ***đến tháng 6 năm 2022, không Sở TN&MT ở bất kỳ tỉnh nào trong số 63 tỉnh thành của Việt Nam có giám đốc sở là nữ. Chỉ có 17 phụ nữ giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở trên tổng số 187 Phó Giám đốc, chiếm 6,8% tổng số lãnh đạo***.

Ngoài ra, việc đảm nhận vị trí lãnh đạo ở các tỉnh đòi hỏi phải dành nhiều thời gian cho công việc và các hoạt động xã hội hóa có thể được coi là 'nam tính'. Nhận thức như vậy đã bỏ qua một thực tế rằng do các chuẩn mực xã hội hiện có về vai trò giới, gánh nặng công việc và chăm sóc gia đình đối với phụ nữ cao hơn đáng kể so với nam giới. Điều này khiến phụ nữ có ít thời gian tham gia các cuộc tham vấn hay nói cách khác là tích cực tham gia quá trình hoạch định chính sách. Trong quá trình thu thập số liệu, một cán bộ đã giải thích sự thiếu vắng của các nữ lãnh đạo với những lý do sau ***"Công việc này vất vả và mệt mỏi, phụ nữ không muốn làm"***. Lý do này thường được đưa ra trong các cuộc tham vấn và thảo luận với các bên tham gia. Phụ nữ vẫn được coi là người phải đảm đương chính các hoạt động gia đình và ưu tiên cho công việc sẽ khiến họ không thực hiện được trách nhiệm đối với gia đình. Những thái độ trên minh chứng cho định kiến xã hội về giới đang tồn tại và phụ nữ không được ủng hộ khi tích cực tham gia vào việc hoạch định chính sách cũng như sự phán xét và đánh giá từ gia đình và cộng đồng. Chính những điều này đã làm cho phụ nữ càng thiếu tự tin.

Năm 2021, Quyết định số 2282/2020/QĐ-TTg được ban hành với mục tiêu tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách giai đoạn 2021 - 2030. Quyết định này đề ra mục tiêu:

*"**Đến năm 2025 đạt 60% và đến năm 2030 đạt 75%** các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ. Đối với một số ngành, lĩnh vực đặc thù có tỷ lệ nữ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thấp dưới 30% có thể điều chỉnh mục tiêu cho phù hợp với thực tiễn cơ quan, đơn vị."*

Tuy nhiên, **vẫn còn khoảng cách lớn giữa số lượng lãnh đạo nữ hiện nay và mục tiêu**.

Quá trình lập kế hoạch và ngân sách hiện tại chưa có các ưu tiên về giới cho thích ứng trong ngành. Với việc ngân sách khí hậu chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong ngân sách cấp tỉnh (từ 16 đến 21% trong giai đoạn 2016 – 2020) tại 29 tỉnh được nghiên cứu rà soát chi tiêu và đầu tư công cho khí hậu. Thích ứng với BĐKH chiếm 90% số ngân sách cho khí hậu trong cả giai đoạn. Tuy vậy, việc thiếu đại diện nữ đã cản trở bước tiến về lồng ghép giới (Bộ KHĐT & UNDP, 2022).

Lượng ODA cho các tỉnh có xu hướng tăng tạo cơ hội để tăng các yêu cầu liên quan đến phân tích và lồng ghép giới ở địa phương, vì vấn đề bình đẳng giới đang ngày càng được các nhà tài trợ lớn tập trung.

Cần thiết phải sửa đổi các hướng dẫn hiện có để lồng ghép giới trong đánh giá tác động và tính dễ bị tổn thương của các nhóm xã hội trong các chính sách của ngành. Cùng với UNDP, Bộ TN&MT đã bắt đầu xây dựng hướng dẫn lồng ghép biến đổi khí hậu vào quy hoạch, chiến lược của tất cả các ngành theo yêu cầu của Luật về Môi trường 2020, tuy nhiên chưa xem xét đến các cân nhắc về giới trong những tài liệu hướng dẫn này.

Ngoài ra, cần xây dựng công cụ giám sát có thể theo dõi các vấn đề về giới của ngành liên quan tới biến đổi khí hậu, ví dụ như tiếp cận với các dịch vụ cảnh báo sớm và dịch vụ thông tin khí hậu. Bên cạnh việc giám sát hai chỉ tiêu dựa trên Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, trước đây, Bộ TN&MT có cơ chế giám sát dựa trên Quyết định 672/QĐ-BTNMT (2017) về Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của Bộ Tài nguyên và Môi trường giai đoạn 2016-2020. Theo Quyết định này, Cục Khí Thủy văn – Thủy văn và Biến đổi khí hậu (nay là Cục Biến đổi khí hậu) và Vụ Kế hoạch (nay đổi thành Vụ Kế hoạch – Tài chính) có trách nhiệm theo dõi, đánh giá và báo cáo kết quả của Kế hoạch hành động. Một trong những nhiệm vụ được đưa ra trong quyết định này là *"phổ biến kiến thức nhằm nâng cao trách nhiệm cộng đồng về thích ứng với biến đổi khí hậu"* bao gồm nhận thức của phụ nữ về thích ứng với biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, không có chỉ tiêu cụ thể để đánh giá, cần xem xét tiến độ thực hiện các nhiệm vụ và kết quả được giao, bài học kinh nghiệm và thách thức cần vượt qua dựa trên số liệu báo cáo sẵn có từ các bộ phận thực hiện.

e) Nghiên cứu điển hình về sự đóng góp của phụ nữ trong thích ứng với biến đổi khí hậu trong các lĩnh vực môi trường và tài nguyên nhiên nhiên

Dự án Khả năng chống chịu của khu vực ven biển

Dự án do GCF tài trợ và UNDP hỗ trợ có tên "Tăng cường khả năng chống chịu của các cộng đồng ven biển dễ bị tổn thương bởi những tác động liên quan đến biến đổi khí hậu ở Việt Nam" nhằm mục đích xây dựng khả năng chống chịu và nâng cao năng lực thích ứng của các tỉnh ven biển chịu nhiều thiên tai của Việt Nam. Hợp phần 2 của dự án, được thực hiện tại 5 tỉnh ven biển Nam Định, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Cà Mau và Thanh Hóa, với mục đích tăng cường khả năng bảo vệ tài nguyên thiên nhiên của cộng đồng ven biển thông qua việc trồng rừng và tái sinh của hơn 4.000 ha rừng ngập mặn ven biển (UNDP, 2020). Đồng thời, dự án đang xây dựng sinh kế bền vững và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thông qua các biện pháp can thiệp sinh kế hiệu quả, nhằm khuyến khích hơn nữa việc bảo vệ rừng ngập mặn. Đến nay, dự án này đã hỗ trợ 42 mô hình sinh kế trong nuôi trồng thủy sản, trồng trọt và chăn nuôi, trong đó có nhiều mô hình mang lại lợi ích trực tiếp cho các hộ do phụ nữ làm chủ hộ.

Để ghi nhận mức độ dễ bị tổn thương khác nhau của phụ nữ trước các rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu và thiên tai và thừa nhận rằng các tác động của biến đổi khí hậu không mang tính trung lập về giới, thiết kế của dự án này đã ưu tiên những phụ nữ dễ bị tổn thương có sinh kế bị gián đoạn bởi công việc tái tạo rừng ngập mặn. Trong khuôn khổ dự án này, Hội LHPNVN ở cấp quốc gia và cấp tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện Kế hoạch hành động về Giới (GAP) của dự án và đảm bảo giám sát hiệu quả và lồng ghép giới trong suốt thời gian của dự án. Đến nay, GAP nhìn chung đã được thực hiện có hiệu quả với sự tham gia cao của phụ nữ. Ví dụ, vào năm 2021, phụ nữ chiếm 45,6% tổng số người dân địa phương làm việc trong các hoạt động trồng, tái sinh và bảo vệ rừng ngập mặn. Ngoài ra, phụ nữ cũng đại diện cho 37,4% những người tham gia vào việc thực hiện và đào tạo sinh kế.[21]

Dự án TƯBĐKH đáp ứng giới và trao quyền cho phụ nữ như vậy đang thúc đẩy bình đẳng giới, đồng thời, mang đến những cơ hội mới để phát huy tiềm năng của phụ nữ và trẻ em gái như những tác nhân mạnh mẽ thay đổi để cải thiện TƯBĐKH. Để tránh thiếu tính nhạy cảm giới trong quá trình xây dựng và thực hiện các giải pháp cho TƯBĐKH trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, chẳng hạn như tái tạo rừng ngập mặn và thực hiện các mô hình sinh kế bền vững trong Hợp phần 2 của Dự án Khả năng chống chịu vùng ven biển, cần phải cung cấp các hướng dẫn kỹ thuật và hỗ trợ tài chính để tiếp tục trao quyền và nâng cao năng lực cho phụ nữ. Hơn nữa, dự án này đã chứng minh rằng việc thúc đẩy vai trò lãnh đạo của phụ nữ và các sáng kiến do phụ nữ lãnh đạo, cũng như vai trò ra quyết định của phụ nữ trong các nỗ lực của TƯBĐKH trong lĩnh vực này, là không thể thiếu để lồng ghép giới vào TƯBĐKH một cách có ý nghĩa và đảm bảo rằng dự án được thực hiện theo cách đó là công bằng, bền vững và khả thi trong dài hạn.

Kể từ năm 2010, Hội LHPNVN đã phát động một số chiến dịch TƯBĐKH và bảo vệ môi trường, phát triển các khu vực nông thôn mới và các thành phố bền vững, bằng cách thí điểm các mô hình cơ sở. Các mô hình cơ sở bao gồm: đường phố tự quản bởi phụ nữ, các nhóm phụ nữ thu gom và nâng cao nhận thức về chất thải nhằm giảm ô nhiễm nhựa, tăng cường an ninh lương thực, giám sát sản xuất nông nghiệp để đảm bảo an toàn môi trường, hỗ trợ phụ nữ bị ảnh hưởng bởi thiên tai, v.v. Những hoạt động này đã nhận được sự hưởng ứng, chia sẻ tự nguyện và có trách nhiệm của các thành viên và phụ nữ trên khắp đất nước. (Bộ TN&MT, 2017).

Trong nhiều năm qua, UNDP và UN Women tại Việt Nam và CCWG bao gồm các NGO và Hội LHPNVN đã hợp tác để giải quyết vấn đề bình đẳng giới trong TƯBĐKH và GNRRTT (CTSEN, 2020), hỗ trợ nội địa hóa các mục tiêu toàn cầu và đề ra các kế hoạch hành động để thực hiện thông qua việc thực hiện các nghiên cứu quan trọng về giới và TƯBĐKH, xây dựng các mô hình thích ứng hỗ trợ phụ nữ đảm bảo sinh kế, cung cấp bằng chứng cho Chính phủ trong việc lồng ghép bình đẳng giới vào các chính sách biến đổi khí hậu ở Việt Nam.

2. Nông nghiệp và phát triển nông thôn

Nông nghiệp là một trong những ngành chịu nhiều tác động nhất của BĐKH do có mức độ phơi bày với sự tăng nhiệt độ, nước biển dâng, và thay đổi lượng mưa cao. Trong phát biểu của mình, Thứ trưởng Bộ NN&PTNT ông Nguyễn Hoàng Hiệp đã khẳng định: *"Nông nghiệp là xương sống của nền kinh tế Việt Nam và là trụ cột để xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam, đặc biệt ở các tỉnh nông thôn, nơi có 66% dân số sinh sống"* (UNDP, 2019). Đến năm 2050, thiệt hại của nông nghiệp do BĐKH gây ra có thể làm giảm 2,4% GDP của Việt Nam (World Bank, 2010). Do đó, cần triển khai các hành động thích ứng trong lĩnh vực nông nghiệp càng sớm càng tốt.

a) Tại sao các cân nhắc giới lại quan trọng với thích ứng với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực nông nghiệp?

Có một số yếu tố khiến phụ nữ đặc biệt dễ bị tổn thương trước tác động của biến đổi khí hậu trong lĩnh vực này, chẳng hạn như phụ thuộc nhiều hơn vào tài nguyên thiên nhiên để tạo thu nhập, sự tập trung của phụ nữ trong khu vực kinh tế phi chính thức, trách nhiệm gia đình có thể hạn chế họ tham gia các cuộc họp cộng đồng, tỷ lệ sở hữu đất đai thấp và khả năng ra quyết định trong cả gia đình và cộng đồng. (UNDP, 2019).

Điều 14 của CEDAW (1979) mà Việt Nam đã thông qua vào năm 1992 nhấn mạnh quan hệ giữa giới và nông nghiệp như dưới đây, đã đặt nền móng để hiểu rõ hơn quan hệ giữa khí hậu và giới.

1. *Các quốc gia thành viên Công ước phải xem xét **các vấn đề cụ thể đặt ra đối với phụ nữ nông thôn và vai trò quan trọng của phụ nữ nông thôn trong đời sống kinh tế của gia đình họ**, bao gồm những Công việc của họ trong khu vực kinh tế không được tính thành tiền, và phải áp dụng tất cả các biện pháp thích hợp để đảm bảo **việc thực hiện các điều khoản của Công ước này đối với phụ nữ ở các vùng nông thôn**.*

2. *Các quốc gia thành viên Công ước phải áp dụng tất cả các biện pháp thích hợp để **xoá bỏ sự phân biệt đối xử chống lại phụ nữ ở các vùng nông thôn** để đảm bảo, trên cơ sở **bình đẳng nam nữ**, việc họ **tham gia phát triển nông thôn và được hưởng lợi từ sự phát triển đó**.*

Công ước này cũng yêu cầu các Bên thực hiện các biện pháp thích hợp để đảm bảo phụ nữ tiếp cận một số quyền liên quan trực tiếp đến TƯBĐKH, như: "*tham gia xây dựng kế hoạch phát triển, tiếp cận đào tạo và giáo dục, và hưởng lợi từ các dịch vụ chung trong cộng đồng để nâng cao năng lực kỹ thuật của họ, tiếp cận bình đẳng với các cơ hội kinh tế, tín dụng và vay vốn nông nghiệp, được đối xử bình đẳng trong cải cách ruộng đất*".

Bình đẳng giới là mục tiêu chính được xác định trong các Mục tiêu Phát triển Bền vững. Nông nghiệp được xác định là ngành mang lại nhiều cơ hội nhất để giảm tình trạng dễ bị tổn thương và trao quyền cho phụ nữ (FAO, 2016). Các nhà hoạch định chính sách trong lĩnh vực nông nghiệp có nghĩa vụ đảm bảo rằng phụ nữ có thể tham gia đầy đủ, và hưởng lợi từ quá trình phát triển nông nghiệp (FAO, 2011). Báo cáo mang tính bước ngoặt do FAO thực hiện năm 2011 đã nêu bật một số lợi ích về xã hội, kinh tế và môi trường có thể tạo ra từ việc "thu hẹp khoảng cách giới" (FAO, 2011). Nếu phụ nữ được tiếp cận với các nguồn lực sản xuất như nam giới, họ sẽ có thể tăng 20-30% sản lượng trên các trang trại hoặc đất của họ. FAO cũng tính toán thêm rằng sự gia tăng này sẽ giúp nâng tổng sản lượng nông nghiệp ở các quốc gia đang phát triển lên thêm 2,5–4% và số người thiếu đói trên toàn cầu sẽ giảm 12–17%.

b) Dữ liệu nền và đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương

Dân số làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp có mức độ dễ bị tổn thương cao hơn, với trình độ học vấn, mức thu nhập và khả năng tiếp cận 'mạng lưới an toàn' thấp hơn. Tuy nhiên, nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản là khu vực kinh tế sử dụng lao động nữ lớn thứ hai, sau khu vực dịch vụ, với 35,9% phụ nữ đang làm việc trong lĩnh vực này (TCTK, 2021). Khu vực này sử dụng nhiều phụ nữ hơn nam giới, mặc dù tỷ trọng lao động có xu hướng giảm liên tục (cho cả hai nhóm). Ở khu vực nông thôn, phần lớn phụ nữ (63,4%) làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp (An sinh xã hội Việt Nam, 2018).

Tồn tại những khác biệt đáng kể giữa phụ nữ và nam giới. Ví dụ như tỷ lệ phụ nữ làm nông nghiệp tự sản tự tiêu[22] một hình thức canh tác mà sản phẩm trồng trọt và chăn nuôi chủ yếu để sử dụng trong gia đình cao hơn nam giới rất nhiều, với tỷ lệ lần lượt là 85,9% (nữ) và 59,2% (nam) (TCTK, 2021). Số thành viên nữ của các hợp tác xã nông nghiệp chỉ bằng 1/5 số thành viên nam (TCTK, 2021). Tiền lương bình quân hàng tháng của nữ xã viên HTX đạt 3.100.000 đồng/tháng, trong khi tiền lương của nam xã viên là 5.500.000 đồng/tháng (TCTK, 2021). Tỷ lệ nam qua đào tạo (4,9%) cao hơn nữ 1,5 lần (3,1%) (TCTK, 2021). Tỷ lệ lao động qua đào tạo trong nông nghiệp thấp nhất trong các ngành, cụ thể nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản có tỉ lệ là 4% trong khi công nghiệp và xây dựng là 18% và dịch vụ là 44,7% trong năm 2019 (TCTK, 2021).

Thu nhập bình quân của lao động nông nghiệp thấp nhất trong 3 ngành kinh tế chính[23], ở mức 3 triệu đồng/tháng (TCTK, 2021). Mặc dù lao động nông nghiệp chiếm 34% tổng lực lượng lao động, nhưng chỉ 0,8% trong số này tham gia đóng bảo hiểm xã hội (TCTK, 2021). Đáng chú ý,

21 Nguồn: Báo cáo kết quả hoạt động thường niên năm 2021 cho FP013: Nâng cao khả năng chống chịu của các cộng đồng ven biển dễ bị tổn thương trước các tác động liên quan đến biến đổi khí hậu ở Việt Nam.

22 Một hình thức canh tác mà sản phẩm trồng trọt và chăn nuôi chủ yếu để sử dụng trong gia đình

23 2 ngành còn lại là công nghiệp và xây dựng và dịch vụ

tỉ lệ lao động nữ tham gia lĩnh vực nông nghiệp giảm từ từ 41,3% năm 2017 xuống 35,9% năm 2019. Lao động nữ có xu hướng chuyển dịch từ lĩnh vực nông nghiệp sang lĩnh vực công nghiệp/xây dựng và dịch vụ. Phụ nữ làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản có mức chênh lệch tiền lương cao nhất, lên tới 57,1% vào năm 2019) (TCTK, 2021).

Với những khác biệt trong quyền ra quyết định và tiếp cận nguồn lực, phụ nữ và nam giới Việt Nam đảm nhận các vai trò và trách nhiệm khác nhau trong nông nghiệp.

Sự cân bằng giữa vai trò của phụ nữ và nam giới vẫn còn tồn tại ở các gia đình có thu nhập thấp với phần lớn là các nông hộ (mặc dù vai trò của phụ nữ trong việc ra quyết định và tiếp cận với các nguồn tài nguyên đã được cải thiện, đặc biệt là trong các hộ gia đình có thu nhập cao trong những năm qua) (UN Women, 2021). Do các định kiến văn hóa, nam giới thường là người ra quyết định chính trong gia đình, trong khi phụ nữ bị bó buộc trong gia đình, bếp núc và nông trại. Mặc dù phụ nữ chịu trách nhiệm chính về sản xuất, nhưng họ lại bị hạn chế trong tiếp cận và sử dụng các giải pháp công nghệ mới, nguồn lực và tập huấn, để có năng suất cao hơn hoặc điều chỉnh vụ mùa. Trong các hoạt động cộng đồng, nam giới tham gia vào các hoạt động liên quan đến luật pháp, an ninh và khuyến nông/khuyến lâm nhiều hơn nữ giới (MARD, 2018a).

Khả năng tự quyết định và ra quyết định hạn chế của phụ nữ ảnh hưởng đến khả năng thích ứng với BĐKH của họ. Tiếp cận kiến thức, nguồn lực và đào tạo không giống nhau cũng gây bất lợi cho phụ nữ (Ylipaa, 2019). Những khác biệt này có thể gia tăng khoảng cách giới và tác động tiêu cực đến kết quả thực hiện của NAP. Gánh nặng sản xuất và tái sản xuất trên vai phụ nữ nông thôn có khả năng tăng lên, đặc biệt là khi phụ nữ ít được tiếp cận và kiểm soát tài sản và nguồn lực, khi họ có trình độ học vấn và khả năng di chuyển thấp hơn, có ít cơ hội chuyển đổi sinh kế hơn, và thiếu quyền ra quyết định. **Qua đó, tiềm năng của phụ nữ trong việc thích ứng và can thiệp vào các chiến lược và chính sách liên quan đến BĐKH bị hạn chế.**

Giấy chứng nhận sử dụng đất đai

Mặc dù tỷ lệ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) chỉ dành cho nam giới đã giảm đáng kể trong giai đoạn 10 năm từ 2004 đến 2014, nam giới vẫn có nhiều khả năng là chủ sở hữu đất và/hoặc nhà duy nhất hơn so với phụ nữ (Buchhave, 2020). Ở Việt nam, 58,1% người trưởng thành trong các nông hộ có quyền sở hữu hoặc quyền chuyển nhượng hoặc thừa kế đất nông nghiệp, nhưng tỷ lệ này là 62,5% đối với nam giới và 53,8% đối với nữ giới vào năm 2020 (TCTK, 2020b). Sự mất cân bằng về quyền sử dụng đất này có tác động mạnh mẽ đến khả năng vay vốn và đưa ra quyết định về đất đai của phụ nữ, và đối với sự ổn định kinh tế của phụ nữ nói chung. Từ đó, làm giảm khả năng thích ứng của phụ nữ. Những phụ nữ không có tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đai sẽ ít được tiếp cận với các dịch vụ tài chính và chăm sóc sức khỏe hơn (Buchhave, 2020), sẽ phụ thuộc nhiều hơn vào chồng, có ít quyền ra quyết định hơn, và có nguy cơ cao bị bạo hành gia đình đặc biệt là bạo lực về kinh tế. Trong một số trường hợp, dường như người chồng có thể hạn chế chi tiêu của vợ, từ chối đưa tiền cho vợ như một "hình phạt" hoặc từ chối làm việc nhà. Quyền tự chủ và địa vị của phụ nữ trong gia đình và cộng đồng sẽ tăng lên nếu họ có quyền sử dụng đất và kiểm soát tài sản.

Tác động của nước đối với phúc lợi của phụ nữ

Điều kiện kinh tế của phụ nữ có thể bị ảnh hưởng do tình trạng thiếu nước. Việc đi lấy nước rất tốn thời gian và công sức mà đáng ra có thể dành để tạo thu nhập hoặc tăng năng suất. Đồng thời, phần lớn tài nguyên nước (73,1%) được dùng cho nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản ở Việt Nam (Bộ NN&PTNT, 2021). Do phần lớn phụ nữ nông thôn tham gia sản xuất nông nghiệp, khan hiếm nước do khí hậu gây ra khiến phụ nữ có nguy cơ mất mùa, dẫn đến giảm hay thậm chí mất hoàn toàn thu nhập.

Ngoài ra, phần lớn các DTTS sống dựa vào nông nghiệp tự sản tự tiêu, sử dụng nông nghiệp công nghệ thấp, phụ thuộc nhiều vào sự sẵn có và chất lượng của các nguồn tài nguyên thiên nhiên (UBDT, 2019). Bên cạnh đó, các DTTS phần lớn sinh sống ở các khu vực miền núi, vùng

sâu vùng xa nơi mà hệ thống thủy lợi và cấp nước sạch khó có thể được dẫn tới (UNFPA & MOH, 2017). Do đó, hạn hán, cháy rừng, sạt lở đất và lũ lớn trong mùa mưa lũ đã ảnh hưởng nặng nề đến đời sống của các nông hộ dân tộc thiểu số. Tảo hôn có thể được coi là một cơ chế để nâng cao điều kiện kinh tế và đời sống, đặc biệt là ở các dân tộc thiểu số sống ở nông thôn (UBDT, 2019).

c) Hiện trạng lồng ghép giới trong Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu – lĩnh vực Nông nghiệp (NAP-Ag)

Lồng ghép giới trong NAP-Ag

Như là một phần của dự án "Lồng ghép Nông nghiệp vào các kế hoạch thích ứng quốc gia" do UNDP và FAO thực hiện, Bộ NN&PTNT đã thúc đẩy lồng ghép giới vào trong Nông nghiệp năm 2020.[24] Đánh giá tình hình lồng ghép giới trong chương trình NAP-Ag cho phép đúc rút một số phát hiện chính và bài học kinh nghiệm hữu ích cho việc xây dựng NAP. Chương trình Lồng ghép Nông nghiệp trong Kế hoạch quốc gia thích ứng với BĐKH do UNDP chủ trì với sự phối hợp của UN Women và Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã tổ chức hội thảo để tăng cường lồng ghép giới trong nông nghiệp và phát triển nông thôn, và đề xuất các giải pháp đối phó với các vấn đề giới trong các kịch bản BĐKH cho ngành nông nghiệp (Bộ NN&PTNT, 2018b). Các chỉ số phân tách theo giới đã được đưa vào các chỉ số giám sát và đánh giá của NAP trong lĩnh vực nông nghiệp **(Bảng 5).**

24 https://www.adaptation-undp.org/naps-agriculture

Bảng 5. Các chỉ số được đề xuất để theo dõi bình đẳng giới trong quá trình NAP-Ag (2018)

STT	Chỉ số
1	Số phụ nữ trong Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai cấp tỉnh, cấp huyện
2	Tỷ lệ ngân sách ứng phó với BĐKH được chi cho nâng cao năng lực quản lý, chính sách về BĐKH, năng lực của phụ nữ
3	Tỷ lệ ngân sách ứng phó với BĐKH được chi để bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương (phụ nữ, dân tộc thiểu số, người nghèo) do thiên tai và BĐKH
4	Số doanh nghiệp nông nghiệp do phụ nữ lãnh đạo áp dụng các mô hình TƯBĐKH
5	Số hộ do phụ nữ làm chủ hộ áp dụng các mô hình TƯBĐKH

Nhìn chung, giới đã được cân nhắc đưa vào quy trình NAP-Ag với các chỉ số đáp ứng giới đề xuất trong việc lựa chọn các biện pháp TƯBĐKH và GS&ĐG việc triển khai NAP-Ag. Tuy nhiên, việc đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và rủi ro khí hậu chưa xét tới sự khác biệt giữa phụ nữ và nam giới, và phương pháp luận hiện tại chỉ tập trung vào thiệt hại kinh tế đối với các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản. Trong khi đó, đóng góp của lao động nữ và lao động nam trong các lĩnh vực này là khác nhau, và cần cân nhắc cẩn trọng tác động của BĐKH đối với mỗi nhóm. Chỉ có 2 trong 5 chỉ số giới để giám sát và đánh giá việc thực hiện NAP được đưa ra trong NAP-Ag được các Sở NN&PTNT ở các tỉnh thí điểm thu thập dữ liệu thành công. Do đó, các chỉ số cần phải khả thi và dựa trên nguồn dữ liệu, nguồn nhân lực và tài chính sẵn có để thu thập dữ liệu.

Các cân nhắc về giới trong các chính sách của Bộ NN&PTNT

Các vấn đề về giới trong các chính sách của Bộ NN&PTNT được trình bày trong **Bảng 6**. **Kết quả rà soát cho thấy bình đẳng giới được đưa vào đầy đủ và được đề cập tổng thể trong các phần nguyên tắc hoặc quan điểm. Tuy nhiên, các cân nhắc về giới chưa được đồng bộ đưa vào các kế hoạch và dự án**. Điều này cho thấy bình đẳng giới chưa được triển khai để phát huy hết tiềm năng trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn. Cho đến nay, chưa có công bố nào về hướng dẫn nào về lồng ghép giới trong các chính sách khí hậu nông nghiệp. Việc thiếu các hướng dẫn có thể là nguyên nhân tạo nên khoảng cách giữa chính sách và việc thực hiện.

Bảng 6. Các mục tiêu xuyên suốt trong các chính sách bình đẳng giới và khí hậu trong lĩnh vực nông nghiệp

Quy định	Nội dung về bình đẳng giới	Nội dung về BĐKH
Bình đẳng giới		
Luật số 73/2006/QH11 ngày 29/06/2006 được Quốc hội thông qua về Bình đẳng giới (2006)	Cần đạt được bình đẳng giới giữa phụ nữ và nam giới trong chính trị, kinh tế, y tế, xã hội và thông tin văn hóa. "Lao động nữ khu vực nông thôn được hỗ trợ tín dụng, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư theo quy định của pháp luật"	Luật này không đề cập đến BĐKH. Tuy nhiên, bình đẳng giới trong các lĩnh vực khác nhau (ví dụ, phụ nữ lãnh đạo, tiền lương, thời gian làm việc không lương) đảm bảo rằng phụ nữ có đủ năng lực thích ứng với BĐKH.
Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về Bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 (2021)	Được đề cập rõ ràng trong các mục tiêu và chỉ số quốc gia trong lĩnh vực chính trị, giáo dục, y tế, kinh tế và lao động bao gồm cả lĩnh vực nông nghiệp. "Chỉ tiêu 2: Giảm tỷ trọng lao động nữ làm việc trong khu vực nông nghiệp trong tổng số lao động nữ có việc làm xuống dưới 30% vào năm 2025 và dưới 25% vào năm 2030."	Chiến lược không đề cập đến BĐKH. Tuy nhiên, các chỉ số (ví dụ: tỷ lệ nữ lãnh đạo, tiền lương, trình độ học vấn, thời gian làm công việc không lương) liên quan đến nhu cầu của phụ nữ, khả năng tiếp cận các nguồn lực, ra quyết định để thích ứng với BĐKH.
Thích ứng với BĐKH		
Luật số 33/2013/QH13 ngày 19/06/2013 được Quốc hội thông qua về Phòng chống thiên tai (2013)	Phụ nữ được xác định là một trong những đối tượng dễ bị tổn thương tại Điều 3. Bình đẳng giới được coi là một trong những mục tiêu của các nguyên tắc cơ bản trong phòng, chống thiên tai (Điều 4).	BĐKH được đề cập trong nguyên tắc phòng, chống thiên tai. Luật cũng yêu cầu phải có chiến lược, kế hoạch phòng, chống thiên tai của quốc gia; kế hoạch phòng chống thiên tai của tỉnh và bộ phải cân nhắc BĐKH.
Quyết định số 04/QĐ-TWPCTT ngày 22/04/2021 phê duyệt danh sách thành viên tham gia Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai (2013)	Quyết định này khẳng định Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam là thành viên chính thức của Ban chỉ đạo phòng chống lụt bão các cấp.	Thay đổi khí hậu không được đề cập trong quyết định này. Tuy nhiên, sự tham gia của Hội LHPN trong các Ban làm tăng khả năng tiếp cận của phụ nữ trong việc ra quyết định đối với TƯBĐKH.
Luật số 08/2017/QH14 ngày 19/06/2017 về Thủy lợi (2017)	Không có	Biến đổi khí hậu được đề cập trong suốt văn bản, bao gồm định nghĩa thủy lợi tại Điều 1, Nguyên tắc vận hành thủy lợi tại Điều 3, Khung chính sách điều tiết cho hoạt động thủy lợi tại Điều 4, Khoa học và công nghệ trong hoạt động thủy lợi, Đầu tư cơ bản thủy lợi tại Điều 9, Nguyên tắc lập quy hoạch thủy lợi tại Điều 12, Các quy hoạch thủy lợi bao gồm tại Điều 13, Quy tắc đầu tư xây dựng công trình thủy lợi tại Điều 15, Vận hành hồ chứa thủy điện hoặc vận hành liên thông nhiều hồ chứa nước để sử dụng nước trong Điều 18.
Quyết định số 1308/QĐ-BNN-KH ngày 13/04/2018 của Bộ NN&PTNT phê duyệt Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn (2018)	Phụ nữ được đề cập gián tiếp thông qua nhóm dễ bị tổn thương trong kế hoạch này. Mục tiêu 1.4: "Đến năm 2030, tăng cường khả năng chống chịu và phục hồi cho người nghèo và những người trong hoàn cảnh dễ bị tổn thương, đồng thời giảm rủi ro và tổn thương của họ do các hiện tượng thời tiết và khí hậu cực đoan, các cú sốc về thảm họa môi trường..." Mục tiêu 2.1: "Đến năm 2030, chấm dứt tình trạng thiếu đói và đảm bảo tất cả mọi người, đặc biệt những người nghèo và những người dễ bị tổn thương, bao gồm cả người cao tuổi và trẻ sơ sinh, được tiếp cận với thực phẩm an toàn, đủ dinh dưỡng và đầy đủ quanh năm"	BĐKH được nêu trong mục tiêu của kế hoạch hành động

Quyết định số 891/QĐ-BNN-KHCN ngày 17/03/2020 của Bộ NN&PTNN phê duyệt Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về BĐKH của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn giai đoạn 2021-2030 – ban hành kèm theo (2020)	Không có	Ứng phó với BĐKH là mục tiêu của Kế hoạch này.
Quyết định số 1662/QĐ-TTg ngày 04/10/2021 của Thủ tướng phê duyệt Đề án "bảo vệ và phát triển rừng vùng ven biển nhằm ứng phó với BĐKH và thúc đẩy tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030" (2021)	Không có	Ứng phó với BĐKH là mục tiêu của Đề án và tất cả các biện pháp cần phải tính đến BĐKH.
Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và phát triển nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (2022)	Bình đẳng giới cũng được đề cập như một mục tiêu của các chính sách phúc lợi xã hội trong định hướng, nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững.	Ứng phó và thích ứng với BĐKH được đề cập trong quan điểm phát triển và mục tiêu của chiến lược cần phải được xem xét.

d) Khoảng trống về giới, các thách thức và kết quả khảo sát

Bộ NN&PTNT là một trong những bộ đầu tiên lồng ghép giới và BĐKH trong các chính sách của mình với Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH năm 2016. Sự có mặt của Hội LHPNVN trong Ban chỉ đạo quốc gia về Phòng chống thiên tai là một bước tiến quan trọng trong nâng cao vai trò và tiếng nói của phụ nữ trong lĩnh vực phòng chống thiên tai. Mặc dù các quan điểm hoặc mục tiêu cho thấy nhiều tiến bộ và toàn diện, nhưng các chính sách lồng ghép giới chưa hoàn chỉnh mà bị hạn chế một phần. Một trong hai nhà hoạch định chính sách được phỏng vấn vào tháng 4/2022 chưa từng tham gia một khóa tập huấn nào về giới. Không có một quy định bắt buộc nào yêu cầu các nhà hoạch định chính sách nói chung và trong lĩnh vực nông nghiệp nói riêng phải được tập huấn về giới. Trong thời gian vừa qua, các dự án hoặc các chính sách thường đề cập đến giới như một yêu cầu của các dự án do các tổ chức quốc tế tài trợ/thực hiện.

Hiện nay, không có phụ nữ nào giữ chức vụ Giám đốc Sở NN&PTNT và chỉ có 17 (10,5%) trong số 161 Phó Giám đốc Sở là phụ nữ. Bên cạnh đó, những người tham gia phỏng vấn cũng lưu ý rằng sự tham gia của phụ nữ trong Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai cấp tỉnh và cấp huyện chưa thực sự mang lại hiệu quả với những đóng góp trong việc đưa ra quyết định còn hạn chế.

Kết quả cuộc phỏng vấn với đại diện Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn vào tháng 4/2022, chỉ ra một số khoảng trống và thách thức. Chỉ có 2 trong 5 chỉ số giới trong bản thảo khung GS&ĐG NAP-AG được báo cáo. Hai chỉ số này bao gồm chỉ số #1 (Số phụ nữ trong ban chỉ huy phòng chống thiên tai cấp tỉnh và cấp huyện) và chỉ số #4 (Số doanh nghiệp nông nghiệp do phụ nữ lãnh đạo áp dụng mô hình TƯBĐKH) đã được thu thập dữ liệu thành công. Chỉ số #4 được thu thập bằng cách tính số doanh nghiệp do phụ nữ lãnh đạo áp dụng công nghệ mới trong trồng trọt và tưới tiêu. Dựa vào kết quả phỏng vấn với các bộ chủ chốt, hạn chế về tài chính được xem là lý do chính để giải thích vì sao các dữ liệu phân tách giới đã không được thu thập cho ba chỉ số còn lại.

Cuộc khảo sát cũng cho thấy sự hợp tác giữa Bộ NN&PTNT và TCTK trong thu thập và chia sẻ cơ sở dữ liệu phân tách theo giới còn hạn chế. Tổng điều tra nông nghiệp nông thôn và thủy sản là một trong bốn cuộc tổng điều tra quốc gia do MPI phụ trách (Luật 89/2015/QH13 về Thống kê). Trong những báo cáo được công bố, các dữ liệu thường được phân loại theo một vài đặc trưng (ví dụ như số cán bộ chủ chốt trong các xã được phân loại theo giới và khu vực địa lý và những thông tin này không đủ cho phân tích giới). Ngoài ra, do lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản vẫn sử dụng hơn một phần ba dân số Việt Nam, việc thu thập các chỉ số độc lập của Bộ NN&PTNT sẽ đòi hỏi nguồn nhân lực và tài chính đáng kể. **Những người được hỏi xác định thêm rằng việc thiếu dữ liệu cơ bản về giới** là một thách thức đối với Bộ vì nó không cho phép họ nắm bắt được các tính chất dễ bị tổn thương và mức độ phơi bày cụ thể của phụ nữ và phụ nữ nông dân. Do đó, có thể tạo ra thách thức đối với việc xây dựng các biện pháp cụ thể. **Cho đến nay, Bộ LĐTBXH đã đóng góp một cách hạn chế trong việc lồng ghép giới trong các chính sách của Bộ NN&PTNT.** Việc xem xét giới đã được thực hiện thông qua sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế như UNDP và CARE theo các yêu cầu và hướng dẫn của Bộ TN&MT.

e) Nghiên cứu điển hình – đóng góp của phụ nữ vào biến đổi khí hậu trong lĩnh vực nông nghiệp

Dự án "Nâng cao vị thế kinh tế của phụ nữ thông qua thúc đẩy chuỗi giá trị nông nghiệp" (WEAVE)[25]

Chuối bản địa ở Bắc Kạn là cây trồng có khả năng chống chịu tốt với hạn hán do có khả năng giữ nước và bảo vệ đất. Vì vậy, chuối nên được chọn để mở rộng canh tác như một biện pháp thích ứng với BĐKH. Tuy nhiên, hầu hết nông dân trồng chuối là phụ nữ với khả năng kết nối thị trường hạn chế và năng lực chế biến sau thu hoạch thấp. Do đó, nông dân trồng chuối rất dễ bị ảnh hưởng bởi BĐKH mặc dù chuối phát triển tốt. Nhận thấy những vấn đề này, CARE đã hợp tác với Oxfam và NSV, với tài trợ từ DFAT để thực hiện dự án này trong giai đoạn 2016-2021. Dự án tập trung kết nối các hợp tác xã chủ yếu do phụ nữ lãnh đạo với các đơn vị thu mua, tiến hành tập huấn kỹ thuật chế biến sau thu hoạch và hỗ trợ cung cấp tư liệu sản xuất. Kết quả là, Dự án này hỗ trợ nữ nông dân tự tin về năng lực, kiến thức của bản thân về khách hàng mục tiêu và thiết lập mạng lưới kênh phân phối. Trong quý

25 Nghiên cứu điển hình được cung cấp bởi một người cung cấp thông tin.

IV năm 2019, hơn 1 tấn chuối khô, 500kg chuối sấy (banana chips) và gần 10 tấn chuối tươi đã được tiêu thụ, với tổng giá trị hơn 150 triệu đồng (tương đương 6.500 đô la Mỹ). Hơn nữa, người dân địa phương bán chuối tươi cho Hợp tác xã với giá cao hơn giá bán cho thương lái khác, và cao hơn giá năm trước từ 1.000 – 2.000 đồng/kg.

Nhiều dự án xây dựng các mô hình cải thiện sinh kế cho người dân đã được các tổ chức xã hội (trong đó có nhiều thành viên của CCWG) triển khai, tập trung vào các lĩnh vực nông nghiệp, nông lâm kết hợp, nuôi trồng thủy sản, phát triển cây dược liệu gắn với bảo tồn sinh kế, chăn nuôi gắn với cải tiến kỹ thuật, hội nhập, giáo dục và khoa học công nghệ. Cụ thể, 32 mô hình đã được đánh giá, xếp hạng theo tiêu chí thích ứng với BĐKH tại các tỉnh Bình Định, Thanh Hóa, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Hà Tĩnh, Phú Thọ, Yên Bái, Thừa Thiên Huế, Sóc Trăng, Bắc Cạn, Điện Biên, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Thái Nguyên, Hà Nội, Quảng Trị và Quảng Ngãi (AFD, 2020). Để phát huy khả năng và sáng kiến độc đáo của phụ nữ về phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, dự án của Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển xã hội thúc đẩy sự tham gia của các nhóm phụ nữ ở các huyện Đông Giang, Tây Giang và Đại Hồng trong việc hỗ trợ người dân tiếp cận và kiểm soát đất đai và tài nguyên thiên nhiên (CSRD, 2020).

Dự án "Tăng cường sinh kế của phụ nữ và sự tham gia của phụ nữ để chống chịu tốt hơn với thiên tai và biến đổi khí hậu ở Việt Nam" (HL, 2021) được Fondation Chanel thực hiện từ năm 2018 đến năm 2021 với gói hỗ trợ 850.000 đô la Mỹ thông qua UN Women tại ba tỉnh, bao gồm Lào Cai, Quảng Nam và Phú Yên, ảnh hưởng trực tiếp đến khoảng 400 người. Dự án đã lựa chọn 4 mô hình gồm (i) hỗ trợ phụ nữ Mông ở Lào Cai trồng lạc đỏ địa phương chống xói mòn theo Tiêu chuẩn Thực hành nông nghiệp tốt Việt Nam (VietGAP); (ii) hỗ trợ phụ nữ dân tộc thiểu số ở Lào Cai nuôi gà thả vườn an toàn sinh học để cải thiện sinh kế và nâng cao năng lực; (iii) hỗ trợ nữ nông dân trồng sen trên đất lúa kém hiệu quả bị ảnh hưởng bởi lũ lụt theo tiêu chuẩn VietGAP tại Phú Yên; và (iv) hỗ trợ phụ nữ ven biển ở Quảng Nam cải thiện sinh kế bền vững và thu hoạch rong biển an toàn trong bối cảnh biến đổi khí hậu và rủi ro thiên tai (HL, 2021). Các mô hình này có hiệu quả trong việc cải thiện sinh kế và khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu. Đơn cử như mô hình trồng lạc đỏ ở Lào Cai, trồng lạc đỏ chịu xói mòn, chịu hạn nên hạn chế thoát hơi nước và sâu bệnh. Nông dân đã được tập huấn các kỹ năng mới để trồng sen trên đất lúa ở Phú Yên và sau bốn tháng, họ đã đạt được thành công về tài chính, thu nhập từ ruộng sen gấp sáu lần so với trồng lúa (Thao, 2019).

Các nghiên cứu điển hình trên cho thấy vai trò quan trọng của lãnh đạo địa phương trong việc nâng cao nhận thức về bình đẳng giới trong cộng đồng. Việc tập huấn cần có sự tham gia của họ trong cộng đồng. Cải thiện sinh kế mang lại điều kiện tài chính tốt hơn cho phụ nữ, và giúp họ độc lập và tự tin hơn. Vì vậy, các dự án sinh kế là rất cần thiết. Các nghiên cứu điển hình cũng chỉ ra rằng việc phát triển các dự án có cân nhắc đến nhạy cảm giới có vai trò rất quan trọng để đạt được các mục tiêu của dự án.

3. Y tế

a) Tại sao các cân nhắc về sức khỏe lại quan trọng đối với việc thích ứng với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực y tế?

Sức khỏe đặc trưng cho tác động của BĐKH đến con người, tuy nhiên sức khỏe con người thường bị bỏ qua trong các báo cáo về BĐKH được công bố. BĐKH có tác động tiêu cực tới sức khỏe con người rõ ràng, với những tác động bất lợi đến an ninh lương thực, chất lượng không khí, sự sẵn có của nguồn nước và chất lượng nước đã được biết đến rộng rãi.

Nhóm Công tác số II gần đây đã công bố những phát hiện của mình, đóng góp cho Báo cáo Đánh giá lần thứ sáu của IPCC (AR6). Trước hết, báo cáo đã đưa ra những thông tin và phân tích về những tác động đáng kể của BĐKH đến sức khỏe thể chất và tinh thần (lo lắng và căng thẳng) và việc di dời, với độ tin cậy cao hoặc rất cao cho khu vực châu Á. Báo cáo cũng nhấn mạnh thêm rằng thích ứng sẽ tạo ra những lợi ích lớn về sức khỏe và phúc lợi với độ tin cậy cao (IPCC, 2022).[26]

26 ***"Thích ứng có thể tạo ra nhiều lợi ích bổ sung*** *như cải thiện năng suất nông nghiệp, đổi mới sáng tạo,* ***sức khỏe và phúc lợi,*** *an ninh lương thực, sinh kế, và bảo tồn đa dạng sinh học cũng như giảm rủi ro và thiệt hại (độ tin cậy rất cao) ".* SPM.C.1.1, Trang 21."

Ở tất cả các vùng, cộng đồng khoa học phát hiện ra rằng tỷ lệ tử vong và bệnh tật ở người do các hiện tượng nắng nóng gây ra đã tăng lên, điều tương tự cũng xảy ra với tỷ lệ mắc các bệnh do nước sinh ra, bệnh tim mạch liên quan tới khí hậu và suy hô hấp do tiếp xúc với "khói từ cháy rừng, bụi khí quyển và các chất gây dị ứng trong không khí".

- *Các hiện tượng thời tiết và khí hậu cực đoan ngày càng gia tăng đã khiến hàng triệu người bị* ***mất an ninh lương thực và giảm an ninh nguồn nước****, với những tác động lớn nhất được ghi nhận ở nhiều địa điểm và/ hoặc cộng đồng ở [... Châu Á] (độ tin cậy cao).*

- *Nhìn chung,* ***những thiệt hại đột ngột trong sản xuất lương thực và tiếp cận với lương thực*** *cùng với sự suy giảm tính đa dạng trong khẩu phần ăn đã làm* ***gia tăng tình trạng suy dinh dưỡng*** *trong nhiều cộng đồng (độ tin cậy cao), đặc biệt là đối với người bản địa (người địa phương), những người sản xuất lương thực quy mô nhỏ và các hộ gia đình có thu nhập thấp (độ tin cậy cao), trong đó trẻ em, người cao tuổi và* ***phụ nữ mang thai đặc biệt bị ảnh hưởng*** *(độ tin cậy cao).*

BĐKH ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe con người (ví dụ: lũ lụt, sóng nhiệt) và gián tiếp (ví dụ: gián đoạn hệ sinh thái, dịch bệnh). Xét về dịch bệnh, những thay đổi về khí hậu làm cho các dịch bệnh trở nên tồi tệ hơn, hoặc khó chữa hơn, có thể do các nguyên nhân về kinh tế, xã hội và chính trị. Nước biển dâng (và nước lợ ngày càng xâm nhập gần hơn đến các hộ gia đình), nhiệt độ gia tăng làm tăng khả năng bị lây nhiễm các bệnh truyền từ động vật sang người.

Người ta thừa nhận rằng các nhóm dễ bị tổn thương nhất đều là những người dễ bị tổn thương nhất trước các tác động của biến đổi khí hậu đối với sức khỏe với khả năng thích ứng thấp hơn. Ví dụ, ***"Tính dễ bị tổn thương ở các phạm vi không gian khác nhau trở nên trầm trọng hơn do sự bất bình đẳng*** *và thiệt thòi liên quan đến giới, dân tộc, thu nhập thấp hoặc sự kết hợp của các yếu tố này (độ tin cậy cao)"* đã được IPCC nhấn mạnh (IPCC, 2022). Ở hầu hết các quốc gia, ***rủi ro về sức khỏe do biến đổi khí hậu đối với phụ nữ*** cao hơn nam giới. Điều này đã được khẳng định trong một đánh giá tổng quan gần đây với 68% các tài liệu (trong tổng số 130 tài liệu) đều đưa ra kết luận này (Seller, 2016). Một nghiên cứu ở Malaysia đã phát hiện ra mối liên hệ giữa sốt xuất huyết và sảy thai, trong khi một nghiên cứu khác ở Thái Lan tiết lộ rằng sốt rét có thể làm tăng khả năng sẩy thai. Phụ nữ và trẻ em gái cũng bị rối loạn căng thẳng sau những chấn thương khi xảy ra lũ lụt và lốc xoáy nhiều hơn (Dunne, 2020). **Mất an ninh lương thực, tử vong và thương tích do thời tiết cực đoan được xếp hạng là những rủi ro lớn nhất với phụ nữ, trong khi nam giới bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các bệnh truyền nhiễm.**

b) Dữ liệu nền và đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương

Thiên tai như là bão và lũ lụt có tác động mạnh đến giới trên ít nhất ba phương diện. Thứ nhất, những thiệt hại về cơ sở hạ tầng và nhà cửa, thiếu lương thực, và mất sinh kế đều làm gia tăng căng thẳng và lo lắng trong các hộ gia đình, điều này có thể dẫn đến bạo lực đối với phụ nữ (WHO, 2009). Thứ hai, do hậu quả của thảm họa, phụ nữ có nguy cơ suy dinh dưỡng một cách hệ thống với những tác động nghiêm trọng tiềm ẩn đối với sức khỏe bà mẹ (Few, 2010). Cuối cùng, và điều này thường bị bỏ qua, thảm họa làm gia tăng các bệnh tâm thần và rối loạn căng thẳng.

Hạn hán và sóng nhiệt kéo dài, hai hiểm họa chính đối với Việt Nam, có tác động đáng kể về giới, và cần được phân tích qua lăng kính TƯBĐKH có nhạy cảm giới, nếu không có thể dẫn đến thích ứng không đầy đủ và các biện pháp có tác động không mong muốn đối với bình đẳng giới, sức khỏe phụ nữ, và làm trầm trọng thêm tình trạng bất bình đẳng giới. Nghiên cứu tiến hành tại Ninh Thuận năm 2006 cho thấy 74% số người được hỏi tin rằng "phụ nữ bị ảnh hưởng nặng nề hơn nam giới bởi hạn hán, do nhu cầu về nước khác nhau" (Few, 2010) Khẳng định này cũng đúng đối với khủng hoảng và suy thoái kinh tế, như được minh họa từ đại dịch COVID-19 (UN Women, 2021).

Theo truyền thống, phụ nữ được coi là người chăm sóc chính trong các gia đình, phụ nữ đảm nhận gánh nặng nấu nướng và lấy nước, những thứ mà khi bị ngập lụt hoặc sau lũ lụt, sẽ trở thành nguồn gốc cho các bệnh lây truyền qua đường nước như sốt rét. Ở Việt Nam, 95% hộ gia

đình được tiếp cận nguồn cấp nước sạch, mang lại lợi ích cho phụ nữ, giảm gánh nặng công việc chăm sóc không lương và các vấn đề về sức khỏe, đặc biệt là liên quan đến thai kỳ (UN Women, 2021).

Khí hậu có tác động khác nhau đối với sức khỏe của phụ nữ và nam giới. Mặc dù rõ ràng rằng phụ nữ phải chịu nhiều tác động về sức khỏe do BĐKH gây ra, ví dụ như phụ nữ có nhiều nguy cơ tử vong hơn do sóng nhiệt hoặc bão xoáy thuận nhiệt đới, nam giới lại có nhiều nguy cơ mắc các vấn đề sức khỏe hơn do làm việc ngoài trời và nguy cơ tự tử sau các hiện tượng thời tiết cực đoan (Dunne, 2020). Điều quan trọng là tác động này có sự chênh lệch đáng kể giữa và trong nội bộ các quốc gia. Bệnh tâm thần dưới dạng rối loạn căng thẳng sau sang chấn (PTSD) sau một thảm họa, và bạo lực tình dục tái diễn chủ yếu tác động đến phụ nữ. Ngoài ra, cộng đồng LGBTI (đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính, chuyển giới và chuyển giới +) cũng được coi là một nhóm dân số dễ bị tổn thương, nghĩa là các đặc điểm cụ thể của họ cần được cân nhắc.

Hơn nữa, những phụ nữ dễ bị tổn thương có nguy cơ gặp các vấn đề sức khỏe cao hơn. Nhìn chung, ở Việt Nam, các hộ do phụ nữ làm chủ hộ kiếm được ít tiền hơn nam giới; sinh kế của họ cũng phụ thuộc trực tiếp nhiều hơn vào tài nguyên thiên nhiên. Tăng nhiệt độ, lượng mưa thất thường, hoặc hạn hán/thời tiết lạnh được ghi nhận là dẫn đến giảm năng suất mùa màng, gây thiệt hại về sản xuất, và thay đổi thời điểm bắt đầu của mùa mưa, do đó ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh lương thực và gây ra những tác động tiêu cực đến sức khỏe.

Phụ nữ thường phải chịu gánh nặng công việc chăm sóc không lương, được định nghĩa là các công việc tập trung vào phúc lợi của gia đình và cộng đồng (ví dụ: chăm sóc trẻ em và người cao tuổi). Tuy nhiên, họ không nhận được khoản bồi thường tài chính cho những công việc đó. Những loại công việc này mang lại lợi ích đáng kể đối với sức khỏe của toàn xã hội, nhưng lại không được tính trong GDP, do đó có thể bị bỏ qua trong các kế hoạch TƯBĐKH liên quan tới sức khỏe.

Tất cả các định kiến giới, kỳ vọng giới (kỳ vọng về vai trò giới), thực hành văn hóa đều cần được công nhận và xem xét cẩn trọng trong NAP, vì chúng có thể ảnh hưởng đến năng lực thích ứng của phụ nữ và trẻ em gái trong bối cảnh thiên tai ngày càng gia tăng (ví dụ: bơi lội, đi xe đạp, v.v.). Hơn nữa, việc giảm thu nhập và mất an ninh lương thực cũng có thể dẫn đến tình huống xấu nhất là buôn bán người và bóc lột tình dục, đặc biệt là ở những vùng đặc biệt dễ xảy ra thảm họa, và những nơi có trình độ học vấn thấp hơn.

Một điều rõ ràng là các quyền và sức khỏe sinh sản và sức khỏe tình dục (SRHR)[27] bị tác động mạnh bởi BĐKH, dù chỉ nhận được ít sự quan tâm. **Gia tăng về tần suất các bệnh liên quan đến khí hậu và tăng nhiệt độ đặt ra những thách thức đáng kể đối với sức khỏe bà mẹ** (UNFPA, 2021). Hậu quả của thảm họa là tình trạng mất an ninh lương thực cao hơn đối với phụ nữ do các chuẩn mực xã hội và điều này có nghĩa là nhiều khả năng họ phải bỏ bữa. Các dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ bị gián đoạn hoặc không tiếp cận được, dẫn đến kết quả thai kỳ bất lợi. Do đó, phụ nữ mang thai và phụ nữ nuôi con bú cũng được xác định là các nhóm đặc biệt dễ bị tổn thương do mất an ninh lương thực, hạn chế tiếp cận các cơ sở y tế, và trong trường hợp xấu nhất, thiên tai hoặc các hiện tượng thời tiết cực đoan kéo dài có thể dẫn đến việc cưỡng ép tảo hôn trong nhóm dân số nghèo nhất và yếu thế nhất (ví dụ: các nhóm dân tộc thiểu số ở nông thôn Việt Nam). **Ngoài ra, những phụ nữ dễ bị tổn thương nhất trước BĐKH thường chính là những người gặp phải các rào cản kinh tế - xã hội. Vì vậy, để những phụ nữ này có thể nhận được đầy đủ các quyền và dịch vụ chăm sóc SKSS/SKTD thì tất cả các yếu tố ảnh hưởng cần được ghi nhận đầy đủ trong các NAP.**

Tất cả những yếu tố trên làm tăng gánh nặng cho phụ nữ - những người phải gánh vác công việc chăm sóc không lương và việc nhà, góp phần gây ra tình trạng 'nghèo về thời gian' của phụ nữ và cản trở họ tham gia các khóa đào tạo/tập huấn, nghe các chương trình phát thanh radio, tham gia các cuộc họp cộng đồng; từ đó làm giảm cơ hội nâng cao năng lực thích ứng.

27 Được định nghĩa là "Tình trạng thể chất, tình cảm, tinh thần và phúc lợi xã hội liên quan đến tình dục và sinh sản, không chỉ đơn thuần là việc không bị bệnh tật, rối loạn chức năng hoặc khuyết tật." 20 Định nghĩa quyền, SKSS/SKTD này dựa trên quyền con người, và cụ thể hơn là, quyền được đảm bảo sức khỏe theo định nghĩa của Tổ chức Y tế Thế giới (Women Deliver, 2021).

Các dự báo chỉ ra rằng Việt Nam sẽ sớm đối mặt với thách thức về nhân khẩu học do dân số già hóa nhanh (20% dân số sẽ trên 60 tuổi vào năm 2038 và 25% vào giữa thế kỷ này). Ở Việt Nam, tuổi thọ trung bình của phụ nữ cao hơn đáng kể so với nam giới (nữ: 79,5 tuổi so với nam: 71,3 tuổi) (HDR, 2020). Tuy nhiên, theo cảnh báo của Tổ chức Y tế thế giới (WHO), tuổi thọ cao hơn không nhất thiết tương xứng với số năm sống khỏe mạnh của phụ nữ nhiều hơn nam giới. Các dự báo chỉ ra rằng Việt Nam sẽ sớm đối mặt với thách thức về nhân khẩu học do dân số già hóa đang tăng nhanh (đến năm 2038, 20% dân số trên 60 tuổi và đến giữa thế kỷ này tỷ lệ này sẽ là 25%). Tuy nhiên, Việt Nam chưa được trang bị tốt để đáp ứng các nhu cầu kinh tế và xã hội của người cao tuổi, ví dụ như hệ thống an sinh xã hội còn yếu kém và lương hưu trả cho người cao tuổi không đủ, khiến phần lớn họ phải làm các công việc phi chính thức. Sự phát triển nhân khẩu học này có ý nghĩa đáng kể đối với sự thích ứng của ngành y tế, và đặc biệt là để đáp ứng các nhu cầu cụ thể của phụ nữ cao tuổi. **Điều này cũng làm tăng gánh nặng các công việc không lương về chăm sóc người cao tuổi (UN Women, 2021) qua đó có thể cản trở sự tham gia của phụ nữ vào các cơ hội kinh tế - xã hội, cả hai đều có thể làm giảm năng lực thích ứng của phụ nữ.**

Điều quan trọng là, phụ nữ chiếm tỷ lệ cao hơn trong dân số ở tất cả các nhóm tuổi trên 60 tuổi (mặc dù sự chênh lệch giảm nhẹ theo thời gian) và họ chiếm 80% số người cao tuổi góa vợ/chồng, điều này khiến họ càng dễ bị tổn thương hơn về sức khỏe thể chất và tinh thần (TCTK, 2021). Tương tự, các nhóm dân tộc thiểu số và nông thôn là những nhóm dễ bị tổn thương nhất do trình độ học vấn và điều kiện sống của họ thấp hơn.

Giữa thành thị và nông thôn còn tồn tại những khoảng cách đáng kể về sức khỏe, đặc biệt là sức khỏe bà mẹ (TCTK, 2019). Các yếu tố như tỷ lệ nghèo, tỷ lệ biết chữ và trong một số trường hợp mức độ phơi bày với BĐKH có tác động lớn tới khả năng thích ứng trong lĩnh vực y tế. **Một báo cáo gần đây đã ghi nhận quan ngại về tỷ lệ mang thai ở trẻ vị thành niên đang gia tăng**. Sự kết hợp giữa các yếu tố dân tộc, nghèo đói, và địa bàn sinh sống là những yếu tố quyết định chính đến khoảng cách về điều kiện sức khỏe của phụ nữ. Khi đặt trong bối cảnh tác động của BĐKH, thì việc tiếp cận với các dịch vụ và chăm sóc sức khỏe càng trở nên mong manh. Tỷ số tử vong mẹ ở Việt Nam (43) thấp hơn mức bình quân ở Đông Á và Thái Bình Dương (73,1) (Pasanen, 2020). Kết hôn trẻ em đặc biệt diễn ra phổ biến trong cộng đồng người dân tộc thiểu số (UN Women, 2021), llàm giảm cơ hội tiếp cận với giáo dục và đào tạo, dẫn tới năng lực thích ứng thấp hơn.

Tỷ suất sinh trong độ tuổi vị thành niên (10-17 tuổi) cao, với 33 ca sinh trên 1.000 người trong độ tuổi 10-17 năm 2020 (TCTK, 2021). Tỷ suất sinh trong độ tuổi 10-17 ở nông thôn cao hơn (42) so với thành thị (13). Tỷ suất sinh trong độ tuổi 10-17 đặc biệt rất cao: 114 ở vùng nông thôn của khu vực Trung du phía Bắc, và 80 ở khu vực nông thôn của khu vực Tây Nguyên, vùng tập trung đông đồng bào dân tộc thiểu số. Số liệu báo cáo cũng cho thấy 29,9% phụ nữ mang thai và bà mẹ mới sinh được chẩn đoán mắc chứng rối loạn tâm thần chu sinh phổ biến (Fisher, 2010). Vấn đề sức khỏe tâm thần phổ biến nhất là trầm cảm, với tỷ lệ bà mẹ được chẩn đoán mắc vấn đề này ở Việt Nam vượt xa tỷ lệ ghi nhận ở các nước có thu nhập cao. Cụ thể, khoảng 10% bà mẹ trong thời kỳ mang thai và 13% bà mẹ sau sinh thường gặp các vấn đề trầm cảm (Fisher, 2010). Hơn nữa, hành vi tự tử và trầm cảm đã trở thành một vấn đề phổ biến ở trẻ vị thành niên và thanh niên ở Việt Nam (UNICEF & ODI, 2017). Phụ nữ trẻ có nguy cơ có ý định tự tử cao gần gấp đôi so với nam giới (UNICEF & ODI, 2017).

Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở Việt Nam đang gia tăng và ảnh hưởng đến trẻ dưới 5 tuổi và phụ nữ. 20% trẻ em bị suy dinh dưỡng hoặc thiếu dinh dưỡng và đó là nguyên nhân chính dẫn đến tử vong. Tây Nguyên và Đồng bằng sông Hồng là những khu vực có tỷ lệ tử vong trẻ dưới 5 tuổi cao nhất (UN Women, 2021).

Bên cạnh tình trạng tảo hôn, tỷ lệ bạo lực do bạn tình (bao gồm cả bạo lực thể xác và tình dục) ở khu vực nông thôn chiếm 34,1% (cao hơn 6,3% ở khu vực thành thị) vào năm 2019 (TCTK, 2021). Bạo lực của chồng đối với vợ trong gia đình là hiện tượng tương đối phổ biến ở nông thôn (Hội Nông dân Việt Nam, 2016). Kết hôn sớm và kết hôn ở trẻ em gây ra những hậu quả bất lợi cho sức khỏe và giáo dục của phụ nữ. Áp lực lớn hơn về tài chính đối với những người đàn ông làm chủ gia đình và thay đổi hành vi có thể dẫn đến hành động bạo

lực với vợ. Các nguyên nhân gây ra bạo lực được cho là do 'các vấn đề gia đình' (50,8%), 'say rượu' (40,9%), 'vấn đề tiền bạc' (18,8%) (UNFPA, 2019). Tác động của biến đổi khí hậu dẫn đến giảm sản lượng nông nghiệp, mất mùa, dịch bệnh trên vật nuôi; tất cả những điều này làm suy yếu sinh kế, giảm thu nhập và có thể sẽ gây thêm áp lực tài chính cho các hộ gia đình. Nhiều khả năng tình trạng bạo lực trên cơ sở giới sẽ gia tăng, đặc biệt là ở các vùng nông thôn và các hộ gia đình sống dựa vào tài nguyên thiên nhiên.

Mặc dù đã có các khung chính sách toàn diện về BLG từ năm 2008, các trường hợp bạo lực vẫn còn tồn tại. Những thách thức và rào cản bao gồm việc thiếu sự điều phối, thiếu nguồn lực tài chính, năng lực hạn chế của các bên liên quan, và giám sát không đầy đủ là những rào cản chính. Các điều kiện kinh tế - xã hội vừa là nguyên nhân dẫn đến và đồng thời cũng là hệ quả của BLG, vì phụ nữ bị BLG "có khả năng bị giảm 30% thu nhập". Tuy nhiên, 90% phụ nữ là nạn nhân của bạo lực chưa bao giờ trình báo vụ việc và tìm kiếm sự hỗ trợ từ các tổ chức/cơ sở (UN Women, 2021). **Rất có thể thiên tai sẽ làm tăng tỷ lệ bạo lực giới, tuy nhIên cho đến nay vẫn chưa có nghiên cứu về mối liên hệ giữa việc xảy ra thiên tai và sự gia tăng các trường hợp bạo lực.**

c) Hiện trạng lồng ghép giới trong các chính sách khí hậu của Bộ Y tế

Lĩnh vực y tế hầu như được đề cập một cách có hệ thống trong các NAP đã trình lên UNFCCC như một lĩnh vực rất dễ bị tổn thương với BĐKH. Tuy nhiên, vì y tế có tính xuyên suốt và liên quan đến các lĩnh vực khác như nông nghiệp hoặc nước, nên y tế sẽ được hưởng lợi nếu các bộ khác tăng cường hợp tác để nâng cao khả năng chống chịu của hành động thích ứng (WHO, 2021).

WHO đã tiến hành nghiên cứu đánh giá 19 NAP và nhận thấy chỉ 10 trong số các NAP này đề cập đến các cân nhắc về giới trong lĩnh vực y tế. 10 NAP này đề cập đến quyền và SKSS/SKTD, 7 NAP có nêu về tình trạng dễ bị tổn thương cụ thể của phụ nữ mang thai do BĐKH, và 4 NAP đề cập đến BLG có liên quan đến thảm họa (WHO, 2021). Tương tự, chỉ có 6 trong số 50 Báo cáo NDC đã được đánh giá có đề cập đến quyền, SKSS/SKTD trong kế hoạch, và 1 NDC có tham chiếu đến BLG, nhưng tất cả (50) NDC này đều đề cập đến lĩnh vực y tế, và 36 NDC đề cập cụ thể đến "giới" (UNFPA, 2021).

Tại Việt Nam, Luật Bình đẳng giới (2006), Nghị quyết số 28/NQ-CP của Chính phủ (2021) và Quyết định số 5658/QĐ-BYT của Bộ Y tế (BYT, 2021) đề cập đến việc đảm bảo bình đẳng giới trong tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe, cũng như việc tham gia và ra quyết định về chăm sóc sức khỏe, gồm cả chăm sóc sức khỏe với các rủi ro sức khỏe do khí hậu gây ra. Đặc biệt, Quyết định số 5658/QĐ-BYT ngày 11/12/2021 của Bộ Y tế đặt ra 5 mục tiêu về bình đẳng giới trong ngành y tế (xem **Bảng 7** dưới đây), Quyết định số 122/QĐ-TTg ngày 10/01/2013 (2013) vQuyết định số 1790/QĐ-TTg ngày 23/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ (2021) phê duyệt Chương trình Truyền thông về bình đẳng giới đến năm 2030 đã đề cập đến "tăng cường truyền thông, giáo dục sức khỏe, huy động mọi nguồn lực để truyền thông hiệu quả và nâng cao nhận thức của toàn cộng đồng về bình đẳng giới, phòng ngừa và ứng phó với BLG".

Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH của ngành y tế giai đoạn 2019 - 2030 (Quyết định số 7562/QĐ-BYT ngày 24/12/2018 của Bộ Y tế), là chính sách duy nhất đề cập đến cả TƯBĐKH và giới trong ngành y tế, bằng cách nhấn mạnh nhiệm vụ " *Nghiên cứu đánh giá sức khỏe của các đối tượng dễ bị tác động bởi biến đổi khí hậu* ***(về giới, đồng bào dân tộc, trẻ em, phụ nữ)*** *tại một số vùng bị ảnh hưởng do biến đổi khí hậu*" và 5 chính sách khác dành cho cộng đồng trong đó có phụ nữ như sau: (i) Xây dựng kế hoạch truyền thông nâng cao nhận thức của cán bộ y tế và cộng đồng trong việc bảo vệ sức khoẻ và thích ứng trước các tác động của BĐKH; (ii) Tổ chức các hoạt động truyền thông trực tiếp tại cộng đồng về BĐKH và sức khỏe; (iii) Xây dựng và nhân rộng các mô hình cộng đồng ứng phó hiệu quả với BĐKH tại các vùng bão lũ, lụt, nước biển dâng; (iv) Xây dựng và nhân rộng mô hình cộng đồng ứng phó hiệu quả với BĐKH tại các vùng hạn hán, xâm nhập mặn; (v) Phối hợp xây dựng và nhân rộng các mô hình cộng đồng ứng phó với các tác động của sóng nhiệt hoặc thời tiết lạnh.

Bảng 7. Các mục tiêu xuyên suốt trong chính sách y tế và khí hậu

Chính sách	Nội dung về bình đẳng giới	Nội dung về BĐKH
Bình đẳng giới		
Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 – 2030 (2021)	Mục tiêu tổng quát của Chiến lược là: "Tiếp tục thu hẹp khoảng cách giới, tạo điều kiện, cơ hội để phụ nữ và nam giới tham gia, thụ hưởng bình đẳng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước". Chiến lược giai đoạn 2021-2030 đặt ra 6 mục tiêu và 20 chỉ tiêu cho nhiều lĩnh vực, gồm cả lĩnh vực y tế.	Không có
Quyết định 5658/QĐ-BYT ngày 11/12/2021 của Bộ Y tế ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới trong ngành y tế (2021)	5 mục tiêu về bình đẳng giới trong ngành y tế gồm: (i) Bảo đảm bình đẳng giới trong tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe; (ii) Tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các cương vị lãnh đạo, quản lý trong toàn ngành nhằm từng bước nâng cao vị thế, giảm dần khoảng cách về giới trong lĩnh vực này; (iii) Thu hẹp dần khoảng cách giới trong lao động, việc làm của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong ngành Y tế; (iv) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, từng bước đảm bảo sự tham gia bình đẳng giữa nam và nữ trong thụ hưởng giáo dục và đào tạo của toàn ngành; (v) Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bình đẳng giới trong các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ; Tiếp tục tăng cường bình đẳng giữa nam và nữ trong việc cung cấp và thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe; góp phần nâng cao chất lượng công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân theo hướng công bằng, hiệu quả và phát triển.	Không có
Quyết định số 122/QĐ – TTg ngày 10/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011- 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (2013)	Đẩy mạnh công tác truyền thông - giáo dục sức khỏe; Xây dựng chương trình truyền thông phù hợp với nhóm đối tượng đích theo vùng miền, địa phương, phù hợp với các yếu tố về giới	Không có
Quyết định số 2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020 (2011)	Một trong những mục tiêu là kiểm soát tỷ số giới tính khi sinh, có chế tài kiên quyết, hiệu quả đối với các đơn vị, cá nhân hoạt động dịch vụ vi phạm các quy định về chẩn đoán và lựa chọn giới tính thai nhi.	Không có
Luật số 73/2006/QH11 ngày 29/06/2006 được Quốc hội thông qua về Bình đẳng giới (2006)	Quy định rõ ràng về bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới trong việc tham gia và ra quyết định liên quan đến chăm sóc sức khỏe.	Không có

Chính sách	Nội dung về bình đẳng giới	Nội dung về BĐKH
Nghị định số 125/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới (2021)	Nghị định gồm 4 chương, 23 điều quy định chi tiết về vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm hành chính và mức phạt tài chính cụ thể, theo chức danh đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới, v.v.	Không có
Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 20/01/2018 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới (2018)	Chỉ thị số 21-CT/TW tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Sau 10 năm, tình hình kinh tế - xã hội và môi trường đã thay đổi và đặt ra nhiều thách thức cho công tác phụ nữ. Chỉ thị này đẩy mạnh tăng cường tỷ lệ nữ lãnh đạo trong các cấp chính quyền, gồm cả lĩnh vực y tế.	Không có
Quyết định 2232/QĐ-TTg ngày 28/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021 – 2025 (2020)	Chương trình có mục tiêu: thực hiện hiệu quả công tác phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, ngăn chặn sự gia tăng của tình trạng này thông qua việc nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân và phát triển, tăng cường khả năng đáp ứng của các cơ sở cung cấp dịch vụ phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới. Các chỉ tiêu đến năm 2025: - Tối thiểu 50% người bị bạo lực trên cơ sở giới tìm kiếm sự trợ giúp từ cơ quan cung cấp dịch vụ. - 100% trường hợp có nhu cầu trợ giúp về bạo lực trên cơ sở giới được trợ giúp bằng các hình thức khác nhau.	Không có
Quyết định 1790/QĐ-TTg ngày 23/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình truyền thông về bình đẳng giới đến năm 2030 (2021)	Huy động mọi nguồn lực để thực hiện có hiệu quả công tác truyền thông nâng cao nhận thức của toàn cộng đồng về bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực giới. Chương trình còn có mục tiêu tuyên truyền, phổ biến, cập nhật thông tin pháp luật, chính sách về bình đẳng giới; tạo chuyển biến, nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tất cả các tầng lớp nhân dân về thực hiện bình đẳng giới, thu hẹp khoảng cách giới, tạo điều kiện và cơ hội cho phụ nữ và trẻ em gái, nam giới tham gia và thụ hưởng bình đẳng trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội.	Không có

Chính sách	Nội dung về bình đẳng giới	Nội dung về BĐKH
Biến đổi khí hậu		
Quyết định số 7562/QĐ-BYT ngày 24/12/2018 của Bộ Y tế phê duyệt Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH của ngành y tế giai đoạn 2019-2030 và tầm nhìn đến năm 2050 (2018)	Phụ nữ được xác định là một trong những đối tượng cần được nghiên cứu đánh giá sức khỏe dưới tác động của biến đổi khí hậu. Ngoài ra, HLHPNVN phối hợp với BYT để "tổ chức chỉ đạo triển khai các hoạt động truyền thông, phổ biến kiến thức về ứng phó BĐKH và sức khỏe tại các cấp"	Có một nhiệm vụ: "Nghiên cứu đánh giá sức khỏe của các đối tượng dễ bị tác động bởi biến đổi khí hậu (về giới, đồng bào dân tộc, trẻ em, phụ nữ) tại một số vùng bị ảnh hưởng do biến đổi khí hậu"
Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 (2019)	Một mục tiêu đến năm 2030 liên quan đến ngành y tế là mọi phụ nữ được tiếp cận các biện pháp và dịch vụ tránh thai hiện đại để nâng cao SKSS cho mục tiêu 1: "Duy trì vững chắc mức sinh thay thế, giảm chênh lệch mức sinh giữa các vùng, đối tượng". Các chỉ tiêu về tỷ lệ phụ nữ độ tuổi sinh sản (15-49) sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại vào năm 2025 và 2030 lần lượt đạt 50% và 52%.	Không có

d) Khoảng trống, thách thức và kết quả khảo sát

Phần lớn các chính sách đã được rà soát không đề cập đến các vấn đề sức khỏe liên quan cụ thể tới rủi ro khí hậu. Chỉ có một văn bản về BĐKH (Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH của ngành y tế giai đoạn 2019-2030) có một nhiệm vụ cụ thể và nhiệm vụ này chỉ là về nghiên cứu và đánh giá, mà không tập trung giải quyết các nhu cầu cụ thể và tình trạng dễ bị tổn thương của phụ nữ như đã được nhấn mạnh ở trên. Lý do của sự tồn tại những khoảng trống trong chính sách này được nhà hoạch định chính sách của Bộ y tế đưa ra là TƯBĐKH và các vấn đề liên quan tới giới còn mới trong lĩnh vực y tế.

Thiếu nghiên cứu về mối liên hệ giữa sức khỏe giới khí hậu. Việc thiếu nghiên cứu để phân tích tác động của BĐKH đối với bệnh tật và sức khỏe người dân ở Việt Nam được nêu là một lý do dẫn tới hạn chế trong lồng ghép giới. Có một dự án nâng cao nhận thức về BĐKH cho các cán bộ y tế. Tuy nhiên, dự án này không bao gồm vấn đề giới. Hai người được phỏng vấn cho biết họ đã tham gia các khóa học về giới nhưng họ chưa tham gia bất kỳ khóa học nào về giới liên quan đến BĐKH.

Thiếu dữ liệu phân tách theo giới. Do bình đẳng giới không được xem xét tách biệt với các mục tiêu công bằng xã hội khác trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, dữ liệu phân tách theo giới không được thu thập ở cấp quản lý trung ương mặc dù có ở dữ liệu này ở cấp cơ sở. Nếu dữ liệu phân tách theo giới được thu thập và cung cấp, thì xu thế có thể được dự báo và số lượng phụ nữ và nam giới bị nhiễm bệnh có thể được ước tính tốt hơn. Với số liệu ước tính, chúng ta có thể xác định đối tượng và lựa chọn các biện pháp ứng phó phù hợp, qua đó cũng có thể sẽ cung cơ sở cho các quy hoạch của BYT. Một người tham gia phỏng vấn đã nhấn mạnh ví dụ về việc BYT phối hợp với Bộ NN&PTNT để thu thập dữ liệu phân tách theo giới trong Chương trình Nước sạch - Vệ sinh Nông thôn vì đó là yêu cầu bắt buộc. Do đó, cán bộ đầu mối trong dự án NAP của BYT đã có kiến thức và thực hành về bình đẳng giới. Họ nhận thức được tác động của các bệnh khác nhau đối với phụ nữ và nam giới, và vai trò của phụ nữ trong việc chăm sóc sức khỏe của cộng đồng và gia đình. Tuy nhiên, thông tin về tác động của BĐKH đối với phụ nữ và nam giới còn hạn chế.

Những yếu tố dễ bị tổn thương trước những tác động của BĐKH đã được biết đến nhưng chưa được xem xét. Mặc dù thừa nhận rằng phụ nữ mang thai và sau sinh và người cao tuổi phải chịu tác động nhiều nhất của BĐKH và các hiện tượng thời tiết cực đoan; những người tham gia điều tra chưa biết đến các dự án về đánh giá tác động của BĐKH đối với các nhóm dễ bị tổn thương ở Việt Nam. Bộ Y tế có Vụ Sức khỏe Bà mẹ và Trẻ em, nhưng Vụ chưa thực hiện bất kỳ nghiên cứu hoặc dự án nào liên quan đến BĐKH. Ngoài ra, vấn đề sức khỏe tâm thần và bạo lực giới vẫn chưa được các nhà ra quyết định quan tâm. Những người trả lời khảo sát cũng cho rằng "không cần đề cập rõ ràng đến bình đẳng giới trong các tài liệu vì phụ nữ và phụ nữ mang thai luôn được ưu tiên tại các cơ sở y tế cũng như các hoạt động ứng phó với thiên tai, như một phần văn hóa và ứng xử của người Việt Nam."

e) Rà soát kinh nghiệm quốc tế để cung cấp thông tin đầu vào cho kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu của ngành y tế

NAP của Kiribati – (KJIP, 2019)

NAP của Kiribati chỉ ra nhu cầu cần có các hành động cụ thể nhắm vào phụ nữ để giảm thiểu tình trạng dễ bị tổn thương và đảm bảo khả năng chống chịu của họ, và đưa ra 12 chiến lược về quản lý rủi ro thiên tai và BĐKH, gồm cả chiến lược #5 "*Tăng cường cung cấp dịch vụ y tế để giải quyết các tác động của BĐKH*". KJIP đề cập lộ trình cụ thể cho phụ nữ và trẻ em ở những khu vực bị hạn hán thường xuyên hơn, nhấn mạnh chuỗi tác động: giảm tiếp cận với nước ngầm, giảm đầu vào nông nghiệp, và giảm tiếp cận với thực phẩm dinh dưỡng. KJIP đã phát triển các chiến lược theo ngành cụ thể và đề cập đến việc cung cấp thông tin sức khỏe cụ thể cho phụ nữ như một mục tiêu chính như sau:

> "***Phát triển và cung cấp cho cộng đồng các thông tin sức khỏe cần thiết để ứng phó với các rủi ro sức khỏe do BĐKH gây ra (gồm cả thông tin cụ thể nhắm vào trẻ em, người khuyết tật, phụ nữ và nam giới"*** *(Trang 132, KJIP).*

Theo kết quả 5.4 "*Kết quả 5.4: Tình hình sức khỏe tổng thể của người dân Kiribati được cải thiện để có khả năng chống chịu tốt hơn với các bệnh và tác động về sức khỏe liên quan đến khí hậu*", chiến lược này đề cập đến các hành động sau "*Công chúng và hệ thống y tế công nhận **BLG** và sức khỏe tâm thần là gánh nặng kép của biến đổi khí hậu đối với **sức khỏe của phụ nữ**"*[28] và chỉ số đánh giá hiệu quả hoạt động đi kèm "***Số phòng khám sức khỏe gia đình được đào tạo về các vấn đề sức khỏe tâm thần của phụ nữ, tác động của biến đổi khí hậu và BLG***".

Chính phủ Kiribati cũng đưa các hành động xuyên suốt vào kế hoạch của mình, như *"Xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển nguồn nhân lực để hỗ trợ dài hạn cho công tác TƯBĐKH và GNRRTT*", "*Tạo điều kiện phá bỏ các **định kiến giới về nghề nghiệp để tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong các lĩnh vực chính***" và '***Đưa hòa nhập giới và đáp ứng giới** như các mô-đun học tập vào trong các chương trình học tập và phát triển tổ chức nội bộ của các cơ quan chủ chốt'.*

NAP của Cộng hòa nhân dân Bangladesh – Bản thảo đầu tiên (MOEF, 2022)

Chính phủ Bangladesh đã dành một phần về tác động của khí hậu đối với sức khỏe của phụ nữ trong NAP. Tình trạng thiếu dinh dưỡng do mất mùa/hoặc ít lương thực đã được đề cập. Ngoài ra, tài liệu này đã xác định mối liên hệ rõ ràng (được hỗ trợ bởi các tài liệu học thuật) giữa xâm nhập mặn và vấn đề cao huyết áp của phụ nữ mang thai, điều này đang trở thành nguyên nhân làm gia tăng quan ngại đối với sức khỏe sinh sản của phụ nữ khi độ mặn đang tăng lên. Cũng cần lưu ý rằng các vấn đề sức khỏe bất lợi do suy dinh dưỡng gây ra cũng được đặc biệt nhấn mạnh đối với phụ nữ trong thời kỳ kinh nguyệt (điều này hiếm khi được đưa ra trong các văn bản chính sách, chứ chưa nói đến các NAP).

Bangladesh đã đặt ***'giới, thanh niên và thích ứng bao trùm toàn xã hội'*** làm nguyên tắc chỉ đạo của quá trình NAP của mình (từ xây dựng, tham vấn, ưu tiên), và thừa nhận rằng BĐKH sẽ tác động nhiều một cách không cân xứng đến các nhóm này, nhưng vẫn thừa nhận "năng lực thích ứng vốn có của họ". Do đó, kế hoạch đề cập đến '***việc tăng cường và tạo điều kiện trong tiếp cận của cả nam giới và phụ nữ đối với các cơ sở y tế** và chương trình tìm kiếm và cứu nạn có tính **bao chùm giới**' như một biện pháp thích ứng quan trọng. 'SA 3.3: Cải thiện phúc lợi, khả năng sống của con người, sức khỏe cộng đồng, và các cơ sở y tế chống chịu với khí hậu' cũng được đưa ra như một trong những hành động chính của NAP.*[29]

28 Kế hoạch này cũng bổ sung một hành động liên quan "*Cải thiện cơ sở bằng chứng về tác động kết hợp của BLG, sức khỏe tâm thần và biến đổi khí hậu đối với phụ nữ*".

Chính phủ của Cộng hòa dân chủ liên bang Nepal đã xây dựng một hành động chiến lược về 'sức khỏe, nước uống và vệ sinh môi trường' (Nepal). Để tăng cường khả năng chống chịu với khí hậu, Chính phủ Nepal dự định thực hiện "*các hệ thống cấp nước có khả năng chống chịu với khí hậu, các dịch vụ và cơ sở vệ sinh môi trường **tập trung vào giới, trẻ em, thanh niên và hòa nhập xã hội nói chung"*** để ứng phó với rủi ro và tình trạng dễ bị tổn thương được xác định trong báo cáo, như "*việc khả năng tiếp cận nước sạch và vệ sinh an toàn bị xâm phạm dẫn đến dịch bệnh và các tác động lâu dài đối với các nhóm dễ bị tổn thương nhất, gồm cả trẻ em, **phụ nữ**, người khuyết tật và người cao tuổi."*

Cộng hòa Armenia – Kế hoạch thích ứng nhạy cảm giới cho ngành nước (Aleksandr và ccs, 2021)

Kế hoạch này gồm một phân tích xã hội và giới rất toàn diện. 60% phụ nữ làm việc trong 3 ngành (nông nghiệp, y tế và giáo dục), mức lương của họ thấp hơn so với các đồng nghiệp nam giới, qua đó nhấn mạnh tính dễ bị tổn thương của họ. Tương tự như ở Việt Nam, việc nam giới di cư ra khỏi khu vực nông thôn làm tăng thêm khối lượng công việc nông nghiệp cho người phụ nữ - những người đã gánh vác trách nhiệm gia đình, mà kế hoạch ngành đã nhấn mạnh như một yếu tố quan trọng cần xem xét trong bối cảnh nước ngày càng khan hiếm, tạo tiền đề cho *các cân nhắc về công bằng xã hội trong tất cả các giai đoạn lập kế hoạch và ra quyết định*. Kế hoạch ngành nước cung cấp những phát hiện thú vị cho Việt Nam vì bản kế hoạch này trình bày rõ mối liên hệ giữa nước và sức khỏe (ví dụ, ít cơ sở quản lý chất thải và nước thải; giảm lượng nước sẵn có cho nông nghiệp do hạn hán) và việc tăng tính dễ bị tổn thương của phụ nữ, ngoài ra còn nêu các biện pháp thích ứng để tạo ra kết quả kép.

29 "Các sáng kiến về phòng khám cộng đồng khắp các nơi với các nhân viên y tế địa phương giúp đỡ phụ nữ, trẻ em, những phụ nữ có thể gặp các vấn đề về thể chất và phụ nữ mang thai trong thời kỳ khí hậu xảy ra các hiểm họa khí hậu" (trang 122).

4. Giao thông vận tải

a) Tại sao cân nhắc về giới lại quan trọng với thích ứng với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực giao thông vận tải?

Tại Việt Nam, ngành giao thông vận tải bao gồm 4 phân ngành: đường bộ, hàng không, đường sắt và đường thủy. Theo báo cáo phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn hàng năm của Bộ Giao thông – Vận tải, thiệt hại về cơ sở hạ tầng chủ yếu xảy ra với giao thông đường bộ, đường sắt và chủ yếu do mưa, bão. Năm 2018, tổng thiệt hại về cơ sở hạ tầng giao thông là 437,8 tỷ đồng, trong đó thiệt hại về đường bộ là 400 tỷ đồng (91%) (Bộ GTVT, 2018). Đường bộ vận chuyển 80% tổng khối lượng hàng hóa vận chuyển, thiệt hại về đường bộ làm gián đoạn nghiêm trọng vận chuyển, chuỗi cung ứng thực phẩm và các dịch vụ (TCTK, 2021). "*Thiệt hại đối với đường xá do mưa, nhiệt độ và lũ lụt rơi vào khoảng 4-9 tỷ đô la Mỹ và thiệt hại do nước biển dâng có thể lên tới trên 2 tỷ đô la Mỹ*" ở Việt Nam trong giai đoạn 2007-2050 (UNU-WIDER, 2013). Do đó, BĐKH không chỉ tác động trực tiếp đến lĩnh vực giao thông – vận tải mà còn ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội.

Mỗi hình thức giao thông – đi bộ, đường bộ, đường sắt, đường thủy, bến cảng và hàng không – lại chịu tác động khác nhau từ rủi ro khí hậu, tùy thuộc vào vị trí địa lý, tiêu chuẩn xây dựng, tình trạng hiện tại, năng lực bảo trì và hình thức sử dụng. Trong GNRRTT, một hệ thống giao thông vận tải hoạt động tốt sẽ nâng cao khả năng người dân có thể ứng phó khi thiên tai xảy ra. Hệ thống này sẽ cho phép người dân trong khu vực bị ảnh hưởng nhận được nguồn cung nhu yếu phẩm khẩn cấp, nhanh chóng rời khỏi địa điểm, và cho phép các dịch vụ y tế có thể tiến hành hỗ trợ, v.v. Do đó, một hệ thống giao thông bền vững, hiệu quả sẽ tác động trực tiếp đến năng lực thích ứng của phụ nữ và nam giới ở các vùng dễ bị tổn thương do khí hậu (Anderson & ccs, 2022).

b) Dữ liệu nền và đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương

Phụ nữ có lộ trình di chuyển khác với nam giới. Lộ trình di chuyển của phụ nữ thường phức tạp hơn, vì họ thường phải đảm nhận gánh nặng các công việc chăm sóc (chăm sóc người già và trẻ em), mua sắm thực phẩm, ngoài việc hoàn thành các hoạt động liên quan tới việc làm của họ (ADB, 2013). Trong khi nam giới chủ yếu đi lại để phục vụ các hoạt động tạo thu nhập và sở thích/giải trí. Phụ nữ đi lại thường xuyên hơn, và thường kết hợp để thực hiện nhiều mục đích, trong khi nam giới có xu hướng thực hiện các chuyến đi trực tiếp hơn (World Bank, 2012). Ở Việt Nam, đại đa số người đi bộ là phụ nữ, trong khi nam giới sử dụng xe đạp và xe máy nhiều hơn (World Bank, 2012). Trong những năm gần đây, lượng phương tiện cơ giới tăng đột biến. Tại Hà Nội, tỷ lệ các chuyến đi bằng xe máy đang tăng từ 5-10% hàng năm và chiếm 37% tổng số chuyến đi trong năm 2018. Trong khi đó, tỷ lệ các chuyến đi bằng xe đạp giảm xuống còn 45% vào năm 2018 (GIZ, 2018).

Tuy nhiên, sự khác biệt về giới trong việc sở hữu và sử dụng các phương tiện giao thông vẫn còn tồn tại. Người ta thấy rằng "nam giới thường là những người đầu tiên lái xe – chọn công nghệ mới đầu tiên trong gia đình" (GIZ, 2018). Phụ nữ có xu hướng đi sau nam giới một bước khi nói đến phương tiện cơ giới (tức là họ có xu hướng sử dụng xe đạp khi nam giới sử dụng mô tô và xe gắn máy hoặc xe tay ga khi nam giới sử dụng ô tô, v.v.) (GIZ, 2018). **Chênh lệch giữa phụ nữ và nam giới trong việc sử dụng phương tiện cơ giới thậm chí còn cao hơn ở các vùng nông thôn và miền núi do khả năng tài chính của phụ nữ thấp hơn và các chuẩn mực văn hóa** (ADB, 2019). Do đó, điều này càng làm giảm thời gian của phụ nữ để tham gia học tập ở trường hoặc giáo dục đại học, cũng như cơ hội có việc làm của họ. Ngoài ra, nhiều báo cáo đã chỉ ra tác động tiêu cực tiềm tàng của việc kết nối đường bộ và cơ sở hạ tầng ở các vùng nông thôn, khi nêu bật thêm các rủi ro đi kèm với việc mở rộng đường, như mua bán người, di cư không an toàn, các bệnh lây truyền qua đường tình dục, tác động đến thị trường địa phương (ADB, 2005).

Phụ nữ có khả năng bị "nghèo về thời gian" do họ phải gánh vác nhiều trách nhiệm trong và ngoài gia đình. Phụ nữ phụ thuộc nhiều một cách không tương xứng vào cơ sở hạ tầng giao thông và phương tiện giao thông công cộng hiện có. Chi phí cơ hội cho việc đi lại (khi bị tác động bởi BĐKH như mưa và lũ lụt) đối với phụ nữ cao hơn vì họ sẽ không có khả năng chi trả cho 'thời gian bị mất'. **Đổi lại, việc phụ thuộc này có thể khiến họ hướng tới chọn việc làm trong khu vực phi chính thức hoặc các việc làm được trả lương thấp/kỹ năng tay nghề thấp, gần nhà hơn và cho phép họ kết hợp thực hiện tất cả các nhiệm vụ của mình.** Phụ nữ trong độ tuổi lao động dành gần gấp đôi thời gian so với nam giới để làm các việc nhà và chăm sóc không lương (ví dụ: dọn dẹp nhà cửa, giặt giũ, nấu nướng và đi chợ/mua sắm, chăm sóc gia đình, và chăm sóc con cái) (ILO, 2021).

Thay đổi nhân khẩu học sẽ ảnh hưởng đến cơ cấu lao động trong ngành giao thông vận tải

Phụ nữ giữ 25% vị trí lãnh đạo tại Bộ GTVT (20 trong số 80 người) (Bộ GTVT, 2021). Tỷ lệ nữ lãnh đạo thấp trong Bộ GTVT có thể được coi là một yếu tố có thể hạn chế việc lồng ghép giới trong quá trình ra quyết định. Ngoài ra, có khả năng cao là các quyết định sẽ không cân nhắc sự khác biệt về nhu cầu giới và tác động giới. **Sự tham gia của phụ nữ trong ngành này ngày càng tăng; tuy nhiên, nam giới vẫn chiếm phần lớn lực lượng lao động (Bảng 8).** Ví dụ trong phân ngành vận tải thủy, nữ giới chiếm 15,4%. Sự mất cân đối trong cơ cấu lao động bắt nguồn từ các chuẩn mực giới trong việc lựa chọn nghề nghiệp. Quan niệm truyền thống vẫn cho rằng "những công việc nặng nhọc và kỹ thuật sẽ do nam giới đảm nhận" (CARE, 2020). Do dân số đang già đi nhanh chóng, nhiều khả năng lực lượng lao động trong ngành này sẽ thiếu hụt trong tương lai. Đặc biệt, ở các vùng nông thôn, nơi cả nam và nữ di cư ra thành thị và thành phố và để lại người cao tuổi ở lại quê nhà (Hương Võ, 2021).

Năm 2019, 72,5% dân số trên 60 tuổi sống ở khu vực nông thôn (UNFPA, 2019), do đó lực lượng lao động sẽ giảm đáng kể, dẫn đến thiếu hụt lao động (khoảng trống về lao động) để xây dựng và bảo trì các tuyến đường địa phương và

hành hưởng tiêu cực đến các nỗ lực thích ứng của địa phương. Trong những thập kỷ gần đây, Việt Nam đã đạt được bước phát triển ngoạn mục về khoa học công nghệ và máy móc được ứng dụng, giảm thiểu sức lao động của con người. Tuy nhiên, việc ứng dụng máy móc phụ thuộc vào địa hình, sự phát triển công nghệ, ngân sách tài chính, nguồn nhiên liệu sẵn có, đội ngũ kỹ thuật sửa chữa và bảo dưỡng sẵn có, kỹ năng lái xe. Vì vậy, máy móc không thể thay thế hoàn toàn con người, nhất là trong điều kiện Việt Nam hiện nay.

Những thay đổi về khoa học công nghệ có thể có ý nghĩa tích cực đối với phụ nữ và có thể dẫn đến việc nhiều phụ nữ hơn sẽ tham gia vào các công việc liên quan tới giao thông-đường xá này để 'lấp đầy khoảng trống'. Điều này đặc biệt quan trọng đối với các vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu vùng xa hay các vùng bị cô lập do thiên tai (như lũ lụt, sạt lở đất), nơi mà các loại máy lu, máy xúc và xe chở xi măng không thể tiếp cận. Trong những trường hợp này, lao động chân tay của con người là nguồn lực chính để đối phó với các chở ngại trong giao thông.

Bảng 8. Tỷ lệ (%) phụ nữ làm việc trong các phân ngành giao thông vận tải trong giai đoạn 2010-2019

	2010	2015	2016	2017	2018	2019
Vận tải & kho bãi	22	22	23	23	26	27
Vận tải đường sắt, đường bộ và đường ống	19	17	17	18	19	21
Vận tải đường thủy	13	16	15	15	15	15
Vận tải hàng không	34	41	43	54	43	41
Kho bãi và hoạt động hỗ trợ vận tải	29	31	32	32	32	32
Chuyển phát/giao nhận	35	33	36	30	42	40

Nguồn: https://www.gso.gov.vn/lao-dong/

Ứng phó với quấy rối tại nơi công cộng

Một cuộc khảo sát do Action Aid và Trung tâm nghiên cứu Giới, Gia đình & Môi trường trong Phát triển (CGFED) thực hiện đã đưa ra tỷ lệ phụ nữ bị quấy rối nơi công cộng đáng báo động. Đáng chú ý, 87% trong số 2.000 phụ nữ tham gia khảo sát ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh cho biết đã từng bị quấy rối tình dục ở nơi công cộng trong khi 11% trẻ em gái cho biết từng bị quấy rối tình dục trên các phương tiện giao thông công cộng (Action Aid, 2014). Trẻ em gái ở tuổi vị thành niên và phụ nữ trẻ mà bị quấy rối tình dục bởi những hành khách khác hoặc chính tài xế và người bán/soát vé nói rằng thường có rất ít hoặc không có sự hỗ trợ từ tài xế, người bán/soát vé hoặc người ngoài khi họ chứng kiến trẻ em gái bị quấy rối tình dục (Plan International, 2020). **Nghiên cứu này nhấn mạnh một loạt các khuyến nghị đặc biệt liên quan đến việc thích ứng trong giao thông, như: tăng cường lắp đặt và duy trì hệ thống chiếu sáng cho giao thông công cộng, ưu tiên các tuyến đường đến các cộng đồng nghèo và ngoại ô, tham vấn ý kiến phụ nữ về gợi ý các tuyến đường và bến xe mới, tăng số lượng nhà vệ sinh và camera quan sát an ninh** (Action Aid, 2014).

Tác động của BĐKH đến giới trong lĩnh vực giao thông vận tải

Tại Việt Nam, trong năm 2019, 27.1% tổng số hộ là do phụ nữ làm chủ hộ. Tuy nhiên, 38,2% số chủ hộ chưa từng đi học hoặc chưa học hết tiểu học là nữ (TCTK, 2021). Điều này có thể cản trở họ tiếp cận các nguồn thông tin về BĐKH và các dịch vụ khí hậu cũng như nhận thức được các rủi ro BĐKH. Việc chủ hộ có kiến thức hạn chế sẽ khiến các hộ gia đình dễ bị tổn thương hơn trước những thay đổi về các hiện tượng khí hậu cực đoan.

Phụ nữ có thể không lập kế hoạch phù hợp để đảm bảo an toàn cho chuyến đi của họ hoặc xác định tuyến đường nào sẽ an toàn hơn thông qua các ứng dụng cảnh báo lũ lụt. Khi đường bị ngập hoặc tắc nghẽn do sạt lở đất, việc vận chuyển lương thực và thực phẩm bị gián đoạn, các trường học, nhà máy và công sở phải đóng cửa. Nói cách khác, giao thông bị gián đoạn khi lũ lụt xảy ra khiến phụ nữ khó mua thực phẩm và thuốc men cho gia đình, có thể khiến họ phải nghỉ việc do lương thực, hàng hóa giảm đi. Ngoài ra, khi trường học đóng cửa, phụ nữ phải dành nhiều thời gian hơn để chăm sóc con cái mình, đặc biệt là phòng tránh trẻ bị tai nạn đuối nước ở những vùng ngập nặng. Ngoài ra, phụ nữ là lực lượng lao động chính trong khu vực kinh tế dịch vụ, đóng góp hơn 50% tổng số lao động. Việc gián đoạn giao thông vận tải sẽ làm giảm số lượng khách hàng và nguồn cung ứng hàng hóa. Thiệt hại trong ngành này sẽ tác động nhiều hơn đến phụ nữ. Do đó, áp lực của việc nhà và sinh kế đối với phụ nữ sẽ tăng lên cùng với việc tăng về số lượng và cường độ của hiểm họa liên quan đến nước do BĐKH nói chung, và của ngập lụt và sạt lở đất nói riêng.

Việc hạn chế về hình thức giao thông dành cho phụ nữ ở khu vực nông thôn cũng làm tăng khả năng họ tiếp xúc với hiểm họa. Ví dụ, nhiệt độ tăng và thay đổi lượng mưa khiến phụ nữ phải đi xa hơn để lấy nước sạch hoặc thực phẩm cho gia đình vì phụ nữ thường đảm nhận các công việc nhà. Như đã đề cập trong Dữ liệu nền của lĩnh vực TN&MT trong cùng phần này, 48% tổng số hộ gia đình ở nông thôn Việt Nam không được sử dụng nước sạch vào năm 2019. Trong khi đó, hầu hết các gia đình nghèo ở nông thôn và miền núi, nơi điều kiện kinh tế, cơ sở hạ tầng và định kiến về giới đã hạn chế phụ nữ tiếp cận với các phương tiện cơ giới. Tuy cuộc sống đang thay đổi nhanh chóng và khi các hộ gia đình nông thôn đang có nước máy và phụ nữ đi lại thường xuyên hơn bằng các phương tiện giao thông cơ giới, thì các vai trò và chuẩn mực truyền thống khiến nam giới trong các hộ gia đình vẫn có thể có 'quyền ưu tiên' hoặc 'quyền sở hữu' đối với phương tiện giao thông.... Khi đi bộ, họ sẽ mất nhiều thời gian hơn để đi trong điều kiện nhiệt độ cao (lâu hơn so với đi xe máy), dẫn đến ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe của họ (**Hình 4**).

Hoặc khi lũ lụt, việc hạn chế tiếp cận các phương tiện cơ giới sẽ làm tăng thời gian sơ tán và cản trở họ chủ động sơ tán cho bản thân họ và những người phụ thuộc trong gia đình như trẻ em, người già và người khuyết tật. Liên quan đến BĐKH, khả năng di chuyển của phụ nữ thấp hơn, và ít cơ hội trao đổi kiến thức hơn đang gây ra hạn chế đối với phụ nữ. Hạn chế này không chỉ ảnh hưởng đến cuộc sống hàng ngày, sinh kế của phụ nữ mà còn ảnh hưởng đến việc ứng phó với BĐKH.

Hình 4. Phụ nữ trên đường đi lấy nước xa nhà

c) Hiện trạng lồng ghép giới trong các chính sách của Bộ GTVT

Việc bình đẳng giới chưa được đề cập trực tiếp trong các chính sách thuộc lĩnh vực GTVT và không có các chỉ số giới liên quan tới GTVT trong Chiến lược quốc gia cho thấy dữ liệu phân tách theo giới và lồng ghép giới còn đang thiếu (Bảng 9). Bình đẳng giới cho đến nay chỉ được xem xét trực tiếp 'trong phạm vi nội bộ' của Bộ: được đề cập cụ thể trong Kế hoạch Hành động 4841/KH-VSTBPN của Bộ GTVT được ban hành năm 2016, đề cập đến nữ cán bộ, nhân viên làm việc trong Bộ. Các cân nhắc về giới chỉ được đưa vào báo cáo của các dự án và tài liệu khi có yêu cầu từ cấp quản lý cao hơn hoặc yêu cầu từ các nhà tài trợ.

Bảng 9. Các mục tiêu xuyên suốt trong chính sách giao thông và khí hậu

Chính sách	Nội dung về bình đẳng giới	Nội dung về BĐKH
Các chính sách bình đẳng giới		
Luật số 73/2006/QH11 ngày 29/06/2006 được Quốc hội thông qua về Bình đẳng giới (2006)	Đề cập rõ ràng bình đẳng giới giữa phụ nữ và nam giới trong chính trị, kinh tế, y tế, xã hội và thông tin văn hóa.	Không có
Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về Bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 (2021)	Đề cập rõ ràng trong các mục tiêu và chỉ số quốc gia trong lĩnh vực chính trị, giáo dục, y tế, kinh tế và lao động	Không có
Các chính sách giao thông và biến đổi khí hậu		
Luật số 48/2014/QH13 ngày 17/06/2014 được Quốc hội thông qua về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa (2014)	Không có	Ứng phó với BĐKH được sửa đổi thành Điều 4 và Điều 98 của Luật Giao thông đường thủy nội địa.
Luật số 95/2015/QH13 Bộ luật Hàng hải Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 25/11/2015 (2015)	Không có	Điều 9. Ứng phó với BĐKH được đưa vào nội dung quản lý nhà nước về hàng hải

Kế hoạch hành động số 4841/KH-VSTBPN của Bộ Giao thông Vận tải và kế hoạch hành động chi tiết vì sự tiến bộ của phụ nữ, Bộ GTVT giai đoạn 2016-2020 (2016)	Đưa ra các mục tiêu và chỉ số cụ thể để đạt được bình đẳng giới trong tất cả các lĩnh vực chính trị, giáo dục, y tế, cơ hội việc làm và tiền lương cho lực lượng lao động và cấp quản lý của Bộ GTVT.	Không có
Luật số 06/2017/QH14 Luật Đường sắt được Quốc hội thông qua ngày 16/06/2017 (2017)	Không có	Điều 83: Ứng phó với BĐKH được đưa vào nội dung quản lý nhà nước.
Quyết định số 452/QĐ-BGTVT ngày 24/03/2021 của Bộ GTVT ban hành kế hoạch hành động của Bộ Giao thông Vận tải về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường giai đoạn 2021 – 2025 (2021)	Không có	Ứng phó với biến đổi khí hậu là mục tiêu của quyết định này. ƯPBĐKH được đề cập trong tất cả các giải pháp.
Quyết định 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021– 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (2021)	Không có	Thích ứng với BĐKH được đề cập trong quan điểm phát triển và các kịch bản BĐKH cần được xem xét trong các giải pháp môi trường, khoa học và công nghệ.
Quyết định 1291/QĐ-CHHVN ngày 04/10/2021 của Bộ GTVT ban hành Kế hoạch hành động của Cục Hàng hải Việt Nam Bộ GTVT để chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên nhiên nhiên và bảo vệ môi trường giai đoạn 2021-2025 (2021).	Không có	Ứng phó với BĐKH được đề cập tới trong mục tiêu của Kế hoạch hành động của Cục Hàng hải Việt Nam.

d) Khoảng trống, thách thức, kết quả khảo sát

Cuộc khảo sát cho thấy thông tin về mối liên hệ giữa giới và giao thông trong bối cảnh biến đổi khí hậu còn hạn chế.

Thứ nhất, việc thiếu các hướng dẫn chi tiết để lồng ghép các cân nhắc về giới trong lĩnh vực giao thông vận tải dẫn đến những khoảng trống quan trọng về văn bản quy phạm pháp luật. Trong quá trình xây dựng chính sách giao thông vận tải, cả chuyên gia về giới và các tổ chức do phụ nữ lãnh đạo ít khi được tham vấn, đồng nghĩa với việc không có thảo luận hoặc tiếp xúc giữa các chuyên gia giao thông vận tải và các chuyên gia về giới là hạn chế.

Thứ hai, những người trả lời khảo sát đã tham gia các khóa đào tạo về giới, tuy nhiên, họ chưa áp dụng những gì đã được học vào công việc của mình do chưa xác định được về mối liên hệ giữa bình đẳng giới và giao thông vận tải. Bình đẳng giới được cho rằng là một 'khía cạnh xã hội' và như vậy bình đẳng giới sẽ tự động được bao gồm trong các mục tiêu của bất kỳ chính sách nào, cũng như mục tiêu của các kế hoạch, chương trình và dự án trong ngành giao thông vận tải. Ngoài ra, phụ nữ và nam giới được tiếp cận, và hưởng lợi như nhau, từ cơ sở hạ tầng và các dự án giao thông. Cũng theo lời của những người trả lời khảo sát, phụ nữ và nam giới là bình đẳng trong Bộ, dựa vào quan sát trong phạm vi môi trường làm việc của mình.

Thứ ba, dữ liệu phân tách theo giới chưa đầy đủ cũng như tác động tiêu cực của sự khác biệt về giới đối với sự phát triển của xã hội nói chung và sự phát triển của giao thông vận tải nói riêng. Trong khi đó, những tác động này thường là gián tiếp và không dễ nắm bắt. **Ngoài ra, những phân tích giới và rủi ro và tình trạng dễ bị tổn thương theo giới thường thấy nhiều nhất trong lĩnh vực nông nghiệp hoặc năng lượng, nhưng lại hiếm khi được xem xét trong lĩnh vực giao thông vận tải.** Hiện dữ liệu sơ cấp không được thu thập một cách có hệ thống để cung cấp thông tin đầu vào cho quá trình hoạch định và ra quyết định trong các chính sách và chương trình.

Ở cấp độ quốc tế, chúng tôi nhận thấy xu hướng gia tăng của số liệu thống kê về đi lại, gồm thành phần thông tin phân tách theo giới, nhưng chủ yếu là dữ liệu ở (i) các quốc gia phát triển, (ii) trung tâm đô thị và (iii) giao thông công cộng. Tuy nhiên, kiến thức về hành vi giao thông theo giới ở khu vực nông thôn và đặc biệt là trong bối cảnh TƯBĐKH ở Việt Nam vẫn chưa đầy đủ.

e) Nghiên cứu điển hình ở Việt Nam – Đóng góp của phụ nữ vào thích ứng với biến đổi khí hậu

Dự án đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP) do Ngân hàng Thế giới tài trợ đã được Bộ GTVT phê duyệt theo Quyết định số 622/QĐ-BGTVT (2016). Dự án được thực hiện trong giai đoạn 2017-2021 với sự hỗ trợ của Chính phủ và Bộ Giao thông Vận tải trong khuôn khổ Chiến lược phát triển giao thông nông thôn Việt Nam và Chương trình xây dựng cầu dân sinh nhằm đảm bảo an toàn giao thông ở các vùng dân tộc thiểu số và cải thiện tiếp cận, kết nối ở các vùng nông thôn có điều kiện đường xá khó khăn, đặc biệt là các khu vực sinh sống của cộng đồng dân tộc thiểu số nghèo cũng như các nhóm dễ bị tổn thương khác như phụ nữ độc thân và trẻ em.[30]

Dự án LRAMP khuyến khích phụ nữ tham gia duy trì và phục hồi hệ thống công trình giao thông đường bộ. Trong giai đoạn 2017-2020, dự án đã triển khai mô hình đến 14 tỉnh trong hợp phần đường bộ, gồm: Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Huế, Quảng Nam, Bình Định. Việc tham gia bảo trì đường bộ sẽ hỗ trợ gia đình của phụ nữ có thêm thu nhập, nâng cao vai trò của phụ nữ trong cộng đồng, và thông qua phụ nữ, nâng cao nhận thức của cộng đồng về tầm quan trọng của công tác bảo trì đường bộ. Đồng thời, việc phụ nữ tham gia bảo trì đường bộ có tác động lớn đến nhận thức và thói quen trong phân công lao động giữa nam và nữ, vai trò của phụ nữ và nam giới trong gia đình.

Sửa chữa đường nông thôn ở Vương quốc Campuchia

Tại Campuchia, ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) đã triển khai một Chương trình trị giá 67 triệu đô la Mỹ tập trung vào cải tạo đường giao thông nông thôn trong giai đoạn 2010-2015. Dự án này đã xây dựng một Kế hoạch hành động về Giới toàn diện (GAP) trong đó nêu rõ các chỉ số mục tiêu chính như phụ nữ chiếm tối thiểu 40% lao động không có tay nghề và ít nhất 50 % công nhân bảo trì đường bộ. Ngoài ra, phụ nữ còn phụ trách việc trồng cây, tham gia lập kế hoạch hệ thống cảnh báo, họ được đào tạo nâng cao năng lực về an toàn giao thông đường bộ, nạn buôn bán người và các bệnh truyền nhiễm, tất cả đều được xác định là những tác động tiêu cực tiềm tàng khi mở rộng hệ thống đường xá (ADB, 2014).

30 https://sgtvtxd.laocai.gov.vn/1243/27995/55222/616978/tong-cuc-duong-bo-viet-nam/truyen-thong-van-dong-cong-dong-tham-gia-trien-khai-mo-hinh-bao-duong-thuong-xuyen-duong-dia-phu

5. Kế hoạch và đầu tư

Bộ KHĐT là cơ quan đầu mối quốc gia trong xây dựng Chiến lược tăng trưởng xanh, điều phối tất cả các hoạt động trong việc thực hiện Chương trình nghị sự 2030 và đạt được các Mục tiêu phát triển bền vững, các quy hoạch phát triển kinh tế xã hội (SEDP và SEDS) trong khi bộ TN&MT chủ trì về BĐKH, bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên thiên nhiên. Bộ KHĐT chịu trách nhiệm về đầu tư và đôi khi là huy động vốn ODA cho đầu tư, các chính sách và hành động liên quan đến BĐKH, trong khi Bộ Tài chính (BTC) chịu trách nhiệm về chi thường xuyên (tức là tài trợ cho hoạt động của các cục thuộc một số bộ). Tuy nhiên, các khoản đầu tư như vào giao thông hoặc bảo vệ bờ biển, sẽ do Bộ GTVT và Bộ NN&PTNT chủ trì, trong đó Bộ KHĐT đóng vai trò trong quá trình phê duyệt và có thể trong việc huy động vốn ODA. Đối với đầu tư cụ thể, các tỉnh nơi các dự án được triển khai cũng có tiếng nói về ưu tiên tài chính và tất cả các công trình lớn đều có sự tham gia của Thủ tướng Chính phủ hoặc thậm chí có thể là Quốc hội "dự án đầu tư cấp quốc gia" như đường sắt tốc độ cao Bắc-Nam.

a) Tại sao lồng ghép giới quan trọng trong thích ứng biến đổi khí hậu trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư?

Lập ngân sách có trách nhiệm giới (GRB) được định nghĩa là cách tiếp cận "lồng ghép bình đẳng giới vào các quy trình lập kế hoạch và ngân sách của chính phủ, đồng thời phân tích xem ngân sách tác động thế nào đến bình đẳng giới và việc nâng quyền của phụ nữ" (ADB, 2019). Lập ngân sách có trách nhiệm giới phân tích cách thức huy động quỹ và yêu cầu các nhà hoạch định chính sách giám sát và đánh giá những thay đổi trong nước và quốc tế liên quan đến tài chính khí hậu. Đồng thời xem xét kỹ lưỡng hơn quá trình ra quyết định và việc quản trị để tạo điều kiện cho các phương án/lựa chọn phân bổ ngân sách.

Lập ngân sách có trách nhiệm giới được cho là sẽ hiệu quả với tất cả mọi người, cả nam giới và nữ giới, bằng cách góp phần tạo ra cơ hội bình đẳng cho tất cả mọi người và giúp phân bổ nguồn lực tài chính một cách công bằng và hợp lý. Lập ngân sách có trách nhiệm giới gồm nhiều bước như: lồng ghép phân tích giới vào tất cả các giai đoạn của chu trình ngân sách, đánh giá ngân sách (thu và chi) của các bộ ngành để hiểu tác động của chúng đối với các giới, và nắm bắt các chuẩn mực, giá trị và vai trò liên quan; sửa đổi/chuyển đổi các ngân sách này nhằm đảm bảo thực hiện được các cam kết về bình đẳng giới. Lập ngân sách có trách nhiệm giới có thể được xây dựng ở cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh, xem xét một phần hoặc toàn bộ, ngân sách thích ứng (Oxfam, 2018).

Một quan niệm sai lầm phổ biến là coi việc Lập ngân sách có trách nhiệm giới là "ngân sách dành cho phụ nữ" hoặc yêu cầu chi tiêu công của chính phủ phải phân chia theo tỷ lệ 50/50 cho phụ nữ và nam giới. Lập ngân sách có trách nhiệm giới còn nhiều hơn thế. Trên thực tế, lập ngân sách có trách nhiệm giới yêu cầu các nhà hoạch định chính sách sử dụng quan điểm về giới khi phân tích ngân sách và phân bổ chi tiêu để đánh giá xem liệu ngân sách như vậy có đáp ứng một cách hiệu quả cho các nhu cầu, ưu tiên, tính dễ bị tổn thương và trách nhiệm của phụ nữ hay không, và liệu có góp phần giảm khoảng cách giới hay không.

Lập kế hoạch khí hậu có đáp ứng giới ghi nhận rằng các chính sách không trung lập về giới: nếu các chính sách này không tính đến nhu cầu của phụ nữ, thì sẽ không có tính nhạy cảm về giới. Các nhà hoạch định chính sách thường phân tích và phân bổ ngân sách dựa vào kết quả phân tích dữ liệu thu thập được, nhưng do thiếu dữ liệu phân tách theo giới nên họ có thể không tính đến những nhu cầu cụ thể của phụ nữ. Ví dụ, phần lớn phụ nữ làm việc trong khu vực phi chính thức (trong nông nghiệp theo mùa vụ, quản lý chất thải, và khu vực chăm sóc), và có rất ít dữ liệu về việc làm phi chính thức.

Lập kế hoạch khí hậu có đáp ứng giới ghi nhận rằng các chính sách không trung lập về giới (UNDP, 2022). Các chương trình và tài chính cho phục hồi phải hướng đến 3 mục đích: (i) phục hồi kinh tế; (ii) thúc đẩy tăng trưởng xanh và bền vững; và **(iii) giải quyết bất bình đẳng** và toàn diện. Cái giá cho việc không tiến hành hành động vì khí hậu là rất lớn, và Việt Nam nên hướng các chi tiêu về khí hậu theo hướng thu hẹp khoảng cách giới.

Các tổ chức tài chính khí hậu chính đã thừa nhận rõ mối liên hệ giữa biến đổi khí hậu và bình đẳng giới (như Quỹ Khí hậu xanh, Quỹ Thích ứng), do đó, họ đã phát triển các chiến lược giới để định hướng danh mục đầu tư của mình. Ngân hàng Phát triển Châu Á gần đây đã tuyên bố rằng 75% hoạt động của ngân hàng này sẽ tập trung vào lồng ghép bình đẳng giới vào năm 2030. **Hội đồng Quản trị Quỹ Thích ứng (AF) nhấn mạnh rằng "tất cả các hoạt động phải được thiết kế để đáp ứng giới và mang lại lợi ích cho những đối tượng dễ bị tổn thương nhất"** trong chiến lược 2018–2022 **(2019)** của Hội đồng. AF cũng cấp kinh phí để tài trợ nhằm hỗ trợ kỹ thuật cho Armenia, Bhutan và Cộng hòa Dominica để tăng cường khả năng giải quyết các vấn đề về giới trong các dự án và chương trình và ở cấp thể chế. Thực tế, Quỹ Thích ứng **đã tuyên bố rằng những đề xuất không đề cập rõ các mục tiêu bình đẳng giới sẽ không được Hội đồng xem xét.**

Tuy nhiên, trên thực tế, **dòng tài chính khí hậu hiếm khi góp phần thu hẹp khoảng cách về bình đẳng giới**. Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) ước tính **trong giai đoạn 2015-2016, chỉ có 8,6% tổng vốn ODA từ các thành viên Ban Hỗ trợ Phát triển (DAC) được ghi nhận là liên quan đến khí hậu và hỗ trợ bình đẳng giới, (trong đó 3,4% là dành cho thích ứng)** (OECD, 2016) (UN Women, 2021). Tuy nhiên, OXFAM gần đây đã phát hiện ra rằng chỉ có 1,5% ODA liên quan đến khí hậu có xác định bình đẳng giới là mục tiêu chính, và trong số này chỉ có 0,2% đến được với các tổ chức do phụ nữ lãnh đạo và đồng lãnh đạo (Oxfam, 2020). Tỷ lệ phần trăm nhỏ này ít nhất phải đi kèm với các chiến lược lồng ghép giới nhất quán.

Trên toàn cầu, tài chính khí hậu trước đây thường hướng tới giảm nhẹ; trong giai đoạn 2015-2016, mỗi năng khoảng 16 tỷ đô la Mỹ được dành cho các dự án chỉ giảm nhẹ, so với 9 tỷ đô la Mỹ cho các dự án chỉ thích ứng (Timperley, 2018). Trong bối cảnh này, dự kiến rằng việc xây dựng NAP ở Việt Nam sẽ góp phần thu hút thêm nguồn tài trợ thích ứng và do đó cần tính đến các tác động khác biệt về giới của biến đổi khí hậu.

Chính phủ Việt Nam có khả năng chỉ cung cấp tài chính cho 1/3 tổng nhu cầu tài trợ cho các hoạt động thích ứng và ứng phó với BĐKH được xác định trong NDC cập nhật của mình, và 2/3 còn lại sẽ phải huy động từ các đối tác khác, ví dụ từ các đối tác phát triển quốc tế và khu vực tư nhân (từ công ty quốc gia và công ty đa quốc gia). Vì ngân sách nhà nước có hạn, nên ngân sách nhà nước cần cố gắng phục vụ nhiều mục đích (ví dụ, nhằm mục tiêu đến cả bình đẳng giới và TƯBĐKH). **Vì việc phân bổ ngân sách phản ánh trực tiếp những ưu tiên của một quốc gia, nên quá trình này cũng cho phép xác minh các mục tiêu đề ra bởi các chính sách khác nhau**; và đánh giá xem những mục tiêu đó có thành hiện thực không. Tuy nhiên, ở Việt Nam, trách nhiệm được phân chia cho hai bộ (Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính), điều này rất quan trọng để hiểu "lập ngân sách giới" có ý nghĩa như thế nào trong tương lai.

Ngân sách Nhà nước thể hiện một cách toàn diện nhất những cam kết và ưu tiên của chính phủ nhằm đạt được các kết quả về kinh tế và xã hội. Việc lồng ghép các cân nhắc về giới vào các khung lập kế hoạch và ngân sách cũng như tạo ra các khoản đầu tư cụ thể nhằm giải quyết các khoảng cách giới sẽ phản ánh các cam kết của Việt Nam về bình đẳng giới. Điều này đòi hỏi phải rà soát không chỉ việc phân bổ ngân sách thực tế và các biện pháp tăng thu, mà còn phải kiểm tra các hệ thống lập ngân sách và vai trò của các chủ thể khác nhau trong suốt quá trình này, cũng như đánh giá xem liệu các quyết định có hỗ trợ để đạt được kết quả bình đẳng giới không, hay lại củng cố các khoảng cách giới đang tồn tại. Lồng ghép giới trong các dự án biến đổi khí hậu không chỉ tăng cường trao quyền cho phụ nữ và đẩy nhanh hành động vì khí hậu, mà còn giúp các biện pháp thích ứng do Việt Nam đưa ra tiếp cận nguồn tài chính khí hậu để thực hiện.

b) Dữ liệu nền, đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương

Theo báo cáo của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam (NHCSXHVN), "trong giai đoạn 2011-2020, có 10,8 triệu lượt phụ nữ được tiếp cận các dịch vụ tài chính do NHCSXH cung cấp với tổng mức cho vay là 257 nghìn tỷ đồng, chiếm 54% tổng doanh số cho vay và 52% tổng số khách hàng". Tính đến tháng 6 năm 2020, tổng số khách hàng nữ đang vay vốn là 3,5 triệu, chiếm 53,3% tổng số khách hàng tại thời điểm đó, với dư nợ 117.888 tỷ đồng với tốc độ tăng bình quân là 10%/năm. " (NHCSXHVN, 2020).

Tuy nhiên, phụ nữ có thể vẫn tiếp cận với nguồn vay (ngoài NHCSXHVN) và dịch vụ tài chính khác vẫn thấp hơn nam giới. Số phụ nữ có việc làm chính thức ít hơn nam giới. Năm 2019, có 28,8 triệu nam giới và 25,9 triệu phụ nữ có việc làm (TCTK, 2021). Trong khi 62% nông hộ do nam giới làm chủ hộ có quyền sở hữu hoặc chuyển nhượng hoặc thừa kế đất nông nghiệp, thì tỷ lệ này chỉ là 54% đối với các hộ do phụ nữ làm chủ hộ (TCTK, 2021). Việc không có tài sản thế chấp và công việc/thu nhập ổn định hạn chế phụ nữ tiếp cận các nguồn vốn vay và dịch vụ tài chính – vốn cần thiết để có thể đầu tư vào công nghệ và hành động thích ứng đáp ứng giới mang lại lợi ích cho họ.

Ngân sách trung ương cho bình đẳng giới chỉ chiếm một tỷ trọng nhỏ trong tổng chi ngân sách nhà nước (5.234.604 tỷ đồng). Kinh phí được cấp từ ngân sách nhà nước là 125 tỷ đồng tương đương 5,4 triệu đô la Mỹ (Bộ LĐTBXH, 2018) trong khi tổng chi nhà nước là 5.234,604 tỷ đồng tương đương 225,592 tỷ đô la Mỹ cho giai đoạn 2011-2015. Cùng kỳ, đã huy động được 300 tỷ đồng từ các nguồn quốc tế vì sự tiến bộ bình đẳng giới, vượt kinh phí ngân sách nhà nước cấp (Bộ LĐTBXH, 2018). **Trong giai đoạn 2007-2017, có tổng số 31 dự án ODA (dưới hình thức viện trợ không hoàn lại) đã được thực hiện ở cả cấp trung ương và địa phương, tập trung vào các lĩnh vực mua bán người, BLG, ứng phó với biến đổi khí hậu và phụ nữ tham gia chính trị trên lồng ghép giới,** với tổng kinh phí là 41 triệu đô la Mỹ (Bộ LĐTBXH, 2018).

Một số địa phương (Hà Nội, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Đồng Nai và Thành phố Hồ Chí Minh) đã bố trí thêm kinh phí để thực hiện Chương trình quốc gia về bình đẳng giới từ ngân sách địa phương (Bộ LĐTBXH, 2018). Năm 2017, ngân sách nhà nước hỗ trợ 20,1 tỷ đồng và ngân sách địa phương 38,6 tỷ đồng (Chính Phủ, 2018).

c) Phân tích giới trong các chính sách kế hoạch và đầu tư

Việt Nam khẳng định sự cần thiết phải thu hẹp khoảng cách tài chính để đạt được bình đẳng giới trong các khung chính sách quốc gia và quốc tế. Với tư cách là một bên ký kết các công ước quốc tế, Việt Nam cam kết áp dụng lập ngân sách có trách nhiệm giới và đã phê duyệt các công ước và tuyên bố sau đây (UNESCAP, 2018):

- **Tuyên bố và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh (UN, 1995):** Tuyên bố nhấn mạnh sự cần thiết của việc "***lồng ghép quan điểm giới trong các quyết định ngân sách*** *về các chính sách và chương trình, cũng như* ***cung cấp đủ tài chính cho các chương trình cụ thể để đảm bảo sự bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới****."*

- **Tuyên bố cấp Bộ trưởng các quốc gia khu vực Châu Á và Thái Bình Dương về Thúc đẩy Bình đẳng giới và Nâng quyền của Phụ nữ (2014):** Các chính phủ nhất trí "*thực hiện, giám sát và đánh giá việc lập ngân sách và* ***kế hoạch có trách nhiệm ứng giới*** *hiệu quả để thúc đẩy chi ngân sách khu vực công hiệu quả và công bằng*".

- **Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững (2015):** Cam kết với các chính phủ "***tăng đáng kể đầu tư để thu hẹp khoảng cách giới*** *và tăng cường hỗ trợ cho các thể chế liên quan đến bình đẳng giới và* ***trao quyền cho phụ nữ*** *ở cấp độ toàn cầu, khu vực và quốc gia*".

- **Chương trình Hành động Addis Ababa về Tài chính cho Phát triển (2015):** Các chính phủ nhấn mạnh *"**nhu cầu lồng ghép giới**, gồm cả hành động có mục tiêu và đầu tư vào **xây dựng và thực hiện tất cả** các chính sách về **tài chính, kinh tế**, môi trường và xã hội".*

- **COP26 – Dự thảo Quyết định (2021): Chủ tịch đã đề xuất khuyến nghị sau:** "***Khuyến khích các Bên làm rõ hơn về mức độ đáp ứng giới trong tài chính khí hậu nhằm tăng cường năng lực cho phụ nữ và đẩy mạnh hơn nữa công tác lập kế hoạch hành động về Giới*** *nhằm thúc đẩy tiếp cận tài chính khí hậu cho các tổ chức của phụ nữ ở cấp cơ sở cũng như cho người bản địa và cộng đồng địa phương."*

Các chính sách kế hoạch và đầu tư và khí hậu được tổng hợp trong Bảng 10**. Luật Bình đẳng giới (2006) "*kêu gọi sử dụng ngân sách như một nguồn tài chính để đảm bảo bình đẳng giới*". Đây được coi như một cơ chế pháp lý để hỗ trợ việc đưa ra các quỹ nhằm nâng quyền cho phụ nữ/đạt được bình đẳng giới của các bộ và các tỉnh thành.** Nghị định 70/2008/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Bình đẳng giới có các điều khoản chính về lập kế hoạch và ngân sách như dưới đây. **Những điều khoản này có thể được sử dụng để đảm bảo lồng ghép tốt hơn các cân nhắc về giới trong các chính sách cấp ngành về BĐKH và trong các khung chính sách khí hậu ở địa phương (chủ yếu là cấp tỉnh).**

- **Điều 4:** Các Bộ và cơ quan ngang Bộ cần lồng ghép bình đẳng giới vào quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hoạt động của ngành

"1. Rà soát văn bản quy phạm pháp luật hiện hành để sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ, ban hành mới theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật nhằm bảo đảm bình đẳng giới trong ngành, lĩnh vực phụ trách.

2. Nghiên cứu, kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới.

3. Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hoạt động của ngành.

4. Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong ngành, lĩnh vực phụ trách.

5. Chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong ngành, lĩnh vực phụ trách"

- **Điều 9:** Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội:

  a. Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới vào việc xây dựng và đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước

  b. Hướng dẫn lồng ghép vấn đề bình đẳng giới vào việc xây dựng và đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương.

- **Điều 14:** "Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ LĐTBXH, Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan huy động các nguồn vốn viện trợ, vốn vay của quốc tế và các nguồn vốn khác cho hoạt động bình đẳng giới."

Luật Ngân sách Nhà nước sửa đổi (2015) cũng nhấn mạnh bình đẳng giới là một trong những nguyên tắc quan trọng trong quản lý ngân sách nhà nước, và là một ưu tiên trong việc ước tính để xác định chi tiêu nhà nước (ADB, 2019). **Thông tư số 05/2016/TT-BKHĐT** ngày 06/06/2016 của Bộ KHĐT hướng dẫn lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch phát triển ngành và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã mở rộng danh sách "các nhóm dễ bị tổn thương" để bao gồm cả người dân tộc thiểu số và các hộ do phụ nữ làm chủ hộ.

Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14[31] ngày 13 tháng 6 năm 2019, **Nghị định số 40/2020/NĐ-CP**[32] ngày 06/04/2020 của Chính phủ quy định chi tiết việc thi hành một số điều của Luật Đầu tư công là các văn kiện có quy định ban đầu về việc phân bổ ngân sách cho các hình thức dự án đầu tư công, đây là điều kiện tiên quyết để bố trí các kế hoạch vốn ngân sách nhà nước cho các dự án đầu tư công, gồm cả các dự án TƯBĐKH. **Bình đẳng giới được đề cập gián tiếp trong nguyên tắc công bằng khi xây dựng các kế hoạch đầu tư công trung hạn và ngắn hạn: "*Bảo đảm công khai, minh bạch và công bằng*" - Điều 48.**

Về BĐKH, Bộ KHĐT đã ban hành **Quyết định số 1485/QĐ-BKHĐT**[33] ngày 17 tháng 10 năm 2013 của Bộ KHĐT về việc ban hành khung hướng dẫn lựa chọn ưu tiên về TƯBĐKH trong lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, và **Quyết định số 1085/QĐ-BKHĐT**[34] ngày 16/07/2018 của Bộ KHĐT về việc ban hành hướng dẫn phân loại đầu tư công cho BĐKH và tăng trưởng xanh, đưa ra định hướng và hướng dẫn phân loại các dự án đầu tư công về BĐKH. Tuy nhiên, 2 chính sách này không đề cập trực tiếp đến phụ nữ hay bình đẳng giới.

31 https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Dau-tu/Luat-Dau-tu-cong-2019-362113.aspx

32 https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Dau-tu/Nghi-dinh-40-2020-ND-CP-huong-dan-Luat-Dau-tu-cong-426374.aspx

33 https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Dau-tu/Quyet-dinh-1485-QD-BKHDT-nam-2013-lua-chon-uu-tien-thich-ung-bien-doi-khi-hau-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-210871.aspx

34 http://khanhyen.vanban.laocai.gov.vn/Default.aspx?sid=1234&pageid=27705&p_steering=15796

Quá trình và việc phân loại các khoản đầu tư công liên quan đến BĐKH trong công tác lập kế hoạch và đầu tư được thực hiện theo **Quyết định số 1085/QĐ-BKHĐT**[35] ngày 16/07/2018 của Bộ KHĐT phân loại các dự án thành (i) Dự án thích ứng với BĐKH nếu mục tiêu của dự án là câng cao khả năng chống chịu với BĐKH hoặc (ii) Dự án Giảm nhẹ BĐKH nếu mục tiêu của dự án là giảm phát thải khí nhà kính thông qua giảm phát thải hoặc tăng khả năng hấp thụ và (iii) Dự án hỗn hợp bao gồm cả thích ứng và giảm nhẹ.

35 http://khanhyen.vanban.laocai.gov.vn/Default.aspx?sid=1234&pageid=27705&p_steering=15796

Chiến lược Quốc gia về Tăng trưởng Xanh 2021-2030 là một bước đệm trong lồng ghép các hành động nhạy cảm giới với lập ngân sách có đáp ứng giới. Phụ nữ được ưu tiên cho ngân sách Tăng trưởng xanh và được đề cập đến trong các biện pháp chính (cụ thể là *"cải thiện khả năng tiếp cận tài chính xanh cho phụ nữ và các nhóm yếu thế trong xã hội"* và *"các nhóm yếu thế (phụ nữ, trẻ em, dân tộc thiểu số, người nghèo, người khuyết tật) được tiếp cận bình đẳng với các cơ hội, thông tin, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, các dịch vụ xã hội cơ bản, phù hợp với các lĩnh vực và công việc mới trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh."* Nhờ đó, phụ nữ có thể có nhiều cơ hội hơn để cải thiện điều kiện tài chính và vị thế của mình trong gia đình và xã hội.

Bảng 10. Các mục tiêu xuyên suốt trong các chính sách kế hoạch và đầu tư và khí hậu

Các chính sách	Nội dung về bình đẳng giới	Nội dung về BĐKH
Bình đẳng giới		
Luật số 73/2006/QH11 ngày 29/11/2006 được Quốc hội thông qua về Bình đẳng giới (2006)	Điều 12: "Nam, nữ bình đẳng trong việc thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý doanh nghiệp, bình đẳng trong việc tiếp cận thông tin, nguồn vốn, thị trường và nguồn lao động." "Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ được ưu đãi về thuế và tài chính theo quy định của pháp luật;" "Lao động nữ khu vực nông thôn được hỗ trợ tín dụng, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư theo quy định của pháp luật."	Không có
Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 03/03/2021 được Chính phủ ban hành về Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 (2021)	Bình đẳng giới được đưa vào các mục tiêu và chỉ số quốc gia về chính trị, giáo dục, y tế, kinh tế và lao động	Không có
Kế hoạch và đầu tư		
Quyết định số 56/2011/QĐ-TTg ngày 14/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới của quốc gia (2011)	Tổng cục Thống kê xây dựng một bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới của quốc gia (SNSIGD), bao gồm 105 chỉ tiêu thống kê phát triển giới đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định này	Không có

Các chính sách	Nội dung về bình đẳng giới	Nội dung về BĐKH
Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/05/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững (2017)	Bình đẳng giới là đối tượng chính của Mục tiêu 5 và được nêu chi tiết trong các Mục tiêu 1, 4 và 10	Chủ động ứng phó với BĐKH được đề cập trong mục tiêu tổng quát và các mục tiêu cụ thể của kế hoạch
Quyết định số 1085/QĐ-BKHĐT ngày 16/07/2018 của Bộ KHĐT ban hành Hướng dẫn phân loại đầu tư công cho BĐKH và tăng trưởng xanh (2018)	Bình đẳng giới được đề cập gián tiếp trong tiêu chí xác định mức đầu tư cho một dự án thích ứng với BĐKH, cụ thể "Một dự án được định nghĩa là thích ứng với BĐKH là dự án đầu tư cho các hoạt động nhằm mục đích giảm khả năng dễ bị tổn thương của con người, tài sản..."	Quyết định đưa ra khung xác định mức ngân sách được sử dụng cho thích ứng và giảm nhẹ BĐKH với các chỉ số tương ứng.
Luật số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019 được Quốc hội thông qua về Đầu tư công (2019)	Bình đẳng giới được đề cập gián tiếp trong nguyên tắc công bằng khi xây dựng các kế hoạch đầu tư công trung hạn và ngắn hạn, nghĩa là "Bảo đảm công khai, minh bạch và công bằng" như nêu trong Điều 48	Không có
Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT ngày 22/01/2019 do Bộ KHĐT ban hành Quy định Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam (2019)	Có 16 chỉ số giới để đánh giá kết quả thực hiện Mục tiêu phát triển bền vững 5 (MTPTBV5) (Phụ lục 1)	2 chỉ số được đưa ra để lượng hóa kết quả thực hiện Mục tiêu phát triển bền vững 13 (MTPTBV13)
Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 (2021)	Phụ nữ được ưu tiên tiếp cận ngân sách Tăng trưởng xanh và phụ nữ được đề cập trong các giải pháp chính "Nâng cao khả năng tiếp cận nguồn tài chính xanh cho các nhóm đối tượng phụ nữ, đối tượng yếu thế trong xã hội", "...các nhóm yếu thế (phụ nữ, trẻ em, người dân tộc thiểu số, người nghèo, người khuyết tật) được tiếp cận bình đẳng các cơ hội, thông tin, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ xã hội cơ bản, phù hợp với các lĩnh vực, việc làm mới trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh."	BĐKH được xem xét xuyên suốt chiến lược, từ quan điểm đến các mục tiêu và giải pháp. Các giải pháp tăng khả năng chống chịu với BĐKH được ưu tiên phân bổ tài chính.

Ngoài ra, Chương trình Mục tiêu Quốc gia (CTMTQG) về Giảm nghèo bền vững (CTMTQG-GNBV) (2016-2020) bao gồm những hiểu biết liên quan để lồng ghép TƯBĐKH vào quy hoạch của địa phương. Quyết định 1722/QĐ-TTg ngày 02/09/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt CTMTQG giai đoạn 2016-2020 xác định đối tượng ưu tiên là hộ nghèo dân tộc thiểu số và phụ nữ thuộc hộ nghèo, coi phụ nữ là đối tượng được ưu tiên. Các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan (như Thông tư 01/TT-KHDT ngày 14/02/2017 của Bộ KHĐT hướng dẫn lập kế hoạch đầu tư ở cấp xã, Thông tư 01/TT-UBDT ngày 10/05/2017 của UBDT hướng dẫn thực hiện Chương trình 135, Thông tư 15/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của BTC về quản lý vốn sự nghiệp trong thực hiện CTMTQG, Thông tư 18/TT-NNPTNT ngày 09/10/2017 của Bộ NN&PTNT và Thông tư 39/TT-NHNN) ngày 30/12/2016 của NHNN) có tính nhạy cảm giới. **Ví dụ, thông tư đặt ra yêu cầu 30% số người tham gia các cuộc họp lập kế hoạch cấp thôn là phụ nữ.**

Bên cạnh đó, Quyết định số 1036/QĐ-BNN-VPDP ngày 28/03/2019 của Văn phòng điều phối, Bộ NN&PTNT về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Chương trình "*Hỗ trợ thực hiện hai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020*" do Bộ trưởng Bộ NN&PTNT ban hành. Có 5 cuốn sổ tay là *"Sổ tay thực hiện chương trình", "Sổ tay xây dựng quy hoạch", "Sổ tay phát triển sản xuất trong xây dựng nông thôn mới", "Sổ tay hỗ trợ phát triển sản xuất giảm nghèo bền vững"* và *"Sổ tay phát triển cơ sở hạ tầng"*. **Giới được lồng ghép trong nhiều phần của cuốn sổ tay, cung cấp các chỉ số đánh giá cụ thể và nền tảng đánh giá với các cân nhắc về giới như số lượng phụ nữ được đào tạo nghề và việc làm mới được tạo ra cho phụ nữ.**

d) Khoảng trống, thách thức, kết quả khảo sát

Bình đẳng giới đã được đề cập trong một số văn kiện của Bộ KHĐT như Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện chương trình Nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững, và Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030. Tuy nhiên, lại **chưa có các cân nhắc về lồng ghép giới trong các chương trình và hướng dẫn kỹ thuật do Bộ KHĐT ban hành**.

Thiếu công cụ theo dõi giới trong đầu tư công và lập ngân sách, tài chính và kế hoạch. Quyết định số 1085/2018/QĐ-BKHĐT hướng dẫn phân loại, báo cáo về đầu tư công cho Biến đổi khí hậu và Tăng trưởng xanh và Nghị định số 84/2015/NĐ về Giám sát và Đánh giá đầu tư không có bất kỳ chỉ số nào về giới. Ngoài ra, cũng không có chỉ số giới nào liên quan đến tiếp cận tài chính trong bộ chỉ số MTPTBV. Đầu tư từ ngân sách trung ương cho bình đẳng giới còn thấp (chỉ chiếm 0,0024% tổng chi tiêu của Chính phủ trong giai đoạn 2011-2015), thậm chí còn thấp hơn các nguồn huy động từ quốc tế.

Một trong những nguyên nhân dẫn đến những khoảng trống trong các văn bản pháp luật trên là do các thông tin về mối liên hệ giữa bình đẳng giới và các chính sách trong kế hoạch và đầu tư mà các nhà hoạch định chính sách thu nhận được còn hạn chế. Thêm vào đó, bình đẳng giới được coi là một trong những khía cạnh xã hội và tự động được đưa vào các mục tiêu của bất kỳ chính sách nào và trong các mục tiêu của kế hoạch, chương trình và dự án. Và phụ nữ và nam giới được tiếp cận bình đẳng và được hưởng lợi như nhau từ bất kỳ dự án đầu tư nào. **Do thiếu dữ liệu phân tách theo giới về tình trạng bất bình đẳng giới trong tiếp cận tài chính mà mối quan liên hệ giữa bình đẳng giới và các chính sách kế hoạch và đầu tư không được làm rõ.** Chỉ có các báo cáo của NHCSXHVN là có thông tin về các khoản vay của phụ nữ. ***Ngoài ra, tác động tiêu cực của bất bình đẳng giới đối với sự phát triển của xã hội nói chung, và đến hiệu quả của các dự án đầu tư là tác động gián tiếp và không dễ nhận ra. Tình trạng thiếu hướng dẫn chi tiết để lồng ghép các cân nhắc về giới vào lĩnh vực kế hoạch – đầu tư hạn chế việc lồng ghép giới vào các văn bản pháp luật.***

Báo cáo Rà soát đầu tư và chi tiêu công cho BĐKH cho thấy hơn 80% ngân sách cho BĐKH giai đoạn 2016-2020 được giải ngân bởi 2 bộ: Bộ NN&PTNT với các nhiệm vụ về thủy lợi, và Bộ GTVT với các nhiệm vụ về giao thông, và tổng mức chi hàng năm là 8.000 tỷ đồng (Bộ KHĐT & UNDP, 2022). Các công trình cơ sở hạ tầng này có thể không trực tiếp giải quyết nhu cầu của phụ nữ. Bộ KHĐT đã ban hành Quyết định số 1085/2018/QĐ-BKHĐT cung cấp khung các chỉ số và tiêu chí để xác định, phân loại và báo cáo phân bổ vốn đầu tư cho BĐKH. Tuy nhiên, không có bất kỳ chỉ số nào liên quan đến giới tính. Để đảm bảo rằng các khoản đầu tư vào 'cơ sở hạ tầng cứng' đang giải quyết hiệu quả nhu cầu của phụ nữ và không làm gia tăng khoảng cách giới, cần xây dựng các hướng dẫn cụ thể để hướng dẫn thực hiện các dự án và giúp mở ra các cơ hội để tăng bình đẳng giới trong thiết kế và thực hiện.

Liên quan đến CTMTQG, Thông tư 01/2017/TT-KHĐT **hướng dẫn lập kế hoạch đầu tư cấp xã đã gián tiếp đề cập đến giới trong "Mục tiêu, đối tượng và tiêu chí của các chương trình mục tiêu quốc gia"** tại Điều 2 trên cơ sở lập kế hoạch đầu tư tại cấp xã. Giới không được xem xét trong các nội dung khác của Thông tư (ví dụ, nguyên tắc và thủ tục xây dựng kế hoạch đầu tư). Tuy nhiên, **CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi (CTMTQG-EMA) giai đoạn 2021-2030 đã đạt được những bước tiến đáng kể về bình đẳng giới và các hoạt động đã được mô tả bằng những nỗ lực**. Cụ thể, 14 trong số 158 hoạt động của chương trình nhằm tăng cường khả năng tiếp cận và vai trò của phụ nữ và trẻ em gái trong nền kinh tế, xã hội, chính sách và các dịch vụ chăm sóc sức khỏe; xóa bỏ các chuẩn mực giới tính; bảo vệ phụ nữ và trẻ em gái khỏi bạo lực gia đình và buôn bán người; nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác bình đẳng giới; và giám sát và đánh giá tiến bộ bình đẳng giới. Các thước đo cụ thể cũng được đưa ra đối với các hoạt động như số lần phụ nữ mang thai được tư vấn về chất dinh dưỡng hay kinh phí cho mô hình hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao năng lực kinh tế cho phụ nữ dân tộc thiểu số. Quyết định 39/2021/QĐ-TTg ngày 20/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và điều chỉnh tỷ lệ vốn phân bổ ngân sách địa phương thực hiện CTMTQG giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021- Năm 2025 quy định một phần vốn ngân sách trung ương được phân bổ cho Hội LHPNVN trong các Dự án số 8 và số 10.

Có một thách thức trong việc triển khai, thiếu nguồn tài chính dành riêng cho việc thực hiện đưa bình đẳng giới vào trong các dự án và thiếu các nguồn lực kỹ thuật như các chuyên gia về khí hậu và giới trong Bộ KHĐT. Có nhiều dự án về biến đổi khí hậu với sự đồng lợi của giới; nhưng không có đủ sự tập trung vào bình đẳng giới như là mục tiêu chính (Bộ KHĐT & UNDP, 2022).

6. Giáo dục

Lĩnh vực giáo dục không phải là lĩnh vực ưu tiên của Dự án NAP-Sup, cũng không phải trong nghiên cứu này. Tuy nhiên, đây là lĩnh vực chiến lược để giải quyết bất bình đẳng giới và TƯBĐKH, cũng như mối quan hệ giữa hai lĩnh vực này.

Có một số cách mà giáo dục, hoặc sự thiếu hụt của giáo dục liên quan tới và do đó cần được xem xét trong việc lập kế hoạch thích ứng. Thứ nhất, giáo dục ảnh hưởng tích cực đến khả năng chống chịu với các tác động của biến đổi khí hậu và do đó trình độ học vấn thấp hơn là một yếu tố cấu thành tính dễ bị tổn thương của một người (O'Neill, 2020). Ví dụ, ở Việt Nam, tỉ lệ biết chữ thấp hơn đã ngăn cản phụ nữ dân tộc thiểu số tiếp cận một số dịch vụ thông tin về khí hậu (UNDP, 2019). Ngược lại, trình độ học vấn thấp hơn là hậu quả của thiên tai, các cá nhân hoặc hộ gia đình có thể có ít lựa chọn thích ứng hơn, chẳng hạn như chuyển sang các công việc phi nông nghiệp hoặc tiếp cận thị trường mới hoặc chuỗi giá trị nông sản chẳng hạn. Những mối liên kết này đã được đề cập trong NDC của Việt Nam đệ trình lên UNFCCC vào năm 2020:

"Phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ dân tộc thiểu số, rất dễ bị tổn thương do hạn chế tiếp cận giáo dục và ít cơ hội tham gia vào các công việc phi nông nghiệp."

Thứ hai, việc tiếp cận giáo dục sẽ bị đe dọa bởi các tác động của khí hậu và đặc biệt là các thiên tai (ví dụ như lũ lụt, bão và sạt lở đất) gây ra thiệt hại cho cơ sở hạ tầng của trường học. Điều quan trọng là phải bảo tồn và phát triển cơ sở hạ tầng giáo dục để đảm bảo trẻ em gái có thể tiếp cận giáo dục lâu hơn (kể cả ở các vùng nông thôn, vùng sâu vùng xa và các nhóm dân tộc thiểu số), vì điều này sẽ nâng cao khả năng chống chịu của các em trước các cú sốc khí hậu. Ngoài ra, các loại hình thiên tai xảy ra chậm (ví dụ hạn hán), do gây ra thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp, có thể có tác động xấu lâu dài đến trẻ em và trẻ em gái vì các em có khả năng bỏ học để hỗ trợ sinh kế của gia đình trong thời gian dài (UNICEF, 2016). Trẻ em từ các gia đình di cư cũng có tỷ lệ bỏ học cao hơn 1,2-1,7 lần so với các gia đình không di cư (UNICEF, 2016). Dịch vụ giáo dục được coi là có 'nguy cơ cao' do tác động của khí hậu, với 11% trường học đối mặt với nguy cơ lũ lụt do nước biển dâng (World Bank, 2019).

Và cuối cùng, giáo dục và đào tạo có vai trò chuyển đổi và góp phần phát triển nguồn nhân lực có trình độ cao, bên cạnh tác động đến sự hình thành và phát triển con người, trang bị kỹ năng sống cho họ. Giáo dục và đào tạo cũng mang lại nhận thức và trao quyền cho thanh niên để hành động. Giáo dục có chất lượng và dễ tiếp cận là một lĩnh vực xuyên suốt đã được xác định là yếu tố thúc đẩy quan trọng nếu Việt Nam muốn đạt được các mục tiêu phát triển bền vững của mình. Nó có thể mở ra khả năng lãnh đạo của phụ nữ và tạo điều kiện tiếp cận với các nghề nghiệp STEM và hành động vì khí hậu. Xây dựng năng lực cho lực lượng lao động nữ là rất quan trọng để đảm bảo tăng cường đại diện trong các cơ quan và tổ chức ra quyết định và hoạch định chính sách, cũng như góp phần xây dựng các chính sách công bằng và công bằng. Các chương trình giảng dạy ở các trường (cấp độ, loại hình) khác nhau là nơi then chốt để giảng dạy về phân tích giới và từ đó những thay đổi về xã hội có thể bắt đầu vì chúng tạo cơ hội chính để nâng cao nhận thức của thanh niên nam và nữ về bình đẳng giới và từ đó giải quyết các định kiến thường mắc phải trong các giá trị truyền thống, chẳng hạn như những giá trị mô tả nam giới 'có khả năng hơn' trong một số công việc nhất định.

NAP (Quyết định số 1055/QĐ-TTg) cũng đề cập đến các nhiệm vụ sau: *"Xây dựng và thực hiện các chương trình giáo dục và đào tạo tích hợp nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu ở tất cả các cấp học" và "nâng cao chất lượng của các chương trình giảng dạy về ứng phó với biến đổi khí hậu".* Quyết định số 148 đề cập đến nhiệm vụ sau: *"1.2. Số lượng cơ sở giáo dục và đào tạo giảng dạy về biến đổi khí hậu."*

Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông quy định khái niệm biến đổi khí hậu, tác động của biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu phải được đưa vào chương trình học dưới dạng các phần của học phần hoặc lồng ghép vào nội dung của chương trình. Biến đổi khí hậu lần đầu tiên được giới thiệu trong các hoạt động thực hành và trải nghiệm ở lớp 4. Biến đổi khí hậu được coi là một trong những kết quả tiêu chuẩn đối với học sinh cấp Trung học cơ sở và Trung học phổ thông, cụ thể là các em phải "có ý thức học hỏi và sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền về biến đổi khí hậu, ứng phó với biến đổi khí hậu" với học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở và " tích cực tham gia, vận động người khác tham gia tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững" với học sinh Trung học phổ thông.

Nhận thức được tầm quan trọng của giáo dục đối với bình đẳng giới, Bộ GDĐT đã phối hợp với các chuyên gia, doanh nghiệp và các tổ chức tài trợ xây dựng hướng dẫn lồng ghép giới trong giáo dục. Ba tài liệu hướng dẫn dành cho cán bộ quản lý và giáo viên từ mẫu giáo đến trung học phổ thông đã được xuất bản, bao gồm: "Học tập thông qua vui chơi giới tính" (VVOB Việt Nam và CGFED, 2019), "Sách hướng dẫn lồng ghép giới tính vào chương trình và sách giáo khoa giáo dục phổ thông" (Bộ GD&ĐT, 2016) và "Hướng dẫn lồng ghép giới trong hướng nghiệp cho học sinh trung học" (Bộ GD&ĐT, 2015). Họ nêu cơ sở của việc lồng ghép giới và các khái niệm cơ bản, các bước thực hiện cũng như các tiêu chí cụ thể trong từng bước của từng nội dung. Tuy nhiên, chỉ có "Hướng dẫn lồng ghép giới vào chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông" được Bộ GDĐT ban hành thành văn bản quy phạm pháp luật tại Quyết định số 1381/QĐ-BGDĐT của BGDĐT năm 2016, còn hai văn bản còn lại được coi là tài liệu tham khảo và không yêu cầu các trường phải tuân thủ. Do đó, việc thực hiện sẽ mang tính tự nguyện ở hai cấp học này (tức là mẫu giáo và Trung học phổ thông) và phụ thuộc vào nhận thức của các cấp lãnh đạo. Ngoài ba hướng dẫn này, hiện không có hướng dẫn nào về lồng ghép giới trong chương trình đào tạo hoặc quản lý ở bậc Đại học và sau Đại học. Điều này sẽ ảnh hưởng đến nhận thức và việc thực hiện lồng ghép giới trong môi trường nghề nghiệp sau khi sinh viên tốt nghiệp và bắt đầu đi làm.

Sáng kiến Youth4Climate do UNDP phát động tại Việt Nam đã thể hiện sự quan tâm và sẵn sàng đáng kể của thanh niên nhằm tiếp cận với những kiến thức chính xác và đáng tin cậy bằng tiếng Việt về khoa học khí hậu và các chủ đề khí hậu khác (xem Climate Learning Hub), cũng như mong muốn được nhiều hơn tham gia vào các cuộc thảo luận chính sách. Trong số thanh niên tham gia vào các sáng kiến, hơn một nửa trong số họ là phụ nữ trẻ, mặc dù ít đại diện trong các chương trình giáo dục STEM. Trước đó vào năm 2013, Hội đồng Anh, cùng với Bộ GDĐT và Live & Learn, đã tổ chức các hoạt động giáo dục về biến đổi khí hậu cho hơn 300 trường tiểu học.

E. KHUYẾN NGHỊ
LỒNG GHÉP GIỚI VÀO NAP GIAI ĐOẠN 2021-2030

Các khuyến nghị sau đây được thiết kế với mục đích chính là cung cấp thông tin cho việc sửa đổi Kế hoạch quốc gia về thích ứng biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 (Quyết định 1055). Đồng thời, các khuyến nghị này được đưa ra nhằm lồng ghép giới trong tất cả các chính sách khí hậu, hướng tới xây dựng một khuôn khổ nhất quán.

Phân tích giới được thực hiện trong **Phần D** cho thấy rằng khi bình đẳng giới chỉ được đề cập đến như là một "nguyên tắc", nó có nguy cơ vẫn còn lý thuyết ở cấp trung ương và địa phương. Thực hiện lồng ghép giới trong TƯBĐKH đối mặt với nhiều thách thức thực hiện với việc thiếu các quy định và hướng dẫn rõ ràng để thực hiện, cũng như thiếu các chỉ số và cơ chế giám sát. Vì vậy, để tránh khỏi tình trạng bình đẳng giới chỉ được đề cập trong 'tầm nhìn' và/hoặc như một 'mục tiêu' trong các chính sách, báo cáo hướng tới các khuyến nghị thiết thực góp phần hiệu quả vào việc nâng cao nhận thức về tính dễ bị tổn thương và các nhu cầu của phụ nữ. Từ đó, có thể tạo điều kiện môi trường thuận lợi cho phụ nữ được trao quyền trong việc lãnh đạo hành động vì khí hậu và đạt được bình đẳng giới giữa phụ nữ và nam giới cao hơn.

1. Khuyến nghị cho quy trình xây dựng và sửa đổi NAP

Các khuyến nghị này đã được áp dụng hoặc sẽ được áp dụng trong suốt quá trình xây dựng Báo cáo kỹ thuật NAP.

Đưa Chỉ số 8.2 (Quyết định 148/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng chính phủ) vào các hệ thống GS&ĐG cấp ngành của 5 bộ

» **Lợi ích:**
Hỗ trợ Bộ LĐTBXH và theo dõi tiến độ của các ngành

Khung GS&ĐG đóng vai trò quan trọng để xác định tiến độ công việc, và việc tích hợp Chỉ số này sẽ giúp đảm bảo nắm bắt được lợi ích của đầu tư đối với phụ nữ và nam giới. Cần phải đưa các chỉ số nhạy cảm giới vào tất cả các khung GS&ĐG của ngành, để thúc đẩy phân tích giới, và đảm bảo theo dõi các bước tiến về bình đẳng giới. Thay vì tạo ra các chỉ số mới, chúng tôi đề xuất đưa Chỉ số 8.2 vào tất cả các khung GS&ĐG để đảm bảo tính nhất quán và chặt chẽ.

Bắt đầu phân tách "các nhóm phụ nữ" để xác định "các nhóm phụ nữ dễ bị tổn thương nhất"

» **Lợi ích:**
Các hành động thích ứng có mục tiêu và hiệu quả hơn, loại bỏ dần "phụ nữ = dễ bị tổn thương"

Sự khác biệt về giới không chỉ tồn tại giữa phụ nữ và nam giới mà còn tồn tại trong các nhóm phụ nữ. Bản sắc, mức độ phơi bày, tính dễ bị tổn thương, và năng lực thích ứng của phụ nữ phụ thuộc vào sự tương tác giữa các đặc điểm dân tộc, kinh tế, xã hội và nhân khẩu học của họ. Điều này có vai trò quan trọng vì hai lý do. Thứ nhất, các chính sách đề cập đến phụ nữ cùng các nhóm dễ bị tổn thương khác như trẻ em, người cao tuổi, hoặc người khuyết tật, sẽ duy trì các chuẩn mực, định kiến giới và niềm tin truyền thống về việc coi trọng nam giới hơn tất cả những đối tượng khác trong mọi trường hợp.

Việc xác định chặt chẽ các nhóm (nam giới và phụ nữ) dễ bị tổn thương hơn sẽ thu hẹp phạm vi đối tượng và giúp cho các chính sách hiệu quả hơn. Thứ hai, tương tự như việc chi tiết hóa dữ liệu khí hậu (climate downscaling), việc chi tiết hóa dữ liệu xã hội và con người sẽ góp phần tạo nên một hành động vì khí hậu hiệu quả. Ví dụ, ở Việt Nam, NDC đệ trình vào năm 2020 đã nhấn mạnh thực tế là phụ nữ DTTS có mức độ dễ bị tổn thương cao do điều kiện kinh tế - xã hội và các rào cản họ gặp phải: ***"Phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ dân tộc thiểu số, rất dễ bị tổn thương do ít được học hành (ít tiếp cận giáo dục), ít cơ hội tham gia vào các công việc phi nông nghiệp hơn."*** Đây là một ví dụ điển hình về sự phân chia nhóm phụ nữ tốt hơn. Giới hạn từ ngữ của các chính sách có thể cản trở nhiệm vụ này, nhưng các từ ngữ có thể được chèn vào để cung cấp hướng dẫn về sự cần thiết phải phân tách các nhóm phụ nữ tốt hơn (ví dụ, một số phụ nữ dân tộc thiểu số, phụ nữ đang cho con bú sống ở nông thôn, v.v.).

Tăng số lượng quy trình tham vấn chính thức với Hội Phụ nữ và các tổ chức do phụ nữ lãnh đạo và các nhóm quan tâm

» **Lợi ích:**
Nắm bắt được nhu cầu và ưu tiên của phụ nữ, Thẩm định các phương án thích ứng dựa vào khung của Báo cáo kỹ thuật NAP

Nâng cao nhận thức của các tổ/nhóm của phụ nữ về tác động của BĐKH đối với bình đẳng giới

Khuyến nghị này nên được áp dụng bởi chính quyền địa phương cấp tỉnh và các đối tác phát triển trong quá trình thiết kế và thực hiện các dự án (vì Báo cáo kỹ thuật NAP và các hành động ưu tiên đã được hoàn thiện).

Việc lồng ghép giới vào các hành động thích ứng nên dựa trên cơ sở tham vấn phụ nữ, để xây dựng và tích hợp các kỹ năng, kiến thức, nhu cầu và đóng góp của họ vào chu trình lập kế hoạch. Cần có sự tham gia của phụ nữ trong các cuộc tham vấn để xây dựng, giám sát và đánh giá việc thực hiện các chính sách và dự án để họ có thể đóng góp tiếng nói, nguyện vọng, mong muốn và gợi ý/đề xuất nhằm thích ứng tốt hơn với BĐKH. Việc lựa chọn các biện pháp thích ứng có tính đến các cân nhắc về giới chỉ có thể được thực hiện khi có sự tham gia của phụ nữ. Tuy nhiên, tỷ lệ phụ nữ làm việc trong các ngành chủ chốt (như giao thông vận tải) hoặc giữ các vị trí cấp cao còn thấp. Do đó, cần phải chủ động thu hút sự tham gia của phụ nữ và thúc đẩy các cuộc tham vấn.

Với nguy cơ thay thế các rủi ro hoặc tình trạng dễ bị tổn thương có thể xảy ra từ các hoạt động thích ứng, quản trị hiệu quả đảm bảo sự tham gia đầy đủ của phụ nữ trong quá trình ra quyết định là cơ chế cần thiết để lập kế hoạch cho bất kỳ tác động phân phối lại nào, giảm thiểu rủi ro, đánh giá sự đánh đổi và thảo luận về mọi rủi ro có thể thấy trước. Điều này sẽ đảm bảo rằng các chính sách về biến đổi khí hậu thúc đẩy cải thiện sức khỏe, giáo dục và sinh kế để thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng cường khả năng tiếp cận và sở hữu của phụ nữ đối với các nguồn lực sản xuất và sinh sản (bao gồm đất đai, tiếp cận tín dụng và giáo dục).

Trình bày kết quả phân tích giới trong báo cáo tổng hợp trước các bộ chủ quản để nhận được phản hồi và điều chỉnh các khuyến nghị

» **Lợi ích:**
Nâng cao nhận thức của các nhà hoạch định chính sách, khởi động các cuộc thảo luận về việc thực hiện các khuyến nghị

Tổ chức một cuộc hội thảo (1 ngày) tại Hà Nội với sự tham dự của các bộ ngành (đầu mối về khí hậu và giới) để trình bày báo cáo và thảo luận về tính khả thi của các khuyến nghị

Phân tích chi tiết trình bày trong **Phần D** có thể dùng làm thông tin đầu vào cho các bộ ngành để xây dựng NAP cho ngành mình, nhưng cũng có thể dùng để xây dựng bất kỳ chính sách khí hậu nào ngoài NAP này. Phân tích này cung cấp thông tin vắn tắt về kiến thức, khoảng trống và cơ chế hợp tác hiện tại.

2. Khuyến nghị chung để thúc đẩy "Lộ trình lồng ghép giới trong NAP"

*Các phần sau đây trình bày các khuyến nghị chính dựa trên 5 lĩnh vực ưu tiên được nêu trong Kế hoạch Hành động về Giới của Chương trình làm việc Lima 5 năm nâng cao về bình đẳng giới được các Bên tham gia UNFCCC thống nhất tại COP 25. Quyết định số 20/CP.26 "kêu gọi các Bên tham gia **đẩy nhanh nỗ lực** để thúc đẩy thực hiện Chương trình làm việc Lima nâng cao về bình đẳng giới và kế hoạch hành động về Giới." Bảng 1 của Kế hoạch Hành động về Giới đề ra hơn 20 hoạt động, 35 đầu ra, và chỉ rõ cấp thực hiện.*

Ngoài ra, bằng cách tuân theo GAP, nhóm khuyến nghị này trực tiếp góp phần hoàn thành nhiệm vụ 1 được nêu trong Quyết định 1055/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về "*e) Tăng cường hợp tác quốc tế và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, bao gồm: hỗ trợ các cơ quan trong nước xây dựng năng lực để trở thành tổ chức được công nhận đối với Quỹ Khí hậu xanh, Quỹ Thích ứng và các quỹ khác; xây dựng và định kỳ cập nhật Báo cáo quốc gia về thích ứng với biến đổi khí hậu cho Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu. Giám sát và đánh giá tác động của các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu trên thế giới đối với Việt Nam, xác định các giải pháp giảm thiểu tác động và tận dụng cơ hội cho phát triển kinh tế - xã hội.*"

Lĩnh vực ưu tiên A: Nâng cao năng lực, quản lý tri thức và truyền thông

Quyết định 1055: Các khuyến nghị này góp phần trực tiếp thực hiện Nhiệm vụ 1 *"Nâng cao hiệu quả thích ứng với biến đổi khí hậu thông qua việc tăng cường công tác quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu và thúc đẩy việc lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu vào hệ thống chiến lược, quy hoạch"*

Mở rộng tập huấn và tiến hành tập huấn về đáp ứng giới cho tất cả các nhà hoạch định chính sách trong các bộ (không chỉ tập huấn cho các cán bộ đầu mối về giới/khí hậu) và các cấp địa phương

» **Lợi ích:**
Tăng cường hiểu biết và nhận thức và nhạy cảm giới trong các bộ nói chung

Cuộc khảo sát được thực hiện vào tháng 3 năm 2022 với 18 phản hồi đã chỉ ra kiến thức và thực hành của những người được khảo sát còn hạn chế (Phụ lục 3). Trong khi đó, các chính sách hoặc kế hoạch cho các lĩnh vực cụ thể đã được các đơn vị cụ thể xây dựng và đề xuất với Bộ. Vì vậy, việc nâng cao hiểu biết về bình đẳng giới không chỉ tiến hành trong các sở/vụ về môi trường, mà cần được thực hiện với tất cả các lĩnh vực của các bộ. Sau các khóa tập huấn về giới, học viên cần có khả năng liên hệ BĐKH, bình đẳng giới với các lĩnh vực công việc cụ thể của họ.

Chọn lọc các thông tin về tác động của BĐKH đến giới đưa lên cổng thông tin của Thích ứng (Bộ TN&MT).

» **Lợi ích:**
Tăng cường nhận thức, xây dựng năng lực, và tăng cường hiểu biểu của các nhà hoạch định chính sách.

Tạo điều kiện và thúc đẩy lồng ghép giới vào các chính sách khí hậu

Nhu cầu chọn lọc một mô-đun như vậy xuất hiện trong các cuộc phỏng vấn được thực hiện với các nhà hoạch định chính sách ở cấp quốc gia và bảng câu hỏi đã được gửi tới cho hơn 45 người từ các cấp tỉnh. Một câu hỏi thường xuyên xuất hiện trong quá trình này là: "Tại sao chúng ta nên lồng ghép giới ?". Mô-đun này sẽ bao gồm việc soạn các tờ thông tin hai trang bao gồm: mối liên hệ giữa giới và khí hậu đối với các hoạt động TƯBĐKH theo ngành, các thông tin chính nêu lên khác biệt về giới hiện tại và tính dễ bị tổn thương của phụ nữ, và các điểm đầu vào tiềm năng. Các sản phẩm tri thức khác sẽ được phát triển để nêu bật 'lợi ích của việc lồng ghép giới vào việc xây dựng và thực hiện các chính sách về biến đổi khí hậu.'

Lĩnh vực ưu tiên B: Cân bằng giới, sự tham gia và lãnh đạo của phụ nữ

Báo cáo tổng hợp mới nhất do cơ quan phụ trách thực hiện UNFCCC chuẩn bị đã xem xét những đóng góp của Nhóm công tác số II (WGII) của IPCC và nhận thấy rằng:

*"Vai trò của phụ nữ với tư cách là tác nhân của sự thay đổi và nhu cầu **quản trị toàn diện hơn** đã được nhấn mạnh trong các đệ trình, trong đó lưu ý rằng việc **tích hợp tốt hơn phụ nữ** và các nhóm yếu thế vào quá trình ra quyết định ở tất cả các cấp **sẽ giúp cải thiện** cả chính sách giảm nhẹ và **thích ứng**"* (UNFCCC, 2022a).

Áp dụng định mức (ví dụ: 15%) phụ nữ giữ chức vụ Giám đốc và Phó Giám đốc các Sở (cấp tỉnh) cho các bộ ngành cụ thể

» **Lợi ích:**
Tăng cường sự tham gia có ý nghĩa của phụ nữ và vai trò lãnh đạo trong quá trình ra quyết định

Như đã đề cập trước đây, hiện không có phụ nữ giữ chức vụ giám đốc tại Sở NN & PTNT hoặc Sở TN&MT và việc thiếu nữ lãnh đạo là một điểm nghẽn cản trở việc cân nhắc các nhu cầu của phụ nữ và góp phần tạo ra niềm tin truyền thống rằng phụ nữ không có khả năng đảm nhiệm các vị trí cấp cao. Trong khi đó, Hướng dẫn số 15-HD/2012/BTCTW[36] về quy hoạch cán bộ lãnh đạo,

36 https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Huong-dan-15-HD-BTCTW-cong-tac-quy-hoach-can-bo-lanh-dao-quan-ly-151971.aspx

quản lý theo tinh thần Nghị quyết số 42-NQ/TW[37] ngày 30/11/2004 của Bộ Chính trị (khóa IX) và Kết luận số 24-KL/TW[38] ngày 5/6/2012 của Bộ Chính trị (khóa XI) yêu cầu bảo đảm tỷ lệ cán bộ nữ không dưới 15% trong cấp ủy, ban thường vụ và người đứng đầu các cấp quản lý. Đồng thời, khi thực hiện chính sách đối với cấp huyện trở lên nhất thiết phải có cán bộ nữ trong cơ cấu lãnh đạo (Thường trực cấp ủy, Thường trực HĐND, UBND cấp huyện) và là lãnh đạo cấp tỉnh. -các sở, ban, ngành cấp trung ương cũng như các bộ ngành. Ngoài ra, Quyết định số 2282/2021/QĐ-TTg[39] đã ban hành nhằm tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ vào các vị trí lãnh đạo, quản lý ở các cấp hoạch định chính sách trong giai đoạn 2021-2030. Vì vậy, chắc chắn rằng các hành động cần phải được thực hiện ngay lập tức ở cấp tỉnh để đạt được các mục tiêu mà chính phủ đưa ra.

Tập huấn kỹ năng mềm cho phụ nữ nông thôn với sự tham gia của Hội Liên hiệp Phụ nữ và những người có tầm ảnh hưởng trong cộng đồng

» **Lợi ích:**
Tăng cường khả năng chống chịu với thiên tai và năng lực thích ứng của phụ nữ và trao quyền cho phụ nữ như là tác nhân của sự thay đổi

Các định kiến và hạn chế về giới trong khả năng tiếp cận các nguồn tài chính, thông tin và công nghệ khiến phụ nữ ở nông thôn và miền núi dễ bị tổn thương hơn trước những thay đổi của khí hậu. Trong khi đó, sinh kế của nhiều phụ nữ ở các khu vực này phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên và điều kiện khí hậu. Họ cũng chịu trách nhiệm chính trong công việc nhà.

Việc tập huấn kỹ năng mềm như vậy được đề cập trong Chỉ số 8.3 trong Quyết định 148. Một điều kiện thực hiện nhiệm vụ này là cung cấp đào tạo về quản lý thời gian cho những phụ nữ có nguyện vọng đảm nhận các vị trí quản lý. Việt Nam gần đây đã tham gia Liên minh Hành động Thích ứng toàn cầu (AAC) tại COP 26 vào năm 2021. AAC là liên minh của các chính phủ trên thế giới, với mục tiêu tạo động lực và thúc đẩy hành động thích ứng và chống chịu với BĐKH. Liên minh AAC được hình thành dựa trên "Kêu gọi hành động về thích ứng và phục hồi" của Hội nghị Thượng đỉnh của Liên Hợp quốc cùng hành động vì khí hậu (UNCAS) năm 2019 do Vương quốc Anh, Ai Cập, Bangladesh, Malawi, Hà Lan, Saint Lucia chủ trì với sự hỗ trợ của UNDP. Kêu gọi Hành động này đã được 122 quốc gia, Liên minh Châu Âu, và 86 Tổ chức trên khắp thế giới ký. Dựa vào các cam kết mà các bên đã đưa ra khi tham gia ký lời Kêu gọi Hành động này, Liên minh AAC sẽ thúc đẩy hành động thông qua các chuỗi công việc và sự kiện (thảo luận bàn tròn, chia sẻ kinh nghiệm) trong một số lĩnh vực nhất định. Với việc tham gia Liên minh AAC, Việt Nam có thêm cơ hội tiếp cận hỗ trợ kỹ thuật về thích ứng với BĐKH, gồm cả các hoạt động tập trung vào giới.

Lĩnh vực ưu tiên C: Phối kết hợp (Coherence)

Quyết định 1055: "Nhiệm vụ 1 c) Thúc đẩy việc lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu vào hệ thống chiến lược, quy hoạch thông qua việc xây dựng và ban hành các hướng dẫn về lồng ghép; đánh giá lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu trong hệ thống chiến lược, quy hoạch; lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu với giảm nhẹ rủi ro thiên tai."

Mục tiêu: Lĩnh vực ưu tiên này đặc biệt phù hợp với thực hiện NAP ở Việt Nam vì các hành động thích ứng phải cố gắng đạt được các mục tiêu về khí hậu (chẳng hạn như tăng cường khả năng chống chịu với các căng thẳng khí hậu), cũng như đạt được các mục tiêu phát triển khác để góp phần thực hiện các Mục tiêu Phát triển bền vững. Do Chính phủ Việt Nam đang nỗ lực hướng tới lồng ghép lồng ghép giới vào các kế hoạch phát triển (ví dụ như trong các Chương trình Mục tiêu Quốc gia) và hiện đang cố gắng lồng ghép tốt hơn TƯBĐKH vào các chiến lược phát triển, các cân nhắc về giới nên tiếp tục được lồng ghép vào các kế hoạch này để bảo đảm tính liên kết, tổng hợp.

37 https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-quyet-42-NQ-TW-cong-tac-quy-hoach-can-bo-lanh-dao-quan-ly-thoi-112690.aspx

38 https://www.hcmcpv.org.vn/van-ban/ket-luan/ket-luan-so-24-kl-tw-ngay-5-6-2012-cua-bo-chinh-tri-ve-day-manh-cong-tac-quy-hoach-va-luan-chuyen-ca-1340617053

39 https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Quyet-dinh-2282-QD-TTg-2020-phe-duyet-Chuong-trinh-tham-gia-cua-phu-nu-trong-vi-tri-lanh-dao-cac-cap-461183.aspx

Củng cố các cơ chế quản trị và sắp xếp thể chế để lồng ghép bình đẳng giới trong công tác TƯBĐKH

» **Lợi ích:**
Tăng cường lồng ghép sẽ mang lại đồng lợi ích cho tất cả các MTPTBV, hoạch định chính sách mang tính bao chùm hơn và các chính sách được đưa ra sẽ có trách nhiệm và hiệu quả hơn.

Đảm bảo sự tham gia có ý nghĩa của tất cả các tổ chức phụ nữ tại tất cả các cấp vào quá trình hoạch định chính sách

Bên cạnh sự tham gia của các bộ ngành và các tổ chức quốc tế trong quá trình thực hiện NAP, sự tham gia của Hội Liên hiệp Phụ nữ và Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ phụ nữ (UBQGVSTBPN) trong việc ra quyết định và quản trị ở tất cả các cấp quản lý có vai trò rất quan trọng để đảm bảo thành công của NAP nói chung và của bình đẳng giới nói riêng (**Hình 5**).

Trong cơ chế quản trị được đề xuất được trình bày ở **Hình 5**, Hội LHPNVN, UBQGVSTBPN, Bộ Lao động, thương binh và xã hội (Bộ LĐTBXH) và Bộ Văn hóa, thông tin và du lịch (Bộ VHTTDL) sẽ tham vấn cho Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT), các bộ và cơ quan ngang bộ trong quá trình xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật và ra quyết định. Hội Phụ nữ, Cơ quan LĐTBXH, VHTTDL và Ban VSTBPN cấp tỉnh và cấp huyện sẽ tham vấn ý kiến cho Ủy ban Nhân dân (UBND), sở TN&MT, các sở, phòng/ban ở các cấp tương ứng.

Việc lồng ghép giới vào các chính sách được đề cập trong các văn kiện cấp quốc gia, như Luật Bình đẳng giới, Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới, Kế hoạch quốc gia TƯBĐKH của Việt Nam. Đây là những nền tảng pháp lý vững chắc để thực hiện lồng ghép giới. Hội Phụ nữ và Ban VSTBPN được thành lập ở tất cả các cấp quản lý, và các bộ, cơ quan ngang bộ. Bên cạnh đó, cộng đồng và các tổ chức phi chính phủ quốc tế sẵn sàng hỗ trợ cả về tài chính và kỹ thuật. Họ là những bên liên quan chính tham gia lồng ghép giới vào NAP. Học hỏi kinh nghiệm trong lồng ghép giới vào NAP của các nước trên thế giới giúp cho việc lồng ghép giới sẽ thành công ở Việt Nam. Cần có sự tham gia của các chuyên gia am hiểu cả bình đẳng giới và có kiến thức chuyên môn trong tất cả các lĩnh vực từ mỗi bộ, để có thể thu hẹp khoảng cách giới.

Hình 5. Các cơ chế quản trị và sắp xếp thể chế đề xuất, ngoài NAP ở Việt Nam

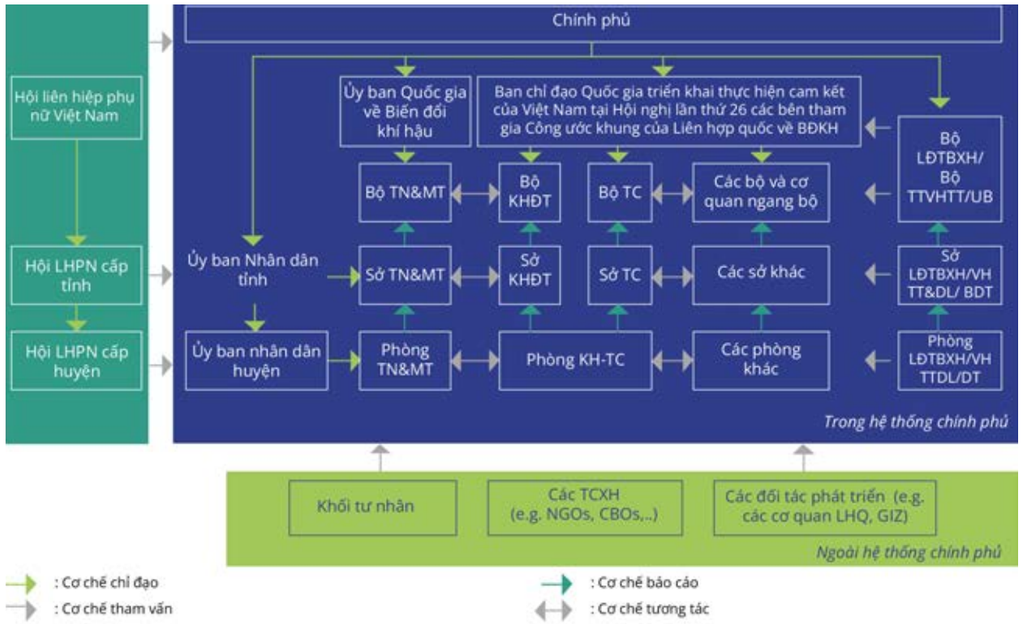

Thành lập Nhóm công tác kỹ thuật về Giới và BĐKH (đồng chủ trì bởi Bộ TN&MT và Bộ LĐTBXH)

» **Lợi ích:**
Chia sẻ kiến thức, điều chỉnh chương trình cho phù hợp, tối đa hóa nguồn lực kỹ thuật và tài chính

UNDP mời Bộ TN&MT, Vụ Bình đẳng giới (Bộ LĐTBXH) và Hội LHPNVN tham gia Nhóm công tác về BĐKH - Giới. Nhóm công tác này sẽ được tài trợ thông qua các đối tác phát triển, và sẽ họp hàng quý, và do một thành viên của gia Nhóm công tác về BĐKH - Giới[40] phụ trách. Một bản điều khoản tham chiếu (ToR) cho Nhóm sẽ được lập và nhóm sẽ họp 4 lần/năm. Mục đích của Nhóm này là (i) thu thập, phổ biến và phân tích mối liên hệ giữa khí hậu và giới; (ii) hỗ trợ kỹ thuật cho các nhà hoạch định chính sách một cách minh bạch, có sự điều phối và hiệu quả; và (iii) điều chỉnh các nguồn tài chính cho phù hợp để tạo thay đổi mang tính hệ thống. Các khuyến nghị về lồng ghép giới trong các văn bản chính sách đã được các tổ chức phi chính phủ, đối tác phát triển và các nhóm nghiên cứu đưa ra trong thập kỷ qua. Nội dung kiến nghị không thay đổi nhiều, và vẫn chưa được thực hiện. Do đó, đã đến lúc xem xét lại cách thức cung cấp các tư vấn kỹ thuật để tạo ra kết quả hữu hình.

Đưa các khuyến nghị về giới vào Hướng dẫn hiện đang được Cục Biến đổi khí hậu của Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng để lồng ghép biến đổi khí hậu vào các chiến lược và quy hoạch tổng thể (LEP sửa đổi - Điều 93, 2020)

» **Lợi ích:**
Tăng cường tính nhất quán và toàn diện về đáp ứng giới giữa các chính sách

Như những người trả lời khảo sát đã đề cập, bình đẳng giới sẽ chỉ được lồng ghép trong công việc của họ nếu có các hướng dẫn chính thức để họ tuân theo. Do đó, cần phải xây dựng các hướng dẫn kỹ thuật với sự tham gia của đại diện Hội LHPNVN và Bộ LĐTBXH, bên cạnh các chuyên gia về giới. Các hướng dẫn kỹ thuật cần bao gồm yêu cầu phân tích nhạy cảm giới để cung cấp thông tin cho thiết kế và khung của các đề xuất dự án, chỉ ra các chỉ số cụ thể về giới trong đánh giá đề xuất dự án, đánh giá rủi ro và trong hệ thống chỉ số GS&ĐG của các bộ.

Xây dựng các hướng dẫn giới có liên quan hướng tới các bộ quản lý ngành và các tỉnh trong việc thúc đẩy bình đẳng giới trong các dự án cơ sở hạ tầng

» **Lợi ích:**
Phát hiện cơ hội để tăng bình đẳng giới trong thiết kế và thực hiện

Trong khi bình đẳng giới và 'phụ nữ' đôi khi được đề cập đến trong '(các) nguyên tắc' hoặc 'tầm nhìn' của các chính sách, thì lại thiếu các hướng dẫn thực hiện cụ thể và hướng dẫn thực hành để thực hiện các nguyên tắc này nhằm lồng ghép giới trong các chính sách khí hậu từ trung ương đến địa phương. Cũng thường không có các chỉ số để đánh giá tác động khác biệt đối với nam giới và phụ nữ. Cùng với nhận thức hạn chế của những người ra quyết định và các ưu tiên chồng chéo ở cấp tỉnh, khoảng cách này cản trở các nỗ lực. Ví dụ, các dự án cơ sở hạ tầng cần có các hướng dẫn thực hiện không mù mờ về giới và thay vào đó giúp mở ra các cơ hội để tăng bình đẳng giới trong thiết kế và thực hiện. Hướng dẫn này có thể được xây dựng với sự hỗ trợ kỹ thuật của cả Bộ LĐTBXH và Bộ TN&MT.

40 Danh sách thành viên hiện tại của Nhóm Công tác BĐKH - Giới có tại Phụ lục.

Lĩnh vực ưu tiên D: Thực hiện có đáp ứng giới và biện pháp thực hiện

Quyết định 1055: *"Nhiệm vụ 1 đ) Thúc đẩy các hành động thích ứng mang lại đồng lợi ích về đảm bảo phòng chống thiên tai, giảm nhẹ rủi ro do biến đổi khí hậu và hiệu quả về kinh tế, xã hội, môi trường; định kỳ cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu theo các báo cáo của Ban Liên chính phủ về biến đổi khí hậu (IPCC); xây dựng các kịch bản về tác động, tổn thất và thiệt hại đối với Việt Nam; thiết lập và vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về biến đổi khí hậu và công cụ hỗ trợ công tác quản lý và hoạch định chính sách về biến đổi khí hậu; xây dựng các cơ chế, chính sách, huy động và phân bổ nguồn lực về tài chính nhằm khuyến khích và thu hút đầu tư cho thích ứng với biến đổi khí hậu."*

Mục tiêu: Các khuyến nghị này được xây dựng dựa trên kinh nghiệm và hướng dẫn đã được xây dựng cho các CTMTQG Phát triển Nông thôn mới (NTP-NRD), Giảm nghèo bền vững (NTP-SPR), Dân tộc thiểu số (NTP-EMA) và Quản lý Rủi ro Thiên tai dựa vào Cộng đồng.

Tiến hành đánh giá rủi ro và tính dễ bị tổn thương để thu thập dữ liệu phân tách theo giới cho từng phân ngành

» **Lợi ích:**
Tạo thêm dữ liệu và thông tin chi tiết về tác động của biến đổi khí hậu đối với phụ nữ

Nâng cao kiến thức cho tất cả các bên liên quan (chính phủ, các đối tác phát triển, CSO, v.v.) để tạo nên các kết quả thích ứng tốt hơn và sử dụng hiệu quả hơn các nguồn tài nguyên thiên nhiên hạn chế

Việc phân tích các tác nhân (cộng đồng, doanh nghiệp, chính quyền địa phương và hệ sinh thái) sẽ chịu tác động tích cực hay tiêu cực từ các phản ứng thích ứng cụ thể đòi hỏi một phân tích chi tiết về các lợi ích phân bổ, bao gồm, trong số các hoạt động khác, thu thập có hệ thống dữ liệu phân tách theo giới tính.

Cần tăng cường thông tin để hiểu rõ hơn điều gì sẽ thúc đẩy năng lực quản lý rủi ro, thích ứng với biến đổi khí hậu và ứng phó với các hiện tượng thời tiết khắc nghiệt của phụ nữ nông dân. Điều này bao gồm việc thiết kế các nghiên cứu cơ bản quốc gia với các chỉ số định lượng và định tính phản ánh khả năng tiếp cận và sở hữu các nguồn lực giữa các hộ gia đình. Cũng cần hỗ trợ cho các sáng kiến và dự án để thu thập dữ liệu phân tách theo giới tính phản ánh và nắm bắt các yếu tố nâng cao khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu của phụ nữ nông dân.

Quy định tỷ lệ (%) tối thiểu với các biện pháp thích ứng cần phải tiến hành phân tích giới trong mỗi ngành và yêu cầu bắt buộc phải phân tích giới đối với các dự án ODA về TƯBĐKH

» **Lợi ích:**
Cho phép các nhà hoạch định chính sách hiểu rõ hơn về các tác động khác biệt theo giới của BĐKH trong các phân ngành dễ bị tổn thương nhất

Xây dựng các kế hoạch hành động thúc đẩy bình đẳng giới và nâng quyền kinh tế của phụ nữ

Tạo điều kiện để phụ nữ và cácnhóm phụ nữ tham gia quá trình thực hiện, cũng như đảm bảo việc GS&ĐG các giải pháp một cách hiệu quả

Đánh giá kinh nghiệm từ các CTMTQG đã cho thấy rằng các dự án địa phương do các đối tác phát triển tài trợ thường thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ trong quá trình ra quyết định và tham vấn, cũng như lực lượng lao động. Do đó, TƯBĐKH là trọng tâm để đảm bảo rằng các đối tác phát triển và các nhà tài trợ khác tiếp tục hợp lý hóa các yêu cầu về giới của họ từ thiết kế dự án đến giai đoạn thực hiện.

Để giảm thiểu các yếu tố cấu thành nên tình trạng dễ bị tổn thương của phụ nữ trước BĐKH trong các văn kiện chính sách NAP cập nhật, thì cần có thêm nghiên cứu và dữ liệu (xem các chỉ số GS&ĐG được đề xuất). Việc thiếu dữ liệu phân tách theo giới hiện nay đang là rào cản để có thể hiểu về bối cảnh nông nghiệp vốn liên tục thay đổi, mà nông nghiệp là ngành sử dụng nhiều lao động nữ hơn và cần ứng phó với BĐKH và các yếu tố bên ngoài (ví dụ: cạnh tranh, di cư, v.v.). Việc giải quyết cụ thể các vấn đề và xu hướng ở địa phương (nam giới di cư) sẽ giúp thu hẹp

khoảng cách giới. Hơn nữa, ngoài quá trình thích ứng, kết quả phân tích giới có thể cung cấp thông tin đầu vào cho các cuộc tổng điều tra dân số và điều tra nông nghiệp. Ví dụ, phân tích giới ở Uruguay đã cung cấp thông tin quan trọng về các chiến lược thích ứng của nữ nông dân, chỉ ra sự khác biệt trong áp dụng các thực hành, quan hệ giới, trao quyền, cũng như các nút thắt, tất cả những thông tin này đã giúp kế hoạch TƯBĐKH hiệu quả hơn. **Điều này có thể được thực hiện với sự hỗ trợ của các Cơ quan Liên Hợp quốc và CCWG.**

Thí điểm lập ngân sách có trách nhiệm giới ở các bộ và nộp cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và/ hoặc Bộ Tài chính

» **Lợi ích:**
Trực tiếp cung cấp tài chính cho các sáng kiến giải quyết các nhu cầu cụ thể của phụ nữ

Trong NAP sắp tới, các bộ có thể phân bổ một ngân sách cụ thể để lồng ghép các phương pháp tiếp cận có trách nhiệm giới. Ví dụ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có thể khuyến khích và giám sát sự tham gia của phụ nữ vào tất cả các hoạt động TƯBĐKH, bao gồm cả trong nhiều tổ chức như Hội Nông dân và Hội Phụ nữ. Một khuyến nghị khác là huy động một cách có hệ thống chuyên gia về giới để đóng góp vào các đề xuất tài trợ cho các dự án và chương trình liên quan đến TƯBĐKH, và tăng cường năng lực lồng ghép giới trong các bộ quản lý ngành.

Lĩnh vực ưu tiên E: Giám sát và Báo cáo

Quyết định 1055: *"Nhiệm vụ 1 e) Tăng cường hợp tác quốc tế và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, bao gồm: hỗ trợ các cơ quan trong nước xây dựng năng lực để trở thành tổ chức được công nhận đối với Quỹ Khí hậu xanh, Quỹ Thích ứng và các quỹ khác; xây dựng và định kỳ cập nhật Báo cáo quốc gia về thích ứng với biến đổi khí hậu cho Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu. Giám sát và đánh giá tác động của các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu trên thế giới đối với Việt Nam, xác định các giải pháp giảm thiểu tác động và tận dụng cơ hội cho phát triển kinh tế - xã hội."*

Xây dựng kế hoạch phối hợp để hỗ trợ Bộ LĐTBXH hoàn thành việc GS&ĐG Chỉ số 8.2 và 8.3

» **Lợi ích:**
Tăng cường thu thập dữ liệu phân tách theo giới một cách có hệ thống để theo dõi và đo lường tiến độ trong nâng cao năng lực thích ứng của phụ nữ

Cho đến nay, Bộ LĐTBXH hiếm khi tham gia vào các chính sách về BĐKH. Do đó, Bộ cần hỗ trợ kỹ thuật, tài chính, và nâng cao năng lực để hoàn thành các nhiệm vụ này. Liên minh các đối tác phát triển như UN Women, UNDP và Tổ chức hợp tác quốc tế Đức (GIZ) đã bày tỏ sự quan tâm và sẵn sàng hỗ trợ Bộ LĐTBXH. Các phương pháp tiếp cận có sự tham gia là trọng tâm của các yêu cầu nêu trong Hướng dẫn kỹ thuật NAP. Các chỉ số GS&ĐG đặt ra thách thức đáng kể cho các sở, ngành cấp tỉnh vì họ phải thực hiện nhiều yêu cầu cùng lúc (NAP, NCCS, KHPT KT-XH, NDC), v.v.; trong khi đó thường phải hoạt động với khả năng tài chính và nhân lực hạn chế. Do đó, chúng tôi khuyến nghị thu hút sự tham gia của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và các tổ chức do phụ nữ lãnh đạo khác trong vai trò đi đầu trong việc xây dựng dữ liệu nền và báo cáo các chỉ số cụ thể. Trong khi các đầu mối chịu trách nhiệm nộp kết quả GS&ĐG lên hệ thống vẫn là Sở TN&MT hoặc các phòng ban ngành, một phần của các nhiệm vụ - đặc biệt là các nhiệm vụ liên quan đến việc thu thập các chỉ số đã được xác định là quan trọng để tăng cường năng lực thích ứng của phụ nữ - có thể được giao cho các tổ chức phụ nữ.

Tăng cường sự hợp tác giữa các viện nghiên cứu thuộc các Bộ quản lý ngành và Tổng cục Thống kê để hợp lý hóa và tăng cường thu thập dữ liệu phân tách giới

» **Lợi ích:**
Tăng tính minh bạch của việc thu thập, phân tích và khai thác dữ liệu; tối đa hóa hiệu quả chi phí; và thu thập dữ liệu ở cấp quốc gia

Một thách thức và hạn chế thường xuyên xuất hiện trong cuộc phỏng vấn và bảng câu hỏi là mức độ sẵn có của dữ liệu và sự hợp tác với TCTK tương đối thấp. Các bộ không có ngân sách để tự thu thập dữ liệu, cũng như không có quan hệ đối tác để thực hiện việc này, và sự phối hợp hạn chế với TCTK với tư cách là tổ chức phụ trách thu thập dữ liệu quốc gia. Sau Quyết định 56 ngày 14/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ, TCTK (thuộc Bộ KHĐT) đã thu thập 105 chỉ tiêu thống kê về giới quốc gia, được công bố trong các năm 2012, 2016 và 2018. Cần tăng cường hợp tác với TCTK, bao gồm cả việc thu thập dữ liệu phân tách giới ở cấp quốc gia, giúp giảm bớt gánh nặng thu thập dữ liệu về các chỉ số giới cho các bộ quản lý ngành.

3. Các biện pháp thích ứng của các ngành nhằm giải quyết các nhu cầu cụ thể của phụ nữ

Những ràng buộc mà phụ nữ phải đối mặt không phải là cố hữu của phụ nữ; chúng được xây dựng về mặt xã hội, kinh tế và chính trị, và do đó có thể thay đổi. Đây là mục đích của việc lồng ghép giới vào NAP để đảm bảo rằng NAP cho phép các nhà lập kế hoạch tạo ra và thực hiện các biện pháp thích ứng để tạo cơ hội tăng cường bình đẳng giới trong các hành động biến đổi khí hậu.

Các phần sau đây phác thảo các khuyến nghị cho những lĩnh vực ưu tiên có thể hướng dẫn các Bộ trong việc thực hiện các hành động thích ứng có đáp ứng giới. Một số khuyến nghị có thể được thí điểm ngoài bối cảnh chính thức của thực hiện NAP.

Môi trường và Tài nguyên (Bộ TN&MT)

Chia sẻ những nỗ lực của Việt Nam với UNFCCC trong khuôn khổ Chương trình Làm việc Lima Tăng cường 5 năm về Giới

» **Quyết định 1055:** đóng góp trực tiếp vào Nhiệm vụ 1, e) "Tăng cường hợp tác quốc tế và thực hiện nghĩa vụ của một bên ký kết UNFCCC"
» **Lợi ích:** Đóng góp và giải quyết các mục tiêu và hoạt động nêu trong LWPG và Kế hoạch hành động về giới được thống nhất vào năm 2019 tại COP25[41] thông qua việc thực hiện thích ứng với giới ở cấp quốc gia

Chương trình này mời các Bên gửi thông tin về *những nỗ lực và các bước đã tiến hành để thực hiện* ***Chương trình làm việc Lima nâng cao về bình đẳng giới và kế hoạch hành động về Giới trong báo cáo quốc gia của họ*** *theo quy trình UNFCCC, nếu có.* Trong Thông báo Thích ứng (Adaptation Communication) gửi cho UNFCCC, Chính phủ Việt Nam có thể chính thức đề cập

41 Các bên đã đồng ý với Chương trình làm việc Lima nâng cao kéo dài 5 năm về giới và Kế hoạch hành động về giới của nó (Quyết định 3/CP.25).

rằng Việt Nam muốn tham gia Chương trình làm việc Lima (LWP), và như vậy đã nhất trí với việc báo cáo tự nguyện về tiến độ của quốc gia hàng năm. Chương trình. Quyết định số 1055 có thể sẽ được sửa đổi trong năm 2023, và có thể được thay thế bằng thông báo và các yêu cầu của LWP.

Báo cáo Tổng hợp mới nhất của Ban thư ký đã tóm tắt thông tin do các Bên đệ trình kể từ tháng 7 năm 2022 về các chính sách khí hậu có đáp ứng giới được đưa vào NAP của họ và thống kê được rằng 26,3% NAP có lồng ghép giới phù hợp với các hoạt động thuộc lĩnh vực ưu tiên A, B và C của GAP; trong khi không có NAP nào trong số đó có các hoạt động đáp ứng được cả năm lĩnh vực ưu tiên (UNFCCC, 2022b).

Ngoài ra, Việt Nam cần tăng cường vai trò và trách nhiệm của Đầu mối Quốc gia về Giới và Biến đổi Khí hậu (đã được bổ nhiệm vào UNFCCC), và có thể đề cử bà làm đồng chủ tịch Nhóm Kỹ thuật về Giới và Khí hậu (xem Ưu tiên C 'Phối kết hợp').

Nâng quyền cho thanh niên để dẫn dắt hành động vì khí hậu ở cấp quốc gia và cấp tỉnh bằng cách tăng cường hợp tác với Đoàn thanh niên Hồ Chí Minh (ví dụ các hoạt động Youth4Climate)

- **Quyết định 1055:** Đóng góp trực tiếp vào Nhiệm vụ 2, "Nâng cao khả năng chống chịu và thích ứng của cộng đồng"
- **Lợi ích:** Xây dựng năng lực của thanh niên để họ có thể trở thành động lực cho sự đổi mới và các bên liên quan chính trong quá trình ra quyết định ảnh hưởng đến tương lai của họ

Thanh niên có thể mang lại những đóng góp vô giá qua các kỹ năng, năng lượng, tầm nhìn, và ý tưởng độc đáo của mình để giúp hình thành các biện pháp và chính sách thích ứng với BĐKH. Một nghiên cứu gần đây (ISDS, 2022) cho thấy nam thanh niên nói chung và nam giới sống ở khu vực thành thị (và có trình độ học vấn cao hơn) ít thể hiện định kiến và quan điểm truyền thống về "nam tính" và các định kiến chống lại phụ nữ hơn. Với 25% dân số Việt Nam dưới 25 tuổi, những kết quả này có thể có ý nghĩa sâu sắc trong việc giải quyết bất bình đẳng giới và chuyển đổi vai trò giới trong điều kiện khí hậu thay đổi. Vì vậy, NAP nên xem xét vai trò của thanh niên Việt Nam đúng mức bởi điều này có thể mang lại những thay đổi tích cực có tính lan tỏa đến các nhóm xã hội khác, và sẽ tạo ra lợi ích chung về thu hẹp khoảng cách giới và đóng góp vào các nỗ lực thích ứng.

Báo cáo Đặc biệt về Hành động Youth4Climate (UNDP, 2021) đề xuất nhiều khuyến nghị khác nhau để tăng cường vai trò của thanh niên trong việc dẫn dắt và đóng góp cũng như các biện pháp thích ứng trong các lĩnh vực NAP có liên quan; chẳng hạn như nhân rộng các kỹ năng đào tạo (kỹ thuật và kỹ năng mềm), thu hút thanh niên địa phương vào các dự án thích ứng hiện có do Đoàn thanh niên Hồ Chí Minh hoặc các tổ chức xã hội dẫn đầu và các chuyến tham quan thử nghiệm các mô hình Giải pháp dựa vào tự nhiên thành công.

Tăng nguồn kinh phí cho nghiên cứu và tìm hiểu mối quan hệ giữa biến đổi khí hậu và giới

- **Quyết định 1055:** đóng góp trực tiếp vào nhiệm vụ 2 đ) "thúc đẩy các hành động thích ứng mang lại đồng lợi ích về đảm bảo phòng chống thiên tai, giảm nhẹ rủi ro do biến đổi khí hậu và hiệu quả về kinh tế, xã hội, môi trường; định kỳ cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu theo các báo cáo của Ban Liên chính phủ về biến đổi khí hậu (IPCC); xây dựng các kịch bản về tác động, tổn thất và thiệt hại đối với Việt Nam; thiết lập và vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về biến đổi khí hậu và công cụ hỗ trợ công tác quản lý và hoạch định chính sách về biến đổi khí hậu; xây dựng các cơ chế, chính sách, huy động và phân bổ nguồn lực về tài chính nhằm khuyến khích và thu hút đầu tư cho thích ứng với biến đổi khí hậu."
- **Lợi ích:** Nắm bắt, hiểu và theo dõi tính dễ bị tổn thương và vai trò của phụ nữ trong đa dạng sinh học và tài nguyên thiên nhiên

Thiếu dữ liệu và có ít các nghiên cứu khoa học xem xét cụ thể các tác động của biến đổi khí hậu đối với phụ nữ ở Việt Nam. Khuyến nghị tăng cường nghiên cứu và tìm hiểu tác động của biến đổi khí hậu (cả những thay đổi đột ngột và từ từ) và khả năng thích ứng của phụ nữ, đặc biệt là những người dễ bị tổn thương nhất (ví dụ, phụ nữ nghèo, phụ nữ làm chủ hộ và một số dân tộc thiểu số phụ nữ, v.v.).

Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Bộ NN&PTNT)

Bằng cách phấn đấu đạt được bình đẳng giới trong nông nghiệp, NAP có thể giải quyết các rào cản cấu trúc hiện tại (về thể chế, tài chính, tiếp cận thông tin) đang cản trở phụ nữ phát huy hết tiềm năng của mình trong việc TƯBĐKH.

Điều chỉnh/tăng cường để Khung GS&ĐG có tính nhạy cảm giới

i. Thu thập dữ liệu phân tách theo giới để đo lường tác động của TƯBĐKH đối với phụ nữ, theo hệ thống GS&ĐG chung (Bảng 11).

Bảng 11. Danh sách các Chỉ số Giám sát & Đánh giá được đề xuất (tính đến tháng 6 năm 2022)

Số	Chỉ số	Khuyến nghị
Chỉ số nhạy cảm giới hiện tại		
CS39	Tỷ lệ số lượt cán bộ nữ của Ban chỉ đạo PCTT/ ƯPBĐKH cấp tỉnh được tập huấn (tỉnh/quốc gia)	
CS45	Tỷ lệ hộ, doanh nghiệp/HTX nông nghiệp tham gia áp dụng mô hình/giải pháp/thực hành thích ứng với BĐKH/cây/con giống thích ứng BĐKH do phụ nữ làm chủ/lãnh đạo (hộ/doanh nghiệp/HTX)	
Đề xuất chỉ số GS&ĐG điều chỉnh		
CS21	Số người chết, mất tích, bị thương do thiên tai trên một trăm nghìn dân	Thu thập chỉ số phân tổ theo giới (# nam và # nữ)
CS32	Diện tích áp dụng giải pháp nông lâm kết hợp, canh tác tổng hợp	Thêm "...các hợp tác xã/nhóm do phụ nữ lãnh đạo/hộ do phụ nữ làm chủ hộ"
CS37	Tỷ lệ dân số được phổ biến kiến thức về phòng, chống lụt bão và giảm nhẹ rủi ro thiên tai	Thu thập chỉ số phân tổ theo giới (# nam và # nữ)
CS43	Tỷ lệ các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành NN&PTNT được lồng ghép thích ứng BĐKH theo yêu cầu lồng ghép	Luật Bình đẳng giới yêu cầu tất cả các quy hoạch phải xem xét yếu tố giới, do đó bổ sung "có gồm các cân nhắc về giới"
Mới	Quyết định số 148 (8.3) Tỷ lệ (%) người dân, nữ giới ở vùng dễ bị tổn thương do tác động của BĐKH được đào tạo kỹ năng mềm về TƯBĐKH, phòng chống thiên tai trong ngành nông nghiệp	

Các khuyến nghị sau đây sẽ góp phần lồng ghép giới vào nhiệm vụ *"Tập huấn, nâng cao năng lực cho nông dân và cán bộ địa phương về phát triển, lựa chọn và ứng dụng các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực nông nghiệp"* được giao cho Bộ NN&PTNT trong Quyết định 1055 với mục tiêu "Tăng cường khả năng chống chịu và nâng cao năng lực thích ứng ...trước những thay đổi của khí hậu" và "Giảm nhẹ rủi ro thiên tai và giảm thiểu thiệt hại, sẵn sàng ứng phó với thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng do biến đổi khí hậu".

Ngoài ra, các hoạt động được liệt kê dưới đây sẽ đáp ứng yêu cầu giám sát sự tham gia của phụ nữ trong TƯBĐKH trong lĩnh vực nông nghiệp (CS45).

Triển khai các Dịch vụ Thông tin Khí hậu (CIS) mà phụ nữ có thể tiếp cận

» **Lợi ích:**
Nâng cao năng lực thích ứng của phụ nữ bằng cách tăng cường sự sẵn có và khả năng tiếp cận của CIS mang lại lợi ích cho phụ nữ nông dân (ví dụ: các công nghệ nhạy cảm với giới, sử dụng các kênh truyền thông ưa thích của họ).

Điều cần thiết là phải đảm bảo rằng phụ nữ và nam giới có quyền tiếp cận thông tin bình đẳng vì nó gắn liền với bình đẳng giới (Gumucio, 2020). Các chiến lược truyền thông toàn diện phải tận dụng nhiều kênh và cung cấp thông tin theo cách phù hợp với thói quen của phụ nữ (ví dụ: ở chợ hoặc ở các nhóm phụ nữ), và cần tính đến sự chênh lệch tiềm năng về tỷ lệ biết chữ giữa nam và nữ, đặc biệt là giữa các nhóm dân tộc thiểu số.

Tiếp cận bình đẳng với các dịch vụ thông tin là một bước quan trọng để theo đuổi một xã hội hòa nhập. Cần xây dựng một gói các biện pháp bổ sung, bao gồm hỗ trợ các nhóm phụ nữ nông dân thông qua đào tạo và tiếp cận các dịch vụ tín dụng và thông tin khí hậu. Về mặt này, cần có không gian để thúc đẩy sự phối hợp giữa các bộ và ngành đồng thời giảm chi phí và tăng hiệu quả/tiếp thu của các chiến lược thích ứng trong nông nghiệp.

Nữ và nam nông dân (hay nông dân người Kinh và người DTTS) sẽ ứng phó với BĐKH trong nông nghiệp khác nhau, có mức độ tiếp cận và sử dụng các dịch vụ thông tin khí hậu khác nhau, có tình trạng dễ bị tổn thương và năng lực thích ứng với BĐKH khác nhau. Hầu hết các dịch vụ thông tin khí hậu đang được cung cấp bằng tiếng phổ thông (tiếng Kinh), do đó người DTTS có thể không tiếp nhận được một số thông tin, và đặc biệt là phụ nữ DTTS vì họ thường có trình độ văn hóa thấp nhất. Các dịch vụ thông tin khí hậu cũng nên được thiết kế với hình ảnh và hình vẽ để hỗ trợ những người không biết đọc (UBDT, 2015).

» **Chỉ số GS&ĐG đề xuất:**
(CS54) Tỷ lệ hộ, doanh nghiệp/HTX nông nghiệp tham gia áp dụng các mô hình/giải pháp/thực hành thích ứng với BĐKH/giống thích ứng với BĐKH (cần phân tổ theo giới và dân tộc)

Đảm bảo tỷ lệ tối thiểu người dân thuộc các DTTS tham gia lực lượng cán bộ dịch vụ khuyến nông, và tiến hành khảo sát hàng năm (số phụ nữ và nam giới) người DTTS có khả năng diễn giải bản tin dự báo thời tiết và cung cấp tư vấn kỹ thuật.

» **Chỉ số GS&ĐG đề xuất:**
Số lượng và tỷ lệ (%) người dân thuộc các DTTS trong các cán bộ dịch vụ khuyến nông

Mở rộng quy mô các dự án/Giải pháp thuận tự nhiên do phụ nữ lãnh đạo bằng cách củng cố mạng lưới cộng đồng

» **Lợi ích:**
Tăng cường sinh kế, giảm mức độ phơi bày của phụ nữ với các tác động của khí hậu

Việc đảm bảo tính bền vững của các giải pháp thuận tự nhiên (NbS) như kỹ thuật sinh học, hoặc phục hồi rừng ngập mặn, sẽ đóng góp tích cực cho nguồn nhân lực. Về cơ bản, các giải pháp thuận tự nhiên đòi hỏi cần chăm sóc nhiều hơn so với các giải pháp kỹ thuật truyền thống hoặc 'cơ sở hạ tầng cứng'. Đây chính là một cơ hội để tìm kiếm, đào tạo/tập huấn và nâng cao năng lực cho các nhóm phụ nữ sống ở những khu vực bị ảnh hưởng nhiều nhất của khí hậu. Điều này cũng mang lại nhiều lợi ích đồng thời về phát triển con người, tăng sinh kế, kỹ năng mới, bình đẳng giới (nếu chú trọng nâng cao vai trò của phụ nữ DTTS), đồng thời vẫn thực hiện các mục tiêu TƯBĐKH.

Cần phát triển các chương trình tập huấn giảng viên nguồn (ToT) nhắm vào thanh niên DTTS ở các vùng trọng điểm bị ảnh hưởng bởi khí hậu nhằm đẩy nhanh việc triển khai các thực hành NbS.

» **Lợi ích:**
Xây dựng năng lực và khả năng chóng chịu của những người dân dễ bị tổn thương nhất

Mạng lưới và các nhóm do cộng đồng lãnh đạo cần được huy động để chia sẻ thông tin, dữ liệu, thực hành tốt nhất và kinh nghiệm liên quan đến việc duy trì các tập quán, giải quyết xung đột đất đai và rừng và tăng cường thực thi pháp luật. Thí điểm các hoạt động thích ứng dựa vào hệ sinh thái kết hợp kiến thức bản địa để xây dựng khả năng phục hồi có thể được thúc đẩy ở các khu vực đầu nguồn quan trọng để chứng minh tiềm năng của các hoạt động này.

» **Chỉ số GS&ĐG đề xuất:**
Số lượng và tỷ lệ (%) các chương trình/dự án mới về NbS do phụ nữ/tổ chức của phụ nữ lãnh đạo hoặc duy trì trong giai đoạn 2020-2030.

Bảo tồn tri thức DTTS và phát huy vai trò của phụ nữ DTTS với tư cách là người quản lý rừng

» **Lợi ích:**
Giảm tính dễ bị tổn thương của các nhóm DTTS

Với tư cách là những người quản lý rừng ở địa phương, các nhóm DTTS có vai trò quan trọng đối với việc hấp thụ và lưu giữ carbon và phục hồi qua việc bảo vệ rừng, đối với việc TƯBĐKH qua việc phục hồi các hệ sinh thái, và đối với việc thúc đẩy các chuỗi giá trị nông nghiệp bền vững. Rừng có vai trò quan trọng đối với các nhóm DTTS cả về mặt kinh tế (vì tài nguyên thiên nhiên thường là nguồn sinh kế chính của họ) và văn hóa (rừng gắn với tâm linh và tín ngưỡng).

Hiện nay, các nhóm DTTS và nông dân DTTS thường bị coi là các nhóm dễ bị tổn thương, có kiến thức và năng lực hạn chế. Tuy nhiên nghiên cứu đã cho thấy kết quả trái ngược với nhận thức chung. Nhiều nông dân nhận thức rõ rằng khí hậu đang thay đổi và họ đã thay đổi mô hình trồng trọt một cách có chủ ý để thích ứng. Các nhà khoa học, tại nhiều diễn đàn trong nước và quốc tế, cũng đã thừa nhận rộng rãi rằng khi được quyền quản lý đất đai, các cộng đồng bản địa có kết quả bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ rừng, tốt hơn so với các tổ chức công và tư.

Do đó, các mục tiêu NAP sẽ không thể đạt được nếu không có sự tham gia và nâng quyền của các cộng đồng DTTS sống gần rừng. Việc tham vấn với người sử dụng rừng (các nhóm DTTS) ở cấp cộng đồng có vai trò tối quan trọng khi Việt Nam xây dựng NAP, để tiếng nói, mối quan tâm/quan ngại, và tri thức của họ được phản ánh

trong kế hoạch sử dụng đất. Đồng thời, cần học hỏi nhiều từ các nhóm dân tộc thiểu số để thực hiện thành công các chương trình về các chủ đề như sử dụng các loài bản địa trong trồng rừng và nông nghiệp, các mô hình vườn ươm, rừng trồng cụ thể và xen canh. Một thư viện / kho lưu trữ chuyên dụng có thể giúp tận dụng kiến thức này trên quy mô lớn.

Y tế (BYT)

Cần lưu ý rằng "những hậu quả bất lợi về sức khỏe do khác biệt giới và bất bình đẳng giới không phải là cố định. Chúng có thể được thay đổi" (WHO, 2014). Cần có các đánh giá về giới, sự sẵn có của dữ liệu phân tách theo giới nghiêm ngặt và toàn diện, và các biện pháp thích ứng có tính nhạy cảm giới để giải quyết những bất bình đẳng trong các tác động về sức khỏe, và đảm bảo hiệu quả của các chiến lược thích ứng trong lĩnh vực này.

Tăng cường phối hợp với các đơn vị nghiên cứu để đẩy mạnh các nghiên cứu về mối liên hệ giữa sức khỏe và TƯBĐKH, tập trung vào sức khỏe của phụ nữ và cung cấp thông tin đầu vào cho quá trình ra quyết định

» **Lợi ích:**
Xây dựng hiểu biết đa chiều về tình trạng dễ bị tổn thương và đáp ứng các nhu cầu cụ thể của phụ nữ và trẻ em

Trên thế giới có rất ít nghiên cứu (cả trong lĩnh vực y tế và trong lập kế hoạch/chính sách giảm nhẹ và thích ứng) trực tiếp tìm hiểu mối liên hệ giữa các tác động của BĐKH đối với sức khỏe và giới, và các nỗ lực để xác định các tác động khác nhau chỉ đang ở giai đoạn sơ khai. Trong khi đó, liên hệ giữa việc tăng phát thải khí nhà kính với tình hình bệnh tật, gồm cả bệnh tật ở phụ nữ, được biết đến hiện nay chủ yếu là tác động đối với sức khỏe bà mẹ. Các vấn đề sức khỏe khác như thiếu dinh dưỡng, hoặc rối loạn sức khỏe tâm thần thường bị bỏ qua. Cần tiến hành thêm nghiên cứu ở Việt Nam để đánh giá chính xác các tác động theo giới của BĐKH và sức khỏe, và đảm bảo rằng các biện pháp thích ứng được ưu tiên sẽ giải quyết hiệu quả tình trạng bất công cơ bản về sức khỏe.

Đáp ứng các nhu cầu của phụ nữ mang thai và nuôi con bú trong các biện pháp TƯBĐKH

» **Quyết định 1055:** khuyến nghị này đáp ứng cho Nhiệm vụ "Xây dựng và nhân rộng các mô hình vệ sinh môi trường và nước sạch thích ứng với biến đổi khí hậu cho cộng đồng và cơ sở y tế"
» **Lợi ích:** Nâng cao sức khỏe bà mẹ - trẻ sơ sinh, tăng cường các biện pháp sức khỏe sinh sản và tình dục

BĐKH đóng vai trò như là một "cấp số nhân của mối đe dọa" và làm gia tăng tình trạng bất bình đẳng về sức khỏe hiện tại (Daalen, 2020), như việc tiếp cận cơ sở hạ tầng y tế, dịch vụ y tế, dinh dưỡng, gia tăng bạo lực, sức khỏe tâm thần, gánh nặng chăm sóc không lương, tiếp cận thông tin liên quan, chất lượng và sự sẵn có của nguồn cung cấp nước, và làm giảm sức khỏe nói chung của những người dễ bị tổn thương nhất, đặc biệt là những người nghèo nhất. Ngược lại, các nỗ lực thích ứng trong lĩnh vực y tế dưới lăng kính giới sẽ có thể làm giảm những tác động này và tăng cường năng lực thích ứng (Women Deliver, 2021). Các biện pháp bao gồm: phát triển cơ sở hạ tầng y tế có khả năng chống chịu tốt hơn như dịch vụ sinh mổ hay thai sản có thể tránh lũ, nâng cao sức khỏe của nhân dân, hoặc duy trì mức tối thiểu các dịch vụ về quyền, SKSS/SKTD và khả năng tiếp cận các dịch vụ này sau thiên tai. Việc cung cấp dịch vụ SKSS/SKTD là điều kiện tiên quyết đối với sức khỏe và phúc lợi của một người, nhưng điều đó cũng có nghĩa là phụ nữ và trẻ em gái có thể đóng góp một cách hiệu quả vào hành động vì khí hậu, có thể tham gia vào các cuộc thảo luận trong cộng đồng và thảo luận về chính sách, tham gia đào tạo/tập huấn, và tiếp cận các cơ hội giáo dục, tất cả những việc này sẽ giúp xây dựng khả năng chống chịu của họ trong khi sức khỏe và quyền lợi của họ được đảm bảo.

Biện pháp đề xuất:

- Nâng cấp hoặc xây dựng cơ sở hạ tầng (phòng dành riêng cho phụ nữ mang thai) với cơ sở hạ tầng có khả năng chống chịu với khí hậu

- Nâng cao năng lực của nhân viên y tế trong việc đáp ứng các nhu cầu cụ thể của phụ nữ mang thai và nuôi con bú sau thảm họa và/hoặc trong thời gian hạn hán/rét đậm kéo dài

Thiết kế và triển khai các chiến dịch có tính nhạy cảm giới quy mô lớn để nâng cao nhận thức cộng đồng về tác động của BĐKH đối với sức khỏe (tương tự như chiến dịch 5K để phòng chống COVID-19)

» **Quyết định 1055:** nâng cao nhận thức về tác động tới sức khỏe của biến đổi khí hậu sẽ góp phần thực hiện mục tiêu chung được giao cho BYT là Xây dựng, phát triển và nhân rộng các mô hình nâng cao khả năng chống chịu của cộng đồng và thích ứng với biến đổi khí hậu
» **Lợi ích:** Thay đổi hành vi giúp nâng cao năng lực chống chịu và thích ứng của người dân Việt Nam

"Các kết quả bình đẳng góp phần mang lại ***nhiều lợi ích cho sức khỏe*** và hạnh phúc và các dịch vụ hệ sinh thái, bao gồm cả cho Người bản địa, các ***cộng đồng bị thiệt thòi và dễ bị tổn thương*** (độ tin cậy cao)" (IPCC, 2022). Khía cạnh "sức khỏe" có thể làm thay nhận thức của mọi người. Các chính sách công về BĐKH là căn cứ để xây dựng các chiến dịch giáo dục về tác động của BĐKH đối với sức khỏe và qua đó sẽ thay đổi hành vi hiệu quả và bền vững. Việt Nam được coi là một câu chuyện thành công về ứng phó đại dịch COVID-19. Các chiến dịch giáo dục cộng đồng 5K đã được chứng minh là một thành công về giáo dục người dân nhanh chóng trên diện rộng. Tương tự như vậy, các chiến dịch vận động chính sách làm sáng tỏ những tác động trực tiếp của biến đổi khí hậu đối với sức khỏe có thể giúp huy động cộng đồng và thúc đẩy sự ủng hộ chung của toàn xã hội đối với việc áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ sức khỏe của những người dễ bị tổn thương nhất.

Thúc đẩy sự phối hợp liên bộ (giữa Bộ LĐTBXH, Bộ TN&MT và Bộ Y tế) để đẩy nhanh việc tiếp thu các thực hành tốt và sổ tay / bộ công cụ nâng cao năng lực về bình đẳng giới

» **Quyết định 1055:** hoạt động này sẽ đóng góp vào nhóm nhiệm vụ *"thúc đẩy việc lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu vào hệ thống chiến lược, quy hoạch"* và *"lồng ghép giới trong triển khai các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu"*
» **Lợi ích:** Ưu tiên các biện pháp và chiến lược chung cùng hướng sức khỏe tốt hơn cho phụ nữ

Có nhiều cơ hội để ngành y tế tổ chức tập huấn với trọng tâm là bình đẳng giới và lồng ghép giới, và xây dựng các tài liệu và công cụ liên quan, đặc biệt bằng cách cung cấp cho họ hướng dẫn và công cụ về cách lồng ghép bình đẳng giới trong công việc và hoạt động của họ, gồm cả trong quá trình xây dựng, triển khai và đánh giá các hoạt động hợp tác. Các dữ liệu phân tách theo giới là thiết yếu để phục vụ mục đích giám sát, hợp tác, và đánh giá tình hình bạo lực đối với phụ nữ, sức khỏe tâm thần và tình trạng suy dinh dưỡng của phụ nữ sau thảm họa, hạn hán hoặc lũ lụt.

IPCC báo cáo rằng "***Quy hoạch sử dụng đất*** *của chúng ta và* ***các phương pháp tiếp cận riêng lẻ về lập quy hoạch y tế, sinh thái và xã hội cũng làm trầm trọng thêm tình trạng dễ bị tổn thương*** *ở các cộng đồng vốn đã yếu thế (độ tin cậy trung bình)".* Ngân sách dành cho TƯBĐKH có hạn, do đó cần phải có mục tiêu hợp lực giữa các ngành để tạo ra nhiều lợi ích kinh tế và xã hội, cũng như khả năng chống chịu tốt về y tế trong các quy hoạch thích ứng. Việc tăng cường hợp tác giữa các bộ trong các lĩnh vực chịu tác động đặc biệt của BĐKH (ví dụ: nước, an ninh lương thực, nông nghiệp) là những điểm vào quan trọng để phối hợp cân nhắc các rủi ro sức khỏe có tính nhạy cảm với khí hậu. Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) khuyến nghị tiến hành "***đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và thích ứng toàn diện, theo bối cảnh cụ thể của ngành y tế*** *như một phần trong quá trình lập NAP để đảm bảo quá trình lập kế hoạch được cung cấp thông tin đầu vào phù hợp"* (WHO, 2021).

Nghiên cứu, đầu tư, quảng bá và phát triển 'ngành chăm sóc' thông qua các sáng kiến thí điểm trong cộng đồng

» **Quyết định 1055:** khuyến nghị này vượt ra ngoài các nhiệm vụ hiện tại được đề cập trong NAP và nhằm mục đích khởi động cuộc trao đổi và các hoạt động thí điểm xung quanh lĩnh vực 'chăm sóc' mới nổi lên
» **Lợi ích:** Đánh giá giá trị kinh tế của các dịch vụ miễn phí, thúc đẩy phát triển "ngành chăm sóc"

"Chăm sóc" được định nghĩa là tất cả các hoạt động và thực hành, bao gồm các hoạt động và thực hành truyền thống (như chăm sóc trẻ em và người cao tuổi) và công việc trong các tổ chức cộng đồng, giáo dục, nghệ thuật, phục hồi sinh thái và quản lý. Được nhận thức như một trụ cột của

các giải pháp khí hậu nữ quyền (feminist climate solutions) và là một giải pháp công bằng có tiềm năng cao để ứng phó với khủng hoảng khí hậu, ý tưởng được đưa ra là không giống như các ngành công nghiệp khai khoáng (ví dụ: nhiên liệu hóa thạch), chăm sóc là một ngành sẽ thực sự tăng cường khả năng chống chịu và phúc lợi, trong khi tạo ra ít tác động, sử dụng ít năng lượng và duy trì sự sống. Tuy nhiên, ngành này theo truyền thống không được coi trọng (bị đánh giá thấp) vì nó rất nữ tính, phụ nữ làm phần lớn công việc chăm sóc không lương. Tuy nhiên, trong bối cảnh Việt Nam có dân số đang già hóa nhanh, vẫn có cơ hội để ưu tiên "chăm sóc" trong NAP khi tái phân bổ các hoạt động công bằng hơn hoặc khuyến khích để xây dựng cơ sở hạ tầng có thể được sử dụng cho việc chăm sóc (giáo dục mầm non và trung tâm ban ngày cho người lớn tuổi) (MacGregor, 2022). Lợi thế lớn của việc làm việc này ở cấp địa phương là các nhà văn hóa và xã hội có thể được kết hợp ngay từ đầu.

Sửa đổi/ tăng cường hệ thống GS&ĐG của ngành y tế có tính nhạy cảm giới

» **Lợi ích:** Thu thập dữ liệu phân tách theo giới tính để đo lường tác động của TƯBĐKH đối với phụ nữ, phù hợp với hệ thống GS&ĐG chung (Bảng 12).

Bảng 12. Dự thảo Danh sách đề xuất các Chỉ số Giám sát & Đánh giá (tính đến tháng 6 năm 2022)

Số	Chỉ số (tiếng Việt)	Khuyến nghị
Mới	Quyết định 148 (8.3) Tỷ lệ (%) người dân, nữ giới ở vùng dễ bị tổn thương do tác động của BĐKH được đào tạo kỹ năng mềm về thích ứng BĐKH, phòng chống thiên tai trong lĩnh vực y tế	

Giao thông – vận tải (Bộ GTVT)

Khả năng di chuyển của phụ nữ phụ thuộc nhiều vào hệ thống giao thông vận tải đang vận hành và cơ sở hạ tầng đáng tin cậy, an toàn, hiệu quả và giá cả phải chăng. Tác động của BĐKH đối với các công trình giao thông thực tế sẽ ảnh hưởng khác nhau đến phụ nữ và nam giới do họ có phương tiên giao thông, cách thức đi lại khác nhau và do khác biệt cơ bản về kinh tế - xã hội. Việc không thích ứng đầy đủ hoặc thiếu các biện pháp thích ứng cho các cơ sở hạ tầng giao thông sẽ tác động đến phụ nữ nhiều hơn nam giới, và góp phần làm gia tăng khoảng cách bình đẳng giới. Các cơ sở hạ tầng được xây dựng ngày nay cần có khả năng đối phó với các tác động của BĐKH trong 50 năm tới.

Do đó, cần phải lồng ghép các cân nhắc về giới ngay từ bây giờ, cần đảm bảo rằng các biện pháp được ưu tiên không mù giới hoặc trung lập về giới, hoặc không cùng lúc tạo ra nguy cơ gia tăng khoảng cách bình đẳng giới và vấn đề tương tự như thế trong nhiều thập kỷ tới. Những nhà lập kế hoạch thích ứng với BĐKH cần cân nhắc những khác biệt này về phương tiện và hình thức, rủi ro giao thông trong quá trình thiết kế các hệ thống giao thông để hướng tới đáp ứng nhu cầu của phụ nữ (ADB,2013).

» **Quyết định 1055:** các khuyến nghị được liệt kê dưới đây có thể áp dụng cho tất cả các nhiệm vụ được giao cho Bộ GTVT trong NAP hiện tại, vì chúng chủ yếu nhằm cung cấp thông tin cho việc lập kế hoạch và thực hiện các chính sách giao thông vận tải, theo cách nhạy cảm giới và xem xét các nhu cầu cụ thể của phụ nữ.

Tiến hành khảo sát các nhóm phụ nữ để cung cấp thông tin đầu vào cho quy hoạch của ngành giao thông vận tải

» **Lợi ích:**
Đảm bảo nhu cầu và ưu tiên của phụ nữ sẽ được xem xét và các sáng kiến đưa ra có hiệu quả

Các biện pháp TƯBĐKH trong ngành giao thông vận tải có thể sẽ gồm các hoạt động lập quy hoạch sử dụng đất, như di dời các cơ sở hạ tầng hiện có hoặc xây mới các cơ sở hạ tầng hiện nằm ở đồng bằng sông Cửu Long hoặc duyên hải miền Trung (nơi hay xảy ra các hiện tượng thời tiết cực đoan). Trong khi nam giới có thể ưu tiên các tuyến đường dẫn đến các thị trấn có cơ hội việc làm, thì phụ nữ có thể chọn các tuyến đường dẫn đến các cơ sở y tế. Các dự án giao thông nhằm ứng phó với các mục tiêu TƯBĐKH cũng có thể là một nguồn tạo ra các cơ hội việc làm đáng kể; do đó, cần chú trọng đào tạo cho phụ nữ để họ có thể có kỹ năng trong các công việc xây dựng.

Mở rộng nghiên cứu và tăng cường truyền thông về giao thông vận tải có nhạy cảm giới

» **Lợi ích:** Nâng cao nhận thức của các nhà hoạch định chính sách về mối liên hệ giữa giới, BĐKH và giao thông vận tải

Những con số cụ thể về tình trạng bất bình đẳng giới và tác động tiềm năng của dự án đối với bình đẳng giới trong lĩnh vực giao thông vận tải sẽ thuyết phục các nhà ra quyết định để lồng ghép vào các văn bản pháp luật. Cần thực hiện các chiến dịch truyền thông và nâng cao nhận thức để nhấn mạnh mối liên hệ giữa giới và giao thông, hiện mối liên hệ này chưa rõ ràng, đặc biệt là liên quan đến TƯBĐKH. Do đó, bình đẳng giới trong giao thông vận tải cần được tuyên truyền, phổ biến thông qua các phương tiện truyền thông, các khóa đào tạo và các buổi nói chuyện trực tiếp.

Sửa đổi dự thảo hệ thống GS&ĐG hiện tại để bao gồm các chỉ số có tính nhạy cảm giới

» **Lợi ích:** Tăng tính minh bạch, tăng cường báo cáo, đo lường tốt hơn lợi ích của công tác TƯBĐKH đối với phụ nữ

Hệ thống GS&ĐG đề xuất của Bộ GTVT nên bao gồm các chỉ số nhạy cảm giới (Bảng 13). Khả năng di chuyển đóng vai trò quan trọng trong việc tiếp cận thông tin, thị trường lao động và đời sống. Xe máy đã là phương tiện thông dụng và là tài sản của hầu hết các hộ gia đình ở Việt Nam. Tuy nhiên, không có dữ liệu phân tách theo giới về việc sử dụng và sở hữu các phương tiện gắn máy. Do đó, số lượng phụ nữ và nam giới có giấy phép lái xe (đối với xe mô tô và ô tô là một chỉ số đánh giá năng lực lái xe) cần được đưa vào các chỉ tiêu của chiến lược / kế hoạch hành động bình đẳng giới ở cấp quốc gia và cấp bộ. Dữ liệu phân tách theo giới và các biện pháp cải thiện bình đẳng giới không chỉ liên quan đến Bộ GTVT mà còn liên quan đến các bộ và tổ chức khác. Ví dụ, dữ liệu về sở hữu ô tô và xe máy được phân tách theo giới có vai trò rất quan trọng để đánh giá năng lực thích ứng của phụ nữ và nam giới trong lĩnh vực GTVT. Tuy nhiên, dữ liệu về sở hữu phương tiện này lại do Bộ Công an quản lý. Một ví dụ khác là các biện pháp tăng số lượng phương tiện cơ giới do phụ nữ sở hữu. Một trong các biện pháp để đạt được mục tiêu này là giảm thuế phương tiện cơ giới có chủ sở hữu là phụ nữ thuộc phạm vi quy định của Bộ Tài chính. Vì vậy, cần một cơ chế hợp tác chặt chẽ giữa Bộ GTVT và các bên liên quan.

Bảng 13. Danh sách các Chỉ số Giám sát & Đánh giá được đề xuất (tính đến tháng 6 năm 2022)

Số	Chỉ số (tiếng Việt)	Khuyến nghị
2	Số lượng quy hoạch có liên quan đến thích ứng với BĐKH được ban hành	Luật Bình đẳng giới yêu cầu tất cả các quy hoạch phải xem xét giới, do đó bổ sung "mà gồm các cân nhắc về giới"
13	Số chương trình, dự án hợp tác quốc tế về thích ứng với BĐKH được triển khai.	Thêm "có gồm phân tích giới và/hoặc các nhiệm vụ cụ thể nhắm mục tiêu đến phụ nữ"
15	Số chương trình, dự án vận động, thu hút sự tham gia từ các đối tác khác (tổ chức, doanh nghiệp trong nước, cộng đồng) để hỗ trợ thực hiện Kế hoạch.	Thêm "sự tham gia của các nhóm phụ nữ và tổ chức của phụ nữ"
33	Tổn thất, thiệt hại do BĐKH được thống kê, báo cáo theo định kỳ	Thu thập các chỉ số được phân tổ theo giới cho nam và nữ
Mới	Quyết định 148 (8.3) Tỷ lệ (%) người dân, nữ giới ở vùng dễ bị tổn thương do tác động của BĐKH được đào tạo kỹ năng mềm về TƯBĐKH, phòng chống thiên tai trong lĩnh vực giao thông vận tải	

Kế hoạch và đầu tư (Bộ KHĐT)

Cần khoảng 4% GDP của Việt Nam để cung cấp tài chính cho các nỗ lực thích ứng (Strauch, 2018). Câu hỏi định hướng cho Bộ KHĐT có thể được nêu như sau: các khoản đầu tư của chúng ta có xây dựng được khả năng chống chịu của phụ nữ và các cộng đồng nghèo nhất không? Chính phủ Việt Nam cam kết trong nội bộ cũng như cam kết với quốc tế về việc theo đuổi cả 2 mục tiêu (bình đẳng giới và BĐKH) ở mức cao nhất. Do đó, Kế hoạch hành động về Giới và các chiến lược lồng ghép giới được kì vọng là sẽ chuyển thành hoạt động lập kế hoạch và lập ngân sách có xét đến giới. Đây là cơ hội tốt để Bộ KHĐT thể hiện vai trò lãnh đạo của mình trong việc áp dụng các cam kết chính trị vào thực tiễn. Ước tính cần khoảng 4% GDP của Việt nam để cung cấp tài chính cho các nỗ lực thích ứng.

Nâng cao năng lực của Đầu mối giới về lập kế hoạch và ngân sách thích ứng trong Bộ KHĐT

» **Lợi ích:**
Nâng cao năng lực của Bộ về lồng ghép giới

Lồng ghép giới dựa vào kiến thức, năng lực và khả năng của những người làm việc trong các Bộ. Để chuyển từ phân tích giới đặc biệt và chuyển đổi sang lồng ghép giới bền vững và hiệu quả, điều quan trọng là phải phân bổ ngân sách chuyên dụng và đủ nguồn nhân lực cho nỗ lực này. Cơ quan đầu mối về giới sẽ có nhiệm vụ đào tạo các cán bộ của Bộ KHĐT về lập kế hoạch và ngân sách về giới, cũng như điều phối NAP với Bộ TN&MT, Bộ LĐTBXH, các đối tác phát triển và CCWG. Bộ KHĐT có thể phân bổ các nguồn lực để lồng ghép giới bao gồm kiểm toán giới, phân tích giới, nâng cao năng lực, đáp ứng các nhu cầu trên cơ sở giới và các hoạt động GS&ĐG.

» **Quyết định 1055:** các hoạt động sau đây sẽ đóng góp vào nhiệm vụ "Xây dựng cơ chế huy động nguồn lực, khuyến khích sự tham gia đầu tư của các thành phần kinh tế cho các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu" bằng cách đo lường việc phân bổ tài chính (cả từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính), hướng đến nhu cầu của phụ nữ vì nó có thể thúc đẩy nguồn tài chính quốc tế ngày càng quan tâm đến việc đạt được mục tiêu bình đẳng giới

Đưa ra báo cáo tình hình ngân sách có nhận thức về giới và phân bổ ngân sách cụ thể để lồng ghép giới cho Bộ LĐTBXH và công bố cùng với báo cáo kỹ thuật của NAP

» **Lợi ích:**
Đo lường và theo dõi số lượng hành động thích ứng đang góp phần nâng cao khả năng chống chịu của phụ nữ

Cần có các nguồn lực tài chính để đảm bảo rằng các biện pháp được đưa ra trong NAP thực sự mang tính bao trùm, nhằm phát triển chương trình tập huấn và tiến hành tập huấn, xây dựng các phương pháp luận và quy trình, thúc đẩy sự tham gia của nhiều bên liên quan. Đưa "lồng ghép giới" như một vấn đề xuyên suốt trong NAP, cần có thêm một dòng ngân sách cho lồng ghép giới - khoản này nên được phân bổ cho Bộ LĐTBXH. Hơn nữa, một phần ngân sách thích ứng nên được phân bổ cho Bộ LĐTBXH để lập các Kế hoạch hành động giới. Cách thức phân phối quỹ công cho các hộ gia đình giữa nam và nữ (ví dụ, trong lĩnh vực nông nghiệp), cũng có thể được giám sát như một phần của NAP.

Thí điểm lập ngân sách giới đối với các chính sách khí hậu với sự hỗ trợ của Bộ KHĐT (đầu tư) và BTC (chi thường xuyên)

» **Lợi ích:**
Đánh giá đầu tư và ngân sách nhà nước thường xuyên để thích ứng và thí điểm theo dõi tài trợ cho các tổ chức của phụ nữ và phụ nữ dễ bị tổn thương

Một số rào cản và thách thức mà phụ nữ ở Việt Nam phải đối mặt, chẳng hạn như tỷ lệ tham gia chính trị và lãnh đạo thấp, chênh lệch tiền lương và chăm sóc không được trả lương có thể bắt đầu được giải quyết thông qua Lập ngân sách có trách nhiệm với giới. Việc xem xét các kinh nghiệm quốc tế đã đưa ra một cái nhìn sâu sắc: khuôn khổ thể chế là động lực của lập kế hoạch và ngân sách về giới. Cần phải tăng cường khung chính sách để đảm bảo lồng ghép và lồng ghép các cân nhắc về giới vào lập kế hoạch và ngân sách khí hậu. Ví dụ, ở Cộng hòa Indonesia, các chính sách và luật pháp khác nhau đã quy định việc lồng ghép giới của các chính sách khí hậu. Việc định hình một quy trình NAP nhạy cảm về

giới chắc chắn sẽ đòi hỏi sự hợp tác chặt chẽ hơn nữa giữa các bộ và vai trò của Bộ LĐTBXH cần được nâng cao.

Phân bổ ngân sách thích ứng với BĐKH cho Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam để thực hiện các nhiệm vụ/hoạt động tại các tỉnh dễ bị tổn thương nhất với biến đổi khí hậu

» **Lợi ích:**
Phân bổ ngân sách thích ứng cho các cộng đồng ở tuyến đầu chịu tác động của khí hậu

Trong khi phụ nữ chủ yếu chịu trách nhiệm ra các quyết định về chi tiêu hàng ngày (hơn 72% trong số đó) thì nam giới chủ yếu chịu trách nhiệm về chi tiêu và đầu tư lớn. Tương tự, tỷ lệ nam giới sở hữu bất động sản đứng tên riêng là 28% (so với tỷ lệ nữ giới đứng tên sở hữu riêng bất động sản là 4%, và tỷ lệ sở hữu chung là 30%). Ngân sách dành cho TƯBDKH còn hạn chế, do đó ngành cần cân nhắc cụ thể khi xác định nhiệm vụ ưu tiên trong bối cảnh tình trạng dễ bị tổn thương do hiểm họa khí hậu để hoàn thành được các kết quả thích ứng cho Việt Nam. Cần phân bổ một phần tài chính khí hậu từ nguồn ODA cho các tổ chức xã hội do phụ nữ lãnh đạo có thể điều chỉnh linh hoạt các chương trình của họ theo các ưu tiên được xác định trong quá trình nâng cao năng lực. Trong bối cảnh này, các tổ chức quốc tế có vai trò quan trọng trong việc huy động tài chính quốc tế và chuyển nguồn tài chính đó đến các tổ chức xã hội tuyến đầu này - những tổ chức đang làm việc trực tiếp với cộng đồng và sẽ phát triển quan hệ đối tác chiến lược với các tổ chức nhỏ hơn (ví dụ: phát triển nông thôn bền vững).

NAP tạo cơ hội chưa từng có để trước tiên huy động nguồn tài chính quốc tế hiện có để bảo vệ đa dạng sinh học và khôi phục các bể chứa các-bon; và thứ hai, thông qua việc đưa ra các cơ chế, phân bổ nguồn tài chính đó đến các tổ/nhóm đại diện cho phụ nữ/người DTTS và các tổ chức xã hội đi đầu. Hiện đang có tiềm năng thu nhập chưa được khai thác từ các chương trình quốc gia và quốc tế liên quan tới việc phục hồi và bảo tồn rừng thông qua REDD+ và các biện pháp bảo vệ khác, nếu cần.

Các chỉ số GS&ĐG và thu thập dữ liệu

» **Lợi ích:**
Thu thập dữ liệu phân tách theo giới liên quan đến việc tiếp cận tài chính, nhu cầu, ra quyết định và lợi ích

Đưa số lượng phụ nữ/nam giới được tiếp cận tài chính (vốn vay) vào các tài liệu về xác định, phân loại và báo cáo về phân bổ đầu tư công liên quan đến BĐKH và tăng trưởng xanh, và GS&ĐG đầu tư.

Giáo dục và truyền thông

Các khuyến nghị này đề xuất sử dụng các chiến dịch giáo dục và truyền thông như một phương tiện để thay đổi các chuẩn mực xã hội tiêu cực cản trở việc đạt được bình đẳng giới trong bối cảnh hành động vì khí hậu. Trích dẫn dưới đây phù hợp với công việc cần thiết để đảm bảo rằng lồng ghép giới không được coi là 'vấn đề của phụ nữ', mà là giải quyết sự bất bình đẳng 'giữa phụ nữ và nam giới'.

Đặc biệt, *"sự nhầm lẫn giữa cách tiếp cận nhận thức về giới và hỗ trợ chỉ dành cho phụ nữ có thể dẫn đến một loạt vấn đề, chẳng hạn như các vấn đề của phụ nữ không được chú trọng và các dự án không phù hợp với phụ nữ (...)* ***Không có công việc phát triển nào có thể hiệu quả mà không xét tới mối quan hệ giữa mọi người****. Do các mối quan hệ giữa nam và nữ là nền tảng của xã hội loài người, nên việc phân tích tác động của các mối quan hệ này phải là cơ sở của sự phát triển và các can thiệp cứu trợ"* (Eade, 1995).

Các khuyến nghị nêu trong phần này được xây dựng để đóng góp vào nhóm nhiệm vụ 2 của Quyết định 1055 *"Tăng cường khả năng chống chịu và nâng cao năng lực thích ứng của cộng đồng, các thành phần kinh tế và hệ sinh thái thông qua việc đầu tư cho các hành động thích ứng, khoa học và công nghệ, nâng cao nhận thức để sẵn sàng điều chỉnh trước những thay đổi của khí hậu"* Chúng cũng mở rộng ra ngoài phạm vi của NAP vì chúng góp phần nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu và giải quyết một số bất bình đẳng phổ biến cản trở vai trò của phụ nữ trong thích ứng với BĐKH.

Thiết kế và thực hiện các chương trình giáo dục về khí hậu/giới ở các vùng nông thôn

» **Lợi ích:**
Nâng cao năng lực của phụ nữ trong việc tham gia vào các quá trình ra quyết định ở cấp địa phương và quốc gia

Bài học từ việc lồng ghép giới trong các Chương trình Mục tiêu Quốc gia (CTMTQG) về giảm nghèo bền vững cung cấp những hiểu biết hữu ích cho lồng ghép giới vào các chính sách biến đổi khí hậu. Ví dụ như tỉ lệ phụ nữ tham gia tối thiểu là 30% (theo thông tư hướng dẫn) trong các cuộc họp về quy hoạch ở địa phương có đạt được hay không phụ thuộc vào thời gian và địa điểm tổ chức các cuộc họp này (CARE, 2020).

Trong bối cảnh đó, báo cáo này đề xuất triển khai các chương trình giáo dục và đào tạo có mục tiêu và được thiết kế tại địa phương nhằm nâng cao kiến thức và nhận thức của phụ nữ về các chủ đề ưu tiên (phát triển cơ sở hạ tầng và nước, quy hoạch nông nghiệp và cơ chế GTRRTT). Thay đổi nhận thức về sự tham gia của phụ nữ và sự tin tưởng đối với phụ nữ chủ trì thực hiện một số nhiệm vụ nhất định hoặc lập kế hoạch thích ứng ở địa phương là nỗ lực của toàn xã hội (nam giới và phụ nữ).

Tích cực thúc đẩy nữ giới đăng ký học trình độ đại học liên quan đến giao thông, kỹ thuật và STEM

» **Lợi ích:**
Tăng tỷ lệ phụ nữ làm việc trong các lĩnh vực ưu tiên cho hành động vì khí hậu

Tăng cường đầu tư để thúc đẩy sự đa dạng và hòa nhập trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Tích cực xây dựng và thực hiện chỉ tiêu số sinh viên nữ trong các ngành mà nam giới thường chiếm ưu thế. Những hoạt động này sẽ giúp tăng tỷ lệ phụ nữ nắm giữ các vị trí ra quyết định.

Thúc đẩy ý tưởng rằng lồng ghép giới là một "vấn đề xã hội" không phải là "vấn đề của phụ nữ"

» **Lợi ích:**
Khám phá các can thiệp thay đổi hành vi xã hội về giới nhằm vào cả nam giới và phụ nữ, đồng thời nâng cao quyền của phụ nữ và thúc đẩy trao quyền cho phụ nữ, đồng thời tạo ra đồng lợi ích cho nam giới

Lồng ghép giới và giải quyết bất bình đẳng giới không phải là vấn đề của phụ nữ mà là vấn đề của xã hội. Như đã giới thiệu ở phần đầu của báo cáo này, mối quan hệ giữa các vai trò và chuẩn mực giới là những cấu trúc xã hội và do đó, chúng có thể được thay đổi. Khái niệm 'người đàn ông đích thực', cũng như nam tính truyền thống và các thành kiến và chuẩn mực về giới dẫn đến ý tưởng rằng nam giới nên nắm quyền và kiểm soát các nguồn lực đã ăn sâu vào suy nghĩ của xã hội Việt Nam và là nhân tố chính tạo cơ sở cho giới. bất bình đẳng (ISDS, 2022). Nam giới di cư từ nông thôn ra thành thị đã làm thay đổi khuôn mẫu và niềm tin mà qua đó nam giới 'là trụ cột trong gia đình và lãnh đạo xã hội'.

Những thành kiến về văn hóa và xã hội này có thể làm giảm khả năng của phụ nữ trong việc đảm nhận vai trò lớn hơn trong hành động vì khí hậu và GNRRTT, đồng thời luôn thúc đẩy nam giới chấp nhận các rủi ro về hành vi. Thách thức trong những năm tới là giúp các chính phủ thay đổi các hệ thống và cơ cấu quyền lực gây ra bất bình đẳng giới và mất quyền của phụ nữ. Điều này cần được thực hiện bằng cách thay đổi các mối quan hệ quyền lực và cắt bỏ gốc rễ sâu xa của bất bình đẳng giới. Trong bối cảnh này, các chiến dịch giáo dục và nâng cao nhận thức nhắm mục tiêu đến nam giới là cần thiết để thay đổi các chuẩn mực, hành vi và quan niệm về giới làm cơ sở cho các giá trị liên quan đến "đàn ông đích thực" và "nữ tính".

UNDP gần đây đã ban hành Chiến lược bình đẳng giới 2022-2025 ngày 21/09/2022 quy định sự cần thiết phải đạt được bình đẳng giới và nhấn mạnh "thay đổi các chuẩn mực xã hội tiêu cực" trong nhóm giải pháp ưu tiên số 6: Bình đẳng giới" là một trong những lĩnh vực quan trọng sẽ được ưu

tiên. Phân tích giới được trình bày trong báo cáo này khẳng định các định kiến về giới có nguồn gốc sâu xa đang lan rộng và hiện đang là điểm nghẽn đối với tất cả các lĩnh vực ưu tiên trong quá trình NAP. Do đó, những can thiệp nhằm vào các chuẩn mực xã hội là cần thiết, và những can thiệp này có thể được thực hiện thông qua lĩnh vực giáo dục.

Hỗ trợ và tạo không gian để tăng cường tầm nhìn của phụ nữ đối phó với biến đổi khí hậu và các sáng kiến hàng đầu trong cộng đồng của họ

» **Lợi ích:**
Đóng góp vào các nỗ lực vận động chính sách bằng cách đưa ra các hình mẫu và câu chuyện mô tả phụ nữ không phải là 'dễ bị tổn thương' mà là những người lãnh đạo khí hậu

UNDP gần đây đã công bố chuỗi chương trình (podcast) riêng của mình 'Hậu duệ của Hai Bà Trưng', để phát thanh tiếng nói từ tuyến đầu của cuộc khủng hoảng khí hậu. Chuỗi chương trình tập hợp những câu chuyện về phụ nữ từ các nền tảng và nghề nghiệp khác nhau (nông dân, nhà nghiên cứu, nhà vận động khí hậu, nhà khoa học, nhà vận động cộng đồng, nhà hoạch định chính sách, doanh nhân, tình nguyện viên và những người khác), những người đang chia sẻ kinh nghiệm sẵn sàng hành động để giải quyết biến đổi khí hậu, đồng thời thúc đẩy giới bình đẳng và trao quyền cho phụ nữ.

Trung tâm Kinh tế Thông tư Việt Nam do UNDP và Viện Chiến lược và Chính sách Tài nguyên và Môi trường (thuộc Bộ TN&MT) phối hợp xây dựng là một quan hệ đối tác công tư nhằm mục đích tăng cường đối thoại, tạo ra bí quyết và huy động hành động tập thể hướng tới quá trình chuyển đổi sang một nền kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam. Nhận thức được vai trò chủ chốt của phụ nữ Việt Nam trong các lĩnh vực ưu tiên (ví dụ: nông nghiệp, dệt may, quản lý chất thải và nhựa), loạt bài 'Phụ nữ trong nền kinh tế thông minh' kể những câu chuyện đầy cảm hứng của các nữ doanh nhân, nhà tư tưởng và người sáng lập các tổ chức phi chính phủ.

Giải quyết các nguyên nhân cơ bản và hệ thống của bất bình đẳng giới, ví dụ, thông qua việc sửa đổi Luật Lao động

» **Lợi ích:**
Giải quyết các nguyên nhân gốc rễ của tình trạng dễ bị tổn thương

Tài liệu kỹ thuật **'Giáo dục và đào tạo, sự tham gia của cộng đồng và thanh niên để tăng cường hành động thích ứng'** được soạn thảo bởi Quy trình kiểm tra kỹ thuật về thích ứng (TEP-A)[42] (2021) đã đề xuất tám nguyên tắc để hướng dẫn các chính phủ tránh khỏi "sự hùng

42 (TEP-A) được thành lập tại COP21 như một phần của hành động nâng cao trước năm 2020 trong quyết định thông qua Thỏa thuận Paris. Mục tiêu của nó là xác định các cơ hội cụ thể để tăng cường khả năng phục hồi, giảm thiểu tình trạng dễ bị tổn thương và tăng cường hiểu biết và thực hiện các hành động thích ứng.

biện về sự tham gia trống rỗng" và hướng tới hiệu quả, thích ứng do địa phương lãnh đạo; bao gồm ***"(b) Giải quyết các bất bình đẳng về cơ cấu mà phụ nữ**, thanh niên, trẻ em, người khuyết tật, người di cư, người bản địa và các nhóm dân tộc bị gạt ra bên lề phải đối mặt."*

Nghiên cứu của UN Women (2022), có nội dung "*Thiếu cân nhắc về tính dễ bị tổn thương của phụ nữ trong ứng phó với biến đổi khí hậu. Một trong những thiếu sót của các chính sách được rà soát là không có mục tiêu hoặc hoạt động cụ thể nào được xác định để giải quyết các vấn đề dễ bị tổn thương của phụ nữ trong ứng phó với biến đổi khí hậu*" (trang 67). Các phần trên đã phác thảo một cách rộng rãi những khoảng trống đó là gì và đưa ra khái niệm về 'tính liên tầng định kiến'. **Bảng 14** dưới đây cố gắng trình bày một cách có hệ thống các lỗ hổng đó và các nút thắt chính sách tương ứng, nếu được giải quyết, sẽ giúp giải quyết các nguyên nhân gốc rễ của các lỗ hổng này.

Việc sử dụng và quản lý tài nguyên thiên nhiên, tiếp cận đất đai, tiếp cận thông tin và dịch vụ được xác định là ba mục tiêu chính để tăng cường khả năng phục hồi của phụ nữ và trao quyền cho họ trong việc cung cấp các giải pháp TƯBĐKH.

Bảng 14. Nguyên nhân của những khác biệt về giới và các luật liên quan

Vấn đề	Tác động	Chính sách	Bộ/Đơn vị
Gấp đôi gánh nặng công việc gia đình và công việc được trả lương	'Nghèo' về thời gian ngăn cản phụ nữ tham gia các cuộc tụ họp xã hội	Luật Lao động (2019)	Bộ LĐTBXH, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam
Quyền ra quyết định bị hạn chế ở các nông trại		Luật Đất đai (2013)	Bộ TN&MT
Tỉ lệ biết chữ thấp hơn nam giới	Không tiếp cận, hiểu hoặc áp dụng các dịch vụ thông tin khí hậu	Luật Giáo dục (2019)	Ủy ban dân tộc, bộ NN&PTNT, các tổ chức phi chính phủ
Bạo lực giới	Chân thương về thể chất và tâm lý	Sửa đổi Luật hôn nhân và gia đình (2014)	Bộ Tư pháp
Khoảng cách về tiền lương		Phân bổ ngân sách cho các hoạt động TƯBĐKH (80% được phân bổ cho lĩnh vực giao thông và cơ sở hạ tầng) (Bộ KHĐT & UNDP, 2022)	Bộ KHĐT

Giải quyết bạo lực giới không thể tách rời bất kỳ nỗ lực nào nhằm lồng ghép bình đẳng giới

BLG là hành vi vi phạm nhân quyền phổ biến nhất trên thế giới (UNDP, 2022b). BĐKH sẽ làm gia tăng các vụ việc bạo lực giới do bạn tình gây ra thông qua việc gia tăng tác động đến tài nguyên thiên nhiên, gây căng thẳng về môi trường và kinh tế, cũng như các hiện tượng thời tiết cực đoan khiến phụ nữ khó tiếp cận được các cơ sở y tế hơn. Tất cả các loại khủng hoảng đều có xu hướng làm trầm trọng thêm bạo lực gia đình, trong đại dịch COVID-19 và các đợt giãn cách xã hội, phụ nữ Việt Nam đã bị bạo lực giới nhiều hơn. Các cuộc khủng hoảng kinh tế, xã hội và môi trường gây ra rủi ro hệ thống đối với quyền của phụ nữ và việc nâng quyền cho phụ nữ. Hiện có một số định kiến và niềm tin trên thực tế rằng phụ nữ nên hy sinh vì con cái và gia đình, và phụ nữ vốn dĩ yếu hơn và không có khả năng như nam giới, gồm khả năng phụ nữ tham gia các khóa tập huấn liên quan đến khí hậu, các cuộc họp tham vấn và các hoạt động khác nói chung để hoàn thành vai trò của họ là tác nhân thay đổi.

*"Về thực chất, những quan niệm này **củng cố ưu thế và đặc quyền của nam giới đối với phụ nữ, hạn chế các cơ hội nâng cao quyền tự chủ về kinh tế của phụ nữ** và biện minh cho sự phân biệt đối xử trên cơ sở giới tại nơi làm việc cũng như trong gia đình và ngoài xã hội."*(ISDS, 2022).

NAP của Kiribati đã nhấn mạnh một phát hiện quan trọng mà Việt Nam có thể áp dụng vì các nghiên cứu trước đây đã làm nổi bật mức độ phổ biến của bạo lực giới ở quốc gia này, đặc biệt là do hậu quả của thảm họa/thiên tai và ở các cộng đồng nghèo và dân tộc thiểu số.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

ActionAid, (2014). Safe Cities for women and girls - Can dreams come true?

ADB, (2013). Gender Tool Kit: Transport Maximizing the Benefits of Improved Mobility for All.

ADB, (2014). Rural Roads Improvement Project II: Gender Action Plan.

ADB, (2019). Gender Responsive Budgeting in Viet Nam: Gender equality in transport. [Online] Available at https://www.adb.org/sites/default/files/publication/531976/budgeting-viet-nam-gender-equality-transport.pdf

AFD, (2020). Assessing the situation of implementation of the national strategy and action plan for climate change, proposing solutions to improve the strategic implementation in 2021 -2030. [Online] Available at: http://www.dcc.gov.vn/kien-thuc/1060/ASSESSING-THE-SITUATION-OF-IMPLEMENTATION-OF-THE-NATIONAL-STRATEGY-AND-ACTION-PLAN-FOR-CLIMATE-CHANGE,-PROPOSING-SOLUTIONS-TO-IMPROVE-THE-STRATEGIC-IMPLEMENTATION-OF-THE-STRATEGY-IN-THE-2021-2030-PERIOD.html

Aleksandr, A., Armenuhi, B., Olympia, G., Davit, M., Liana, M., Florence, P., (2021). "Development of Water Sector Adaptation plan in Armenia" Project.

Atteridge, A. and Remling, E. (2017), Is adaptation reducing vulnerability or redistributing it?. WIREs Clim Change, 9: e500. https://doi.org/10.1002/wcc.500

Barnett J, O'Neill S., (2013). Minimising the risk of maladaptation: a framework for analysis. In: Palutikof J, Boulter SL, Ash AJ, Smith MS, Parry M, Waschka M, Guitart D, eds. Climate Adaptation Futures. Oxford: John Wiley & Sons; 87–93

Bộ GDĐT, (2015). "Tài liệu hướng dẫn lồng ghép giới vào chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông." Available at: <Tai lieu huong dan BĐGIOI.pdf (moet.gov.vn)

Bộ GDĐT, (2016). "Bộ tài liệu hướng dẫn Học thông qua chơi có đáp ứng giới học." Available at: <https://vietnam.vvob.org/sites/vietnam/files/5.gentle_toolkit_compressed_merged.pdf>

Bộ GTVT, (2018). Summary report on prevention and control of disaster prevention and control in 2018 and implementation of tasks in 2019.

Bộ GTVT, (2021). Report on the implementation of national objective on gender equality in first 6 months of 2021.

Bộ KHĐT & UNDP, (2022) Climate Public Expenditure and Investment Review of Viet Nam. UNDP Viet Nam. Available at https://www.undp.org/vietnam/publications/climate-public-expenditure-and-investment-review-viet-nam

Bộ LĐTBXH, TCTK & UNFPA, (2020). Summary Report: Results of the National Study on Violence against Women in Viet Nam 2019 - Journey for Change.

Bộ TN&MT, (2009). Climate change and sea level rise scenarios for Vietnam. Ministry of Natural resources and Environment. Hanoi, Vietnam.MONRE (2020). Kịch bản BĐKH (Bản tóm tắt). [online] Available at: http://imh.ac.vn/files/doc/2020/KB%20BDKH%20TOM%20TAT%201001.pdf

Bộ TN&MT, (2016). Assessing to land information is strengthened for Vietnamese women Available at https://monre.gov.vn/English/Pages/Accessingto-land-information-is-strengthened-for-Vietnamese-Women.aspx

Bộ TN&MT, (2017) Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của Bộ Tài nguyên và Môi trường giai đoạn 2016-2020 Available at: http://dwrm.gov.vn/index.php?language=vi&nv=laws&op=Ke-hoach-Dau-tu/Quyet-dinh-so-672-QD-BTNMT-Ban-hanh-ke-hoach-hanh-dong-ung-pho-voi-bien-doi-khi-hau-cua-Bo-Tai-nguyen-va-Moi-truong-giai-doan-2016-2020

Bộ TN&MT, (2017). Women plays an important role in environmental protection Available at https://tnmt.daklak.gov.vn/phu-nu-giu-vai-tro-quan-trong-trong-cong-tac-bao-ve-moi-truong-857.html

Bộ TN&MT, (2017). Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của Bộ Tài nguyên và Môi trường giai đoạn 2016-2020 Available at: http://dwrm.gov.vn/index.php?language=vi&nv=laws&op=Ke-hoach-Dau-tu/Quyet-dinh-so-672-QD-BTNMT-Ban-hanh-ke-hoach-hanh-dong-ung-pho-voi-bien-doi-khi-hau-cua-Bo-Tai-nguyen-va-Moi-truong-giai-doan-2016-2020

Bộ TN&MT, (2022a). Phụ nữ giữ vai trò quan trọng trong công tác bảo vệ môi trường. [online] Available at: <https://tnmt.daklak.gov.vn/phu-nu-giu-vai-tro-quan-trong-trong-cong-tac-bao-ve-moi-truong-857.html>.

Bộ TN&MT, (2022b). Điều tra địa chất phục vụ bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu Availabe at: https://tainguyenmoitruong.gov.vn/tin-chuyen-nganh/dieu-tra-dia-chat-phuc-vu-bao-ve-moi-truong-va-thich-ung-bien-doi-khi-hau-2379.html

Buchhave, H.; Viet Cuong Nguyen, Tam Giang Nguyen, and Thi Mong Hoa Pham. (2020). Benefits of Joint Land Titling in Vietnam. World Bank, Washington DC.

Campo, M., & Tayton, S., (2015). Domestic and family violence in regional, rural and remote communities. Australian Institute of Family Studies..

CARE, (2016a). Building Coastal Resilience in Viet NamAn integrated, community-based approach to mangrove management, disaster risk reduction, and climate change adaptation. [Online] Available at < https://careclimatechange.org/wp-content/uploads/2016/02/Building-Coastal-Resilience-in-Viet Nam.pdf >

CARE, (2016b). Summary of the Independent Evaluation Report Gender Analysis of the National Target Programme on Sustainable Poverty Reduction (2016-2020).

CARE, (2018). Illustrated Glossary of Gender-Related Terms For the purposes of implementing CARE projects and programmes

CARE, (2020). Research report: Investigating gendered social norms affecting women's eonomic participation related to recruitment and promotion in Viet Nam. [online] Available at: https://www.care.org.vn/wp-content/uploads/2020/07/Investing-in-Women-2020-final.pdf

CBD, (2021). Gender and Biodiversityin South East Asia and the Pacific Available at https://www.cbd.int/gender/doc/cbd-gender-training-materials-seap-en.pdf

CECODES, VFF-CRT, RTA & UNDP (2022). The 2021 Viet Nam Governance and Public Administration Performance Index (PAPI 2021): Measuring Citizens' Experiences. A Joint Policy Research Paper by Centre for Community Support and Development Studies (CECODES), Centre for Research and Training of the Viet Nam Fatherland Front (VFF-CRT), Real-Time Analytics (RTA), and United Nations Development Programme (UNDP). Ha Noi, Viet Nam. Available at https://papi.org.vn/eng/du-lieu-papi/

UBDT, (2015). Proportion of ethnic minority people aged 15 and over who can read and write sorted by ethnicity - OD Mekong Datahub. [online] Available at: <https://data.vietnam.opendevelopmentmekong.net/en/dataset/t-l-ngu-i-dan-t-c-thi-u-s-t-15-tu-i-tr-len-bi-t-d-c-bi-t-vi-t-chia-theo-dan-t-c>.

Chính Phủ, (2018). Báo cáo tóm tắt việc thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới. [online] Available at: < http://datafilesbk.chinhphu.vn/files/dlt/2017/10/455.signed.pdf >

Chun, N., & Tang, H. (2018). Do Information and Communication Technologies Empower Female Workers? Firm-Level Evidence from Viet Nam.

CSRD, (2020). The annual report. [online] Available at https://issuu.com/csrd7/docs/b_o_c_o_th_ng_ni_n_-_csrd_2020

CTSEN, (2020). Báo cáo Đánh giá tình hình thực hiện chiến lược và kế hoạch hành động quốc gia về Biến đổi khí hậu, đề xuất giải pháp đẩy mạnh thực hiện chiến lược trong giai đoạn 2021-2030.

Cục Thống kê, (2012). Một vài nét về giới trong phát triển nông thôn, nông nghiệp và thủy sản. [online] Available at: <http://cucthongke.vn/chuyende/ntnn2012/9.htm >

Đặng Văn Chính & ccs, (2008). Kiến thức, thái độ, thực hành của người dân về chết đuối trẻ em ở vùng đồng bằng sông Mekong, Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh, 12 (4), tr.108. [Online] Available at: < https://tailieu.vn/doc/kien-thuc-thai-do-va-thuc-hanh-cua-nguoi-dan-ve-chet-duoi-tre-em-o-vung-dong-bang-song-mekong-2114696.html >

Dang, Nguyen., & ccs (2012). Decision Making Dynamics within the Vietnamese Family Unit. Proceedings of the A NZMAC 2012 Conference. [online] Available at: https://www.researchgate.net/publication/235329918_Decision_Making_Dynamics_within_the_Vietnamese_Family_Unit

Dang, Nguyen., & ccs, (2012). Decision Making Dynamics within the Vietnamese Family Unit. Proceedings of the A NZMAC 2012 Conference. [online] Available at: https://www.researchgate.net/publication/235329918_Decision_Making_Dynamics_within_the_Vietnamese_Family_Unit

Dazé, A., (2020). Advancing Gender-Responsive Climate Action Through National Adaptation Plan (NAP) Processes (NAP Global Network synthesis report 2019–2020). International Institute for Sustainable Development. http://napglobalnetwork.org/resource/gender-responsive-nap-processes-synthesisreport-2019-2020

Dazé, A., & Hunter, C., (2022). Gender-responsive National Adaptation Plan (NAP) processes: Progress and promising examples (NAP Global Network synthesis report 2021–2022). International Institute for Sustainable Development. www.napglobalnetwork.org

Demombynes, G., & Testaverde, M., (2018). Employment structure and returns to skill in Vietnam: estimates using the labour force survey. World Bank Policy Research Working Paper, (8364).

Dimitrov, B. G., (2019). Effects of Climate change on Women. Research Review, International Journal of Multidisciplinary, 4(5), 210-215.

Dunne, D., (2020). Mapped: How climate change disproportionately affects women's health. [online] Carbon Brief. Available at: <https://www.carbonbrief.org/mapped-how-climate-change-disproportionately-affects-womens-health/>.

Eade, D, Williams, S., (1995) Oxfam Handbook of development and relief

FAO, (2022). C6 - 1 Gender-differentiated impacts of climate change | Climate Smart Agriculture

Few, R., & Tran, P. G. (2010). Climatic hazards, health risk and response in Vietnam: Case studies on social dimensions of vulnerability. Global Environmental Change, 20(3), 529-538.

Fisher, J., Tran, T., La, B., Kriitmaa, K., Rosenthal, D. and Tran, T., (2022). Common perinatal mental disorders in northern Viet Nam: community prevalence and health care use. [online] Available at: <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC2947037/>.

GIZ, (2018). Approaches for Gender Responsive Urban Mobility. Module 7a Sustainable Transport: A Sourcebook for Policy-makers in Developing Cities. [Online] Available at: <https://womenmobilize.org/wp-content/uploads/2020/02/A_Sourcebook_Social-Issues-in-TransportGIZ_SUTP_SB7a_Gender_Responsive_Urban_Mobility_Nov18-min.pdf>

GIZ, (2022). Bình đẳng giới và biến đổi khí hậu ở Việt Nam: thành tưu, khoảng trống chính sách, thách thức và khuyến nghị [online] Available at: <http://chinhsach.dmptc.gov.vn:8045/Uploads/Thu%20vien%20tai%20lieu/Tai%20lieu%20truyen%20thong/Binh%20dang%20gioi%20va%20bien%20doi%20khi%20hau%20tai%20Vietnam.pdf >

Glinskaya, E. E., De Kleine Feige, A. I., Thi, V., Hoang, L., Long, G. T., Hoang, T., ... & Nguyen, N., (2021). Vietnam-Adapting to an Aging Society (Vietnamese).

Government of Suriname (2022). Sector Adaptation Strategy and Action Plan (SASAP) for Water Resources in Suriname.

Gumucio, T., Hansen, J., Huyer, S., Huysen, T. Van., (2020). Gender-responsive rural climate services: a review of the literature Gender-responsive rural climate services : a review of the literature. https://doi.org/10.1080/17565529.2019.1613216

HL, (2021). 4 mô hình sinh kế hỗ trợ phụ nữ thích ứng biến đổi khí hậu. [online] Available at: <https://dangcongsan.vn/xay-dung-xa-hoi-an-toan-truoc-thien-tai/4-mo-hinh-sinh-ke-ho-tro-phu-nu-thich-ung-bien-doi-khi-hau-594011.html>.

Hung, (2022). Tỷ lệ tiếp cận nước sạch- khoảng cách lớn giữa mục tiêu và thực tế thực hiện Available at http://vjst.vn/vn/tin-tuc/6068/ty-le-tiep-can-nuoc-sach--khoang-cach-lon-giua-muc-tieu-va-thuc-te-thuc-hien.aspx

Huong Vo, (2021). Understanding urban migration in Viet Nam: Evidence from a micro-macro link.

ILO, (2021). Gender and the labour market in Viet Nam. An analysis based on the Labour Force Survey. Available at: https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bangkok/---ilo hanoi/documents/publication/wcms_774434.pdf

ILO, (2022). Just transition: An essential pathway to achieving gender equality and social justice

IPCC, (2012). Managing the Risks of Extreme Events and Disasters to Advance Climate Change Adaptation. A Special Report of Working Groups I and II of the Intergovernmental Panel on Climate Change [Field, C.B., V. Barros, T.F. Stocker, D. Qin, D.J. Dokken, K.L. Ebi, M.D. Mastrandrea, K.J. Mach, G.-K. Plattner, S.K. Allen, M. Tignor, and P.M. Midgley (eds.)]. Cambridge University Press, Cambridge, UK, and New York, NY, USA, 582 pp.

IPCC, (2022). Climate Change 2022: Impacts, Adaptation, and Vulnerability. Contribution of Working Group II to the Sixth Assessment Report of the Intergovernmental Panel on Climate Change [H.-O. Pörtner, D.C. Roberts, M. Tignor, E.S. Poloczanska, K. Mintenbeck, A. Alegría, M. Craig, S. Langsdorf, S. Löschke, V. Möller, A. Okem, B. Rama (eds.)]. Cambridge University Press. In Press.

IPCC, (2022). Summary for Policymakers [H.-O. Pörtner, D.C. Roberts, E.S. Poloczanska, K. Mintenbeck, M. Tignor, A. Alegría, M. Craig, S. Langsdorf, S. Löschke, V. Möller, A. Okem (eds.)]. In: Climate Change 2022: Impacts, Adaptation, and Vulnerability. Contribution of Working Group II to the Sixth Assessment Report of the Intergovernmental Panel on Climate Change [H.-O. Pörtner, D.C. Roberts, M. Tignor, E.S. Poloczanska, K. Mintenbeck, A. Alegría, M. Craig, S. Langsdorf, S. Löschke, V. Möller, A. Okem, B. Rama (eds.)]. Cambridge University Press. In Press.

ISDS, (2022). Men and masculinities in a globalising Viet Nam – Key research findings and implications for gender equality.

Kuran, C. H. A., Morsut, C., Kruke, B. I., Krüger, M., Segnestam, L., Orru, K., ... & Torpan, S. (2020). Vulnerability and vulnerable groups from an intersectionality perspective. International Journal of disaster risk reduction, 50, 101826.

Lambrou Y, Piana G, (2006). Gender: the missing component of the response to climate change

M.J. Anderson, D.A.F. Kiddle, T.M. Logan, The underestimated role of the transportation network: Improving disaster & community resilience, Transportation Research Part D: Transport and Environment, Volume 106, 2022, 103218, ISSN 1361-9209, https://doi.org/10.1016/j.trd.2022.103218.

MacGregor, S, Arora-Jonsson, S & Morrissey, J., (2022). 'Addressing the Climate and Care Crises' Stanford Social Innovation Review, vol. Fall 2022. https://doi.org/10.48558/sv59-e431

MARD, (2018a). Final synthesis report: Undertake full vulnerability and impacts asessment: identify adaptation options and CBA for crop, livestock, aquaculture and water resources, including a set of recommendations and actions for inclusion into the National Adaptation Plans (NAPs).

MARD, (2018b). Guidelines to monitor and evaluate the National Adaption Plan in Agriculture sector.

Morgan, P. J., & Trinh, L. Q., (2020). Fintech and financial literacy in Viet Nam (No. 1154). ADBI Working Paper Series.

NAP Global Network & UNFCCC. (2019). Toolkit for a gender-responsive process to formulate and implement National Adaptation Plans (NAPs). Dazé, A., and Church, C. (lead authors). Winnipeg: International Institute for Sustainable Development. Retrieved from www.napglobalnetwork.org

MONRE, (2020). Báo cáo kỹ thuật Đóng góp do quốc gia tự quyết định của Việt Nam (cập nhật năm 2020). Available at https://vihema.gov.vn/wp-content/uploads/2020/10/NDC-CAP-NHAT_BAOCAO-KY-THUAT_Final.pdf https://unfccc.int/sites/default/files/NDC/2022-06/Viet%20Nam_NDC_2020_Eng.pdf

NDC Technical Report of Viet Nam (2020) Available at https://unfccc.int/sites/default/files/NDC/2022-06/Viet%20Nam_NDC_2020_Eng.pdf

Nguyen, S. L., (2021). The State of Gender Equality and Climate Change in Viet Nam.

O'Neill, B.C., Jiang, L., KC, S. & ccs, (2020). The effect of education on determinants of climate change risks. Nat Sustain 3, 520–528. https://doi.org/10.1038/s41893-020-0512-y

OECD, (2016). Climate-related Development Finance Data.

Oxfam, (2018). A Guide to Gender-Responsive Budgeting.

Pasanen, J. (2020). The Next Frontier: Human Development and the Anthropocene. Available at: https://www.undp.org/serbia/publications/next-frontier-human-development-and-anthropocene

Perez, (2019). Invisible Women - Exposing data bias in a world designed for men.

Plan International, (2020). Safe ride: Tackling gender norms and preventing sexual harassment on public transportations.

QH, (2019) Responding to climate change in Viet Nam: Opportunities for improving gender equality Available at: https://thuvienso.quochoi.vn/handle/11742/49930

Resource Hub Availabe at https://resourcehub.bakermckenzie.com/en/resources/global-mining-guide/asia-pacific/vietnam/topics/global-mining-guide

Shaw, R., Y. Luo, T.S. Cheong, S. Abdul Halim, S. Chaturvedi, M. Hashizume, G.E. Insarov, Y. Ishikawa, M. Jafari, A. Kitoh, J. Pulhin, C. Singh, K. Vasant, and Z. Zhang, 2022: Asia. In: Climate Change 2022: Impacts, Adaptation, and Vulnerability. Contribution of Working Group II to the Sixth Assessment Report of the Intergovernmental Panel on Climate Change [H.-O. Pörtner, D.C. Roberts, M. Tignor, E.S. Poloczanska, K. Mintenbeck, A. Alegría, M. Craig, S. Langsdorf, S. Löschke, V. Möller, A. Okem, B. Rama (eds.)]. Cambridge University Press. In Press.

SNV, (2021). A Gender Sensitive Framework for Mainstreaming Nationally Determined Contributions in Provincial Planning Processes in Viet Nam.

Sourcebook | Food and Agriculture Organization of the United Nations. [online] Available at: <https://www.fao.org/climate-smart-agriculture-sourcebook/enabling-frameworks/module-c6-gender/chapter-c6-1/en/>.

Strauch, L., Yann, R. P., and Julia, B., (2018). Multi-level climate governance in Viet Nam. Bridging national planning and local climate action.Thao, (2019) Strengthen women's livelihoods and participation for greater resilience to disasters and climate change in Viet Nam. Available at: https://asiapacific.unwomen.org/en/news-and-events/stories/2019/12/strengthen-womens-livelihoods-and-participation-for-greater-resilience

TCTK, (2019a). Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở thời điểm 0 giờ ngày 1 tháng 4 năm 2019 (Results of the Population and Housing Census at 0:00 on April 1, 2019).

TCTK, (2019b) Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung phân theo địa phương Available at https://www.gso.gov.vn/px-web-2/?pxid=V1149&theme=Y%20t%E1%BA%BF%2C%20v%C4%83n%20h%C3%B3a%20v%C3%A0%20%C4%91%E1%BB%9Di%20s%E1%BB%91ng

TCTK, (2020a). Dự báo dân số Việt Nam giai đoạn 2019-2069. Available at: http://portal.thongke.gov.vn/khodulieudanso2019/TaiLieu/AnPham/Sách%20dân%20số%20và%20dự%20báo%20dân%20số%20final.pdf

TCTK, (2020b). Kết quả điều tra nông nghiệp, nông thôn giữa kỳ 2020. Available at: https://www.gso.gov.vn/wp-content/uploads/2022/03/DTNTNN-GIUA-KY-SONG-NGU-_-OK.pdf

TCTK, (2020c). Kết quả điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019. [online] Available at https://www.gso.gov.vn/wp-content/uploads/2020/07/01-Bao-cao-53-dan-toc-thieu-so-2019_ban-in.pdf

TCTK, (2021) Tỷ lệ hộ có nguồn nước hợp vệ sinh phân theo thành thị, nông thôn và phân theo vùng Available at https://www.gso.gov.vn/px-web-2/?pxid=V1148&theme=Y%20t%E1%BA%BF%2C%20v%C4%83n%20h%C3%B3a%20v%C3%A0%20%C4%91%E1%BB%9Di%20s%E1%BB%91ng

TCTK, (2021). Thông tin thống kê giới tại Việt Nam 2020. Available at: https://www.gso.gov.vn/wp-content/uploads/2021/10/SACH-GIOI-_-printed.pdf

Thomas, F., & ccs (2022). Climate change in Viet Nam: impacts and adaptation. [online] The Conversation. Available at: <https://theconversation.com/climate-change-in-vietnam-impacts-and-adaptation-173462>.

Thuc, T., Van Thang, N., Huong, H. T. L., Van Khiem, M., Hien, N. X., & Phong, D. H. (2016). Climate change and sea level rise scenarios for Vietnam. Ministry of Natural resources and Environment. Hà Nội, Việt Nam.

Timperley, J., (2018). Interactive: How climate finance 'flows' around the world - Carbon Brief. [online] Carbon Brief. Available at: <https://www.carbonbrief.org/interactive-how-climate-finance-flows-around-the-world/>.

Trang, P., Rocklöv, J., Giang, K., Kullgren, G. and Nilsson, M., (2022). Heatwaves and Hospital Admissions for Mental Disorders in Northern Vietnam. [online] Plos One. Available at: <https://journals.plos.org/plosone/article?id=10.1371/journal.pone.0155609>.

Turner, J., & Fouracre, P., (1995). Women and transport in developing countries, Transport Reviews, 15:1, 77-96, DOI: 10.1080/01441649508716902

UN Women, (2020). Policy Brief Gender and National Action Plan on Climate Change 2021-2030 in Viet Nam. Availablehere https://www2.unwomen.org/-/media/images/unwomen/emp/attachments/2021/01/drr%20policy%20brief_final_jan21.pdf?la=en&vs=2410

UN Women, (2020) Policy Brief Gender and National Action Plan on Climate Change 2021-2030 in Viet Nam Available at: https://www2.unwomen.org/-/media/images/unwomen/emp/attachments/2021/01/drr%20policy%20brief_final_jan21.pdf?la=en&vs=2410

UN Women, (2021) Country gender equality profile Viet Nam Available at: https://asiapacific.unwomen.org/sites/default/files/Field%20Office%20ESEAsia/Docs/Publications/2021/10/vn-CGEP_Full.pdf

UN Women, (2021). Core Steps to Increase Quality and Quantity of Gender-Responsive Climate Finance.

UN Women, (2021). Country gender equality profile Viet Nam Available at: https://asiapacific.unwomen.org/sites/default/files/Field%20Office%20ESEAsia/Docs/Publications/2021/10/vn-CGEP_Full.pdf

UN Women, (2021). The State of Gender Equality and Climate Change in Viet Nam Available at: https://asiapacific.unwomen.org/sites/default/files/Field%20Office%20ESEAsia/Docs/Publications/2021/04/publication_vietnam%20report_digital2%20%281%29.pdf

UN, (1995). Report of the Fourth World Conference on Women.

UN, CCWG, (2017). Policy Brief: Gender equality in climate change adaptation and disaster resilience in Viet Nam.

UNDP, (2009), Oxfam Responding to climate change in Viet Nam: Opportunities for improving gender equality .Available

online https://www.researchgate.net/publication/313349350_RESPONDING_TO_CLIMATE_CHANGE_IN_VIET_NAM_Opportunities_for_improving_gender_equality_A_policy_discussion_paper

UNDP, (2013) Oxfam Policy Brief: Gender equality in climate change adaptation and disaster

UNDP, (2016), Training module 2 Gender, climate change adaptation and disaster risk reduction

UNDP, (2019). Workshop to wrap up NAP-Ag support in Viet Nam held in Ha Noi | Integrating Agriculture in National Adaptation Plans (NAPs) | Food and Agriculture Organization of the United Nations. [online] Available at: <https://www.fao.org/in-action/naps/news-events/detail/en/c/1201977/>.

UNDP, (2020), UNDP helps Vietnam's coastal communities adapt to climate change [online]. Available at: https://www.undp.org/vietnam/undp-helps-vietnam's-coastal-communities-adapt-climate-change

UNDP, (2021). Viet Nam multi-dimensional poverty Report 2021. Available at: https://www.undp.org/vietnam/publications/viet-nam-multi-dimensional-poverty-report-2021

UNDP, (2022a). Inclusion of Informal Waste Workers (IWWs) in the Transition to Sustainable Waste Management Available at: https://www.undp.org/vietnam/publications/inclusion-informal-waste-workers-iwws-transition-sustainable-waste-management

UNDP, (2022b). Gender Equality Strategy 2022-2025. Available at: https://www.undp.org/publications/gender-equality-strategy-2022-2025

UNED, (2002). Gender and Transport in Developed Countries.

UNESCAP, (2018). Gender-responsive Budgeting in Asia and the Pacific: Key concepts and good practices.

UNFCCC, (2022a). Dimensions and examples of the gender-differentiated impacts of climate change, the role of women as agents of change and opportunities for women Synthesis report by the secretariat

UNFCCC, (2022b). Implementation of gender-responsive climate policies, plans, strategies and action as reported by Parties in regular reports and communications under the UNFCCC process. Synthesis report by the secretariat

UNFPA, (2011). The aging population in Vietnam: Current status, prognosis, and possible policy responses.

UNFPA, (2021). Sexual and reproductive health and rights in national climate policy – A review of 50 Nationally Determined Contribution documents.

UNFPA, MOH, (2017). Exploring barriers to accessing maternal health and family planning services in ethnic minority communities in Viet Nam. [Online] Available at: https://data.opendevelopmentmekong.net/dataset/9e0a0f04-dad0-462a-bd96-9f48ef5da4b1/resource/1d38820e-d548-4632-a158-09a875227602/download/12_barriers-to-accessing-maternal-health-and-fp-services-in-ethnic-minority-communities-in-vn.pdf

UNICEF & ODI, (2017). The nature of suicide amongst children and young people in selected provinces and cities in Viet Nam.

UNICEF, (2021). Viet Nam SDGCW 2020-2021.

VBSP (2020). Inclusive finance empowerment Vietnamese women. Available at

VDMA, (2022). Damage statistics. [online] Available at: https://phongchongthientai.mard.gov.vn/Pages/Thong-ke-thiet-hai.aspx

Vinh, N. and Tuan, P., (2015). Factors influencing unintended pregnancy and abortion among unmarried youth in Vietnam: A literature review. [online] PubMed Central (PMC). Available at: <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC5327353/>.

VVOB Viet Nam and CGFED, (2015). "Hướng dẫn lồng ghép giới trong công tác hướng nghiệp cho học sinh trung học." Nhà xuất bant đại học Quốc gia Hà Nội. Available at: gender_mainstreaming_in_career_guidance_own_by_dtea_dec.2015_1.pdf (vvob.org)

WHO, (2019). Gender, Climate Change and Health.

WHO, (2021). Climate change and health. [online] Available at: <https://www.who.int/news-room/fact-sheets/detail/climate-change-and-health>.

WHO, (2021). Review of Health in National Adaptation Plans. [online] Available at: <https://www.who.int/publications/i/item/9789240023604>.

WHO. (2021). Climate change and health. Available at https://www.who.int/news-room/fact-sheets/detail/climate-change-and-health

Women Deliver, (2021). The link between climate change and sexual and reproductive health and rights.

World Bank, (2012), Building Capacity to Make Transport Work for Women and Men in Vietnam: Gender and Transport Challenges.

World Bank, (2012), Building Capacity to Make Transport Work for Women and Men in Vietnam: Gender and Transport Challenges.

World Bank, (2020) Tổng quan về Việt Nam Available at https://www.worldbank.org/vi/country/vietnam/overview#1

World Bank, (2022). Viet Nam country climate and development report. [online] Available at: https://openknowledge.worldbank.org/bitstream/handle/10986/37618/Vietnam%20REVISED.pdf?sequence=18

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Giới trong các hiệp định và chính sách khí hậu quốc tế

Năm 1992, Việt Nam đã phê chuẩn Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW), trong đó nêu rõ bình đẳng giới là quyền con người. Việt Nam cũng đã thông qua các Mục tiêu Phát triển Bền vững (MTPTBV) vào năm 2015, cam kết "Đạt được bình đẳng giới và trao quyền cho tất cả phụ nữ và trẻ em gái", như một phần của MTPTBV5. Bình đẳng giới cũng được đưa vào các hiệp định khí hậu quốc tế mà Việt Nam là một bên ký kết. Tuyên bố Bắc Kinh và Cương lĩnh hành động được 189 quốc gia trong đó có Việt Nam thông qua năm 1995 và được coi là khuôn khổ toàn diện nhất về quyền của phụ nữ, có tầm quan trọng hàng đầu trong việc thu hút sự chú ý của toàn cầu đối với vai trò của phụ nữ như tác nhân thay đổi, kiến thức, quản lý của bảo vệ môi trường và cam kết tạo cơ hội cho họ tham gia vào quá trình ra quyết định. IPCC cũng đã thông qua Chính sách Giới và Kế hoạch Thực hiện vào năm 2020 nhằm tăng cường bình đẳng giới, thúc đẩy môi trường hòa nhập giới và nâng cao nhận thức của các chuyên gia về các vấn đề liên quan đến giới. Chính sách thừa nhận rõ ràng "tính xen kẽ" của bất bình đẳng và nhấn mạnh các yếu tố khác như dân tộc hoặc khuyết tật là sự tham gia ảnh hưởng.

Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC)

[Tất cả các tài liệu của UNFCCC liên quan đến Giới và Biến đổi khí hậu đều có thể truy cập tại đây]

Các bên tham gia UNFCCC đã nhận thấy tầm quan trọng của việc phụ nữ và nam giới tham gia bình đẳng vào các quá trình của UNFCCC và trong việc xây dựng và thực hiện các chính sách khí hậu quốc gia có đáp ứng giới bằng cách thiết lập một chương trình nghị sự chuyên biệt theo Công ước giải quyết các vấn đề về giới và biến đổi khí hậu.

COP20, 2014: Chương trình Làm việc Lima về Giới (LWPG) hai năm được thành lập và công nhận rõ ràng sự cần thiết phải đảm bảo sự tham gia bình đẳng giới và hưởng lợi từ các hành động thích ứng. Quyết định 18 / CP.20 đã đưa ra mục tiêu của việc hoạch định các chính sách về giới và ứng phó với khí hậu cho các Bên.

COP21, 2015: Thỏa thuận Paris đưa ra ba đề cập cụ thể về giới và đặc biệt nêu rõ trong Lời mở đầu cách tiếp cận mà các Bên nên thực hiện để tôn trọng quyền của các nhóm dễ bị tổn thương trong **tất cả các chính sách hành động vì khí hậu**.

> *Thừa nhận rằng biến đổi khí hậu là mối quan tâm chung của nhân loại, các Bên khi hành động để giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu, cần tôn trọng, thúc đẩy và cân nhắc các nghĩa vụ của mình đối với quyền con người, quyền sức khỏe, quyền của người dân bản địa, cộng đồng địa phương, người di cư, trẻ em, người khuyết tật và người có hoàn cảnh dễ bị tổn thương và **quyền được phát triển, cũng như bình đẳng giới, trao quyền cho phụ nữ và bình đẳng giữa các thế hệ**.*

COP22, 2016: Các bên quyết định tiếp tục và nâng cao Chương trình làm việc Lima về giới trong ba năm nữa. (Quyết định 21 / CP.22). Lưu ý rằng chính sách khí hậu có đáp ứng giới sẽ 'yêu cầu tăng cường hơn nữa trong tất cả các hoạt động liên quan đến thích ứng, giảm thiểu và các phương tiện thực hiện liên quan (tài chính, phát triển và chuyển giao công nghệ và nâng cao năng lực) cũng như ra quyết định về việc thực hiện các chính sách khí hậu', nó đặt nền tảng cho LWP Nâng cao sắp tới. Nó cũng yêu cầu các cơ quan trực thuộc xây dựng các kế hoạch hành động về Giới.

COP23, 2017: **Kế hoạch Hành động về Giới (GAP)** đầu tiên của UNFCCC được thông qua (Quyết định 3/CP.23). GAP thiết lập năm lĩnh vực ưu tiên chính để nâng cao kiến thức và lồng ghép các hành động ứng phó với giới trong quá trình thực hiện UNFCCC, cũng như tham gia bình đẳng vào quá trình UNFCCC: (i) nâng cao năng lực, quản lý kiến thức và truyền thông; (ii) cân bằng giới, sự tham gia và sự lãnh đạo của phụ nữ, (iii) sự gắn kết; (iv) thực hiện có đáp ứng giới và các phương tiện thực hiện; và (v) giám sát và báo cáo.

COP25, 2019: Các bên nhất trí về **Chương trình làm việc Lima nâng cao kéo dài 5 năm** về giới và Kế hoạch hành động về Giới (Quyết định 3/CP.25). Bảng 1 của GAP phác thảo hơn 20 hoạt động, 35 đầu ra và chỉ rõ mức độ thực hiện. Đánh giá giữa kì việc thực hiện sẽ diễn ra vào tháng 6 năm 2022.

Các điểm nổi bật chính như sau:

> ***Thừa nhận** xem xét **các tác động của biến đổi khí hậu đối với phụ nữ và nam giới thường có thể khác nhau do bất bình đẳng giới trong lịch sử và hiện tại** cũng như các yếu tố đa chiều và có thể rõ ràng hơn ở các nước đang phát triển và đối với cộng đồng địa phương và người dân bản địa.*
>
> ***Thừa nhận rằng sự tham gia và lãnh đạo đầy đủ, có ý nghĩa và bình đẳng của phụ nữ trong tất cả các khía cạnh của quá trình UNFCCC** cũng như trong **chính sách và hành động vì khí hậu cấp quốc gia** và cấp địa phương là rất quan trọng để đạt được các mục tiêu lâu dài về khí hậu.*
>
> ***Lưu ý** rằng việc **thực hiện có đáp ứng giới và các phương tiện thực hiện chính sách và hành động vì khí hậu** có thể cho phép **các Bên nâng cao tham vọng** cũng như tăng cường bình đẳng giới.*
>
> ***Yêu cầu** tất cả các cơ quan tiếp tục đưa vào báo cáo thường xuyên của họ **thông tin về tiến trình tích hợp quan điểm giới vào các quy trình của họ.***
>
> ***Mời** các Bên gửi thông tin về các nỗ lực và các bước **thực hiện để thực hiện chương trình làm việc Lima nâng cao về giới và kế hoạch hành động về Giới trong báo cáo quốc gia của họ** theo quy trình UNFCCC, nếu có.*

COP26, 2021: Tại COP26 (Dự thảo Quyết định - /CP.26), Chủ tọa đề xuất các khuyến nghị sau:

> ***Thúc đẩy** các Bên đẩy nhanh nỗ lực của họ để **thúc đẩy việc thực hiện chương trình làm việc Lima nâng cao về giới và kế hoạch hành động về Giới của chương trình này.***
>
> ***Mời** các Bên và các quan sát viên nộp **qua cổng đệ trình, (ngày 31 tháng 3 năm 2022),** thông tin về tiến độ **thực hiện các hoạt động có trong kế hoạch hành động về Giới, các lĩnh vực cần cải thiện và các công việc tiếp theo sẽ được thực hiện,** bao gồm, nếu thích hợp, thông tin về những tác động đa chiều của đại dịch coronavirus 2019 đối với tiến triển và việc xem xét **các thách thức đa dạng khác có thể ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch hành động về Giới trong tương lai ở tất cả các cấp.***
>
> ***Khuyến khích** các Bên rõ ràng hơn về **khả năng đáp ứng giới của tài chính khí hậu nhằm tăng cường năng lực của phụ nữ và đẩy mạnh công việc trong kế hoạch hành động về Giới** nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận tài chính khí hậu cho các tổ chức cơ sở của phụ nữ cũng như cho người dân bản địa và cộng đồng địa phương.*

COP26, 2021: Báo cáo **'Tiến bộ trong việc lồng ghép quan điểm giới vào các quy trình của cơ quan được cấu thành (CB)'** (FCCC / CP / 2021/5), đã cung cấp một cái nhìn sâu sắc về phương pháp tiếp cận do CB đưa ra để lồng ghép giới. CB của UNFCCC, đại diện cho cấp cao nhất của các tổ chức khí hậu, đã nỗ lực rất nhiều để tích hợp quan điểm về giới vào các quá trình tương ứng của họ trong những năm qua và khẳng định thêm sự quan tâm và gắn bó với chủ đề này.

Báo cáo tổng hợp cho thấy từ năm 2017 đến năm 2020, số lượng CB có đề cập đến giới trong các báo cáo thường xuyên cho các cơ quan quản lý tương ứng của họ đã **tăng từ sáu lên mười hai**, trong khi những CB đã thể hiện tiến bộ trong việc đưa quan điểm về giới vào các quy trình của họ tăng lên từ **ba đến bảy trong khoảng thời gian từ năm 2017 đến năm 2020**.

Năm 2012: **Hướng dẫn kỹ thuật Kế hoạch quốc gia thích ứng với BĐKH**, do Nhóm chuyên gia của các nước kém phát triển (LDC) soạn thảo và là chìa khóa của quy trình (NAP), đã nhấn mạnh và nêu rõ sự cần thiết phải lồng ghép các cân nhắc về giới trong các NAP của quốc gia. Khi bắt đầu, hướng dẫn ghi rõ rằng:

> ***Lồng ghép quan điểm giới vào NAP*** *có thể giúp đảm bảo rằng nam giới và phụ nữ tham gia bình đẳng vào quá trình ra quyết định cũng như trong việc thực hiện các hoạt động thích ứng. Hơn nữa, nó có thể giúp đảm bảo rằng NAP và các hoạt động mà nó thực hiện sẽ không làm trầm trọng thêm tình trạng bất bình đẳng giới.* ***Nó có thể khiến các cộng đồng thích nghi tốt hơn và có khả năng chống chịu cao hơn.***
>
> *Hướng dẫn khuyến nghị thêm một chương trình đào tạo cho phụ nữ và thanh niên:* ***Bước C.3, "Nâng cao năng lực lập kế hoạch và thực hiện hành động vì khí hậu,"*** *Hợp tác, thúc đẩy, tạo điều kiện, phát triển và thực hiện các chương trình giáo dục và đào tạo chính quy và không chính quy tập trung vào biến đổi khí hậu các cấp,* ***nhằm mục tiêu đến phụ nữ và thanh niên nói riêng****, và bao gồm cả việc trao đổi hoặc biệt phái nhân sự để đào tạo các chuyên gia (Trang 99).*

Năm 2015: Khung Sendai về Giảm thiểu Rủi ro Thiên tai 2015-2030, được Đại hội đồng LHQ thông qua vào năm 2015, thực sự mang tính bao trùm, theo đó thừa nhận sự cần thiết phải thu hút phụ nữ và người dân tộc thiểu số tham gia vào mọi bước xây dựng, thực hiện và giám sát các ứng phó GNRRTT.

> *Nhận thấy vai trò lãnh đạo, quản lý và điều phối của họ, các Chính phủ nên tham gia với các bên liên quan, bao gồm* ***phụ nữ, trẻ em và thanh niên, người khuyết tật, người nghèo, người di cư, người bản địa****, tình nguyện viên, cộng đồng những người đang hành nghề và người lớn tuổi trong việc xây dựng và thực hiện Quan điểm về* ***giới, độ tuổi, khuyết tật*** *và văn hóa cần được lồng ghép trong tất cả các chính sách và thực tiễn, đồng thời thúc đẩy* ***vai trò lãnh đạo của phụ nữ và thanh niên****.*

Năm 2021, 94 quốc gia đã chỉ định một Đầu mối về Giới và Biến đổi Khí hậu để đàm phán, thực hiện và giám sát khí hậu.

COP21, 2015: Thỏa thuận Paris thiết lập mục tiêu toàn cầu đầu tiên về thích ứng với biến đổi khí hậu, nhấn mạnh mối liên hệ với quyền con người, xóa nghèo và phát triển bền vững, đồng thời nâng cao tham vọng về giới trong hành động vì khí hậu, thừa nhận tầm quan trọng của bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ và kêu gọi các phương pháp tiếp cận có đáp ứng giới để thích ứng và nâng cao năng lực. Điều 7 về Thích ứng của Khu bảo vệ thừa nhận tầm quan trọng của việc xem xét tính dễ bị tổn thương ở cấp vi mô và vĩ mô trong lập kế hoạch thích ứng với BĐKH, cũng như rút ra từ kiến thức truyền thống của các DTTS.

> *Các bên thừa nhận rằng* ***hành động thích ứng*** *cần tuân theo phương pháp tiếp cận do quốc gia định hướng,* ***có trách nhiệm giới****, có sự tham gia và hoàn toàn minh bạch, có tính đến* ***các nhóm, cộng đồng và hệ sinh thái dễ bị tổn thương****, đồng thời phải dựa trên và được hướng dẫn bởi khoa học tốt nhất hiện có và* ***kiến thức truyền thống, hiểu biết của người bản địa và hệ thống kiến thức địa phương*** *nếu thích hợp, nhằm lồng ghép* ***thích ứng vào các chính sách và hành động kinh tế - xã hội và môi trường có liên quan****, nếu thích hợp. (Điều 7.5)*
>
> *Việc xây dựng năng lực cần được định hướng theo quốc gia, dựa trên cơ sở và đáp ứng các nhu cầu quốc gia, và thúc đẩy quyền làm chủ quốc gia của các Bên, đặc biệt, đối với các Bên là nước đang phát triển, bao gồm cả ở cấp quốc gia, tỉnh thành và địa phương.* ***Việc xây dựng năng lực*** *cần được hướng dẫn bởi các bài học kinh nghiệm, bao gồm cả những bài học từ các hoạt động xây dựng năng lực theo Công ước, và phải là* ***một quá trình lặp đi lặp lại hiệu quả, có sự tham gia, xuyên suốt và có trách nhiệm giới****" Điều 11, đoạn 2 của Thỏa thuận Paris*

Năm 2021: **Báo cáo gần đây nhất của Ủy ban Thích ứng**[43] về giai đoạn 2019-2021, nêu rõ những tiến bộ cụ thể liên quan đến việc thúc đẩy các cân nhắc về giới trong thích ứng, thông qua:

> *Tại COP25 ra mắt* ***Bộ công cụ cho Quy trình đáp ứng giới để xây dựng và thực hiện các Kế hoạch quốc gia thích ứng với BĐKH (NAP)****, Bổ sung cho Hướng dẫn kỹ thuật của UNFCCC cho Quy trình NAP (2019), tiếp theo là hội thảo trên web (có thể truy cập tại đây).*
>
> *Việc phổ biến Bản tin Tài chính Thích ứng (2020) bao gồm* ***tiêu điểm về giới****.*

Năm 2021: Tài liệu kỹ thuật cuối cùng **'Giáo dục và đào tạo, sự tham gia của cộng đồng và thanh niên để tăng cường hành động thích ứng'** được chuẩn bị bởi Quy trình kiểm tra kỹ thuật về thích ứng (TEP-A)[44] và đề xuất tám nguyên tắc để hướng dẫn các chính phủ tránh khỏi "những lời hùng biện về sự tham gia trống rỗng" để đạt được thích ứng hiệu quả, do địa phương chỉ đạo.

> *(b)* ***Giải quyết những bất bình đẳng cấu trúc mà phụ nữ,*** *thanh niên, trẻ em, người khuyết tật, người di cư, người bản địa và các nhóm dân tộc bị gạt ra bên lề phải đối mặt.*

43 Là một phần của Khuôn khổ Thích ứng Cancun, các Bên đã thành lập Ủy ban Thích ứng (AC) để thúc đẩy việc thực hiện các hành động tăng cường về thích ứng một cách chặt chẽ theo Công ước.

44 (TEP-A) được thành lập tại COP 21 như một phần của hành động tăng cường trước năm 2020 trong quyết định thông qua Thỏa thuận Paris. Mục tiêu của nó là xác định các cơ hội cụ thể để tăng cường khả năng phục hồi, giảm thiểu tình trạng dễ bị tổn thương và tăng cường hiểu biết và thực hiện các hành động thích ứng.

Phụ lục 2: Chỉ số giới trong Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam (Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT)

STT	Chỉ số
1	Tỷ số giới tính khi sinh
2	Tỷ lệ phụ nữ và trẻ em gái từ 15 tuổi trở lên đã từng bị bạo lực tình dục bởi những người không phải chồng hoặc không phải bạn tình trong 12 tháng qua
3	Tỷ lệ phụ nữ và trẻ em gái từ 15 tuổi trở lên đã từng bị bạo lực bởi chồng hoặc bạn tình hiện tại hoặc trước đây trong 12 tháng qua
4	Tỷ lệ phụ nữ và trẻ em gái bị bạo lực được phát hiện và tư vấn
5	Tỷ lệ phụ nữ từ 20-24 tuổi đã kết hôn hoặc sống chung như vợ chồng lần đầu trước 15 tuổi, trước 18 tuổi
6	Số cuộc tảo hôn
7	Tỷ lệ thời gian làm công việc nội trợ và chăm sóc gia đình không được trả công
8	Tỷ lệ nữ đại biểu quốc hội
9	Tỷ lệ nữ đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo chính quyền
10	Tỷ lệ nữ tham gia cấp uỷ đảng
11	Tỷ lệ nữ đại biểu Hội đồng nhân dân
12	Tỷ lệ nữ giám đốc/chủ doanh nghiệp, hợp tác xã
13	Tỷ lệ nữ chủ trang trại
14	Tỷ lệ phụ nữ từ 15-49 tuổi tự quyết định về quan hệ tình dục, sử dụng biện pháp tránh thai và chăm sóc sức khỏe sinh sản
15	Tỷ lệ hộ sử dụng đất sản xuất nông nghiệp có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất sản xuất nông nghiệp
16	Tỷ lệ người sử dụng điện thoại di động

Phụ lục 3: Kết quả cuộc khảo sát vè lồng ghép giới trong thực hiện NAP của nhóm kỹ thuật NAP

Nhóm chuyên gia đã thực hiện một cuộc khảo sát để đánh giá kiến thức, thái độ và thực hành của 18 chuyên gia do Dự án NAP-Sup ký hợp đồng và làm việc trong nhóm kỹ thuật của 5 bộ chủ quản (Bộ TN&MT, bộ NN&PTNT, bộ GTVT, BYT và bộ KHĐT) và UNDP tiến hành vào tháng 2 năm 2022. Có 7 phụ nữ, hơn một nửa trong số họ có bằng Thạc sĩ hoặc Tiến sĩ. Chỉ 39% trong số họ đã tham gia các khóa học về lồng ghép giới và áp dụng vào công việc của mình (ví dụ: giới và biến đổi khí hậu, lồng ghép giới trong các dự án nước sạch, vệ sinh, dinh dưỡng và sức khỏe; quyền theo Luật Bình đẳng giới; định kiến giới, khả năng tiếp nhận thông tin về thúc đẩy bình đẳng giới; xây dựng cơ chế phối hợp giữa địa phương và các tổ chức xã hội).

83,3% trong số họ tin rằng giới tính có liên quan đến công việc họ đang làm trong NAP, trong khi 94% cho rằng giới tính có liên quan đến công việc của họ ngoài NAP. Tuy nhiên, hầu hết họ đều cho rằng giới tính không liên quan nhiều đến công việc của họ. Một nửa số chuyên gia nhận thức được các chính sách và chiến lược về giới trong tổ chức của họ, đây là một phát hiện hữu ích cho các chuyên gia về giới trong việc tiếp cận các chính sách liên quan. Tuy nhiên, chỉ có 8 người chỉ ra các chính sách liên quan bao gồm Chiến lược tăng trưởng xanh, chiến lược phát triển bền vững, Ủy ban vì sự tiến bộ của phụ nữ, tỷ lệ lãnh đạo trong trường của họ là phụ nữ. Ngoại trừ một số cán bộ, chuyên gia có kiến thức và kinh nghiệm về lồng ghép giới trong công việc, nhận thức về giới của cán bộ trực tiếp tham gia dự án cũng như chuyên gia tư vấn chưa cao và thiếu cụ thể. Điều này sẽ ảnh hưởng đến việc đảm bảo đáp ứng giới trong việc thực hiện công việc của họ nói riêng và mục tiêu đạt được của dự án nói chung.

Phụ lục 4: Khảo sát về lồng ghép giới trong ứng phó với biến đổi khí hậu

Mục đích: Để thu thập thông tin, dữ liệu để lồng ghép giới vào thực hiện NAP.

Đối tượng khảo sát: Sở Tài nguyên và Môi trường, sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, sở Y Tế, sở kế hoạch và đầu tư và sở gioa thông vận tải.

I. Kiến thức, thái độ và thực hiện các xem xét về giới (KAP)

1. Anh/Chị đã từng tham dự lớp tập huấn hay khóa đào tạo nào về phân tích và lồng ghép giới chưa? (bao gồm cả các khóa đào tạo có phần nội dung về giới).
Chưa tham gia Đã tham gia
Nếu đã tham gia, những chủ đề nào đã được đưa vào trong nội dung và hữu ích với công việc của Anh/ Chị? .....
.....
.....

2. Anh/Chị có đồng ý với nhận định "Tính dễ bị tổn thương và rủi ro khí hậu thường được giảm thiểu thông qua việc xây dựng và thực hiện các luật, chính sách, quy trình và can thiệp nhằm giải quyết các bất bình đẳng xã hội về giới, dân tộc, khuyết tật, tuổi tác, vị trí và thu nhập"?
Có Không
Giải thích tại sao? .....
.....
.....

3. Theo Anh/Chị số lượng phụ nữ sống dựa vào tài nguyên thiên nhiên (ví dụ như lâm nghiệp, khai thác khoáng sản, đánh bắt thủy, hải sản) như thế nào so với nam giới?

Nhiều hơn Ít hơn Giống nhau
Số lượng cụ thể là bao nhiêu? .....
.....
.....

4. Theo Anh/ Chị mức độ ảnh hưởng của việc khan hiếm nước và suy giảm chất lượng nước tới phụ nữ như thế nào so với nam giới?
Nhiều hơn Ít hơn Giống nhau
Giải thích tại sao?.....
.....
.....

5. Theo Anh/ Chị số lượng lao động nữ đã qua đào tạo nghề ở địa phương như thế nào so với lao động nam?
Nhiều hơn Ít hơn Giốngnhau
Số lượng cụ thể là bao nhiêu? .....
.....
.....

6. Theo Anh/ Chị tỷ lệ phụ nữ có tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở (sổ đỏ) như thế nào so với nam giới?
Nhiều hơn Ít hơn Giống nhau
Số liệu cụ thể là bao nhiêu? .....
.....
.....

II. Số liệu phân tách về giới trong các dự án thích ứng khí hậu

7. Tại địa phương Anh/ Chị công tấc, có loại hình thiên tai hay rủi ro nào tác động lên phụ nữ nhiều hơn nam giới đã được xác định không? Nếu có, Anh/ Chị hãy nêu tên loại hình thiên tai hay rủi ro đó.
.....
.....
.....

8. Anh/ Chị hãy chia sẻ thông tin về các chương trình hay dự án khí hậu được thực hiện tại địa phương Anh/ Chị công tác đã đem lại lợi ích cho phụ nữ hay tập trung vào tăng cường năng lực phụ nữ.
.....
.....
.....

9. Anh/ Chị có biết các giải pháp đã được thực hiện để đáp ứng như cầu thích ứng cụ thể của các nhóm đối tượng sau trong lĩnh vực của Anh/ Chị không?
Đối với các hộ gia đình do phụ nữ làm chủ, cụ thể.....
Đối với Phụ nữ có thai và cho con bú, cụ thể .....
Đối với Phụ nữ dân tộc thiểu số, cụ thể .....
Đối với Trẻ em và thiếu niên, cụ thể .....

10. Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia bao gồm 3 chỉ số liên quan tới nhu cầu và tăng cường năng lực phụ nữ. Anh/ Chị sẽ thu thập số liệu cho các chỉ số này như thế nào và hiện có văn bản nào của Tỉnh hay Sở hướng dẫn thu thập?
.....
.....
.....
.....
.....

TT	Lĩnh vực	Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm
8	Lao động, xã hội	8.1. Số lượng chương trình đào tạo nghề và chuyển đổi sinh kế cho các cộng đồng, đối tượng dễ bị tổn thương do tác động của biến đổi khí hậu	Bộ LĐ-TB&XH, các địa phương
		8.2. Tỷ lệ (%) người dân, nữ giới ở vùng dễ bị tổn thương do tác động của biến đổi khí hậu được đào tạo nghề và chuyển đổi sinh kế	Bộ LĐ-TB&XH, các địa phương
		8.3. Tỷ lệ (%) người dân, nữ giới ở vùng dễ bị tổn thương do tác động của biến đổi khí hậu được đào tạo kỹ năng mềm về thích ứng biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai	Các bộ, ngành, địa phương

11. Khi Anh/ Chị giám sát và đánh giá các chương trình/nhiệm vụ/hoạt động về thích ứng với biến đổi khí hậu, Anh/ Chị có thu thập các dự liệu phân tách giới không?
Có Không Không biết
Theo Anh/ Chị 3 thách thức chính của việc lồng ghép giới trong thích ứng khí hậu trong lĩnh vực của Anh/ Chị là gì (ví dụ như kinh phí, kĩ thuật, chính sách, văn bản hướng dẫn, ...)?
1. .....
2. .....
3. .....

III. Thể chế và cơ chế phối hợp tác

12. Anh/ Chị có từng phối hợp với các tổ chức sau trong khi thực hiện các chính sách liên quan đến biến đổi khí hậu không?

.....

.....

.....

	Sở Lao động, Thương binh - Xã hội	Hội Liên hiệp Phụ nữ	Trong nhiệm vụ nào?
Quyết định 158/2008/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu (2008-2015)			
Quyết định số 2139/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu (2011-2020)			
Quyết định số 1670/QĐ-TTg ngày 31/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và Tăng trưởng xanh giai đoạn 2016-2020			
Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050)			
Các chính sách khác...			

Phụ lục 5: Quyết định 1055/QĐ-TTg ngày 20/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050

Trong 3 mục tiêu cụ thể có:

"Tăng cường khả năng chống chịu và nâng cao năng lực thích ứng của cộng đồng, các thành phần kinh tế và hệ sinh thái thông qua việc đầu tư cho các hành động thích ứng, khoa học và công nghệ, nâng cao nhận thức để sẵn sàng điều chỉnh trước những thay đổi của khí hậu."

Trong nhóm giải pháp thứ 2 bao gồm:

"đ) Nâng cao nhận thức, kiến thức về biến đổi khí hậu và thiên tai của các cấp chính quyền, tổ chức xã hội và cộng đồng; tăng cường năng lực, phát triển nguồn nhân lực nữ, thúc đẩy bình đẳng giới trong thích ứng với biến đổi khí hậu."

Trong phân kì thực hiện có:

"3. Tầm nhìn đến năm 2050

Giai đoạn sau năm 2030 cho đến năm 2050 sẽ phát huy kết quả đạt được của giai đoạn 2021 - 2030, tiếp tục tăng cường năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu của con người, cơ sở hạ tầng và các hệ thống tự nhiên, nhằm bảo vệ và nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo đảm an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, bình đẳng giới, an sinh xã hội, sức khỏe cộng đồng, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, phát triển bền vững quốc gia trong bối cảnh biến đổi khí hậu và an toàn trước thiên tai. Thực hiện lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu trong tất cả các hoạt động kinh tế - xã hội nhằm chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, tận dụng các cơ hội từ biến đổi khí hậu để phát triển kinh tế - xã hội, đóng góp tích cực với cộng đồng quốc tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất."

Phụ lục 6: Hiểu biết về giới trong thích ứng với biến đổi khí hậu ở cấp tỉnh

Phương pháp khảo sát bảng hỏi và đối tượng tham gia khảo sát

Bảng hỏi được phát trong 2 hội thảo NAP (ngày 24 tháng 5 và ngày 1 tháng 6 năm 2022), với tổng số 42 người tham gia khảo sát (22 nam và 20 nữ) (**Hình 6a**). Đối tượng tham gia khảo sát bảng hỏi gồm: 18 đại diện từ Sở TN&MT, 14 từ Sở NN&PTNT, còn lại là từ nhiều cơ quan, đơn vị khác nhau (Bộ TN&MT, Bộ Công an, và các trường đại học, UBND tỉnh và Liên minh Hợp tác xã Việt Nam (**Hình 6b**).

Một phần rất lớn trong số họ (39 trong số 42 người) đồng ý với nội dung trích từ Báo cáo đánh giá lần thứ sáu (AR6) của WGII, IPCC (2022)

> ***"Tính dễ bị tổn thương và rủi ro khí hậu thường được giảm nhẹ thông qua việc xây dựng và thực hiện các luật, chính sách, quy trình và giải pháp một cách cẩn thận nhằm giải quyết các bất bình đẳng trong những bối cảnh cụ thể như dựa trên giới, dân tộc, khuyết tật, tuổi tác, vị trí và thu nhập".***

Việc xem xét các vấn đề bất bình đẳng trong các chính sách sẽ giúp các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương chủ động hơn trong ứng phó với BĐKH, và đảm bảo rằng các hoạt động được thực hiện đúng hướng để đạt được bình đẳng xã hội. Bằng cách thực hiện các chính sách như vậy, năng lực của các nhóm dễ bị tổn thương trong ứng phó với BĐKH sẽ được cải thiện và tác động của biến đổi khí hậu sẽ được giảm thiểu.

19% đã tham gia các khóa tập huấn chuyên về giới hoặc các khóa có các cân nhắc về giới trong nội dung tập huấn. 7 trong số 8 người tham gia khảo sát đã áp dụng những kiến thức học được trong công việc của mình, chủ yếu liên quan đến phòng, chống thiên tai.

Hình 6. Phân nhóm các đối tượng tham gia khảo sát

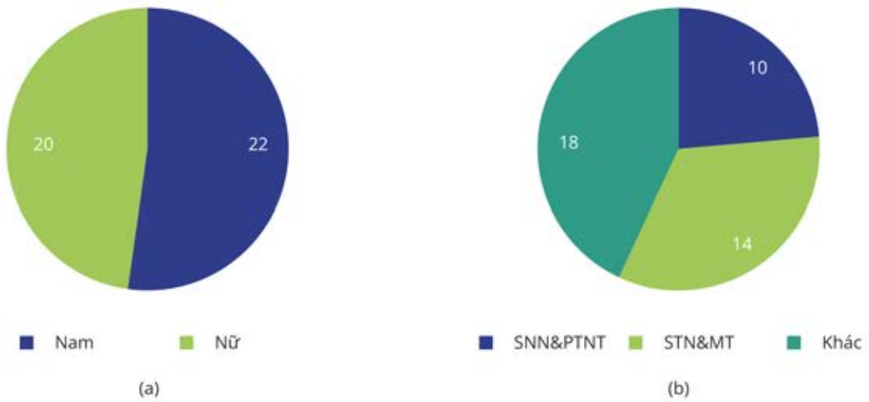

Kiến thức về những tác động khác nhau của BĐKH lên phụ nữ và nam giới

Hầu hết những người tham gia khảo sát (39/42) đều cho rằng số phụ nữ có sinh kế phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên ít hơn hoặc bằng nam giới (Hình 6). Tuy nhiên, tác động của tình trạng thiếu nước và suy giảm chất lượng nước đối với phụ nữ cao hơn nam giới khi có 27 trên tổng 42 người được hỏi trả lời như vậy. Họ cho rằng: "*Phụ nữ có thể chịu nhiều tác động của BĐKH hơn nam giới vì phụ nữ phải làm việc nhà và phụ nữ có nhu cầu sử dụng nước cao hơn, và họ cần nước chất lượng nước cao hơn cho mục đích vệ sinh và sinh kế*". Người tham gia phỏng vấn đặc biệt nhấn mạnh "*phụ nữ dân tộc thiểu số, và phụ nữ ở nông thôn là lực lượng chủ yếu đảm trách việc lấy nước, và sử dụng nước cho sinh hoạt của gia đình*". Họ cũng nhận thức được năng lực thích ứng của phụ nữ thấp hơn nam giới. 29/42 người tham gia khảo sát cho rằng số phụ nữ được đào tạo nghề ít hơn nam giới, và 22/42 người đồng ý rằng số phụ nữ có tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thấp hơn nam giới.

Hình 7. Nhận thức của người tham gia khảo sát về những khác biệt theo giới liên quan tới sinh kế, tác động của BĐKH và năng lực thích ứng của phụ nữ và nam giới

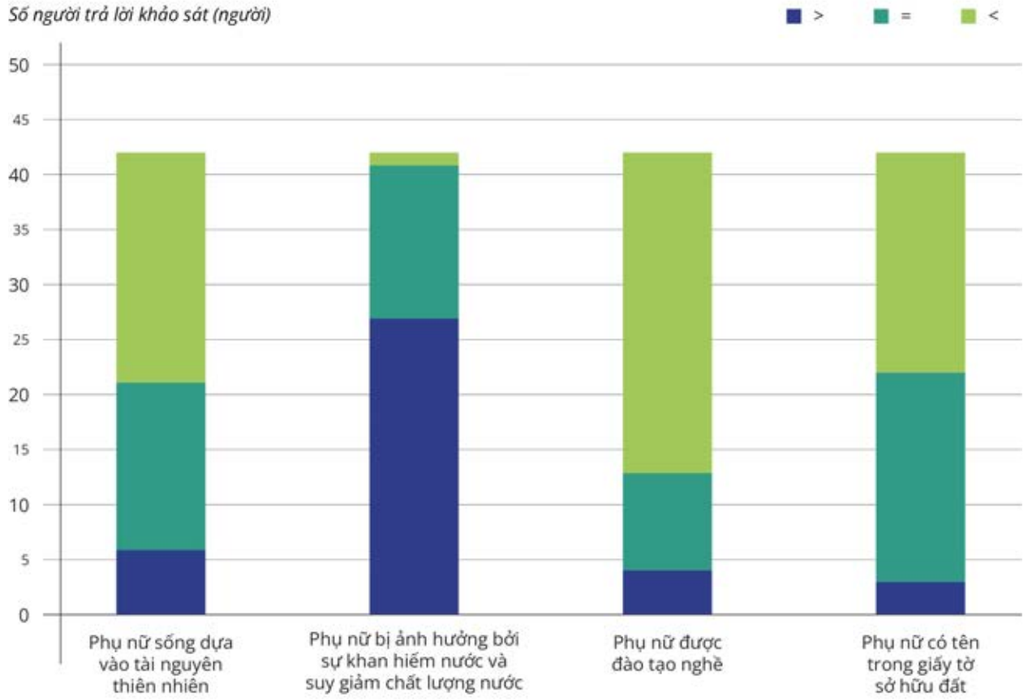

Dữ liệu phân tách theo giới

31% người trả lời khảo sát đề cập rằng các loại hình thiên tai có thể gây hại cho phụ nữ nhiều hơn nam giới. Trong số các loại hình thiên tai được đề cập tới (lũ lụt, lũ quét, hạn hán, sóng nhiệt, sạt lở đất, sụt lún bờ sông, xâm nhập mặn, lốc xoáy, chớp) thì sóng nhiệt, lũ lụt và hạn hán được lựa chọn nhiều nhất.

Những người trả lời khảo sát đề cập đến các dự án mang lại lợi ích cho phụ nữ gồm: Dự án hỗ trợ kinh doanh cho nông dân; kế hoạch, hội thảo, tập huấn về giới trong bảo vệ môi trường và ứng phó với BĐKH, dự án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai; trồng rừng, xây kè chống sạt lở; nâng cấp cơ sở hạ tầng nông thôn; truyền thông; trồng rừng; bảo vệ rừng; dự án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai; hiện đại hóa thủy lợi để thích ứng với BĐKH tại Kon Tum, tuyên truyền, triển khai mô hình nông nghiệp thích ứng với BĐKH và ứng dụng sản xuất nông nghiệp thông minh TƯBĐKH.

Về GS&ĐG chương trình/nhiệm vụ/hoạt động về TƯBĐKH, rất ít cơ quan thu thập dữ liệu phân tổ theo giới (chỉ 5/42). Chỉ có một người trả lời câu hỏi "*Anh chị lập kế hoạch thực hiện Quyết định 148/QĐ-TTg thế nào?*" và nói rằng Tổng cục Thống kê là đơn vị đầu mối về dữ liệu. Điều này cho thấy rõ ràng là cần phải thực hiện nhiều hoạt động hơn nữa để nâng cao năng lực của các tỉnh về giám sát thực hiện NAP.

Về các rào cản đối với lồng ghép giới vào TƯBĐKH, người trả lời khảo sát đã chỉ ra những hạn chế về kinh phí, thiếu chính sách và hướng dẫn (**Hình 7**). Ngoài ra còn có các lý do về nhận thức, khả năng lập kế hoạch, quan niệm, nghiên cứu, hoạt động tổng thể, và phân biệt đối xử do giới.

Hình 8. Những thách thức đối với việc lồng ghép giới trong thích ứng với BĐKH

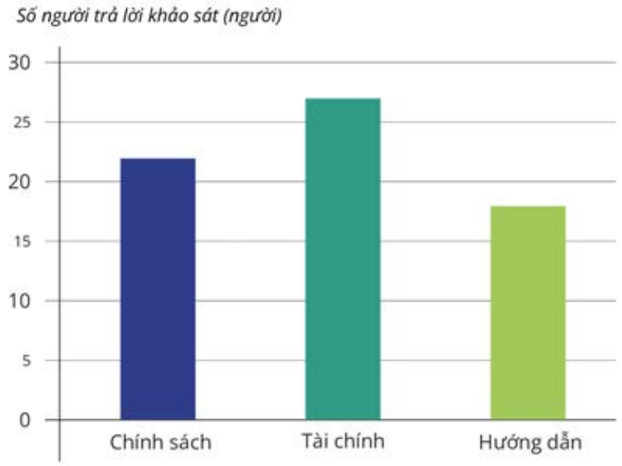

Cơ chế thể chế và hợp tác

Chưa đến 21% số người trả lời khảo sát đề cập đến sự hợp tác giữa cơ quan của họ với các tổ chức do phụ nữ lãnh đạo trong quá trình thực hiện các chính sách về BĐKH (**Hình 8**). Việc thiếu sự phối hợp giữa các bộ cũng có thể được giải thích bằng việc thiếu các hướng dẫn lồng ghép giới từ cấp trung ương (như đề cập phía trên), giới hạn về nhận thức của các nhà hoạch định chính sách ở cấp tỉnh về lồng ghép giới và sự cần thiết của hợp tác trong thực hiện các chính sách BĐKH. Và rõ ràng, khoảng trống này cần được giải quyết trong quá trình thực hiện NAP.

Hình 9. Cơ chế thể chế và hợp tác

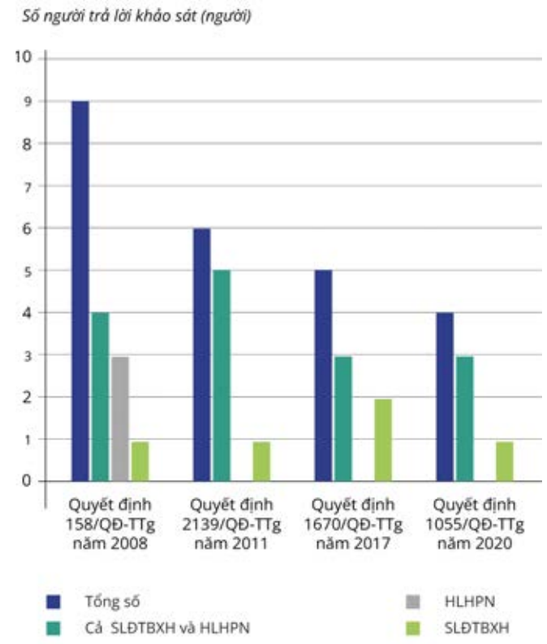

Contact Us

UNDP in Viet Nam

304 Kim Ma, Ha Noi, Viet Nam

☎ (+84) 24 3850 0100

undp.org/vietnam

UNDP in Viet Nam

UNDP in Viet Nam

UNDP in Viet Nam

@undpvietnam